NĂM THỨ BẢY • # 69 • JANUARY 1995

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

XUÂN ẤT HỢI

1995

Chúc Mừng Năm Mới

TẶNG 5000 BAO GẠO

Gạo thương hiệu Cửu Ô loại 10 lbs cho quý khách mua trên $20

ĐẠI KHAI TRƯƠNG

9 GIỜ SÁNG THỨ BẨY 24 THÁNG 12, 1994

VANCO FOODS

NGÔI CHỢ VIỆT NAM RỘNG LỚN NHẤT VÙNG NAM CALI: 24,000 Sq-ft

BÁN LẺ VỚI GIÁ WHOLESALE

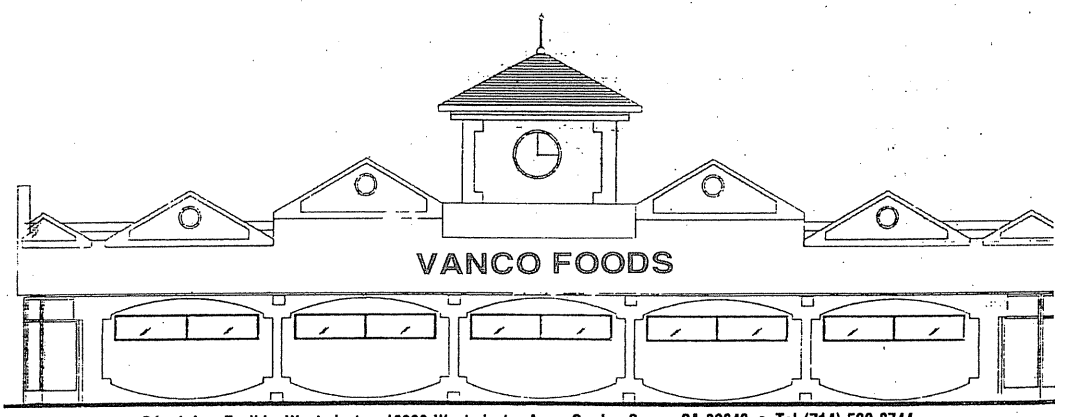

Góc đường Euclid - Westminster: 10932 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 • Tel (714) 530-8744

Đi chợ VANCO FOODS là tiết kiệm thì giờ, tiền bạc cho gia đình.

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
Cung cấp mọi loại thực phẩm tươi ngon đến các nhà hàng như ý muốn.

CHỢ VANCO FOODS CẦN TUYỂN
nhiều nhân viên có kinh nghiệm các ngành: Thịt, Cá, Rau, Đồ Khô, Cashiers v.v...

VANCO FOODS MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

Hằng triệu khán thính giả trong và ngoài nước đã yêu thích:

VIDEO PARIS BY NIGHT 28 LAM PHƯƠNG 2

MÓN QUÀ GIÁNG SINH MỚI LẠ, QUÝ GIÁ MANG LẠI HẠNH PHÚC TƯƠI VUI CHO GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRƯỚC THỀM NĂM MỚI...

VIDEO DÀI NHẤT HƠN 3 GIỜ...

VIDEO **PARIS** BY NIGHT IN LAS **29** VEGAS

Giá 29$
1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí
(TẠI USA & CANADA)

QUÝ VỊ ĐÃ HÀI LÒNG 1 LẦN VỚI CÁC VIDEO PARIS BY NIGHT TRƯỚC
QUÝ VỊ SẼ HÀI LÒNG 10 LẦN VỚI VIDEO PARIS BY NIGHT IN LAS VEGAS

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Khánh Hà - Ái Vân - Thanh Lan - Ý Lan - Dalena - Phương Hồng Quế - Diễm Liên - Trang Thanh Lan - Lưu Bích - Mỹ Lan - Phương Loan - Mai Vy - Phi Phi - Bảo Hân - Jenny Loan - Ngọc Thúy - Linh Chi - Franck Olivier - Elvis Phương - Anh Khoa - Thái Châu - Thế Sơn - Duy Quang - Don Hồ - Quang Bình - Henri Chúc - Nguyễn Hưng - Chí Tài - Chí Thiện và Ban Nhạc Uptight...

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC

Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

PHẠM NGỌC PHƯƠNG CHI, D.D.S.

9039 Bolsa Ave., # 103, Westminster, CA 92683

(Ngã tư Magnolia và Bolsa, phía sau tiệm 7-Eleven)

Phone: (714) 379-1322

SĂN SÓC HÀM RĂNG QUÝ VỊ VỚI KỸ THUẬT TỐI TÂN NHẤT

DỤNG CỤ ĐƯỢC KHỬ TRÙNG TỐI ĐA ĐỂ TRÁNH BỆNH TRUYỀN NHIỄM

* *Tốt nghiệp Tiến Sĩ Nha Khoa tại University of Oklahoma*
* *Tốt nghiệp Cử nhân Hóa Học tại Texas*
* *Bằng hành nghề chính thức tại California và Oklahoma*
* *Đã hành nghề tại Oklahoma và cộng tác với nhiều Trung Tâm Nha Khoa danh tiếng tại miền Trung nước Mỹ*
* *Hội viên của American Dental Association - California Dental Associaton và Oklahoma Dental Association*

NHA KHOA TỔNG QUÁT

* ***Bệnh nướu răng, bị sưng nhức, chảy máu khi đánh răng***
* ***Làm sạch và đánh răng trắng***
* ***Lấy gân máu, root canal, Treatment***
* ***Bọc răng, làm răng giả đủ loại***
* ***Nha khoa phòng ngừa định kỳ***

NHA KHOA THẨM MỸ

* ***Tẩy trắng răng (Bleaching)***
* ***Chữa răng thưa, sứt mẻ, đổi màu...thành răng đều đặn, trắng, tiệp với màu răng thật (Cosmetic bonding)***
* ***Sửa hàm hô, móm, răng mọc lệch lạc***

NHA KHOA NHI ĐỒNG

* ***Phòng ngừa sâu răng***
* ***Chữa trị răng mọc lệch và săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên***

GIỜ MỞ CỬA:
Thứ Hai tới Thứ Bảy:
từ 10 AM - 7 PM
Trường hợp khẩn cấp không cần hẹn, xin cứ đến.
Đ.T: 379-1322

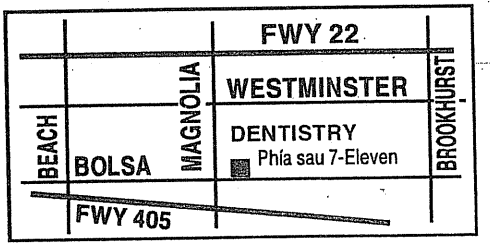

Ai ơi muốn đẹp nụ cười
Hé răng ngà ngọc cho đời mê ly
Xin tìm Bác Sĩ Phương Chi
Tận tình chữa trị chuyên nghề nha khoa

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, CASH, VISA - MASTER CARD

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

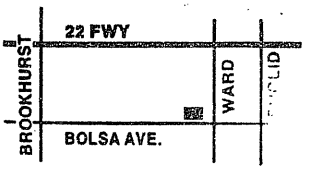

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

The Company You Keep®

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

THẢM HỌA VIỆT NAM

Chính trường và chiến trường Việt Nam
1945-1975
Tác giả: **Đỗ Đức Thái**
NGƯỜI VIỆT NAM NÀO ƯU TƯ
VỀ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM
DÂN TỘC VIỆT NAM ĐỀU PHẢI ĐỌC.
Địa chỉ mua sách:
THÁI ĐỨC 1001 W. Leland, Chicago, IL 60640 USA
Giá tiền: $16.95 -
Ngoài Hoa Kỳ và Canada thêm $2 cước phí.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Nha Sĩ **DƯ THỊ MỸ LAN**

Nguyên Trưởng phòng Nha Khoa Tổng Y viện Khánh Hội
Đã hành nghề 7 năm tại quê hương và 13 năm tại Mỹ.

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 898-6449
(Trong khu Cathay Bank)

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

The Company You Keep®

THẾ KỶ 21
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PHIẾU MUA BÁO / *SUBSCRIPTION FORM*

Họ tên / *Full name*: .....

Địa chỉ / *Address*: .....

.....

Điện thoại / *Telephone*: .....

Tôi đặt mua *Thế Kỷ 21* kể từ số / *Please deliver* The Ky 21 *to me starting from* #

06 số / *issues* (US$17.10) • 12 số / *issues* (US$32.40) • 24 số / *issues* (US$61.20)

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of* $

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts and Letters Association

ADVISORY BOARD: Mary Kay Crouch (*Chair*) - Anne Frank - Do Quy Toan - Ellen Breitman - Kieu Chinh - Le Chinh Long - Luu Trung Khao - Mai Thao - Nghiem Phu Phi - Nguyen Dinh Hoa - Nguyen Duc Quang - Nguyen Hien - Nguyen Khac Hoach - Nguyen Viet Khanh - Nguyen Van Chau - Pham Anh Dung - Pham Cao Duong - Pham Duy - Ruth Talovich

BOARD OF DIRECTORS: Le Dinh Dieu (*President*) - Le Van Khoa (*VP/External Affairs*) - Tran Dai Loc (*VP/Internal Affairs*) - Suzie Vuong (*Treasurer*) - Pham Phu Minh (*Secretary*) - Ann Phong - Bach Thu Ha - Bui Bich Ha - Do Ngoc Yen - Ha Tuong Cat - Hoang Khoi Phong - Hoang Ngoc Tue - Nghiem Phu Phat - Nguyen Manh - Truong Minh Cuong

COMMITTEE CHAIRS: Bach Thu Ha (*Fund Raising*) - Ngo Manh Thu (*Performing Arts*)

OFFICE: Vu Duy Tu (*Office Manager*) - Phan My Suong (*Secretary*)

FOUNDING MEMBERS: Diane Le - Le Dinh Dieu - Nguyen Duc Quang - Ruth Talovich - To The Lieu

Mục tiêu

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ là một tổ chức bất vụ lợi, được miễn thuế, có những mục tiêu:

- Phát huy các giá trị dân tộc Việt Nam trong nghệ thuật, văn chương và học thuật;
- Tạo một nhịp cầu thông cảm giữa các sắc tộc qua mọi hình thái văn học nghệ thuật;
- Giữ gìn và làm giầu các di sản văn hoá;
- Tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ cùng làm việc phục vụ các lý tưởng tự do và dân chủ.

Hội viên

- Hội viên hoạt động là những người thực hiện, chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư, các sáng tạo văn học nghệ thuật như viết, vẽ, trình diễn.
- Hội viên tán trợ là những thân hữu của các văn nghệ sĩ.
- Hội viên cố vấn là những chuyên gia hoặc những văn nghệ sĩ lão thành giúp ý kiến cho Hội.
- Hội viên bảo trợ là những người yểm trợ tài chánh cho Hội có phương tiện hoạt động.

Purposes

VAALA is an independent non-profit tax-exempt organization. Its main purposes are:

- to promote Vietnamese values in arts, literature and scholarship;
- to provide a bridge of communion between different ethnic groups through various forms of arts and letters;
- to preserve and enrich all cultural heritages;
- to help working together those artists and writers who share the same ideals of freedom and democracy.

Members

- Active members of VAALA are those who are practicing, professionally or non-professionally, any form of arts, such as writing, painting, performing.
- Associate members are friends of writers and artists.
- Advisory members are experts or senior writers and artists.
- Patrons of the arts are those who support financially the association.

MEMBERSHIP

Full name: .....

Occupation: .....

Address: .....

Telephone .....

☐$20.00 Student/Senior

☐$30.00 Active/Associate

☐$500.00 Patron

☐$.....Donation.

Please make check payable to: VAALA. Contributions or donations are deductible for Federal Income Tax purposes.

Quyền lợi Hội viên: (1)Nhận Bản tin VAALA miễn phí. (2)Ứng cử và bầu cử. (3)Giảm giá vé vào cửa các buổi trình diễn của VAALA. (4)Mua một số hàng văn hoá phẩm được bớt (từ 10 tới 15%), sách, báo, băng nhạc, v.v... (5)Được bớt 5% hàng mua tại siêu thị Little Saigon.

Member's rights and privileges: (1)Free Newsletter. (2)Elect directors. (3)Discounted admissions to VAALA events. (4)Discounts in certain purchases (10 to 15% off) of books, magazines, tapes, CDs. (5)Discounts (5% off) when shopping at Little Saigon Supermarket.

VAALA: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640
TEL (714) 537-8352 ■ FAX (714) 638-1944

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Công ty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: 75504.3510
(Compuserve)

Nhóm chủ biên: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc,

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh
Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Bài vở gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ biên. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải đề rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Miền Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Mme Lê Tất Luyện*
45 83 19 12
Đức: *Thế Giang*
2389 537 672
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Số báo Xuân đầu năm Ất Hợi, và đầu năm 1995 đánh dấu vài thay đổi trong tạp chí *Thế Kỷ 21*.

Thứ nhất, kể từ số này, chủ nhiệm, chủ bút và tòa soạn *Thế Kỷ 21* sẽ chia sẻ trách nhiệm với một Ban Chủ Biên về đường lối tờ báo, để bảo đảm nội dung của tạp chí nhắm xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, tự do, xóa bỏ chế độ vô sản chuyên chính của đảng Cộng Sản Việt Nam, xây dựng kinh tế phồn vinh, xây dựng các định chế xã hội công bằng và nhân đạo. Muốn thực hiện mục tiêu trên, tạp chí *Thế Kỷ 21* cũng phải góp phần xây dựng cộng đồng Việt Nam hải ngoại, khắp năm châu, bằng công tác truyền thông.

Vẫn theo đường lối biên tập được vạch ra từ số 1, tháng Năm 1989, *Thế Kỷ 21* tự nhận làm diễn đàn tự do cho các khuynh hướng, ý kiến đối lập với nhau. Chúng tôi tin rằng trong bất cứ cuộc đối thoại nào, lý tưởng dân chủ tự do sẽ thắng, tình tự dân tộc sẽ hòa giải các ý kiến khác biệt theo tinh thần "hòa nhi bất đồng."

Như quý độc giả đã biết, trước đây sáu tháng, công ty Người Việt đã chuyển nhượng với giá tượng trưng $1, quyền sở hữu tạp chí *Thế Kỷ 21* cho hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA). Nhưng do đặc tính của các mục tiêu và sinh hoạt trong hội VAALA, và tính cách độc lập cần phải duy trì của một tờ báo có hình thức của một cơ sở kinh doanh, hội VAALA nhận thấy không thể chịu trách nhiệm trông coi tờ tạp chí, nên đã thỏa thuận chỉ bảo trợ tinh thần, còn chuyển giao trách nhiệm cho một Ban Chủ Biên, gồm những người từng sáng lập, đóng góp, nuôi dưỡng tờ tạp chí từ lúc đầu, và thiết tha tiếp tục đóng góp xây dựng tờ tạp chí trong tương lai. Ban chủ biên gồm có: Đỗ Quý Toàn (tức Vương Hữu Bột), Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng và Trần Đại Lộc.

Thành phần Ban Chủ Biên gồm có những nhà văn hóa, nhà báo, giáo chức, những người đã góp phần lãnh đạo nhiều phong trào thanh niên, văn hóa, xã hội ở miền Nam Việt Nam từ trước 1975.

Sự thay đổi thứ hai là kể từ đầu năm 1995, *Thế Kỷ 21* sẽ có ấn bản đặc biệt cho độc giả vùng California. Từ hơn năm năm qua, *TK21* là một tạp chí được hưởng ứng khắp thế giới, kể cả trong nước Việt Nam. Với số báo này, chúng tôi sẽ ấn hành thêm 1000 bản để phổ biến trong cộng đồng người Việt ở vùng California. Do đó, một số bài vở sẽ phản ảnh cuộc sống của đồng bào ở California nói riêng, và bắc Mỹ nói chung. Nhưng chúng tôi tin rằng độc giả các nơi khác cũng sẽ thấy những bài vở đó rất đáng đọc vì các vấn đề đều liên hệ đến cuộc sống của đồng bào ở khắp thế giới.

Với hai thay đổi kể trên, *Thế Kỷ 21* hy vọng sẽ càng ngày càng cải thiện và được quý vị hưởng ứng và góp ý kiến.

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Tranh bìa: *Lê Phổ*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Hữu Nhật, Hiếu Đệ*
Hí họa: *Babui Mamburao*
Ảnh: *Ngô Thanh Tùng, Lý Kiến Trúc*

MỤC LỤC
SỐ 69 • THÁNG GIÊNG 1995

CHÍNH TRỊ - LỊCH SỬ

11 Dân chủ mới là định mệnh (*Lâm Lễ Trinh*)
22 Quyền đối lập, và đối lập tại Việt Nam (*Trần Thanh Hiệp*)
36 Hai lần hội kiến tại Dinh Độc Lập (*Hướng Thượng Lê Đình Duyên*)

TÀI CHÁNH - GIÁO DỤC - KHOA HỌC

29 Quận Cam vỡ nợ: một bài học về đầu tư chứng khoán (*Ngô Nhân Dụng*)
32 Hạt cơ bản và vi hạt Quác (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)
108 Đại học Mỹ, tiền học ngày một gia tăng (*Nguyễn Đức*)

ÂM NHẠC - DU LỊCH

41 Mùa xuân bàn về sự trẻ trung (*Thanh Nguyễn*)
54 Động cát Cali (*Ngô Thanh Tùng*)
60 Viết về Hà Nội (*Tâm Việt*)
75 Ai đưa con sáo sang sông... (*Ngô Đình Vận*)

VĂN HỌC

15 Khai bút đại cát (*Nguyễn Thị Chân Quỳnh*)
62 Chuyện cái đầu gối (*Phạm Xuân Đài*)
67 Quỳnh Hương (*Đỗ Thì Kênh G*)
71 Gô cơm heo (*Trần Xuân Thành*)
74 Khách lạ (*Trần Công Sung*)
79 Ngoài trăng đứng lạnh (*Túy Hồng*)
91 Nhân đọc "So sánh một số từ Việt-Trung-Nhật" (*Thang Ma*)

THƠ

17 Hanh thông (*Văn Lang Trần Văn Ân*) • 20 Núi yêu mệt lả (*Trần Hồng Châu*) • 43 Hư ảo (*Tạ Tỵ*) • 61 Sông Cước sông Kin (*Võ Phiến*) • 64 Trên cát (*Trần Công Nghị*) • 65 Bài thơ tình cho em (*Dương Kiền*) • 69 Trở lại căn nhà gần Roanoke Mountain (*Đoàn Nhật*) • 74 Tím Đàn (*Lý Kiến Trúc*) • 77 Rồi cuối (*Bùi Duy Thuyết*) • 78 Chưa ngộ - Cổ thư - Nguyên nhân (*Nguyễn Văn Ngọc*) • 83 Giao thừa (*Nguyễn Mạnh Trinh*) • 85 Một tờ thư cũ (*Nguyễn Hàn Thư*) • 88 Thổi nóng (*Lưu Văn Vịnh*)

MỤC THƯỜNG LỆ

6 Thư tòa soạn (*Lê Đình Điểu*)
8 Bạn đọc viết
9 Hộp thư Tòa soạn (*Phạm Phú Minh*)
9 Hộp thư Trị sự (*Phan Mỹ Sương*)
100 Vòng chân trời văn học nghệ thuật (*Nguyễn Quang An* và *Lê Tam Ca*)
103 Sách báo trong tháng (*Nguyễn Quang An*)

ENGLISH SECTION

45 The total brain at work (*Ruth Talovich*)
46 My apple tree (*Teresa T.A. Phan*)
47 The slope of life (*Nguyễn Mộng Giác* and *Lê Thọ Giáo*)
52 The sea (*Miêng* and *Đỗ Quý Toàn*)

■

Lá lành đùm lá rách...

Từ tháng 1/93 đến nay, với sự yểm trợ nhiệt tình của hàng ngàn thân hữu hảo tâm khắp nơi hội thiện nguyện SAP-VN đã:

- **Bảo trợ giải phẫu chỉnh hình cho 50 trẻ em khuyết tật thuộc gia đình nghèo khó ở các tỉnh lỵ;**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật vá môi cho gần 200 trẻ em kém may mắn ở Kiên Giang, Phan Thiết...;**
- **Cung cấp dược phẩm và y cụ cho chương trình khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí; phục vụ cho hơn 1.000 đồng bào nghèo khó mỗi tháng;**
- **Hỗ trợ cho 5 Lớp học Tình thương; phát 65 học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo hiếu học;**
- **Ủy lạo đồng bào nghèo và nạn nhân thiên tai, bão lụt ở Cần giờ, Kiên Giang, Phú Yên...**

* Mọi sự trợ giúp đều được phân phối trực tiếp bởi các thành viên và thân hữu của SAP-VN.
** Tin tức sinh hoạt SAP-VN được đăng tải trên Bản tin Green Cross, phát hành miễn phí vào mỗi đầu tam cá nguyệt.

SAP-VN Is A Non-profit, Non-governmental Humanitarian Relief Oraganization. It Was Founded In 1992 By A Group Of Young Professionals And Students In California.

SAP-VN Sole Mission Is To Provide Free Medical, Educational And Welfare Services To The Less Fortunate People In Vietnam, Especially Handicapped Children. All Helps Are Directed To The Needy By SAP-VN's Members, And Friends In Vietnam. Contributions Are Tax-deductible. For More Information Please Contact SAP-VN Office.

Thư từ liên lạc và chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM
SAP-VN

10608 Garden Grove Blvd.
Garden Grove, California 92643
Phone (714) 537-4877 & 636-2959
Fax (714) 379-1214 & 636-2959

Rưởi và rưỡi

Số tháng Mười, *Thế Kỷ 21* đăng truyện ngắn *Tình Yêu* của Trịnh Y Thư, trong ấy nhà văn đã họa cô bạn gái của mình một cách thành công, bằng ngả ngôn ngữ học, nhưng ông phán khơi khơi rằng chữ "rưởi" và "rưỡi" (hỏi và ngã) người ta dùng theo thói quen, chẳng có nghĩa phân biệt gì ráo trơn.

Tôi bấm bụng chờ đợi mãi chả thấy các nhà phê bình, chuyên khoa ngôn ngữ lên tiếng dùm (tỉ như Ông Bùi Vĩnh Phúc cách đây mấy năm mà vớ được, đố có để yên, chẳng hiểu sau này sao ngộ được đức vắng lặng làm vậy).

Xin quý báo cho tôi lạm lòng yêu chữ nghĩa, liều lĩnh múa rìu qua mắt thợ, trình bày chút hiểu biết cạn cợt về ngôn ngữ thâm thúy Việt Nam mình, mong rằng các bậc cao minh chỉ giáo thêm những sai khuyết:

Từ "rưỡi" và "rưởi" có ý nghĩa rất tách bạch trong ngôn ngữ Việt Nam:

1. "rưỡi" (dấu ngã): chỉ phân số; ví dụ,
-trong hệ thống số học thập phân:
một chục rưỡi = 1.5 x 10 = 15
một tá rưỡi = 1.5 x 12 = 18
một đồng rưỡi = 1.5 x 1 = 1.5
-về thời gian, giờ giấc:
một giờ rưỡi = 1:30 x 1 = 1:30

2. "rưởi" (dấu hỏi): số đếm có giá trị bằng nửa đơn vị đứng trước nó; ví dụ,
trăm rưởi = 150
ngàn rưởi = 1,500
vạn rưởi = 15,000
mười vạn rưởi = 150,000
triệu rưởi = 1,500,000

Từ hàng tỉ trở lên, vì con số dài quá, tránh lẫn lộn không viết 1,500,000,000 mà viết 1.5 tỉ, nên đọc là "tỉ rưỡi"...

Cổ Bách
Walnut

Thoạt xem, có vẻ sự phân biệt đã rõ ràng. Nhưng đọc lại, chúng tôi e rằng chưa thoả đáng. Xin quý độc giả và nhất là các nhà "chữ và nghĩa" cho thêm ý kiến.

Hộp thư Tòa soạn

Phụ trách: PHẠM PHÚ MINH

Kể từ số này, mục "Tòa soạn và bạn đọc" sẽ chia làm hai phần: Một phần là "Hộp thư Tòa soạn," để trả lời những thư liên quan tới bài vở, nội dung và hình thức tờ báo, do Phạm Phú Minh phụ trách. Một phần là "Hộp thư Trị sự," để trả lời những thư liên quan tới quảng cáo và phát hành, do Phan Mỹ Sương phụ trách.

Hưởng ứng lời kêu gọi viết bài cho số Xuân, các văn hữu gửi bài rất nhiều, không thể đi hết trong một số, nên *Thế Kỷ 21* sẽ có số "Tân Niên," cũng dầy 112 trang, và phát hành vào đầu tháng Hai 1995, tức đúng vào những ngày Tết âm lịch.

Sau đây là một số bài sẽ đăng trong số "Tân Niên":

— *Vài suy ngẫm nhân dịp Tết: Vấn đề truyền thống* (Tôn Thất Thiện).

— *Nhà văn* (truyện ngắn của Trần Mộng Tú).

— *Người Việt hải ngoại và vấn đề cứu trợ y tế quốc nội* (Tiếng vọng của Bùi Trọng Cường).

— *Từ ma âm tới diệu âm* (Tùy bút của Lưu Văn Vịnh).

— *Thiên nhiên qua những nét chấm phá trong thơ Haiku* (Đàm Trung Pháp).

— *Nguyễn An, một kiến trúc sư danh tiếng ở thế kỷ XV* (Nguyễn Ngọc Bích).

— *Tâm sự của Thuấn* (Truyện của Đỗ Quỳnh Dao).

— *Lục bát vần trắc* (Phạm Văn Hải).

— *Sau núi* (Truyện của Khuyết Danh Thị Ngh.)

và nhiều văn, thơ, họa của các cây bút trong và ngoài nước.

Cáo lỗi:

Trong số báo trước, do sơ suất kỹ thuật, bài "Hai lần hội kiến tại Dinh Độc Lập" của Hướng Thượng Lê Đình Duyên có in tên bài ngoài bìa, nhưng... không có trong ruột. Xin đọc trong số này, nơi trang 36. Bài "Đại học Mỹ, tiền học ngày một gia tăng" của Nguyễn Đức, bị mất trang đầu (?!), xin đọc trong số này, nơi trang 108. Tòa soạn chân thành cáo lỗi cùng các tác giả và quý độc giả.

Hộp thư Trị sự

Phụ trách: PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Liên Đoàn (Sealbeach CA), Nguyễn Thu Hương Denise (West Hills CA), Nguyễn Hồng Huân (Cornwall ONT), Vương Trọng Tài (Calgary CANADA), Thanh Ngọc Nguyễn (Sacramento CA), Lê Long (Orlando FL), Nguyễn Đình Khanh Wichita KS), James Đặng (Oklahoma OK), Ngô thị Cẩm Thạch (Milwaukee WI), Đỗ thị Ánh (Santa Clara CA), Nghiêm Phương Lan (Stockton CA), Trương Ngọc Tích (Dallas TX), Hoàng Minh (Ivanhoe AUSTRALIA), Norman N. Tran (Philadelphia PA), Võ Tấn (Newton MA), Hồ văn Phong (Foxboro MA), Dinh

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)
TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

KC TRAVEL & TOURS
ARC
(KIM CONTINENTAL TRAVEL)
CHUYÊN
• Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại
• Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)
• Lo các thủ tục xuất nhập cảnh
ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN
9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

TAX CALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

• INCOME TAX
• BOOKKEEPING
• BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

Nguyên (Orange CA), Nguyễn Hữu Thanh (Santa Maria CA), Nguyễn Xuân Xinh (Boulder CO), Trần Ánh Tuyết (Broomfield CO), Vũ Ngọc (Garden Grove CA), Linh Mai (Anaheim CA), Đức Nguyên (Santa Ana CA), Trần Viết Tịch (Huntington Beach CA), Lực Tự Hứa (Reseda CA), Hoàng M Vũ (Fullerton CA), Minh Trần (Corpus Christi TX), Khanh Trần (Garden Grove CA), Hoàng thị Bình (Fountain Valley CA), Văn Nghệ Truyền Thanh (Westminster CA), Trần văn Hương (San Jose CA), Trịnh Ngọc Bằng (Irving TX), Nguyễn Ngọc Danh (Sacramento CA), Võ Thanh (Richland WA), Phạm Công Hiến (Lakewood CA), Paul Zielbauer (Huntington Beach CA), Tùng Trần (Westminster CA), Liên Mai (St Petersburg FL), Trình Hữu Dục (Sacramento CA), Luận Võ (Sacramento CA), Âu Nguyễn (Sacramento CA), Mạc Ly Tao (Santa Ana CA), Dao D Nguyen (San Jose), Nguyễn văn Thi (Richardson TX), Phan Tài Phú (Minneapolis MN), Sơn L Nguyễn (Fountain Valley CA), Nguyễn Thanh Hương (Westminster CA), Alexander Hồ (Huntington Beach CA), Tân Phan (Westlake Village CA), Lê Nguyên Phương (Garden Grove CA), Băng Châu Nguyễn (Lowell MA), Trần văn Tiền (Gardena CA).

Phấn Nguyễn Barker (*Hawaii*): Đã gửi sách và đĩa nhạc theo yêu cầu. Anh Minh gửi lời cám ơn đã hỏi thăm. Thân chào.

Trần Thủy Myers (*Missouri*): Báo tháng Mười Một ra trễ vì trục trặc nhà in. Cám ơn đã điện thoại cho biết. Hy vọng từ số nầy báo sẽ đến sớm hơn. Thân mến .

Nguyệt Trì (*San Jose CA*): Cán ơn đã giới thiệu thêm độc giả, ban phát hành đã gởi báo đến hai người bạn mới nầy. Máy Fax của TK 21 đôi khi hơi nhỏng nhẻo nhưng nay thì nàng nhận đầy đủ bài vở và thư từ của các bạn. Thân ái.

Chu Văn Hai (*Kingstowne VA*): Đã nhận được hai lần Fax thông báo địa chỉ mới. Xin yên chí. Chúc vui.

Nguyễn Hưng Quảng (*Bridgeport CT*): Đã chuyển cách gởi báo từ bulk rate sang hạng tư. Hy vọng báo sẽ không thất lạc nữa. Thân chào.

Nguyễn Văn Trung (*Boulder CO*): Đã nhận được check của ông mua biếu bốn người bạn, mỗi người một năm báo Thế Kỷ 21. Cám ơn sự quan tâm của ông đến TK 21. Thân mến.

Trần Trung Hoa (*Copenhagen DENMARK*): Đã nhận được check gia hạn một năm báo. Cám ơn lời chúc chân tình của bạn. Nếu có khi nào làm một chuyến Mỹ du, xin thông báo cho TK 21 biết trước. Thân ái.

Phạm Công Hiến (*Lakewood CA*): Rất cảm động khi đọc thư ông. TK 21 sẽ cố gắng hơn nữa để xứng đáng với sự ưu ái đặc biệt mà ông đã dành cho toà báo. Thân mến.

Nguyễn Tường Vân (*College Park MD*): Toà soạn đã sửa lại số báo gia hạn hai năm của ông là đến số 78. Cám ơn ông đã báo cho biết sự nhầm lẫn để kịp điều chỉnh. Kính chào.

Nguyễn Đông Âu (*Sacramento CA*): Cám ơn bạn đã ủng hộ và giới thiệu độc giả mới cho TK 21. Cám ơn lần nữa về địa chỉ của thư viện Sacramento. ■

DÂN CHỦ MỚI LÀ ĐỊNH MỆNH!

Đọc và nghĩ về Culture is Destiny của Lý Quang Diệu trong Foreign Affairs

LÂM LỄ TRINH

Tháng Chín 1994, tạp chí *Foreign Affairs* có đăng bài phỏng vấn "Culture is Destiny" (Văn hóa là định mệnh) của nguyên thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu, tác giả là phó chủ biên Fareed Zakaria (xem bản dịch Việt ngữ của Nguyễn Lộc trong *Đối Thoại* số 3-8-94, Garden Grove, CA). *Lý Quang Diệu* khẳng định rằng một số quốc gia Á Châu thành công phát triển kinh tế là nhờ văn hóa Á Châu lành mạnh; cá nhân tồn tại trong khuôn khổ chặt chẽ của gia đình; gia đình là bộ phận nòng cốt, căn bản của cộng đồng và xã hội, gây tự tin và bảo vệ hữu hiệu cá nhân; giáo dục trong gia đình giữ vững và đề cao đức tính dân tộc cổ truyền (cần kiệm, chịu khó, tinh thần hy sinh, trung thành với xứ sở, sự hiếu học, kỷ luật, trọng học thức...). Vì thế dân không ỷ lại vào chính quyền và chính phủ tránh can thiệp vào đời sống của dân. Lý nhấn mạnh Đông và Tây phương khác biệt về quan niệm cai trị và thang giá trị xã hội. Kinh tế Á châu nhận thức được vị trí trong quá khứ và hướng tiến trong tương lai.

Về Trung quốc và vụ đàn áp biểu tình tại Thiên An Môn, Lý trả lời: "Trung hoa là một nước rộng lớn, có nhiều thành phần khác biệt, chả có cách nào hơn là chế độ tập quyền thật mạnh" (sic). Lý cũng không dè dặt khuyến cáo Hoa Kỳ "không nên áp chế các nước khác chấp nhận một hệ thống (dân chủ) không thích hợp với điều kiện xã hội của nước họ."

Lý Quang Diệu hiện được nhiều xứ Đông Nam Á trong đó có chính phủ Bắc kinh và Hà Nội, xem như một *guru* dân chủ và nhiều lần được mời trình bày về thuyết "Văn hóa là tất cả — Văn hóa là định mệnh" của ông. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng năm 1960, ngoại trưởng Anh quốc đã từng đề cao Lý: "Harry Lee, ông là một người Englishman — có nghĩa thấm nhuần học lý phương Tây — tuyệt vời nhất ở phía Đông con kênh Suez." Điều này không ngăn Lý đả kích thẳng tay ngày nay cái mà ông gọi là "chủ nghĩa đế quốc dân chủ, *democratic imperialism*".

Tạp chí *Foreign Affairs* tháng 11/12/1994 có đăng bài phản pháo "A Response to Lee Kuan Yew. Is Culture Destiny? — The Myth of Asia's Anti-democratic Values" của *Kim Dae Jung* tức Kim Đại Trọng, nguyên ứng cử viên Tổng thống tại Nam Hàn và một chính trị gia hoạt động về nhân quyền. Kim kháng biện rằng:

1) Trong thế giới kỹ nghệ hóa hiện đại, xã hội Á châu đặt căn bản vào gia đình (*family-centered societies*) rồi cũng sẽ bị ảnh hưởng và lần hồi chuyển đến chủ nghĩa nặng về cá nhân (*self-centered individualism*). Lịch sử nhân loại không thể bất biến.

2) Lý Quang Diệu chống sự can thiệp của chính quyền vào sinh hoạt của dân và đả kích khuynh hướng Tây phương hóa (*Westernization*) nhưng mặt khác, lại áp dụng ráo riết tại Singapore nếp sống Tây phương. Hơn thế, nhiều chính phủ Á Châu đã và đang xen mạnh vào đời sống thường nhật của dân chúng và gia đình bằng luật lệ và biện pháp cảnh sát. Quốc gia tí hon Singapore là điển hình của một xã hội cảnh sát trị, từng bị văn hào George Orwell chế riễu.

3) Sự đồi trụy trong xã hội bắt nguồn từ việc kỹ nghệ hóa chớ không phải riêng vì văn hóa lụn bại. Nhiều xứ Á châu lâm vào tình trạng này vì phát triển quá nhanh về kỹ nghệ (mãi dâm, băng đảng, xì ke...). Phương thuốc điều trị không phải dùng Cảnh sát đàn áp mà là chấn chỉnh giáo dục, đề cao giá trị tinh thần, phát huy văn hóa nghệ thuật...

4) Lý Quang Diệu và nhiều lãnh tụ khác ở Á châu liên tục mạnh tay với đối lập chính trị và chủ trương chuyên chính nhân danh "bảo vệ văn hóa" trong khi thật sự, văn hóa Á châu trong dĩ vãng đã từng có những lý tưởng và tập tục dân chủ vững chắc trước hơn cả Âu châu.

5) Kinh tế mậu dịch tự do là một bộ phận không tách rời của Dân chủ. Á châu kể luôn Singapore đã chấp nhận và đang áp dụng mô thức thị trường này. Vì thế, dù muốn hay không, không sớm thì muộn, dân chủ sẽ tiến vào lục địa.

Những vấn đề rắc rối (dilemmas) khi áp dụng dân chủ

Dân chủ đem ra áp dụng có thể vấp phải nhiều khó khăn và mâu thuẫn. Sau đây là vài trường hợp:

1. Trong một cuộc đầu phiếu tự do, đảng nào

trình bày chương trình hấp dẫn nhất thì có hy vọng được cử tri bỏ thăm ủng hộ. Bởi vậy cắt giảm ngân sách, tăng thuế, kêu gọi dân chúng thắt lưng buộc bụng... là đề tài không mấy ăn khách. Điểm then chốt của vấn đề dân chủ và phát triển là một quốc gia đang lâm vào cảnh nghèo khó và kém mở mang có đủ khả năng xây dựng một chính sách bầu cử tự do đa dạng hay không?

2. Vì sự tham gia chính trị đòi hỏi phải biết tương đối cân nhắc dữ kiện và tin tức nên một trình độ tối thiểu về học thức và giáo dục rất cần thiết. Nếu điều kiện này hội đủ thì cũng cần có thêm một mức quân bình nào đó về phương diện xã hội và kinh tế trong thành phần dân chúng thất nghiệp và thiếu cơ hội để tránh cho họ bị những kẻ bất lương gạt gẫm, hăm dọa và mua thăm trong mùa bầu cử. Kinh nghiệm cho thấy tuyển cử tự do và thật dân chủ vẫn có thể tạo hoàn cảnh cho những lực lượng phản dân nắm quyền. Việc này đã xảy ra tại Đức quốc trong thập niên 30 khi đảng Quốc xã của Hitler đắc cử; tại Algérie năm 1990 với Mặt trận cứu nguy Hồi giáo FIS hay *Islamic Front of Salvation*. Vấn đề được đặt ra là dân chủ có cho phép phủ nhận hay không kết quả của một cuộc bầu cử đe dọa những quyền tự do dân chủ?

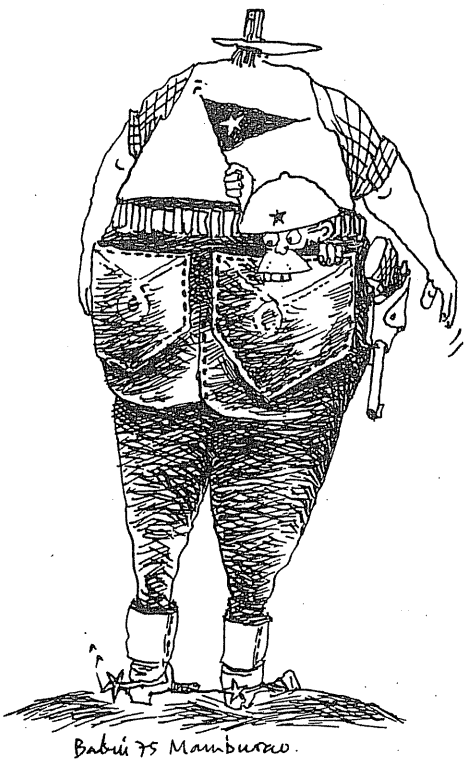

3. Như đã ghi trên, tổ chức dân chủ Tây phương là một mô thức phát sinh, bành trướng và thực nghiệm ở phương Tây, do và cho dân chúng Tây phương. Chuyển mô thức này vào những xã hội có tài nguyên, lịch sử và văn hóa khác biệt là một thách thức quan trọng, một bài toán gay go đòi hỏi nhiều sự điều chỉnh thích nghi và cẩn trọng vì một thủ tục dân chủ hóa máy móc có thể bị đồng hóa với kế hoạch Tây phương hóa và một mưu đồ thống trị văn hóa. Không ai có thể quên rằng một vài thập niên trước đây, những quốc gia hiện lớn tiếng cổ võ cho Dân chủ và Nhân quyền đã không hối hận hỗ trợ các chính quyền áp chế. Dân chủ và Nhân quyền là chân giá trị nhưng đã bị đế quốc Tây phương lạm dụng nhiều phen và vì thế không còn giữ nguyên động năng và hấp lực.

4. Sau hết, khía cạnh lịch sử và văn hóa đặt qua một bên, thế giới trong thập niên cuối cùng của thế kỷ hiện tại khác hẳn với thế giới thời hậu đệ nhị thế chiến. Các tiến bộ vượt bực về điện tử và truyền thông vệ tinh trong vòng 20 năm trở lại đây giảm thiểu tối đa nếu không nói là vô hiệu hóa sự kềm chế của nhà cầm quyền chuyên chế đối với quần chúng của họ. Dân mỗi ngày tiếp nhận thêm dễ dàng tin tức từ bên ngoài khó thể kiểm duyệt. Trong bối cảnh mở rộng toàn cầu đó, ý niệm dân chủ và nhân quyền trở thành những món hàng để xuất cảng, trao đổi, vay mượn và mô phỏng. Chế độ độc tài và chuyên quyền bị phong tỏa và trở nên cô lập, tốn kém. Và lập luận có tính cách văn hóa dùng để chống đối sự phổ biến dân chủ — như loại chủ trương nói trên của Lý Quang Diệu — không thể đứng vững lâu dài (đọc *Le dernier quart du siècle*, của André Fontaine, chương 3 "*l'Amérique entre deux rêves*", trang 39-59, Fayard, Paris 1987).

Việt Nam và viễn tượng dân chủ

Sau trên nửa thế kỷ thực nghiệm chủ nghĩa cộng sản và một loạt chiến tranh tàn khốc, các lãnh tụ Hà Nội nhận thức năm 1986 cần đổi mới kinh tế để cứu nguy chế độ theo gót của Trung Quốc. Trước ngã ba của lịch sử, họ ước mơ kinh tế hồi sinh sẽ quân bình xã hội và hà hơi cho chủ thuyết ngất ngư. Đây là một sự lạc quan tếu. Viễn tượng này không bao giờ xảy ra nếu họ không sáng suốt tiến

mạnh đến cải cách chính trị được Hiến pháp và luật lệ bảo đảm: thành lập đa đảng, công nhận quyền tư hữu, tôn trọng nhân quyền và tổ chức tuyển cử để dân định đoạt hướng đi của xứ sở. Chần chờ giải phẫu chế độ trong khi thế giới và các quốc gia Asean bao quanh cương quyết chọn lựa tự do và phồn thịnh là hủy hoại — thêm một lần nữa — cơ hội ngàn năm một thuở của đất nước, là "trâu chậm uống nước đục" theo ngôn từ của Bắc Bộ phủ. Bám víu vào một chủ nghĩa lỗi thời, phe giáo điều Hà nội đang sống trong bối cảnh vừa phập phồng hoảng hốt, vừa khóc van kêu cứu với bác Hồ và cụ Mác. Tâm trạng này gần như tâm trạng được bút nô Huy Cận diễn tả trong bài thơ (dở) viết tại Praha tháng 11/1969 khi Cận kinh hoàng chứng kiến dân chúng Tiệp đổ xô xuống đường lật đổ Gustav Husak và đồng chí:

... Mùa Đông này, ta đau buốt tận xương,
Nhưng tê giá lại ủ dồn sức nhựa,
Đơm quả ngọt phải coi cành nứt vỏ,
Nhức nhối rừng đâm mạnh những chồi Xuân.

Cộng sản Việt Nam không thể chạy tội bằng cách vớt vát đổ lỗi cho nhân sự cán bộ bất tài vì lý do chính là chủ thuyết cộng đã tàn rụi khô cằn từ lâu, như thế mong gì có cơ đâm chồi nẩy mộng lại được?

Tiến diễn khái niệm dân chủ toàn cầu (Global Democracy)

Văn hào Rudyard Kipling từng nói: "*East is East, West is West,*" Đông-Tây không thể phối hợp. Lập luận này quá lỗi thời. Với khoa học kỹ thuật tăng tiến không thôi, thế giới hiện đại trở nên đại đồng và tiếp tục cố gắng tháo gỡ đến tối đa mọi ngăn cách giữa các châu khối và quốc gia trên nhiều phương diện: văn hóa, chính trị, kinh tế, quân sự và luôn cả tôn giáo. Hiện tượng toàn cầu hóa này đã tràn luôn vào lãnh vực tư tưởng về dân chủ và nhân quyền (*globalization*). Sự sụp đổ của Nga sô và chư hầu ở Đông Âu không chỉ là chiến thắng của thuyết Tư bản trên thuyết Cộng sản mà còn là Dân chủ chế ngự thành công Độc tài. Dân chủ và Phát triển là hai nhu cầu tất yếu và sinh đôi, bất khả tách rời. Vì thế không thể (và không nên) đặt thứ tự ưu tiên, nhu cầu này trước hay sau nhu cầu nọ. *Cần và phải thực hiện cả hai cùng một lúc* theo giai đoạn của kế hoạch thích hợp với tài nguyên thiên nhiên và nhân sự, lịch sử, văn hóa, mức độ và tốc độ khả năng tiếp nhận (và tiêu hóa) của quốc gia và dân tộc liên hệ. Mặt khác, không có gì sai lầm và nguy hại hơn áp đặt vào một xã hội nền dân chủ tiền chế ngoại lai vì loại dân chủ này không phải là kết quả của đấu tranh mà chỉ là tàn tích của tinh thần nô lệ.

Bước đầu của việc góp phần xây dựng tinh thần hiếu dân chủ chung cho thế giới là gia nhập và tuân hành nghiêm chỉnh Bản Tuyên ngôn Toàn cầu về Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc năm 1948 trong đó các thành viên cam kết tôn trọng "phẩm cách của quần chúng, *the dignity of people*". Sau đó, sự liên kết huynh đệ giữa những xứ hội viên giúp giải quyết trường hợp vi phạm tùy theo phương tiện và hoàn cảnh. Tự do và ấm no là khát vọng chung của nhân loại bất phân chủng tộc và tín ngưỡng vì "nếu để dân được tự do chọn lựa thì lúc nào dân cũng chọn tự do," theo lời của Margaret Thatcher. Tuy nhiên quan niệm, thời điểm ban bố và cách thi hành dân chủ không giống nhau tùy vùng và tùy chế độ.

Năm 1770, giữa lúc cuộc cách mạng kỹ nghệ đưa Đế quốc Anh lên hàng đầu toàn vũ, Oliver Goldsmith đã nhận ra nguy cơ nền luân lý và đạo lý của nước Anh sẽ suy đồi vì ảnh hưởng của chủ nghĩa vật chất. Ông cảnh cáo: "Tích lũy của cải làm con người suy bại."

Tại Á châu hiện nay, để chống lại khuynh hướng Tây phương hóa được xem như nguồn cội của đổi trụy, Lý Quang Diệu kêu gọi các xứ châu Á "trở về nguồn" tức là văn hóa cổ truyền và tôn giáo. Chủ trương của ông, hấp dẫn đối với một số lãnh tụ tại Đông Á, thấm nhuần tự tôn và độc tôn, không thiếu màu sắc cuồng tín và chứa đựng không ít mâu thuẫn và thành kiến hướng về Tây phương. Lý Quang Diệu không thể phủ nhận rằng để phục vụ thiết thực nhân sinh, bất luận nền văn hóa hay tôn giáo nào, dù phong phú và cao siêu đến đâu, cũng phải kịp thời điều chỉnh để thích ứng với nhu cầu của thời đại khoa học năng động hiện nay. Mặt khác, Đông lẫn Tây phương cần học hỏi lẫn nhau để bổ túc kho tàng vô giá của mình.

Nên đặc biệt lưu ý Tây phương đã thực nghiệm

ĐỜI SỐNG HẢI NGOẠI

TRẺ EM THIỆT THÒI

Hai giáo sư xã hội học ở Penn State University, Mỹ quốc vừa công bố tài liệu cho thấy trẻ em sống trong các gia đình mà cha mẹ không có hôn thú thường có mức sống thấp hơn những em mà cha mẹ có cưới xin đàng hoàng. Lợi tức tính theo đầu người cho các loại gia đình là 10,800 Mỹ Kim cho các gia đình có hôn thú, 7200 MK cho các gia đình không hôn thú, 9000 MK cho các gia đình chỉ có cha, và 5330 MK cho gia đình chỉ có mẹ. Có 2.2 triệu trẻ em sống trong gia đình không hôn thú, tính ra là 3.5% tổng số trẻ em trên nước Mỹ. Trẻ em Porto Rico thiệt thòi nhất: 7.9% sống với "cha mẹ" không hôn thú. Người da đen và người gốc Mễ 5.2%. Người Mỹ da trắng 2.8%. Còn người Mỹ gốc Á châu chỉ có 1.4% (*Wall Street Journal*).

trước Đông phương mô thức dân chủ đầu phiếu (*electoral democracy*) mặc dù khái niệm dân chủ xuất hiện ở Á Châu sớm hơn. Trong hiện tại, mùa bầu cử tháng 11 vừa qua chứng minh bộ máy dân chủ Huê kỳ hoạt động hữu hiệu vì phản chiếu trung thực bất mãn của cử tri đối với chính quyền. Dù còn nhiều sơ hở, hệ thống cầm quyền ở nơi đây đang cam kết và cố gắng chấn chỉnh theo ý dân, thí dụ phục hồi giá trị gia đình (*family-values*), giảm thiểu quyền của Liên bang đối với địa phương (*big government*), di dân, ... một số điểm vừa kể được Lý Quang Diệu đề cập đến trong bài phỏng vấn đã nêu trên của *Foreign Affairs*.

Hãy đề phòng cảnh giác "Bình phong phát triển"

Tại Á châu, trở ngại lớn nhất cho công cuộc đấu tranh dân chủ và nhân quyền không phải là cái gia tài văn hóa cổ kính được Lý Quang Diệu bóng bẩy trình bầy để đề cao chủ thuyết của ông. Trở ngại thật sự là các chế độ bá quyền, lãnh tụ thoái hóa, đầu sỏ cảm tình viên và trợ lý tuyên truyền đang ngự trị trên đầu cổ của khối quần chúng rách nát và thất học, có miệng không được nói và có óc không được nghĩ. Tình trạng phát triển chưa hẳn là chiếc đũa thần hay đúng hơn, cái chìa khóa mở cùm cho giai cấp hạng hai này.

Bởi vậy, đấu tranh cho dân chủ (mà nhân quyền chỉ là một trong những phần chính yếu) là dấn thân làm cách mạng, một cuộc cách mạng gian khổ, đòi hỏi điều kiện và đức tính căn bản để đi đến thành công. Đặc biệt, sự hỗ trợ của quốc tế — vì lý tưởng cao cả, không vì quyền lợi và với hậu ý — quý báu vô cùng và có tính cách quyết định.

Việt Nam, Trung Quốc và Bắc Hàn cộng sản nằm giữa cơn lốc đấu tranh vừa nói. "Hãy cẩn trọng như nơi củi lửa," đức Trần Quốc Tuấn từng căn dặn như thế. Không nên để cho nhà cầm quyền chuyên chế dùng mồi ngon "phát triển" để làm hoa mắt hay ru ngủ vì nếu nhìn lại kỹ, hạng người nào thừa hưởng hoa quả của sự phồn thịnh giả tạo này? Cấp lãnh đạo và gia tộc gần xa, bè phái em út, đồng chí cán bộ, ủng hộ viên lấp liếm, thành phần *nomenklatura*... Chắc chắn không phải giai cấp vô sản và lao động! Lại càng không phải đại đa số quần chúng đang nai lưng tạo ra tấn tuồng phát triển biểu diễn đó!

Vì thế, thưa Lý tiên sinh, rất tiếc phải phản nghị tiên sinh: Tại Á châu, tại Việt Nam đau khổ của chúng tôi, VĂN HÓA không phải là định mệnh!

DÂN CHỦ, đúng vậy, DÂN CHỦ mới chính là định mệnh! ■

Huntington Beach, Californie. Giáng Sinh 1994

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER
Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

- Nhãn khoa tổng quát
  - Khám mắt
  - Đo độ làm kính, contact lens
  - Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
  - Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt
- Contact Lens
  - Đủ mọi loại: trong hay màu
  - Daily và Flexiblewear
  - Soft
  - Disposable
  - Gas Permeable
  - Toric
- Kính
  - Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
  - Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
  - Kính mát kiểu mới nhất

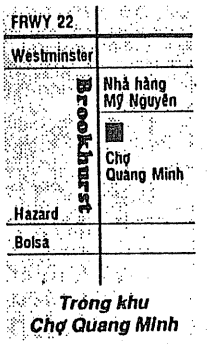

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

KHAI BÚT ĐẠI CÁT

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Năm xưa, có lần nhân dịp Tết Tú Xương đã cao hứng viết một bài hát nói nay còn lưu truyền dưới nhan đề "Tết dán câu đối" (1). Bài như sau:

Tết dán câu đối

"Nhập thế cục bất khả vô văn tự" (2)
Chẳng hay ho cũng phải dự một vài.
Huống chi đã đỗ Tú-Tài,
Ngày Tết đến cũng phải một hai câu đối.
Đối rằng:
"Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài,
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt." (3)
Viết vào giấy, dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay?
Rằng hay thì thực là hay,
Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú-Tài?
Xưa nay em vẫn chịu ngài!

Bài này đáng chú ý một phần vì nó là một trong những bài thơ Tết hay và một phần vì Tú Mỡ — một nhà thơ trào phúng khâm phục Tú Xương đến nỗi chọn bút hiệu cũng dựa theo tên nhà thơ sông Vị — nhân đọc nó mà sáng tác ra bài:

Khai bút rông

Là văn sĩ lẽ nào không khai bút?
Chẳng hay ho cũng nắn nót một bài.
Ngót hai năm xổng bút mỉa mai đời,
Thì Tết đến cũng phải có bài thơ... rắc rối!
Giót thêm mực, thay ngòi bút mới,
Thảo mấy dòng cảm khái sau đây.
Thơ rằng:
Tú chi Tú ấy nực cười thay,
Chẳng phải Nho, mà chẳng phải Tây!
Dửng mỡ, trêu đời, văn mách qué.
Thế mà cũng tiếng bấy lâu nay!
Ngồi ngâm thơ, đùi rung chuyển ghế mây,
Rồi chép lại, rắp thả ngay "Giòng nước ngược".
Bắt chước cụ Tú Xương thuở trước,
Hỏi mợ Tú rằng nghe được hay chăng?
Bĩu môi, mẹ đĩ chê rằng:
"Nôm na, mách qué, nhố nhăng nực cười!"
Đầu năm đã bị rông rồi,
Hẳn là văn viết ngược đời quanh năm!

Cả hai bài cùng vui nhộn, rất hợp với không khí ngày Tết. Đọc xong hai vị Tú — một thật (Tú Xương) và một giả (Tú Mỡ) — ta nhận thấy:

1) Chắc chắn bài "Tết dán câu đối" phải được viết sau khoa Giáp-Ngọ (1894), là khoa Tú Xương thi đỗ Tú-Tài, vì trong bài nói rõ:

Huống chi *đã đỗ Tú-Tài*

Khi viết hẳn nhà thơ còn vững tin ở "tài hoa" của mình, giọng tuy vẫn là giọng trào phúng cố hữu nhưng xem ra không dấu nỗi phần nào đắc ý.

Đến khoa Đinh-Dậu (1897), Tú Xương thi hỏng song vẫn chưa ngã lòng. Bài vịnh Chủ-khảo Cao Xuân Dục:

Này này, Hương thí đỗ khóa nào?
Nhân hậu thay lòng quan Thượng Cao!
Người ta thi chữ, ông thi phúc,
Dù dở, dù hay cũng được vào!

tuy đượm mầu khinh bạc nhưng không có giọng chán nản của một Thí-sinh lận đận về Khoa-cử. Cũng không lạ vì đây mới là khoa đầu tiên sau khi

ông thi đỗ, không có gì đáng nao núng.

Khoa Canh-Tý (1900), Tú Xương lại thi hỏng một lần nữa. Kể từ ngày lều chiếu đi thi từ năm 15 tuổi (1885) đến nay vừa đúng sáu khoa mà ông đã thi hỏng năm bận nên bắt đầu thấm mùi "lảo đảo trường ốc." Bài "Phú hỏng thi khoa Canh-Tý" có những câu cay đắng, lòng tự tín đã nhường chỗ cho lòng tin ở số mệnh:

Học tài thi phận, miệng đàn bà, con trẻ nói vậy mà thiêng.

Nào ai ngờ chữ tốt, văn hay, tài Bảng-Nhãn, Thám-Hoa lỡ ra cũng hỏng!

Thi là thế, sự tình là thế, hở chuyện cùng ai?

Người một nơi, hồn phách một nơi, than thân với bóng!

mặc dầu hai câu kết vẫn giữ giọng trào lộng:

Ý sẵn kẻ lo toan việc nước vua chửa dùng hiền,

Hay thiếu người dậy dỗ đàn em, Trời còn bắt hỏng!

So sánh ba bài "Tết dán câu đối," "Vịnh Chủ-khảo Cao Xuân Dục," và "Phú hỏng thi khoa Canh-Tý," tôi chắc bài đầu được viết không bao lâu sau khi Tú Xương thi đỗ, hay ít nhất cũng trước khoa Canh-Tý vì lòng tự tín của tác giả còn vững.

2) Trong bài Tú Xương cũng cho biết nhân dịp Tết muốn làm chơi vài câu đối:

Huống chi đã đỗ Tú-Tài,

Ngày Tết đến cũng phải một hai câu đối.

Chắc chắn đôi câu đối làm ra sẽ là đôi câu đối đầu tiên trong năm, và rất có thể bài "Tết dán câu đối" cũng là bài thơ đầu tiên ông cầm bút viết trong năm ấy, thế nhưng Tú Xương lại không đả động đến hai chữ "khai bút," trong khi Tú Mỡ nói toẹt ngay ra trong nhan đề "Khai bút rông," vậy thì Tú Xương đã vô tình "quên" hay cố ý không dùng đến hai chữ "khai bút"?

I. Khai bút đại cát

Tú Mỡ, cũng như tự vị, đều hiểu khai bút theo nghĩa đầu năm cầm bút viết lần thứ nhất, bất cứ viết gì. Nhưng theo Chu Thiên thì khai bút không hẳn như thế:

Thời xưa, đầu năm cha ông ta có tục lệ khai bút là một tục lệ trang nhã mặc dầu có xen đôi chút dị đoan. Các cụ tin rằng đầu năm chưa khai bút mà đã viết thì cả năm sẽ giông: đi học thì dốt, làm gì cũng hỏng. Không những thế, dẫu có khai bút mà cẩu thả, không chọn ngày giờ, gập [gặp] ngày xấu cũng cứ khai bút thì quanh năm sẽ ốm đau, tai vạ bất kỳ v.v...

Cho nên khai bút là phải trịnh trọng chọn ngày tốt, giờ tốt, dùng giấy mới, bút mới... Khai bút xong rồi muốn viết gì khác mới viết (4).

Song khai bút không phải chỉ giản dị cầm bút viết lên giấy bất cứ cái gì cũng được mà là cả một nghi thức trang nghiêm.

Nếu là nhà thường dân thì lấy một tờ giấy hoa tiên hay hồng điều bề dài độ hai gang, bề ngang độ hơn một gang, gập đôi tờ giấy theo chiều dọc để lấy nếp chính giữa theo đó mà viết cho ngay ngắm. Viết một dòng rồi chua thêm năm, tháng, ngày cùng tên họ người khai bút là xong (5).

Khai bút trong một gia đình nho học trịnh trọng hơn. Sau đây là cảnh khai bút của một thế gia dưới mắt Nguyễn Triệu Luật:

Trên giấy hồng điều, dòng giữa viết: Hoàng triều Minh-Mệnh, vạn vạn niên chi ngũ, tuế tại Giáp-Thìn, chính nguyệt, Nguyên-đán, cát thì, cẩn phụng khai đồ-ký".

Hàng thứ hai, gần mép giấy viết: "Thần, Quản Thành Tử, Nguyễn Chí Quản."

Giữa dòng và dưới dòng bên đóng hai dấu son, chữ triện: "Quốc-Oai Phủ" và "Đồng Tri-Phủ đồ-ký".

Viết rồi dán lên xà nhà, gian giữa, ngay trước bàn thờ. Sau đó đến tờ khai bút toàn gia:

Hàng thứ nhất đề năm, tháng, ngày cũng như tờ trước chỉ khác mấy chữ cuối là "cát thì thí bút".

Dòng thứ hai do người gia trưởng thí bút: Hạo-Phủ, Nguyễn Chí Quản.

Dòng thứ ba do em trai ông viết.

Dòng thứ tư do vợ ông viết.

Từ dòng thứ năm đến dòng cuối do bốn con ông viết, theo thứ tự từ lớn đến nhỏ, song vì đứa bé nhất mới được hai tháng, bà mẹ phải cầm tay con viết hộ, gọi là lấy hơi tay đứa bé đưa bút mà thôi, nhưng cũng đủ cả tên lẫn tự.

Cả nhà viết xong đem tờ giấy dán lên tường ngay phía trên chỗ ngồi xem sách. Tờ giấy gồm tám dòng chữ, có dòng nét già giặn, tươi tắn, có dòng chữ mềm mại, lại có dòng nét run run, nguệch ngoạc (6).

Khai bút ở công đường còn long trọng hơn nữa. Trước hết phải thiết lập một bàn thờ ở giữa công đường để bái vọng thiên tử. Đây là cảnh khai bút của một quan Huyện dưới mắt Nguyễn Công Hoan:

Giữa công đường bầy một cái sập, trên sập giải chiếu cạp điều phủ thêm một khăn gấm thất thể. Mé ngoài mặt sập bầy một đỉnh trầm và đôi đèn cao sáp ong, mé trong, bộ tam sự gồm một chiếc lọ sứ cắm cây chuối nhỏ có gài vài bông hoa giấy đỏ. Đối với chiếc lộc bình là một tấm gương mờ đặt trên cái giá gỗ. Giữa sập đặt một chiếc đĩa cổ lớn trên để một giò thủy tiên hoa trắng sít nhau như mâm sôi.

Giờ Tỵ khai ấn. Trầm, hương, đèn, nến thắp lên. Quan Huyện mặc áo thụng, tụt giầy bước vào giữa chiếc chiếu hoa giải dưới đất trước sập, lễ vọng Hoàng thượng năm lễ rồi lùi ra nhường chỗ cho các

thầy Đề, thầy Thông, theo thứ tự vào lễ.

Sau lễ bái vọng, quan ra ngồi trên ghế ngựa kê ở gian bên, sau chiếc án thư trùm nhiễu đỏ. Thầy Đề giải lên án tờ giấy hồng điều để quan khai bút rồi đóng ấn son lên gần mấy chữ niên hiệu nhà vua ở phía trên. Ấn phải được rửa sạch từ cuối năm trước, bằng cách ngâm rượu cho nhả chất mùn đóng trong kẽ chữ khắc trên ấn, nếu cẩu thả, nóng ruột, lấy tăm cậy mùn ra cho chóng sạch sẽ độc vô cùng: trong hạt có thể xẩy ra án mạng. Ấn rửa rồi niêm phong lại, đầu năm mới đem ra dùng gọi là khai ấn.

Quan viết và đóng ấn xong, thầy Đề bắc thang leo lên bóc tờ hoa tiên năm ngoái đã bạc mầu hoa đào và dán tờ mới mầu đỏ tươi lên giữa xà nhà, giấy bay lất phất mỗi lần gió thổi (7).

II. Chữ viết

Người xưa chuộng chữ đẹp, khai bút lại càng phải nắn nót, người ta nhìn nét chữ mà đoán tính tình cùng hậu vận: Chữ ngay ngắn là người phúc hậu,

Chữ kín đáo là người cẩn thận,

Chữ buồn tẻ nét không đến nơi là người vất vả,

Chữ tươi tắn là người có hậu vận tốt, làm nên. Nhưng thế nào là chữ "tươi tắn"? Hãy nghe Phạm Đình Hổ: "*Nét chữ tươi tắn có cái ý nhị của hoa đào đọng giọt mưa, lá dương phủ làn khói.*" (8)

Trung quốc có những người viết chữ đẹp nổi tiếng, được tôn lên bậc thầy (sư pháp) như:

Tiêu Hà, đời Hán, giỏi lối chữ Đại Triện.

Trương Húc đời Đường, giỏi lối chữ thảo.

Vương Hi Chi, đời Tấn, là một trong bẩy người được công nhận viết lối chữ khải "hợp pháp," những người khác chỉ viết được lối chữ chân mà thôi (9).

Người xưa tranh nhau sưu tầm bút thiếp các danh sư để treo trong nhà như treo tranh đẹp. Tương truyền Hàn Tôn Luân mỗi khi được cánh thiếp của Tô Đông Pha lập tức đem đi đổi được vài mươi cân thịt dê. Một hôm Tô Đông Pha bận soạn bài chế cho ngày

1995 - ẤT HỢI
TẾT VỀ KÍNH CHÚC

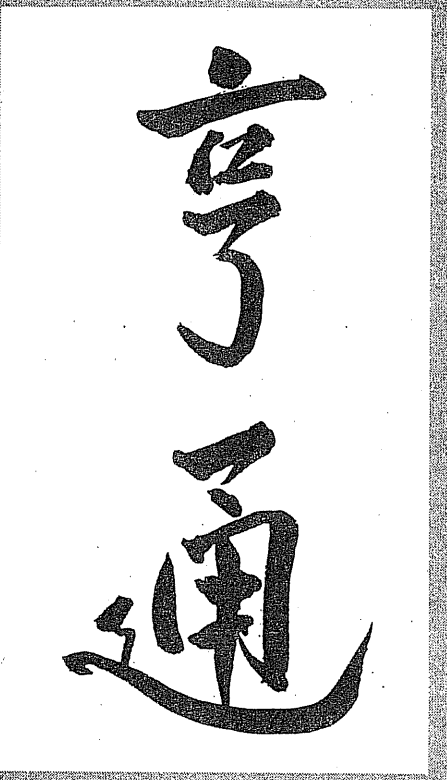

Hanh thông toàn diện hanh thông
Tinh thành sở chí phá tung thành trì
Tri hành hợp nhất điều quy
Âm dương tiếp ứng là "thì" chúng ta.

*Lão ký giả **Văn Lang Trần Văn Ân***
cẩn khải

Thánh tiết (sinh nhật vua), Tôn Luân trong ngày gửi mấy cánh thiếp đến để mong được giấy trả lời, lại sai người nhà đứng đợi ở sân thúc giục. Tô Đông Pha cười bảo: "Ngươi về nói với chủ ngươi rằng ngày hôm nay là ngày cấm thịt mà." (10)

Ở Việt Nam, người ta thường ca tụng chữ của Cao Bá Quát nhưng không ai nói rõ ông sở trường lối chữ gì? Sử chép năm 1841, Cao Bá Quát làm Sơ-khảo trường Thừa-Thiên phải ở nội trường, nhưng Chủ-khảo Bùi Quỹ mộ ông chữ đẹp triệu ra ngoại trường nhờ viết bảng. Đây là một điều cấm kỵ trong trường thi nên khi vụ này phát giác cả hai đều bị nghiêm trừng. Trong "Chữ người tử tù" (*Vang bóng một thời*) Nguyễn Tuân cũng chỉ nói qua đến chữ "vuông" của Huấn Cao không rõ do ông tưởng tượng hay do ông nghe truyền khẩu lại? Có điều chắc chắn là chữ "vuông" và chữ để yết bảng nhất định không phải là lối chữ thảo (11).

Loại chữ

Cùng một chữ có thể viết nhiều kiểu khác nhau: nét cong hoặc gẫy gập, chấm tròn gọn hay toẹt ra rồi móc lên v.v... Mỗi loại chữ đều có tên riêng: cổ lệ, cổ lựu, đại triện, tiểu triện, chân phương, chân hành, chân thảo, lạo thảo, nộn thảo, hành thư, khải thư, tiểu khải, phi bạch, bát phân...

Chữ *Cổ Lệ* có trước nhất ở Trung Quốc, ngay từ đời Thượng cổ.

Chữ *Triện* là lối chữ ngay ngắn, rõ ràng. Đời Chu Tuyên vương, quan sử, tên Trực biến đổi lối chữ cổ ra thành *Đại Triện*; đến đời Tần, Lý Tư đổi Đại Triện ra *Tiểu Triện*. Sau Trịnh Mịch lại đổi làm chữ Lệ. Nhà Hán bỏ chữ Triện, dùng chữ *Lệ* trong các công văn. *Bát phân*, là chữ Lệ được sửa đổi đi.

Chữ Chân phương. Nhà Tấn sửa chữa Lệ, viết nắn nót cho đẹp hơn thành chữ Chân phương, nét mập mạp, tươi vui, kín đáo.

Khải thư là lối chữ chân phương ngay thẳng, vuông tròn hợp pháp, bố trí hợp pháp, biến hóa hợp pháp. Chữ Khải thông dụng từ Hậu Hán.

Hành thư biến đổi lối chữ khải, viết mau.

Chân hành là viết lối chữ chân đá hành.

Thảo hành là viết lối chữ thảo đá hành.

Chữ Thảo giống gió lướt trên cỏ, bay bướm như múa gươm. Viết chữ nọ giằng sang chữ kia, nét to xen nét nhỏ. Khó viết hơn lối chữ chân phương vì phải đưa bút nhanh mà vẫn đẹp.

Chữ *Phi bạch* là lối chữ để hở ở giữa.

Chữ *Lệnh* dùng để viết chiếu, sắc.

Bốn loại chữ thông dụng nhất là: Lệ, Triện, Chân và Thảo (12).

Theo Phạm Đình Hổ, chữ tuy xuất phát ở Trung quốc song sang đến Việt-Nam có thay đổi ít nhiều:

Đời Lý và đời Trần, ta bắt chước nhà Tống, nét chữ cổ kính. Tuy nhiên, ba chữ "Đông Hoa Môn" do ngự bút của vua nhà Lý viết ở cửa Đông Hoa thành Thăng-Long (13) bút phát hùng hồn, tự nhiên, những nét phẩy, mác, móc, sổ phôi thai ra một lối chữ nước Nam ta.

Còn ba chữ "Đại, Hưng, Môn" ở cửa Đại Hưng (Cửa Nam) chế ra từ đời Lê Hồng Đức (1470-97) có pha trộn lối chữ chân với lối chữ khải.

Từ Lê Trung Hưng (thế kỷ 16) người đi thi viết lối chữ khải lại thêm bớt sai đi đến một nửa, gọi là chữ Nho.

Chúa Trịnh Sâm (thế kỷ 18) ưa thích chữ của Trung Quốc, học giả đua nhau biến đổi lối chữ Nam, bắt chước Tầu, không phân biệt thể chữ, cố viết cho thẳng, cho vuông, có khi một chữ mà chấm thì theo lối chữ Triện, móc theo kiểu chữ Lệ, phẩy và mác theo lối chữ Chân, nếu gặp chữ rậm nét còn đá chữ Thảo nữa (14).

Kỹ thuật viết

Muốn viết chữ đẹp tất nhiên phải tập cho nhiều nhưng cũng cần phải biết thêm kỹ thuật viết. Trung Quốc có những sách dậy viết như:

Bút trận đồ của Tấn Vệ đại phu,

Bút Tủy luận của Ngu Thế Nam v.v...

Mỗi người đều có thủ thuật riêng nên đôi khi lời dậy trái ngược nhau:

Theo Tấn Vệ đại phu, phải cầm bút cách xa ngòi hai tấc một phân (một tấc = 4 cm) dù là viết chữ Chân, chữ Hành hay chữ Thảo cũng vậy.

Ngu Thế Nam cho là phải cầm bút cách ngòi bút một tấc nếu viết lối chữ Chân, cách hai tấc nếu viết lối chữ Hành. Ngón tay cầm bút cho chắc, lấy ngón giữa đẩy bút, cổ tay phải để lỏng, nhẹ bổng.

Vương Hữu Quân khuyên: "Muốn viết chữ đẹp trước hết phải định tinh thần, tưởng tượng ra lối chữ viết to hay nhỏ, ngay ngắn hay nghiêng ngả, cử động phải cho gân và mạch đi liền với nhau, phải để ý vào ngòi bút. Nếu cứ ngang bằng, sổ ngay, viết cho thật đều thì là vạch, không phải viết."

Tô Đông Pha nói cầm bút không có phép nhất định, chỉ nên cầm lỏng, bỏ, mà khoan thai (15).

III. Văn phòng tứ bảo

Văn phòng tứ bảo là bốn vật quý của nhà Nho dùng trong văn phòng, tức là giấy, bút, mực và nghiên. Người xưa tặng quà cho Nho sinh không gì trang nhã bằng tặng văn phòng tứ bảo.

Thành Thăng-Long còn để lại cho Hà-Nội hai chứng tích của nơi "nghìn năm văn vật" là Phố Hàng Bút và Phố Hàng Giấy, cả hai cùng nằm trong huyện Thọ-Xương (ấy là chưa kể Ô Cầu Giấy, nơi Francis Garnier và Henri Rivière bị phục kích phải bỏ mạng). Đáng tiếc là Hà-Nội ngày nay không còn phố Hàng Bút nữa, tên đã bị đổi.

Giấy

Giấy của Việt Nam chế tạo ngày xưa, giấy bản khổ rộng độ hai gang, cuộn lại thành từng dệp cả chục thước. Giấy mầu ngà sạm, mặt hơi thô, chỗ dầy chỗ mỏng, lại hút nước như giấy thấm.

Giấy lệnh dùng để viết chiếu, sắc, thuộc loại tốt, trắng như ngà.

Giấy hoa tiên là thứ giấy có vẽ cành hoa ở góc trên, hay in hoa lá mầu nhạt khắp trang giấy. Hoa tiên có nhiều mầu khác nhau chứ không bắt buộc phải mầu hồng.

Theo Nguyễn Tuân thì giấy Chu-Hồ xưa rất nổi tiếng. Mặt giấy nhẵn, chất dai, không cứng mình. Khổ rộng, mình dầy mà bắc lên cân lại nhẹ như lông hồng. Mặt giấy xốp, nhìn nghiêng như má trinh-nữ, phẳng mà đượm chút lông măng. Mùa nực vuốt mặt giấy thấy mát cả lòng tay; tiết đông ấp tay vào giấy thấy nó âm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi giấy đượm hơi thơm của một thứ mộc thảo còn tươi sống. Soi ra ánh sáng có hai chữ "Chu-Hồ" (giấy nhà họ Chu chế ở làng Hồ-Khẩu, Hà-Đông) viết lối chữ Triện đời Tấn, in lối thủy ấn. Bắt những con dán, con mọt dài đuôi thả lên đám giấy ấy thì cả lũ côn trùng kẻ thù truyền kiếp của sách và giấy, đều chạy lảng xa rất nhanh khỏi chồng giấy, trốn đi đâu hết.

Dùng giấy nhà họ Chu thành một lối biểu dương của riêng một phái quý tộc trong làng văn mặc. Người có học mà văn xoàng, viết chữ xấu không nhẫn tâm đem giấy họ Chu ra viết. Người dốt biết kiêng sợ, thấy giấy họ Chu thì lảng tránh. Kẻ sĩ thấy ai dùng giấy họ Chu là tìm đến, ví chẳng được văn đại khoa thì âu cũng phải có nét bút thiếp." (16)

Có lẽ vì phẩm chất giấy của ta chế tạo cũng khá nên không thấy các cụ đặc biệt ưa chuộng một loại giấy nào của Tầu, chỉ thấy nói "giấy Tầu bạch" làm bằng vỏ cây dâu, thuộc loại giấy tốt.

Đường Cao Tông lại chê giấy trắng hay bị mọt, bắt dùng giấy vàng, nhuộm bằng hoàng bá để mọt khỏi ăn.

"Giấy Tây" xuất hiện ở Trung Quốc từ thế kỷ 16, khi Matteo Ricci (Lợi Mã Đậu) đến Trung quốc cuối đời Minh Thế Tông (1522-66) cho xem vật lạ nước mình: bình pha-lê, đồng-hồ và giấy "như da đàn bà đẹp," nói là bằng vỏ cây làm cho mỏng ra (18).

Bút

Ngược lại với giấy, không thấy sách vở đả động gì đến bút do Việt Nam chế tạo, mà chỉ thấy ca tụng bút của Trung quốc làm bằng lông sài lang, lông chuột bạch v.v... Những loại bút nổi tiếng của Trung quốc được kể ra rất nhiều: Song lan, Thanh chi, Nhất chi, Kiều lan, Lan trúc, Ô long, Thử tu, Đại kinh thủy... Đặc biệt được khen: Tảo Thiên quân lông trắng; ngòi bút Diêu thử, Hoàng đình Kinh làm bằng lông chuột bạch ở tận trong dãy núi Trường Bạch sơn; bút Diêu tự ngòi thẳng mà nhọn hoắt (19).

Bút tốt không được dài quá sáu tấc, ngòi bút dài một tấc, quản năm tấc. Ngòi không cứ phải nhọn hoắt mới viết chữ đẹp được, Tiêu Hà nổi tiếng viết chữ Đại Triện lại dùng ngòi bút cùn.

Mực

Mực tốt phải là mực Tầu, đã đen nhánh lại có mùi thơm. Những loại nổi tiếng là Diêu Tư, Hoàng Tam Xương, Chu Vĩnh Phu.

Mực Kiêu Kỵ bền chắc nhưng khó tẩy, những người đi thi tránh không dùng.

Son Tầu cũng được chuộng hơn vì mầu đỏ tươi. Trong trường thi, son Tầu dành cho hai ông Chánh, Phó Chủ-khảo chấm, những khảo quan khác phải dùng son ta mầu như gạch hay mực xanh. Mực Vạn niên chi của Tầu nổi tiếng sắc xanh biếc như mầu đầu vịt (áp lục).

Nghiên

Giấy tốt, bút tốt, mực tốt mà nghiên xấu thì chữ

TRẦN THIỆN HIỆP

TIẾNG XUÂN

Tiếng cành xào xạc trong sương
Sớm mai nở đóa hải đường hương bay
Tiếng chim về hót đầu ngày
Anh đào cánh thắm vui lây trên cành
Tiếng đàn ai dạo trong tranh
Trầm hương tỏa khói vướng nhành hoàng lan
Tiếng thơ nào ngợi mùa sang
Cho ai nhẹ bước đài trang xuân hồng
Tiếng thầm nghe tự đáy lòng
Trà sen hương vị đượm nồng tình quê.

cũng không thể đẹp được vì nghiên xấu hút nước nhiều mực đặc sệt khó viết.

Nghiên là vật dùng để mài mực hay son, thường làm bằng đá hay sành, sứ, lòng nghiên hơi trũng để lấy chỗ đổ nước mài mực.

Tạm bợ thì cái đĩa cũng có thể dùng làm nghiên, cầu kỳ thì nghiên bằng ngọc, bằng đá quý chạm trổ... Tô Đông Pha lấy được viên ngọc Thượng Bích xanh biếc trong một quả trứng cò đem về sai đẽo gọt thành một cái nghiên quý nổi tiếng.

Nghiên Cổ cầm làm bằng đá núi Nhạc chạm hình "Khô tùng, nguyệt hạ" (gốc thông khô dưới ánh trăng). Hốc cây là cái mặc trì chứa nước để mài mực, mặt nghiên là mặt trăng. Lại có một tam sơn để gác bút, bằng đá thủy tinh trong vắt (20).

Nghiên Hồng Tị đời Đường không bao giờ khô, ban đêm đổ mồ hôi.

Nghiên Phần nê cũng thuộc loại nổi tiếng làm bằng một loại bùn đặc biệt nên nghiên lúc nào cũng ẩm ướt (21).

Vua Tự-Đức có một cái nghiên mà nhà vua rất quý, đã phong cho tước hầu: đấy là nghiên Tức Mặc Hầu (22). Nguyên vua Tự Đức là người ưa chuộng thơ văn, mỗi khi nẩy hứng thơ muốn ghi ngay không thể nhẫn nại chờ người hầu mài mực, Tức Mặc Hầu biết dâng mực cấp kỳ cho vua dùng nên vua rất hài lòng. Nghiên làm bằng đá Đoan-Khê thớ mịn, mầu gan lợn sẫm (23) vốn là một vật vô tri không thể đoán nổi ý vua để mà dâng mực đúng lúc, nhưng đặc tính của nó là khi cần chỉ hà hơi vào là nghiên ướt, cung cấp một số mực đủ viết vài dòng.

Nghiên hình chữ nhật, bề dài độ hơn ba tấc tây, bề ngang hai tấc, dầy độ ba phân. Đáy nghiên khắc bài thơ ngự chế của vua Tự-Đức đề cao đặc tính của Tức Mặc Hầu (24), chữ khắc nổi mạ vàng, nét sắc sảo. Mặt nghiên, khúc trên chạm nổi, bên trái một cổ đình. Ẩn khuất trong mây, bên phải một cổ tùng, dưới chân cổ tùng nhô ra một mỏm đất trên có tám "tiên ông" đang trò chuyện. Một cái cầu nhỏ bắc ngang nối mỏm đất với cổ đình ngăn cái nghiên thành hai phần, phần trên là cái mặc trì nhỏ bằng nửa phần dưới. Trên cầu có một ông già chống gậy và một tiểu đồng đứng đằng sau.

Chung quanh nghiên chạm một đường hồi văn và khắc hai dòng chữ, bên phải và bên trái:

"Nghiên này mang những đường nét rõ ràng, đầy đặn chỉ người hiền mới được dùng."

"Nghiên không có một khuyết điểm nào, những lời vu khống hay tai ác không làm thương tổn được."

Hàng trên và hàng dưới thì khắc:

"Nghiên đá Đoan-Khê của Điện Kính-Diên" (văn phòng vua Tự-Đức),

"Tự Đức, Mậu-Thìn (1868), ngày lành."

Phần chính của cái nghiên, chỗ để mài mực, thoạt nhìn thì thấy bằng phẳng, nhẵn nhụi cho nên E. Gras mới ví mặt nghiên với má người đẹp, nhưng nhìn kỹ thì thấy có mấy nốt hơi phồng lên, to bằng đầu đũa, mầu nhạt hơn đá xung quanh. Đấy là những túi nước của nghiên, người Trung Hoa gọi là "cù-dục nhãn" (mắt chim sáo). Bình thường nghiên khô ráo, hà hơi vài lần thì thấy một lần mầu ngũ sắc hiện ra từ từ chạy lên chạy xuống trên mặt nghiên rồi biến mất. Lấy tay quệt thử thì ngón tay "đẫm mực" những

TRẦN HỒNG CHÂU

NÚI YÊU MỆT LẢ

Núi xuân tình động muốn hôn
Ta vào Hội lửa càn khôn mặn mà
Duỗi chân hoa đụng rừng già
Hớ hênh con gái lòa xoà tóc mây

Mưa xuân huyệt đổ Vu sơn
Vào sâu lòng núi mê hồn giai nhân
Lửa thiêu thiêu lửa bừng bừng
Ngàn rung địa động muôn từng dấu yêu
Ta đi trong cõi phân vân
Tỉnh say sấm chớp mây vần mười phương
Phấn thông ai rắc núi ngàn
Giống yêu ta đấy vô vàn hạt thương
Từ nơi ẩm ướt cuộc tình
Thung dung cỏ mọc cho mình nhớ ta

Âm dương nhật nguyệt mấy mùa
Gót chân thần nữ còn khua Động trời

Giờ đây núi đã đàn bà
Giao hoan con gái ngọc ngà tiếc chăng
Say ta nghiêng ngửa đất trời
Núi say mệt lả nửa đời yêu mê

"cù-dục nhãn" nương theo hơi thở đã tiết ra một số nước làm ướt mực cũ đủ viết vài dòng.

Nghiên Tức Mặc Hầu được chế tạo từ năm nào không ai rõ, nhưng năm 1958 nó còn nằm trong Bảo Tàng Viện ở Huế, sau có người lấy đem dâng ông Ngô Đình Diệm, từ khi ông Diệm mất không rõ nghiên trôi dạt đi đâu? (25)

Để chấm dứt bài này, sau đây là một giai thoại vui vui về tục khai bút:

Tương truyền khi Ngô Thì Nhậm lên năm, cha là Ngô Thì Sĩ nhân ngày mồng một Tết khai bút viết:

"*Hoàng triều Cảnh-Hưng, vạn vạn niên chi thập nhất, tuế thứ Canh-Ngọ, chính nguyệt, Nguyên-đán, cát thời thí bút. Tả Thanh-Oai, Ngọ-Phong, Ngô Thì Sĩ.*" (Năm Cảnh Hưng thứ mười một, trong muôn vạn năm. Canh-Ngọ, tháng giêng, mồng một, giờ tốt thử bút. Tả Thanh Oai, Ngọ-Phong Ngô Thì Sĩ).

Viết xong ông gọi con ra để khai bút và nhân thể đặt tên. Cậu con tò mò hỏi: "Thế tên thầy đâu?" Ngô Thì Sĩ chỉ vào chữ Sĩ, cậu con liền cầm bút phẩy lên trên một nét và cười nói: "Hơn thầy một nét!" (chữ Sĩ thêm một nét ở trên thành chữ Nhậm). Ngô Thì Sĩ rất hài lòng thấy con mẫn tiệp, tự đặt được tên cho mình, nhưng em ông là Ngô Tường Đạo lại không vui vì đem ra triết tự thì chữ Nhậm gồm hai chữ Nhâm và Nhân, có nghĩa là con người khéo nịnh bợ (26).■

Châtenay-Malabry, tháng Mười Một 1994

CHÚ THÍCH

1. Vì không chắc tên do Tú Xương đặt.
2. "Bước vào đời không thể nào không có văn chương, chữ nghĩa."
3. "Cái phẩm giá tột cùng trong thiên hạ chính là tình đối với trăng gió,"

"Cái phong lưu bậc nhất ở đời là tính khí giang hồ" (tự do, phóng khoáng, không bị cái gì giàng buộc).

Cả ba câu chữ Hán đều trích trong sách cổ.

4. *Bút nghiên*, tr. 34.
5. *Thanh Đạm*, tr. 274. Nguyễn Công Hoan không nói rõ dòng chữ viết gì nhưng có lẽ là những chữ khuôn sáo để chúc tụng, mừng xuân như:

"Đình ẩm xuân phong" = ngoài sân cỏ gió xuân ấm áp thổi (ý muốn nói trong năm cửa nhà sẽ đầm ấm, thịnh vượng).

hay "Kim ngọc mãn đường" = vàng ngọc đầy nhà.

6. *Ngược đường trường thi*, tr. 115.

Khi đứa trẻ chưa biết viết, cha mẹ thường viết hộ chỉ chừa lại một nét cho nó tự tay vạch xuống cho đủ lệ khai bút.

7. *Thanh Đạm*, tr. 273-76 (lược lại)
8. *Vũ Trung Tùy Bút*, tr. 42; *Thanh Đạm*, tr. 179.
9 & 10. *Vân Đài Loại Ngữ*, tr. 300.
11. Truyện "Chữ người tử tù" Nguyễn Tuân viết rất hay nhưng dựa vào truyền thuyết nói Cao Bá Quát bị bắt giam rồi bị xử tử. Trong *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* XVIII, tr. 85, Cao Bá Quát bị suất đội Đinh Thế Quang bắn chết ở chiến trận, sau Quang được thăng lên cai đội.
12. *Vân Đài Loại Ngữ*, tr. 268-98; *Cương Mục* XVIII, tr. 86.
13. Cửa Đông Hoa đời Lý (thế kỷ 11) gọi là cửa Tường Phù, ở phía đông thành Thăng Long, mãi đến đời Lê Tương Dực (thế kỷ 16) mới đổi ra tên Đông Hoa (*Đường Phố Hà-Nội*, tr. 37-45)
14. *Vũ Trung Tùy Bút* tr. 38-40
15. *Vân Đài Loại Ngữ* tr. 298-300
16. *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tr. 227-36
17. *Vân Đài Loại Ngữ*, tr. 203-98
18. *Vân Đài Loại Ngữ*, tr. 178
19 & 20. *Ngược đường trường thi*, tr. 115
21. *Bulletin des Amis du Vieux Huế, Juil-Sept 1917*
22. *Tức* = tới, *Mặc* = mực.

Thời xưa còn phong cả cho bút là Quản Thành Tử. Cả bút lẫn nghiên cùng dự tước trong Lan Đài là nơi làm sách (*Bulletin des Amis du Vieux Huế*)

23. Núi Đoạn Khê ở Trung Quốc. Đá ở chân núi mầu lam, ở giữa núi mầu tím, ở đỉnh núi đẹp nhất mầu gan lợn.
24. Bài này được ông Ngô Đình Diệm dịch ra tiếng Pháp đăng trong *B.A.V.H.*
25. *Hơn nửa đời hư*, tr. 533-50 (lược lại và có sửa một vài chi tiết sai vì ông Vương Hồng Sển tả nghiên mực theo trí nhớ).

B.A.V.H. Juil-Sept 1917

26. *Giai Thoại Làng Nho Toàn Tập*, tr. 182

SÁCH THAM KHẢO

— Bảo Vân, *Thơ Nôm Yên Đổ — Tú Xương*, Toronto: Quê Hương, 1980.

— Chang Yee. *Chinese Calligraphy.* Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1973.

— Chu Thiên. *Bút Nghiên.* Đại Nam tái bản ở Mỹ.

— Đinh Gia Khánh chủ biên. *Thăng Long, Đông đô, Hà Nội.* Bộ Văn hóa và Thông tin Hà Nội 1991.

— E. Gras. "Sur un encrier de Tự Đức", *B.A.V.H.* 4e année, No. 3, Juil-Sept 1917.

— Lãng Nhân. *Giai Thoại Làng Nho Toàn Tập.* Saigon: Nam Chi Tùng thư, 1966. Tái bản ở Mỹ.

— Lê Quý Đôn. *Vân Đài Loại Ngữ.* Phạm Vũ và Lê Hiền dịch. Nhà xuất bản Tự Lực ở Mỹ.

— Nguyễn Công Hoan. *Thanh Đạm.* Hà Nội: Đời Mới, 1943. Đại Nam tái bản ở Mỹ.

— Nguyễn Gia Tường dịch. *Đại Việt Sử Lược* (Khuyết danh). Nhà xuất bản TPHCM, 1993.

— Nguyễn Triệu Luật. *Ngược đường trường thi.* Hà Nội: Tân Dân, 1939, Đại Nam tái bản.

— Nguyễn Tuân. Tuyển tập. Hà Nội: Văn học 1981.

"Chữ nghĩa tử tù", *Vang bóng một thời*, Hà Nội: Tân Dân 1940; Cảo Thơm, 1962.

— Nguyễn Vĩnh Phúc & Trần Huy Bá. *Đường phố Hà-Nội.* Hà Nội, 1979.

— Phạm Đình Hổ. *Vũ Trung Tùy Bút.* Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến dịch. Hà Nội: Văn Học, 1972; Đông Nam Á tái bản ở Paris, 1985.

— Tự Đức. "L'encrier de S.M. Tự Đức". Traduction des inscriptions par Ngô Đình Diệm *B.A.V.H.* 4e année, No 3, Juil-Sept 1917.

— Tú Mỡ. *Giòng nước ngược*, tập I. Hà Nội : Tự Lực Văn Đoàn, 1934; Saigon: Phượng Giang, 1952. Tái bản ở Pháp.

— Vương Hồng Sển. *Hơn nửa đời hư.* Hồ Chí Minh: Tổng Hợp 1992.■

QUYỀN ĐỐI LẬP VÀ ĐỐI LẬP Ở VIỆT NAM

TRẦN THANH HIỆP

Năm mới, vận hội mới.

Thuở xưa, ngày Tết là dịp mà mọi người chờ đợi đổi mới do sự vận hành của trời đất mang lại. Thời nay, tuy con người vẫn còn tin ở trời đất nhưng từ mấy thế kỷ đã biết tự mình tạo nên sự đổi mới. Không còn ai trông ngóng nơi trời đất để được đổi mới.

Đối với hàng triệu người Việt Nam, tết năm nay vẫn còn là một cái tết không bình thường. Vì họ không được ăn tết thoải mái ở trong gia đình để cùng họ hàng, bầu bạn ở trong nước vui xuân. Tuy không bình thường nhưng cũng vẫn phải ăn tết. Và một trong những tục lệ lâu đời để ăn tết là trao tặng cho người thân: tiền bạc, phẩm vật, chữ nghĩa v.v...

Thay vì nặn óc làm thơ, làm câu đối tặng đồng bào trong nước, tôi xin gửi về quê nhà một món quà tết bằng chữ nghĩa, một công trình suy nghĩ về việc tạo vận hội mới cho năm Ất Hợi. Đó là quan điểm của tôi về quyền đối lập của người dân đã phải sống và còn đang phải sống dưới chế độ chuyên chế "xã hội chủ nghĩa." Tôi xin nói ngay rằng đây không phải là một quyền đối lập lý tưởng mà một luật gia sống ở ngoài vòng kìm kẹp của chế độ ấy đã phác họa trong mơ ước của mình, trên cơ sở những văn bản, lý thuyết luật học lý tưởng. Đây là một quyền đối lập được quan niệm trong khuôn khổ luật pháp thực định (*droit positif*) đương hành tại Việt Nam, với tất cả những giới hạn khe khắt của nó.

Quyền đối lập trong khuôn khổ luật thực định tại Việt Nam

Mặc dầu đã có nhiều sự kiện cho thấy tại Việt Nam có đối lập chính trị nhưng nhà cầm quyền cộng sản tìm đủ cách để phủ nhận sự hiện hữu của nó (điều này cũng dễ hiểu thôi), một số nhà quan sát quốc tế (trong các địa hạt truyền thông, kinh tế, chính trị v.v...) đã tỏ ra khá dè dặt về sự hiện hữu ấy. Về phần người Việt ở ngoài nước, nếu một mặt không ngớt đề cao những hành động anh dũng ở trong nước chống đối chuyên chế thì mặt khác lại kiên trì trong thành kiến rằng dưới sự khống chế của bộ máy kìm kẹp cộng sản, không thể có đối lập thật, chỉ có đối lập giả. Ảnh hưởng thành kiến này vô tình đã dẫn tới một nhận định sai lầm — rất tai hại — về khía cạnh pháp lý, tối quan trọng, của đối lập, đó là "quyền đối lập." Nó tạo thêm ra một thành kiến nữa, hoàn toàn vô căn cứ, theo đó ở Việt Nam cũng không có cả "quyền đối lập" (thành kiến này lại được một số luật gia ưa "không đàm" — bàn suông, nói lấy được cho đã — nuôi dưỡng, nên vấn đề đối lập tại Việt Nam khó được đặt ra một cách nghiêm túc). Kỳ thực ở Việt Nam tuy thiếu những tổ chức đối lập có quy mô nhưng "quyền đối lập" đã thực sự hiện hữu, nhất là trên bình diện luật thực định.

Do đó, phải đặt lại vấn đề đối lập: thay vì chỉ uất ức, than van, tố cáo nhà cầm quyền cộng sản không cho phép đối lập công khai hoạt động, một quyền đã có thật sự nhưng bị nhà cầm quyền cộng sản vô hiệu hóa một cách có hệ thống. Quyền đối lập này đã được thiết lập và thể hiện trong Hiến Pháp 1992, nghĩa là đã được thể chế hóa, dĩ nhiên với nhiều sự hạn chế, nhiều cạm bẫy gài bên trong và ngay từ khi chưa ra đời nó đã bị đảng cộng sản bóp nghẹt.

Nhưng bỏ sang một bên những sự hạn chế, những vi phạm này — vì đó là những vấn đề khác, phải có cách giải quyết khác. Hiến Pháp 1992, nếu được đọc lại sau khi tắm rửa, kỳ cọ để tẩy uế, khử trùng thì đối với đồng bào ở trong nước còn phải sống dưới chế độ cực quyền toàn trị hiện nay (đồng bào sống tự do ở ngoài nước thì khác vì có những yêu sách cao hơn, lý tưởng hơn) nó là một căn bản pháp lý (*une base juridique*) rất vững chắc để hành Xử quyền đối lập. Căn bản ấy, như vậy, đã thành tựu về mặt pháp lý, nếu muốn có thực hiệu (*effectivité, effectiveness*) phải được đem ra thực thi. Đương nhiên là đảng cộng sản không có lợi ích gì để thực thi quyền này hộ cho những người đối lập cả! Chính những người muốn đối lập phải tìm cách thực thi nó và ở ngay trong ý chí và hành động thực thi đó, họ mới thành đối lập được. Có thể là họ sẽ bị đàn áp thô bạo, có thể là họ sẽ giành được thắng lợi và đánh bại chuyên chế. Không nên trông đợi những kết quả định sẵn từ trước. "Đối lập" là một

"nghịch năng" (*dysfonction, dysfunction*) trong hệ thống tương quan xã hội nên đối lập phải xử sự như một nghịch năng. Không giống như trong cơ thể một sinh vật, trong một xã hội chính trị, nghịch năng có thể trở thành chức năng (*fonction, function*) hay ngược lại.

Quyền đối lập đã được luật thực định thể chế hóa, ít ra là về mặt nguyên tắc

Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng người dân trong nước đã có quyền đối lập pháp định và quyền đối lập là quyền gì?

Ai cũng biết là không một bản văn nào quy định riêng về quyền đối lập ở trong nước. Những điều này không có nghĩa là quyền ấy không có. Thực vậy, quyền đối lập là gì nếu không phải là quyền tổng hợp những nhân quyền, dân quyền đã được Hiến Pháp năm 1992 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam công nhận? Hành xử đầy đủ các nhân quyền, dân quyền ấy là mặc nhiên hành xử quyền đối lập.

Luật thực định — tất cả những luật lệ đã được chính thức ban hành — tại Việt Nam hiện nay đã nhìn nhận những nhân quyền, dân quyền nào? Ta hãy kiểm kê sơ qua các nhân quyền, dân quyền ấy rồi sẽ xét sau mọi hành vi của đảng cộng sản xâm phạm quyền đối lập.

Những nhân quyền, dân quyền đã được Hiến Pháp công nhận

Hiến Pháp, hiểu theo nghĩa do chính cộng sản định là "luật cơ bản của Nhà Nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất." Hiến Pháp 1992, được Quốc Hội "nhất trí thông qua trong phiên họp ngày 15-4-1992" đã công nhận (*)

a) không có sự hạn chế, những *nhân quyền* dưới đây:

— "các quyền con người (nhân quyền) về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội" và khẳng định rằng các quyền này "được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến Pháp và luật" (điều 50).

— quyền được làm "công dân nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" nếu có "quốc tịch Việt Nam" (điều 49).

— quyền của mọi công dân được "bình đẳng trước pháp luật" (điều 52).

— quyền của mọi công dân "nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hóa khác... quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp" (điều 60).

— quyền của mọi công dân "nữ và nam... ngang nhau về mọi mặt chính trị..." (điều 62).

— quyền của mọi công dân được "tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào" (điều 70).

— quyền của "các tôn giáo" được "bình đẳng trước pháp luật" (điều 70).

— quyền của mọi công dân "bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm" (điều 71).

— quyền của mọi công dân "bất khả xâm phạm về chỗ ở... thư tín, điện thoại, điện tín... được bảo đảm an toàn, bí mật" (điều 73).

— quyền của mọi công dân "khiếu nại... tố cáo với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà Nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, hoặc bất cứ cá nhân nào" (điều 74).

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Hân hạnh giới thiệu các CD, Video, Băng Thơ, Băng Nhạc đã phát hành

Compact Disc:
CD 01: Nhạc Vàng Tuyển Chọn
CD 02: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
CD 03: Ave Maria
CD 04: Sao Chưa Thấy Hồi Âm
CD 05: Hòn Vọng Phu
CD 06: Cô Lái Đò
CD 07: Đêm Đông Chúa Sinh Ra Đời
CD 08: Dân Ca Ba Miền
CD 09: Chúa Là Nơi Con Nương Tựa
CD 10: Đi Trên Cỏ Non
CD 11: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển, Tỵ Nạn.
Video 1 Hai Vì Sao Lạc
Băng Thơ:
Băng Thơ 01: Tiếng Thơ
Băng Thơ 02: Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi
Băng Thơ 03: Đôi Bờ Nhớ Thương
Băng Thơ 04: Hai Sắc Hoa TyGôn
Băng Thơ 05: Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau
Băng Thơ 06: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển Tỵ Nạn
Băng Nhạc:
Hoàng Oanh 06: Dân Ca Ba Miền
Hoàng Oanh 07: Buồn Trong Kỷ Niệm
Hoàng Oanh 08: Ai Ra Xứ Huế
Hoàng Oanh 09: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
Hoàng Oanh 10: Tuổi Học Trò
Hoàng Oanh 11: Về Đâu Mái Tóc Người Thương
Hoàng Oanh 12: Hòn Vọng Phu
Hoàng Oanh Xuân: Rước Xuân Về Nhà
Hoàng Oanh 14: Đi Trên Cỏ Non

GIÁ TIỀN:
* $US 7.00
1 Cassette
* $US12.00
1 CD
* $US 15.00
1 Video

P.O. Box 9541
Fountain Valley
CA 92728
(714)
964-7591

— quyền của mọi công dân "được bồi thường về vật chất và phục hồi danh dự" nếu bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật (điều 72), nếu bị thiệt hại vì các hành vi các cơ quan nói trên xâm phạm lợi ích (điều 74).

b) có sự hạn chế, những *nhân quyền* dưới đây:

— quyền của mọi công dân "tự do kinh doanh" theo "quy định của pháp luật" (điều 57).

— quyền của mọi công dân "tự do đi lại và cư ngụ ở trong nước... ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước" theo "quy định của pháp luật" (điều 69).

— quyền của mọi công dân "tự do ngôn luận, tự do báo chí,.. được thông tin... hội họp, lập hội, biểu tình" theo "quy định của pháp luật" (điều 70).

c) không có sự hạn chế, những *dân quyền* dưới đây:

— quyền của tập thể công dân, dưới danh xưng nhân dân, "làm chủ về mọi mặt" (điều 3), "sử dụng tất cả quyền lực Nhà Nước" (điều 2, điều 6).

— quyền của mọi công dân "tham gia quản lý Nhà Nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan Nhà Nước" (điều 53).

d) có sự hạn chế, những *dân quyền* dưới đây:

— quyền của mọi công dân "đủ mười tám tuổi trở lên... bầu cử" và "đủ hai mươi mốt tuổi trở lên... ứng cử vào Quốc Hội, hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật".

Những nhân quyền, dân quyền hiến định ấy đã được luật quốc tế tăng bổ

Ngày 24 tháng Chín năm 1982, nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tham gia hai Công Ước quốc tế về nhân quyền, dân quyền. Đó là *Công Ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Pacte international relatif aux droits civils et politiques / International Covenant on civil and political rights)* và *Công Ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Pacte international relatif aux droits économiques, sociaux et culturels / International Covenant on economic, social and cultural rights)*. Cần nói thêm rằng kèm theo Công Ước về các quyền dân sự và chính trị còn có bản *hiệp định thư phụ đính tùy ý (Protocole facultatif se rapportant au Pacte international relatif aux droits civils et politiques / Optional Protocol to the International Covenant on civil and political rights)*.

Không kể bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền không có hiệu lực cưỡng chế của một đạo luật quốc tế và chỉ có giá trị khuyến cáo, hai Công Ước quốc tế nói trên là những văn bản pháp lý ràng buộc những nước đã ký kết hay tham gia bằng những nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực cưỡng chế. Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã tham gia hai Công Ước này nên nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam không thể viện bất cứ lý do gì để không thi hành hai Công Ước họ đã tham gia.

Hai văn bản quốc tế này đã quy định những gì về nhân quyền và đã tăng bổ như thế nào cho các quyền hiến định của công dân Việt Nam?

Hãy tạm giới hạn vào Công Ước về các quyền dân sự, chính trị.

Ngoài việc khai triển các nhân quyền, dân quyền đã được tuyên xưng trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, Công Ước này đã đặt ra cho các nước đã ký kết hay tham gia, những nghĩa vụ pháp lý rất rõ rệt, chính xác.

Điều 2 của Công Ước buộc các nước thành viên phải *tôn trọng* (vì có nghĩa vụ pháp lý) những quyền được Công Ước thừa nhận và *bảo đảm* (vì có nghĩa vụ pháp lý) cho những quyền ấy được *tôn trọng, thi hành* trên lãnh thổ mình có thẩm quyền cai trị. Đoạn 2 của điều này cũng buộc các nước thành viên phải sắp xếp, tùy theo thủ tục hiến định, để những quyền đã được Công Ước thừa nhận thật sự có hiệu lực, trường hợp những quyền ấy chưa có hiệu lực trong khuôn khổ luật quốc-nội. Ngoài ra, khi các quyền này bị vi phạm, các nước thành viên phải bảo đảm để cho các nạn nhân được quyền khiếu tố và việc khiếu tố này phải được xét xử nghiêm chỉnh, công bằng.

Tuy trên nguyên tắc việc sắp xếp này có thể đưa tới những hạn chế nhưng Công Ước không để cho các nước thành viên được quyền tùy tiện vi phạm các nghĩa vụ mà Công Ước đã quy định. Các nước thành viên chỉ có thể lấy những biện pháp hạn chế khi nào có nguy cơ trước mắt đe dọa sự sống còn của quốc gia, nhưng cũng chỉ tới mức sự đòi hỏi của tình thế. Và cấm không được hạn chế vì kỳ thị (chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc xã hội) và đi ngược lại với những quy phạm khác của luật quốc tế.

Điều tối quan trọng là trong mọi trường hợp, điều 4 của Công Ước cấm chỉ không một nước thành viên nào được chạm tới các nhân quyền đã được trù liệu nơi các điều 6 (quyền sống), điều 7 (quyền không bị tra tấn, bị đối xử độc ác, vô nhân đạo, làm mất phẩm giá con người), điều 11 (quyền không thể bị giam vì không thi hành được điều kết ước), điều 15 (quyền không bị kết án không dựa vào luật pháp), điều 16 (quyền được thừa nhận có tư cách pháp nhân) và điều 18 (quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do hành đạo) vì những quyền này là những nhân quyền cơ bản của con người.

Về những quyền chính trị, điều 25 của Công Ước quy định rằng mọi công dân đều có quyền tham gia quản trị việc nước, bầu cử, ứng cử trong những cuộc tranh cử có định kỳ, ngay thẳng, tự do v.v... mà không bị kỳ thị, hạn chế, bất kỳ vì lý do

gì, dưới hình thức nào.

Chính quyền cộng sản Việt Nam bởi đã tham gia Công Ước, có nghĩa vụ pháp lý phải tích hợp những điều khoản của Công Ước này vào luật quốc nội để những điều khoản ấy có hiệu lực. Nếu không sự tham gia mất hết ý nghĩa của nó.

Áp dụng Công Ước, các nước thành viên đã bầu ra một ủy ban, có danh xưng "Ủy Ban Nhân quyền," để cứu xét các đơn khiếu tố vi phạm mà đương đơn là một nước thành viên (điều 28). Ủy ban này cũng có quyền xét đơn khiếu tố của tư nhân nếu nước thành viên tư nhân ấy thống thuộc có ký vào Hiệp Định Thư phụ đính tùy ý. Nhưng đơn của tư nhân Việt Nam khiếu tố vi phạm nhân quyền không được Ủy Ban Nhân quyền thụ lý vì Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không ký vào Hiệp Định Thư này.

Với sự tăng bổ của luật quốc tế, luật quốc nội của Việt Nam trên địa hạt nhân quyền đã đưa những quy phạm riêng của nó lên ngang hàng với những quy phạm quốc tế và người Việt Nam, trên nguyên tắc, đã có đầy đủ những nhân quyền, dân quyền được tuyên xưng, quy định trong các văn bản quốc tế về nhân quyền. Mặt khác luật quốc nội cũng đã thêm phong phú khi tiếp thụ khái niệm "quyền chủ quan" (droits subjectifs) của luật quốc tế vì theo quan điểm mác xít, không thể có "*quyền*" ở trên, ở ngoài "*luật*", cái gọi là "luật tự nhiên" (*droit naturel*) chỉ là điều tư sản bày đặt để thống trị dân chúng. Do đó không thể chấp nhận có "nhân quyền" là những quyền mà người mác xít bác bỏ vì là của con người tư sản riêng lẻ, ích kỷ. Chỉ những quyền nào do luật pháp quy định — những "quyền khách quan" (*droits objectifs*) — mới được kể tới. Nhưng chính quyền cộng sản đã từ bỏ quan điểm luật học mác xít ấy khi họ tham gia Công Ước quốc tế và nhân quyền vì các văn bản này đã thiết lập, quy định nhân quyền dân quyền theo quan điểm "quyền chủ quan."

Những nhân quyền, dân quyền được thể hiện thành những quyền tự do luật định

Hiến Pháp tuy có "hiệu lực pháp lý cao nhất" nhưng không phải là một đạo luật có thể đem ra trực tiếp áp dụng nên phải có những luật thường, ở dưới Hiến Pháp về mặt hiệu lực pháp lý, để thi hành Hiến Pháp (người ta tự hỏi điều 12 của Hiến Pháp 1992 muốn nói gì khi điều này định rằng "các cơ quan Nhà Nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến Pháp..."?). Những luật này nhằm quy chế hóa những nhân quyền và dân quyền đã được Hiến Pháp công nhận trên nguyên tắc cho nên không có luật áp dụng thì Hiến Pháp cũng chỉ là một mớ từ ngữ có danh mà không có thực. Hay luật áp dụng nếu trái ngược với Hiến Pháp thì không còn là để áp dụng mà là để vi phạm Hiến Pháp!

Ở Việt Nam cho đến những năm 70, rất hiếm những luật áp dụng Hiến Pháp. Sau Hiến Pháp 1980, bắt đầu thấy xuất hiện ít nhiều loại luật này trong số đó có bộ Luật Hình Sự 1985. Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự 1990. Luật Báo Chí 1989 (chỉ kể những luật xa gần ảnh hưởng tới quyền đối lập). Hiến Pháp 1992 đã được thi hành qua một số luật áp dụng, đặc biệt là Luật Bầu Cử Đại Biểu Quốc Hội 1992 và Luật Lao Động 1994 (những luật xa gần ảnh hưởng tới quyền đối lập).

Nói chung các luật áp dụng nhắc ở trên đều trái với Hiến Pháp 1992 vì còn mang thực chất của "chuyên chính vô sản," một thành ngữ tuy được ghi trong Hiến Pháp 1980 nhưng đã bị Hiến Pháp 1992 xóa bỏ. Ngoài ra còn có những văn bản dưới luật mà tầm hiệu lực pháp lý xem ra còn cao hơn cả Hiến Pháp! Thật đáng ngại vì các luật căn bản, dưới luật này lại xâm phạm nặng nề tới các nhân quyền, dân quyền cơ bản, những quyền tự do hiến định của con người như trong các vụ Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đình Huy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất v.v...

Kể ra tại đây những văn bản áp dụng này không phải để hoan nghênh chúng mà để nhấn mạnh rằng vai trò của luật là chủ yếu trong vấn đề nhân quyền, dân quyền, nhưng nó có thể tốt mà cũng có thể rất tai hại cho nhân quyền, dân quyền.

Tóm lại, về mặt nguyên tắc, trong khuôn khổ luật thực định, tại Việt Nam, đã có một căn bản pháp lý cho quyền đối lập với ba cơ sở cấu thành: cơ sở hiến định, cơ sở quốc tế, cơ sở luật định. Sự hiện hữu này, từ sau ngày 15-4-1992, đứng về mặt pháp lý mà xét, đã không còn tùy thuộc vào sự chấp thuận của đảng cầm quyền tức đảng cộng sản và Nhà Nước nữa. Công dân Việt Nam đã có quyền đối lập mà không cần phải xin phép trước bất cứ ai.

Nhưng về mặt thực tế đã có rất nhiều trở ngại khiến cho quyền đối lập ấy không hành xử được.

Quyền đối lập trong thực tế

Ý đồ của đảng Cộng Sản tiêu diệt đối lập

Tất cả mọi chỉ dấu đều cho thấy đảng cộng sản vẫn theo đuổi ý đồ không thay đổi là phải "trụ" bằng mọi giá nhưng trước hết là bằng chuyên chế cực quyền toàn trị. Ý đồ này là nguyên nhân sâu xa của chính sách đàn áp để tiêu diệt đối lập mà đảng và chính quyền cộng sản đã liên tục thi hành từ nhiều thập niên qua. Trên bình diện pháp lý, ý đồ ấy đã đưa tới sự sang đoạt (*détournement*) luật pháp quốc gia, biến chức năng công lý này thành một công cụ chuyên chế của riêng một nhóm người tự phong cho mình đủ mọi thứ đặc quyền

đặc lợi có thể mơ ước được trên đời.

Sự sang đoạt ấy đã được thực hiện bằng nhiều mưu mẹo.

Trước hết, tập trung tất cả mọi quyền hành ở trong nước vào một cơ quan bù nhìn: Quốc Hội, hòn đá tảng của hệ thống quyền hành toàn trị của đảng với danh nghĩa "*cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất nước...*". Và để tiện việc vận dụng tất cả các quyền hành, Quốc Hội này trong thực tế, đã nắm trọn cả ba quyền cơ bản của một quốc gia là quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp.

Thật vậy, điều 109 của Hiến Pháp định rằng "*chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc Hội*", điều 84 cho Quốc Hội quyền "*bầu*" và "*bãi nhiệm*" "*chủ tịch nước*" cũng như "*thủ tướng chính phủ (...) bầu, miễn nhiễm, bãi nhiệm chánh án tòa án nhân dân tối cao, giám sát, đình chỉ hay hủy bỏ các quyết định của tòa án nhân dân tối cao, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao...*". Điều 135 buộc rằng "*chánh án tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc Hội*" cũng như điều 139 buộc rằng "*viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc Hội*". Quốc Hội Việt Nam vì thế có một viện, tự mình làm ra luật, tự mình kiểm sát hiến tính của luật mình làm ra. Có thể nói có lẽ đó là một Quốc Hội có nhiều quyền nhất trên thế giới, bỏ xa Quốc Hội của nước Anh!

Sau nữa, thay thế ngôn ngữ chính xác của pháp luật bằng loại ngôn ngữ nhiều nghĩa có thể hiểu một lúc theo hai, ba cách. Thí dụ "đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý" có thể hiểu là đảng vừa lãnh đạo, vừa làm chủ, vừa quản lý, nhân dân chỉ việc theo đảng"(!) hoặc "chịu trách nhiệm trước nhân dân" có nghĩa là "chịu nghe lời phê bình của nhân dân rồi tự phê bình" và hết! Hoặc "tập trung dân chủ" có nghĩa là "dân chủ tập trung" hay "tập trung mang tính chất dân chủ" hay "dân chủ có lãnh đạo, đảng lãnh đạo." Vì vậy mà Hiến Pháp 1992 gần như "đầu Ngô mình Sở" từ nọ mâu thuẫn với từ kia, đoạn này ngược với đoạn khác. Bầu cử tự do nhưng lại phải thông qua sự hiệp thương giới thiệu của Mặt Trận Tổ Quốc, tổ quốc là tổ quốc Việt Nam nhưng lại phải là tổ quốc xã hội chủ nghĩa v.v... Tình trạng loạn ngôn đó cốt để cho đảng sau cùng dùng bạo lực áp đặt nghĩa đảng muốn có cho ngôn ngữ pháp luật. Không có luật pháp hay chỉ có loại luật pháp công cụ chuyên chế của đảng nhưng vẫn là luật pháp của một chế độ "pháp quyền"!

Mặt khác, lại còn lối nói lửng lơ kiểu "*phù hợp với pháp luật Việt Nam*" (điều 25), "do pháp luật quy định" (điều 44), "*được quy định trong Hiến Pháp và luật*", "*theo quy định của pháp luật*" (các điều 54, 57). Nhưng nếu pháp luật chưa hay quên (!) không quy định thì quyền liên hệ chỉ là một quyền thuần lý thuyết.

Sau hết, "đảng" đã khôn khéo che mắt thế gian bằng cách chỉ đứng thấp thoáng ở đằng sau những bức bình phong bày vẽ đủ thứ như nhân dân, quốc hội, nhà nước, chủ tịch nước, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát, thậm chí có cả luật sư đoàn v.v... rồi rùm beng đánh bóng cho cái "dân chủ thuần hình thức" chỉ có vỏ không có ruột (mà Karl Marx đã kịch liệt bài xích) để cố tình đánh lạc hướng dư luận.

Nhưng nay đã hết thời buông màn sắt, màn tre để bưng bít sự thật. Đảng cộng sản đã phải mở cửa ra khắp bốn phương để tìm đường sống và như vậy là đã bắt buộc phải dấn bước phiêu lưu đi vào một tiến trình biến chất không cưỡng lại được.

Ý đồ mà sự thất bại đã thấy trước

Mặc dầu trên chính trường Việt Nam đảng cộng sản hiện nay vẫn độc diễn và đối lập vẫn vắng bóng vì bị trù dập không nương tay.

Nhưng trên thế nước lòng dân, đảng cộng sản đã mất sự chính thống dù cố níu lấy cái bóng mờ của nền chính thống lịch sử "kháng chiến." Sự kiện một số lãnh tụ già nua còn sống sót quay về hàng phục tất cả những kẻ thù mà trước đây họ đã

thể không đội trời chung tự nó đã phá đổ nền chính thống lịch sử. Cho nên đảng cộng sản đang ngấp nghé nền chính thống dân chủ tự do. Nhưng họ lại chỉ muốn dân chủ giả về mọi mặt. Họ điên cuồng chống đa nguyên, chống diễn tiến hòa bình đi từ chuyên chế chuyển đổi qua dân chủ. Họ thẳng tay đàn áp đối lập và do đó tự tố cáo mình là kẻ thù của dân chủ. Thử hỏi làm sao họ có thể tranh thủ được chính thống dân chủ? Trên đà ấy, đảng cộng sản ngày càng đi sâu vào lô gích tự hủy diệt.

Trong khi đó, đối lập bắt đầu quá trình hình thành về phương diện pháp lý, trong thực tế họ đã hình thành từ mấy thập niên qua ở ngoài Bắc cũng như ở trong Nam. Trước là quốc gia chống cộng nay là dân chủ chống chuyên chế.

Trên bình diện pháp lý, quyền đối lập đã hiện hữu trên những cơ sở vững chắc. Vấn đề đặt ra là làm sao chấm dứt những hành vi của đảng cầm quyền xâm phạm thô bạo, thường xuyên và liên tục quyền đối lập ấy. Đây không phải là một vấn đề pháp lý nữa mà là một vấn đề chính trị.

Nếu mỗi người công dân cứ hành xử những nhân quyền, dân quyền mà Hiến Pháp 1992, luật quốc tế đã công nhận cho họ được có thì mặc nhiên họ đã hành xử quyền đối lập.

Về điểm này cần minh xác rằng chính quyền cộng sản không thể bắt chước Trung Quốc nại cái gọi là "truyền thống dân tộc" để không tôn trọng nhân quyền, dân quyền cơ bản mà hai Công Ước quốc tế họ tham gia đã bắt buộc họ phải tôn trọng. Trung Quốc có cơ sở để chống cãi như vậy vì Trung Quốc không tham gia hai văn bản quốc tế này. Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không thể ngoan cố giữ mãi thái độ nước đôi tham gia nhưng không chịu thi hành.

Hiến Pháp đã đặt nhân dân lên địa vị "làm chủ về mọi mặt", nước, nhà nước v.v... Tại sao họ không tìm cách xử sự như một người "chủ"? Phải xác lập ý thức, ý chí, làm chủ để hành xử quyền đối lập pháp định đã có. Đối lập chỉ có thể ra đời bằng việc hành xử quyền đối lập chớ không thể bằng một ân huệ mà đảng cộng sản ban phát cho những người chống lại họ.

Khi có ý thức "làm chủ," người dân sẽ sáng suốt — nghĩa là không còn u mê đến mức không biết, không tin mình là chủ nữa — đặt lại vấn đề "đảng lãnh đạo" một cách tự nhiên.

Bất cứ một người dân nào, không cần phải có những chính trị gia lỗi lạc — *những minh chủ* — những nhà tranh đấu ghê gớm, cũng có thể tự hỏi "*đảng lãnh đạo là gì*" và sẽ thấy rằng "lãnh đạo" không phải là đảng muốn làm mưa làm gió gì cũng được. Trong Hiến Pháp 1992, không có định nghĩa rõ rệt thế nào là lãnh đạo hay nói theo thuật ngữ luật học, từ kép *lãnh đạo* không có một nội dung pháp lý rõ rệt, vì không hề có điều khoản nào quy định cho đảng những quyền rõ rệt. Và rõ rệt nhất chỉ có thể là đoạn chót của điều 4 của Hiến Pháp 1992 theo đó "*Mọi tổ chức của đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến Pháp và pháp luật.*"

Khai triển điểm này sẽ thấy có nhiều cách hiểu, ít ra cũng có hai cách, thế nào là *lãnh đạo*.

Lãnh đạo hiểu theo một cách khách quan, thông thường, theo từ điển tiếng Việt do chính cộng sản biên soạn, là "1) Đưa đường chỉ lối cho người khác hành động và 2) Đưa ra ý kiến, định ra phương pháp hành động để phát động lực lượng quần chúng, đưa quần chúng từ chỗ rời rạc đến chỗ có tổ chức, có sức mạnh để quần chúng tự giác thực hiện chủ trương của mình: *Đảng Lao Động Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng đến toàn thắng*" (Từ Điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội). Lãnh đạo chỉ có nghĩa là đưa đường chỉ lối, đưa ý kiến, đưa phương pháp hành động để quần chúng "tự giác" nghĩa là lựa chọn, đúng thì theo, sai thì không theo, làm gì có chuyện phải nhắm mắt theo không điều kiện *lãnh đạo*!

Nhưng về phần đảng thì đảng lại định nghĩa lãnh đạo một cách khác (dân không thể hiểu nổi), theo điều lệ của đảng, chỉ có giá trị trong đảng, giữa các đảng viên mà thôi, là "*nắm chính quyền toàn diện, thường xuyên và liên tục*". Cách hiểu này nhất định là không ổn vì nó mâu thuẫn với cách hiểu của tuyệt đối đại đa số dân, không phải là đảng viên, không có nghĩa vụ phải theo điều lệ đảng. Vậy phải giải quyết sự mâu thuẫn này như thế nào?

Phải quy chiếu Hiến Pháp 1992 theo đó nhân dân là chủ về mọi mặt, chủ nước, chủ nhà nước, còn đảng không phải là chủ, chỉ là người đưa đường chỉ lối, đưa ra ý kiến, định phương pháp. Nếu nói rằng đảng *lãnh đạo* là đảng làm chủ thì đúng là dày xéo lên Hiến Pháp và biến Hiến Pháp thành mớ giấy lộn để vứt nó vào sọt rác (lịch sử) trừ phi muốn giữ nó lại làm đồ trang sức hòng lường gạt về mặt phẩm chất!

Người ta có thể cãi lại rằng trong Hiến Pháp này cũng có những đoạn khá dĩ giải thích rằng đảng có thể "làm chủ." Nếu quả thật như vậy thì phải xóa bỏ những đoạn ấy đi thì Hiến Pháp mới có giá trị, thì chế độ mới chính thống dân chủ, đảng mới có quyền ngồi lại địa vị lãnh đạo, mà không bị phản đối là chuyên chế. Nên nhớ rằng Hiến Pháp 1992 đã long trọng tuyên cáo rằng chuyên chính vô sản không còn nữa vì cụm từ này đã bị loại bỏ khỏi Hiến Pháp. Vậy phải sửa đổi Hiến Pháp 1992 cho phù hợp với lô gích của chính Hiến Pháp ấy là "dân" chứ không phải "đảng" là chủ. Hiến Pháp có trù liệu việc sửa đổi Hiến Pháp và Quốc Hội có quyền sửa đổi.

Cho đến nay, qua những lời tuyên bố của Tổng Bí Thư Đỗ Mười, đảng vẫn giữ ý định "trụ" lâu dài trong sai trái, không chịu sửa đổi Hiến Pháp. Chẳng những vậy còn nói ngược ngạo rằng đó là "pháp quyền." Nếu là "pháp quyền" thì chỉ là "pháp quyền" của đảng do điều lệ đảng quy định, không phải của dân. Và dân cũng có "pháp quyền" của mình do Hiến Pháp quy định, từ tối đa như "làm chủ về mọi mặt," quản lý nhà nước, xã hội, bãi nhiệm các đại biểu Quốc Hội, nếu cần, cả Quốc Hội, qua tự do ngôn luận, tự do hội họp, biểu quyết để trưng cầu dân ý, bầu cử, ứng cử để thành lập Quốc Hội, đến tối thiểu như phê bình, kiến nghị.

Sự bế tắc hiện nay là đảng đang ngăn trở có hệ thống không cho dân hành xử "pháp quyền" của mình. Điều này trái ngược chẳng những với luật quốc nội mà còn cả với luật quốc tế mà chính cộng sản có nghĩa vụ phải thi hành.

Sớm muộn, nhưng sớm thì hơn, cũng phải giải tỏa sự bế tắc này, bằng hành động chớ không phải bằng lời nói suông. Giải tỏa được là khơi thông lịch sử.

Đảng đã không muốn thay đổi lại còn chống "diễn biến hòa bình" tức là đảng muốn đẩy dân vào thế phải tạo "diễn biến không hòa bình" để đảng lấy cớ ào ạt đàn áp, đặt dân trước sự đã rồi. Nhưng dân biết mình có quyền tới đâu, đủ sức làm tới đâu. Những năm cuối thập niên 80 cho thấy là lịch sử là do những anh hùng vô danh ở trong quần chúng, hằng ngày xuất hiện trên đường phố, làm ra.

Trong tình hình quốc tế, quốc nội hiện nay, đối lập với chính quyền để chấm dứt một cách bất bạo động nền chuyên chính đã kéo dài quá lâu đã trở thành một đòi hỏi bức thiết của đất nước.

Nhiều người tưởng lầm rằng — và chính cộng sản đã có ý duy trì sự tưởng lầm ấy — muốn hành xử quyền đối lập tại Việt Nam, phải có sự ưng thuận, hay nói rõ hơn, phải có sự cho phép của chính quyền cộng sản. Không được phép mà hành xử quyền đối lập là kể như phạm pháp. Nghĩ như vậy là sai.

Đã đến lúc suy nghĩ lại cho đúng. Nhân quyền, dân quyền bây giờ phải là mặt trận chung cho cả hai chiến địa quốc nội và quốc tế và những người dân chủ cần có chiến lược chiến thuật tốt để lâm trận, trực diện với chuyên chế. Nên hành xử tối đa hay tối thiểu, những nhân quyền, dân quyền nào dưới hình thức nào, tại đâu, do ai v.v... Đó là vấn đề được định liệu tùy từng người, từng nhóm, không nhất thiết phải nhân danh một tổ chức đối lập thống nhất loại mặt trận, đảng, liên đảng, liên minh (dĩ nhiên có được thì tốt).

Nhưng trước khi ra quân, họ phải tự chiến thắng nơi họ mặc cảm của những người, trước sự hung hãn của bạo tàn, tự cho mình chỉ là những người dân thấp cổ bé miệng, những tên nô lệ kiểu mới của chuyên chế. Không chiến thắng được mặc cảm ấy mà muốn làm đối lập với chuyên chế cộng sản Việt Nam là lãng mạn, mơ ước hão huyền để tự lừa dối, tự thỏa mãn.

Hoàng Minh Chính, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Văn Thuận, Phạm Đức Khâm, Phùng Quán, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Lữ Phương, Nguyễn Hộ v.v... trước khi là những người đối lập đã là những người dân, mỗi người một cách hành xử "quyền làm chủ" chính mình. Quý Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận cùng chư Tăng Ni, các Phật Tử trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không phát tâm làm đối lập, chỉ biểu lộ ý chí sắt đá bảo hộ và làm chủ Giáo Hội chính truyền trước hành động tiếm vị của "giáo hội quốc doanh." Các tu sĩ Nguyễn Ngọc Lan và Chân Tín đã hành xử một cách vô úy "quyền phê bình."

Đoạn đường mới của đối lập những năm 90 tại Việt Nam đã được những con người lỗi lạc xuất chúng khai mở. Để cho tất cả những người bình thường cùng đi tới.■

* chỉ kiểm kê nhân quyền, dân quyền ảnh hưởng tới quyền đối lập.

TÌM ĐỌC:

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

QUẬN CAM VỠ NỢ: MỘT BÀI HỌC VỀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

NGÔ NHÂN DỤNG

Cuối năm 1994, quận Cam thuộc California đã tuyên bố vỡ nợ. Đồng bào Việt ở trong vùng cũng chia sẻ mối lo lắng chung với dân trong Quận — dân số người gốc Việt ở quận này lên đến trên 140,000.

Ngày thứ Bảy 3 tháng Mười Hai, ông Bob Citron, giám đốc Ngân khố kiêm Giám đốc Thuế Vụ của quận Cam từ chức, khi có tin trị giá quỹ đầu tư mà ông quản lý vừa sụt giá, từ 20 tỷ xuống 18 tỷ rưỡi. Ngày thứ Hai 5 tháng Mười Hai, công ty tài chánh First Boston ở New York yêu cầu Quận Cam "đóng thêm tiền thế chân" và bồi hoàn nợ ngắn hạn, tổng cộng 1 tỷ 2. Họ cho hẹn đến 11 giờ trưa thứ Ba 6 tháng Mười Hai. Các giám sát viên quận Cam được mời họp vào lúc 2, 3 giờ sáng thứ Ba để quyết định. Họ có thể bán bớt các trái khoán trong quỹ vẫn còn để trả nợ, nhưng làm như vậy thì vừa làm mất giá (vì bán nhiều trái khoán quá), vừa thúc đẩy các chủ nợ khác đòi nợ cùng một lúc. Cho nên Chủ tịch Hội đồng Giám sát đã họp báo, tuyên bố vỡ nợ theo chương 9 của luật về phá sản (chương 7 là về các tư doanh, chương 9 là về các cơ quan chính phủ, chương 11 là về các công ty).

Vụ Quận Cam vỡ nợ làm rung chuyển thị trường tài chánh Mỹ vì đây là vụ vỡ nợ lớn đầu tiên của một đơn vị hành chánh. Quận Cam lại là một quận giầu nhất nước Mỹ, một thành trì của đảng Cộng Hòa — Năm Giám sát viên đều thuộc đảng Cộng Hòa, nhưng ông Citron là Dân Chủ, và họ đều do dân bầu.

Một hệ quả là các cơ quan hành chánh từ nay đi vay nợ sẽ phải trả lãi suất cao hơn, nhất là quận Cam. Riêng quận Cam sẽ phải bãi bỏ nhiều dự án xây cất đường sá, sân vận động, và trường học. Nhân viên sẽ bị cắt giảm, các xí nghiệp đang định đầu tư vào đây sẽ ngưng lại, nhiều người sẽ thất nghiệp.

Tất cả chỉ vì ông Bob Citron đã mang số tiền 7 tỷ rưỡi của quận Cam đầu tư một cách liều lĩnh, trong vòng hơn một năm qua. Chúng tôi sẽ phân tích cách đầu tư liều lĩnh của ông.

Trong 24 năm làm Giám đốc Thuế vụ (Tax Collector), rồi kiêm Giám đốc Ngân khố (Treasurer) của quận Cam, ông Citron đã gặp rất nhiều may mắn. Ông được hai triệu rưỡi người dân và 185 cơ quan trong Quận Cam trao cho 7,500 triệu đầu tư. Nếu ông đem ký thác 7,500 triệu đồng vào ngân hàng, lời 3%, 5% một năm thì chắc ăn nhất. Ví dụ 5% của 7,500 triệu là 375 triệu đồng mỗi năm.

Nhưng chỉ có 375 triệu đồng một năm thì hèn quá! Nghèo quá! Quận Cam được tiếng là giầu nhất nước Mỹ. Không phải tự nhiên mà người ta có cái tiếng đó. Muốn làm giầu phải... liều, như các cụ nói "có gan làm giầu."

Có hai hình thức thi gan (tiếng Anh: *risk taking*) trong Quỹ đầu tư của Quận Cam. Một là dùng Đòn Bẩy (*Leverage*) và hai là đầu tư vào... *Derivatives*. Trong bài này chúng tôi sẽ giải thích hai hình thức làm giầu trên.

Đòn Bẩy Tài Chánh (*Financial Leverage*)

Nếu quý vị có $1,000 và muốn mua cổ phiếu (*stock, shares*), quý vị sẽ tới một nhà trung gian (*broker*, trong nước gọi là "cò") nhờ họ đặt mua. Nhà trung gian sẽ đề nghị cho quý vị vay thêm $1,000 nữa, lấy 5% lời chẳng hạn. Quý vị có thể mua $2,000 cổ phiếu, dù chỉ có 1,000$ vốn nhà (*equity*). Nhà trung gian giữ tất cả cổ phiếu của quý vị (trị giá $2,000) làm tin, gọi là đồ thế chấp (*collateral*). Họ bảo: có $2,000 đồ thế chấp, chỉ được vay $1,000 tức là 50% trị giá của đồ thế chấp. Phân số 50% đó họ gọi là *margin*, tạm gọi bằng tiếng Việt là "mác gin" cho nó tiện.

Nếu bạn đang gặp may, cuối năm các cổ phiếu mang lại 10% lời. Mười phần trăm của $2000 nghĩa là bạn có $200 tiền lời trên cổ phiếu. Bạn trả tiền lãi cho $1,000 tiền vay, 5% mất đi $50. Như vậy bạn còn $150, mà chỉ bỏ ra $1,000 tiền vốn. Sướng không? Mua cổ phiếu trơn lời 10%, vừa bỏ vốn vừa vay bạn lại lời $150 tức là 15% của $1,000 vốn nhà. Đó là phép lạ của Đòn Bẩy Tài Chánh.

Ông Citron đã dùng đòn bẩy. Ông dùng phần lớn vốn của Quỹ Đầu Tư để mua trái phiếu (*bond*). Trái phiếu an toàn hơn cổ phiếu, vì mức lời cố định. Trái phiếu $1,000 với lãi suất 7% thì chắc

chắn bạn sẽ có $70 tiền lãi mỗi năm. Mua trái phiếu ông vay nợ, mua cổ phiếu ông cũng vay nợ, và mua *derivative* ông cũng vay nữa.

Gọi đóng thêm tiền (Collateral Call)

Bây giờ thử nói chuyện xui xẻo.

Thí dụ quý vị mua cổ phiếu của hãng IBM, lúc giá mỗi cổ phiếu là $200 (mấy năm trước có lúc nó lên $275). Bạn có 10 cổ phiếu IBM, mà chỉ phải bỏ ra $1,000; vay $1,000 trả lãi suất 5%. Bỗng một ngày xấu trời, cổ phiếu của IBM sụt giá. Thí dụ nó tụt xuống $150, nói cho gọn (gần đây có lúc nó xuống còn $50 và trong tháng Mười Hai 1994 giá lấp lửng trên $70). Khi giá IBM xuống chỉ còn $100 tức là trị giá 10 cổ phiếu mà bạn cầm thế ở nhà *broker* (trung gian) chỉ còn 10 x $150 = $1,500. Bạn đã vay $1,000, với mác gin 50%, bạn phải có $2,000 cầm thế. Khi vật cầm thế (10 cổ phiếu IBM) chỉ còn đáng giá $1,500 thì sao? Thì ông broker tức người cho vay yêu cầu bạn đóng thêm tiền. Ở đây là đóng thêm $500 nữa, bù vào $1,500 cho lên thành $2,000. Chuyện này xảy ra hằng ngày, người ta gọi là *Margin Call* hay *Collateral Call*. (Xin các nhà ngữ học tìm dùm một chữ dịch cho hay).

Nếu bạn có sẵn $500 đóng vào thì mọi chuyện vui vẻ cả. Nếu không, nhà trung gian (đồng thời là chủ nợ) sẽ bán một số cổ phiếu của bạn, để lấy tiền mặt bù vào.

Trường hợp của ông Citron thì phần lớn các món đầu tư của ông là trái phiếu. Trái phiếu có thể xuống giá như là cổ phiếu vậy, và lý do xuống giá dễ hiểu hơn.

Thí dụ bạn mua một trái phiếu của chính phủ Mỹ, mệnh giá $1,000 (*face value*, giá ghi cố định trên giấy), lãi suất cố định là 6,25% (tiếng Mỹ gọi là *coupon*, ta cũng gọi là cu-pon cho tiện), mỗi năm người chủ trái phiếu sẽ được chú Sam trả $62.50 cho mỗi cu-pon. Trái phiếu chính phủ rất an toàn, họ gọi là T-Bond (T là *Treasury*, ngân khố.

Nhưng an toàn tới đâu thì giá của T-bond cũng có lúc lên, lúc xuống.

Thí dụ năm 1990, lãi suất chung trên thị trường tương đối hạ. Nghĩa là các người có tiền đi dạo mua trái phiếu nghĩ rằng một cái T-bond đó mà lời 6.25% một năm là giá phải chăng. Mức lời đòi hỏi của thị trường là 6.25%, gọi là *required yield*, hay *expected yield*. Khi đó, khách đầu tư sẽ vui lòng trả $1,000 cho một T-bond. Ta có công thức này:

Lãi suất trên phiếu (*coupon*) = Lãi suất đòi hỏi (*yield*)

(6.25% = 6.25%)

Sinh ra hậu quả giá thị trường (*market price*) = mệnh giá (*face value*).

($1,000 = $1,000)

Ví dụ năm 1994, người ta đang lo lạm phát. Hệ thống Dự trữ Trung ương tức Ngân Hàng Nhà Nước của Mỹ (Federal Reserve System - FED), lo ngăn cản lạm phát, và một phương pháp ngăn là đẩy lãi suất tăng lên. Với các lãi suất đều lên, nay khách đầu tư tính mua cái T-bond cũ họ sẽ đòi một mức lời (*yield*) cao hơn, ví dụ 8.1%. Nếu bạn làm chủ một T-bond đó, mà bạn không bán, cứ giữ trong tủ, thì không sao cả.

Nhưng nếu chẳng may bạn cần tiền gấp. Bạn đem cái T-bond ra chợ bán, họ sẽ chỉ trả $793 mà thôi. Tức là cái T-bond của bạn, lúc mua $1,000, lúc bán còn dưới $800, bạn lỗ vốn 21%.

Ông Citron gặp vận xui. Từ đầu năm đến giờ FED tăng lãi suất sáu lần tất cả. Giá các bond của Quỹ do ông quản trị cứ xuống, xuống hoài. Giả thử Quận Cam không cần tiền, cứ ôm lấy các trái phiếu đó cho tới ngày đáo hạn thì chả sao. Mất giá 1 tỷ rưỡi cũng chỉ là mất trên giấy thôi. Nhưng vì các nhà trung gian chủ nợ khi thấy các chứng phiếu của ông xuống giá đã "gọi đóng thêm tiền!" (*margin call*) và đúng lúc này quỹ tiền mặt của Quận Cam đang kẹt. (Chỉ có 350 triệu trong khi người ta đòi đóng vô thêm một tỷ 2. vào đầu mùa xuân năm 94 quỹ lưu hoạt (*liquid assets*) gần như tiền mặt của Quận Cam cao lắm, $2 tỷ 2. Vì ham đầu tư nên ông Citron bị sơ xẩy, mắc kẹt lớn.

Tại sao Bob Citron đánh cá lớn như vậy?

Có lẽ bởi vĩ ông quản lý Quỹ Đầu Tư bao nhiêu năm nay cứ gặp vận hên, nên sinh ra cao ngạo. Trong 15 năm qua lãi suất trung bình của Quỹ Quận Cam là 10% mỗi năm, không đâu bằng.

Một lý do khác, là ông ấy đánh cá bằng tiền của... dân, nghĩa là tiền Chùa! Nếu thắng thì ông ta được tiếng, có khi nhờ thế mai mốt sẽ tranh cử chức vụ lớn hơn. Còn nếu thua thì... về lãnh lương hưu trí.

Dùng Đòn Bẩy Tài Chánh là trò đầy may rủi.

Nhưng dùng Đê Rí Va Ti (*Derivatives*) thì mức nay rủi còn lớn hơn nhiều!

Đê rí va ti là gì?

Chưa tìm ra chữ Việt Nam nào để dịch tiếng Anh này. Tháng trước tôi đến nghe tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi thuyết trình trong cuộc hội thảo của Hội Chuyên Gia tại Pháp. Ông Nghi làm cho Ngân hàng của Đức ở Frankfurt, khi nói đến thứ chứng phiếu này bằng tiếng Việt ông cũng gọi nó là Đê rí va ti.

Đê rí va ti là thứ chứng phiếu tùy thuộc vào một thứ chứng phiếu, hay bất cứ một tài sản nào khác.

Có rất nhiều thứ Đê rí va ti, và càng ngày người ta càng sáng chế ra các món mới. Để tiện giải thích, hãy nói về hai món thông dụng hơn cả.

Món thứ nhất là *Options*, tôi xin phép dịch là

Hứa Phiếu. Thí dụ cổ phiếu của hãng IBM hôm nay giá $70. Một người nào đó *hứa* với bạn là vào tháng Ba năm 1995 bạn có quyền MUA 100 cổ phiếu IBM với giá là $72. Bạn có quyền mua, và nếu bạn bỏ không mua cũng được. Còn người kia thì có bổn phận bán, nếu bạn muốn mua. Tất nhiên vào tháng Ba 95 nếu giá thị trường của IBM chỉ có $70 thì bạn chả cần bắt người kia giữ lời hứa làm gì. Lời *hứa* này phải có giấy tờ làm chứng. Tờ giấy đó gọi là *Option*, trong thí dụ này là *Call Option*, Hứa Phiếu để mua. Nếu tháng Ba 95 giá IBM là $75 thì hứa phiếu đó có giá trị $3. Còn nếu giá IBM là $72 trở xuống thì giá trị là số không, bỏ đi Tám.

Hứa phiếu hấp dẫn vì bạn chỉ bỏ ra $100 mà có lời $100, nghĩa là lời 100%. Nếu bạn chỉ mua cổ phiếu IBM, thí dụ mua hai cổ phiếu, trả $70 x 2 = $140, tháng Ba 1995 quỹ đầu tư của bạn chỉ có giá trị $144, nghĩa là chỉ lời có $4 trên $140 tiền vốn (mức lời dưới 3%). Hứa phiếu nhiều rủi ro vì nếu cổ phiếu IBM xuống giá $72 thì bạn lỗ 100%.

Loại Đê rí va ti thứ hai, gọi là *Futures* (*Future* là tương lai, vị lai. Có nên dịch là *Lai Phiếu* hay không?)

Dùng Lai Phiếu (*Futures*) cũng giống như mấy ông chủ vựa lúa ở Chợ Lớn đi mua lúa non. Trên thị trường Huê Kỳ, Lai Phiếu phát xuất từ các thị trường nông sản như lúa mì, bắp, đậu nành, v.v... ở Chicago, và các quý kim.

Ví dụ bạn hứa với một người sẽ mua 5000 thùng lúa mì vào tháng Ba năm 1995. Hai bên thỏa thuận giá ngay từ bây giờ. (Giống như mua lúa non vậy, nhưng hai bên bình đẳng hơn). Ngày thứ Tư 7 tháng Mười Hai 94 vừa rồi, ở Chicago giá Lai Phiếu đó thực sự là $3.91/một thùng. Hai bên thuận mua, vừa bán, ký tên và điểm chỉ, có Thị trường Chicago làm chứng. Như vậy là hai bên đã trao đổi một Lai Phiếu. Nếu cả hai bên giữ nguyên tình trạng, thì tháng Ba năm tới tùy theo giá lúa mì lên xuống, một bên sẽ có lời, một bên sẽ bị lỗ. Cả hai bên phải tôn trọng lời cam kết, chứ không ai có quyền bỏ — như trường hợp Hứa phiếu.

Nhưng trong thời gian chờ đợi, nếu hàng ngày giá cả thay đổi thì bạn phải bù tiền vào, hay được rút tiền ra. Việc này thị trường Chicago làm chủ sòng sẽ áp dụng theo luật lệ, không ai chạy làng được.

Người ta có thể ký Lai Phiếu trên tất cả mọi thứ tài sản, nhưng một món rất thông dụng là Trái Khoán (*Bond*). Món đó gọi là *Interest Futures*, là Lai phiếu dựa trên các trái khoán. Thay vì dùng lúa mì như trong thí dụ trên, nay ta lấy món hàng chính là các loại trái phiếu, tốt nhất là công khố phiếu ngắn hạn (*Treasury Bills*). Thí dụ bạn giao hẹn vào tháng Ba 1995 sẽ mua cái T-Bills $100,000, loại đáo hạn trong ba tháng. Bạn hẹn sẽ trả $98,500 cho cái phiếu này vào tháng Ba 1995, và có người đồng ý bán. Khi đáo hạn, chính phủ Mỹ phải trả bạn $100,000 khi bạn trình T-Bill. Nó cũng giống giá $3.91 một thùng lúa mì vậy. Trả giá $98,500 là vì bạn tính sau đó ba tháng (tháng Sáu 1995) cái T-Bill đáo hạn bạn sẽ có lời $1500. Mức lời khoảng 1.5% trong ba tháng, nghĩa là cỡ 6% một năm.

Nếu bạn may mắn, tháng Ba năm 95 lãi suất xuống thấp chỉ còn 4% một năm (hay 1% mỗi quý — ba tháng). Khi đó giá một T-Bill tương tự sẽ lên tới $99,000. Bạn có lời ngay $500, mà chả phải bỏ ra bao nhiêu vốn, chỉ cần một lời cam kết và phí tổn giấy tờ. Vì bạn có quyền mua với giá $98,500 theo lời giao kèo trong Lai Phiếu, đem bán lại ngay lấy $99,000 trên thị trường.

Nhưng nếu không may, tháng Ba 95 lãi suất lên 8% một năm (hay 2% mỗi quý) thì cái T-Bill xuống giá, chỉ còn $98,000 thôi, và bạn lỗ ngay $500! Vì bạn phải mua với giá $98,500 theo lời giao ước trong Lai Phiếu mà ở ngoài chợ giá chỉ có $98,000.

Cũng như thí dụ lúa mì, người ta không đợi tháng Ba 95 mới tính lời, lỗ. Mỗi khi giá của món "T-Bill March 95, 3 tháng" lên hay xuống là có người lỗ (phải bù tiền vào) hay lời (được rút tiền ra). Và đó là cái rủi hay cái may của vụ "đánh" *Futures*!

Trong sáu tháng vừa qua lãi suất lên rất nhiều lần. Những người cam kết "Lai Phiếu Mua" đều lỗ vốn, những ai đứng ở thế "Lai Phiếu Bán" có lời!

Hứa Phiếu (*Options*) có nhiều loại. Hứa Phiếu Mua gọi là *Call Option*, Hứa Phiếu Bán là *Put Option*, gọi tắt là *Call* hay *Put*. Ngoài ra còn hàng trăm thứ phối hợp hai loại cơ bản trên. Lai phiếu cũng có nhiều món, thực đơn phong phú tha hồ cho khách chọn.

Ngoài ra còn trăm thứ Đê rí va ti khác, cho đủ mọi loại khách đầu tư. Những món Đê Rí Va Ti mà ông Bob Citron chọn đều liên quan đến lãi suất. Giống như lai phiếu dựa trên công khố phiếu, lãi suất xuống thì lời, lên thì bị lỗ.

Cả việc dùng Đòn Bẩy lẫn dùng Đê Rí Va Ti của ông Citron đều bị vụ lãi suất lên cao làm cho xiểng liểng. Cả Quận Cam cùng ăn... đòn với ông Citron. Nhưng ít có ai lãnh hưu bổng bằng ông!■

Chữ và Nghĩa: Độc giả *Thế Kỷ 21* có sáng kiến dịch các chữ *Derivative, Option, Futures, Swap, Floater*, v.v... xin làm ơn góp ý kiến! Các bạn Thang Ma, Đỗ Thông Minh làm ơn cho biết ở Trung Quốc và Nhật họ gọi các món đó là gì?

HẠT CƠ BẢN VÀ VI HẠT QUÁC (QUARK)

Bài III

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Trong trời đất có bốn cái "lực." Người ta gọi đó là những lực "tương tác" (*interactive*), vì nó làm cho hạt nọ ảnh hưởng đến hạt kia.

Nhưng làm thế nào gây ảnh hưởng và sự ảnh hưởng đó có ngay tức khắc hay không?

Thí dụ lực hấp dẫn tương tác giữa Trái Đất và Mặt Trăng, hai thiên thể này chịu sức hút của nhau nên Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất. Nhưng nếu chẳng may Trái Đất đột nhiên biến mất như một phép lạ — chỉ thí dụ thôi và mong chẳng bao giờ xẩy ra chuyện quái đản này —, nếu Trái Đất vụt biến tiêu, Mặt Trăng có biết ngay tức khắc mà chạy thẳng chớ không còn chạy vòng tròn nữa không?

Các nhà khoa học xác quyết: Mặt trăng không thể biết ngay tức khắc (cùng một lúc khi Trái Đất biến mất), mà phải chờ đến lúc có tin báo Trái Đất biến mất rồi, nó mới thay đổi quỹ đạo. Ai báo tin đó? Đó là hạt truyền lực (*messenger particle*) đã báo. Trong trường hợp lực hấp dẫn thì hạt báo tin này gọi là *graviton*.

Chuyện Trái Đất bỗng nhiên biến mất có vẻ giả tưởng quá, như ảo tưởng kinh dị, chúng ta hãy tìm một thí dụ thực tế hơn và thường xẩy ra hàng ngày. Đó là hạt truyền lực của lực điện từ.

Thí dụ một phi hành gia ở trên Mặt Trăng dùng vô tuyến điện nói chuyện với đài kiểm soát ở Trái Đất. Chúng ta đã biết Mặt Trăng cách xa Trái Đất trung bình 360.000 cây số. Vậy lời nói của phi hành gia không thể truyền ngay tức khắc xuống Trái Đất được vì làn sóng *radio* (sóng điện từ) cần phải có thời gian để vượt qua khoảng cách nói trên; dù sóng vô tuyến chạy nhanh bằng ánh sáng, nó cũng phải "đi" mất hơn một giây đồng hồ mới tới nơi.

Lực điện từ được truyền đi "cách không" bằng sóng, và khi đã chấp nhận sóng và hạt chỉ là một, người ta phải nói lực điện từ được truyền đi bằng một thứ hạt, gọi là hạt *photon*. Ánh sáng cũng được truyền đi bằng hạt *photon* này.

Một thí dụ khác ở trong phòng thí nghiệm Vật lý. Khi hai hạt *electron* (điện tử) mang âm điện, từ xa bay lại gần nhau, lẽ tự nhiên chúng không thể đụng vào nhau, bởi luật âm đẩy âm. Quỹ đạo của hai *electron* vẽ thành hai đường cánh cung; trước khi đụng vào nhau, chúng đã biết mà tránh nhau ra xa rồi. Cái gì bảo cho hai hạt *electron* biết mà tránh nhau trước khi va vào nhau? Xin thưa đó là nhờ hạt truyền lực điện từ gọi là *photon*.

Giới khoa học vật lý hạt gọi hiện tượng này là hai hạt *electron* đã "trao đổi" *photon* với nhau để biết sự có mặt của nhau mà tránh. Lạ nhỉ, hai hạt *electron* lấy *photon* ở đâu ra mà "trao đổi" như vậy?

Ở đây quan niệm hạt ảo (*virtual particle*) đã ra đời. Chúng ta đã biết mọi hạt tích điện đều có một trường điện từ bao quanh nó. Chúng ta hãy tạm cụ thể hóa "trường điện từ" như một đám mây bao phủ xung quanh *electron* và đám mây đó do hằng hà sa số hạt *photon* tạo thành. Đó là những hạt ảo vì không thể nào nhìn thấy, nó chỉ hiện ra trong một phần tỉ của giây đồng hồ khi có nhiệm vụ phải làm, rồi lại biến mất ngay. Khi hai *electron* đến gần nhau, các hạt ảo bị kích động, trao đổi với nhau rồi biến mất. Bởi vậy vật lý lượng tử quan niệm không gian mà ta tưởng là rỗng không, thật ra là một trường sôi động đầy những hạt ảo ẩn hiện. Khoảng cách giữa Mặt Trăng và Trái Đất cũng đầy rẫy những hạt ảo *photon*. Khi bị một máy phát tuyến kích động, hạt ảo *photon* xuất hiện (làn sóng điện xuất hiện), truyền đi các tín hiệu rồi lại ẩn đi luôn.

Về hai lực còn lại nằm trong nguyên tử, chúng cũng có những hạt truyền lực, hạt ảo. Hạt truyền lực của "lực mạnh" gọi là *gluon*. Hạt truyền lực của "lực yếu" gọi là các hạt *boson W và Z* có ba thứ: âm, dương, và trung hòa.

Tất cả bốn lực của thế gian đều có phương pháp "cách không truyền lực" như vậy, chẳng cần phải chạm vào nhau, cũng truyền được tín hiệu cho nhau. Và khi truyền tín hiệu, tự nhiên phải mất thời gian — dù thật ngắn — tin mới đến nơi, chớ không thể đồng thời ngay tức khắc, vì tín hiệu nào cũng không thể đi nhanh hơn tốc độ ánh sáng. Việc

này đã được chứng nghiệm cả trăm năm nay trong các phòng thí nghiệm.

Hai loại vi hạt: nặng ký và nhẹ ký

Chúng ta đã biết thế nào là vi hạt, biết bốn lực tương tác giữa các hạt đó và biết có các hạt ảo truyền lực, chúng ta đã có thể trở lại đề tài chính là các vi hạt quác (quark). Chúng ta không thể trải rộng môn Vật lý Hạt từ đầu đến cuối mà đi xem hết hàng trăm loại vi hạt khác nhau, chúng ta đành chỉ quan tâm đến những hạt căn nguyên của vật chất, bởi vì vật chất hữu hình ở ngay trước mặt chúng ta.

Hãy tóm lại những gì đã thấy: vật chất do các nguyên tử họp thành; nguyên tử lại do các điện tử và hạt nhân họp thành; hạt nhân do nhất tử (*proton*) và trung hòa tử (*neutron*) họp thành. Rút cuộc *proton* hay *neutron* lại do các vi hạt quác (*quark*) họp thành. Tất cả các hạt và vi hạt này tương tác với nhau trong bốn lực để xây dựng thành vật chất và bốn lực đó đều có những hạt ảo để truyền lực.

Sở dĩ chúng tôi viết loạt bài về vi hạt này là vì hồi cuối tháng Tư 1994, giới khoa học vi hạt dưới nguyên tử loan báo tin đã tìm thấy hạt *quark* cuối cùng, có tên là hạt *Top* (ngọn).

Chúng ta hãy tìm hiểu xem hạt quác là cái gì, tại sao có tên là "*quark*", có bao nhiêu loại hạt quác và những hạt quác nào trực tiếp xây dựng lâu đài vật chất.

Trước hết chúng ta hãy phớt qua những bước tiến để đi đến việc tìm thấy hạt quác.

Vào khoảng thập niên 50, các khoa học vật lý hạt dưới nguyên tử (*subatomic*) đã bắt đầu phân chia các vi hạt tìm thấy ra làm hai loại, đặc biệt liên quan đến hai lực tương tác bên trong hạt nhân nguyên tử.

Những hạt chịu ảnh hưởng của lực yếu (không chịu ảnh hưởng của lực mạnh) được gọi là *lepton* — có nghĩa nôm na là vật nhẹ.

Những hạt cặp được cả với lực mạnh được gọi là *hadron* — có nghĩa là loại nặng kí.

Điều lạ lùng mà họ nhận thấy là loại *lepton* trước sau chỉ có sáu hạt. Còn loại *hadron* nhiều đến hàng trăm hạt. Tại sao vậy?

Chúng tôi đã xin lỗi bạn đọc, không thể đi hết danh sách các loại hạt, vì chỉ chú ý đến các viên gạch xây dựng thành vật chất.

Trong danh sách *lepton* có sáu hạt đứng đầu là hạt điện tử (*electron*). Đây cũng là một viên gạch nhỏ xây dựng thành vật chất, vì các nguyên tử đều có *electron* xoay quanh.

Trong danh sách các hạt *hadron*, đứng đầu là *neutron* và *proton*. Đây là hai viên gạch lớn xây thành tòa lâu đài vật chất, vì hai hạt này nằm trong hạt nhân.

Thế những hạt khác làm gì mà nhiều vậy? Trước hết một phần là những hạt ảo, hạt truyền lực. Riêng ở ngành *lepton*, hạt *photon* được xếp ở ngoài riêng, vì nó không có khối lượng (*mass*), không có điện tích (*charge*) lại vừa là thật vừa là ảo. Sau là ở ngành *hadron*, tuy có những hạt ảo, nhưng còn rất nhiều hạt thật, nhưng cũng chẳng

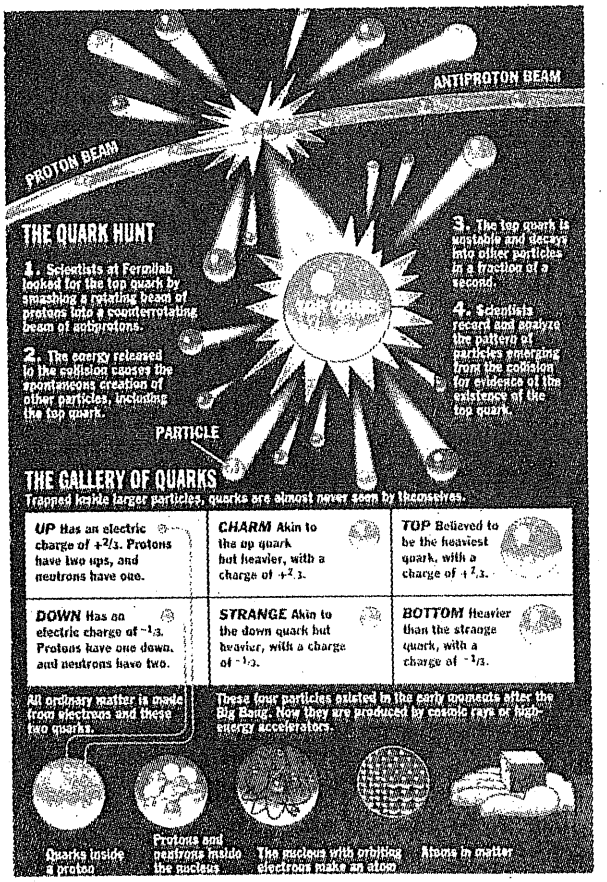

khác gì hạt ảo, bởi vì chúng có cuộc sống quá ngắn có khi chỉ bằng một phần chục triệu hay trăm triệu của giây đồng hồ. Nó sinh ra từ những sự rã (*decay*) của hạt nhân, sống trong khoảng khắc ngắn, để rồi lại rã ra thành những hạt khác, hoặc tự nó kết hợp với hạt khác rồi lại rã... Chúng ta đã đồng ý không nói đến lãnh vực quá phức tạp này.

Thế nhưng có hai nhận xét quan trọng:

1) loại *lepton* nhẹ có ít, loại *hadron* có nhiều gấp hàng trăm lần.

2) loại *hadron* hay rã (*decay*) tức là bể ra từng mảnh.

Hai nhận xét này đưa đến một sự suy luận dễ dàng: hạt nặng có nhiều và hay rã như vậy có nghĩa là chính hạt nặng lại do nhiều hạt nhỏ hơn tạo thành.

Khảo cứu thuận tiện nhất là nắm lấy hai anh

"sống lâu" nhất, *proton* và *neutron*, mà xem. Đây là hai hạt xây dựng thành vật chất hữu hình, chúng cũng thuộc loại *hadron*. Bởi thế lý thuyết tiên khởi đặt ra là *proton* và *neutron* không phải là cơ bản. Nó cũng là một thứ lâu đài do các viên gạch khác nhỏ hơn tạo thành.

Lý thuyết khoa học là gì? Đó là những lập luận khúc triết, dựa trên những định lý hay định đề sẵn có, những xác thuyết đã được chứng minh, căn cứ trên sự nhận xét tinh vi của hiện tượng, không phải chỉ ở bề ngoài, mà có sức suy luận nhìn thấu vào nội tâm của hiện tượng, và suy diễn theo những luật của thiên nhiên, từ chỗ có cái này rồi, ắt phải có cái kia và giả thiết cái kia không thấy, chỉ vì chưa tìm thấy nó mà thôi, chớ nó có thật.

Sáu "vị" của quác

Năm 1963, một nhà vật lý học (lúc đó còn trẻ) là ông Murray Gell-Mann của Viện CalTech (kỹ thuật học California) đã cùng một nhà vật lý khác, ông George Zweig đưa ra lý thuyết *quark*. Ông Gell-Mann là người chủ yếu phát triển lý thuyết này và năm 1969 ông đã được giải thưởng Nobel về công trình theo đuổi đến cùng lý thuyết để được chứng minh bằng thí nghiệm và quan sát.

Từ ngữ "*quark*" ở đâu mà ra? Các nhà khoa học thường có thói ngông, lấy những từ ngữ lạ lùng nhất để đặt tên cho những khám phá của mình.

Lý thuyết Gell-Mann cho rằng các hạt *hadron* (nặng kí) không phải là cơ bản, vì chúng đều do những hạt nhỏ hơn họp thành. Những hạt nhỏ này được ông Gell-Mann đặt tên là *quark*.

Chữ "quark" này lấy ra từ một câu đầy bí hiểm của văn hào Ái Nhĩ Lan James Joyce (1882-1941) trong cuốn tiểu thuyết của ông. Đó là một câu của nhân vật trong truyện nói: "*Three quarks for Muster Mark*" (Ba quạc cho Muster Mark). Không ai hiểu rõ câu nói này thực sự ám chỉ cái gì.

Ông Gell-Mann lúc đầu cho rằng chỉ có ba vi hạt, tức là ba quạc, có lẽ chữ "*three quarks*" ám ảnh ông cũng như ám ảnh độc giả của cuốn tiểu thuyết.

Nhưng sau lý thuyết phát triển, ông Gell-Mann nhận định phải có ba cặp, sáu vi hạt. Sáu vi hạt *quark* đó là: *up* (trên) và *down* (dưới); *charm* (duyên) và *strange* (lạ); *top* (ngọn) và *bottom* (đáy).

Tại sao đặt tên các quác như vậy? Chẳng lẽ có cái ở trên, cái ở dưới, có cái có duyên, có cái lạ, có cái ở ngọn, có cái ở đáy hay sao?

Ở đây phải nói ngay rằng chớ trông mặt mà bắt hình dung. Những cái tên đó đặt theo tính ngông của nhà khoa học mà thôi. Mục đích chỉ là phân biệt các loại *quark* khác nhau, chớ chẳng có ý nghĩa theo tên được đặt ra.

Tại sao chỉ có ba, rồi hóa thành sáu. Sao không nhiều hơn hay ít hơn? Chúng ta không thể đi vào những chi tiết rất phức tạp của sự phát triển lý thuyết này, chỉ biết rằng mỗi hạt dưới nguyên tử đều có ba đặc tính của nó: khối lượng, *spin* (tạm dịch là sự quay — thật ra không phải là quay như ta thấy con quay xoay tròn) và điện tích (âm, dương hay trung hòa).

Nếu hạt *quark* tạo thành các hạt nặng kí *hadron*, cũng có thể coi nó như loại hạt *lepton* (nhẹ kí). *Lepton* có sáu loại hạt tạo thành ba cặp, thì *quark* cũng phải có ba cặp sáu hạt.

Đây không phải là dự đoán mà là sự suy luận rất xác đáng từ thế gọi là đối xứng (*symmetry*) của hành vi các hạt, và cộng thêm với số lượng tử (*isospin*) rất đặc biệt của vi hạt, người ta có thể đặt nó trên tám đường kẻ. Các nhà bác học đã có lần gọi đùa đó là "bát chánh đạo".

Sáu vi hạt quác đó được gọi theo các vị (*flavour*) — thật ra chẳng liên quan gì đến mùi vị cả. Vậy sáu vi hạt *quark* có sáu *flavour* là *up, down, charm, strange, top,* và *bottom*. Trong những đoạn kế tiếp, xin chỉ viết sáu từ trên bằng chữ đầu cho tiện: u, d, c, s, t, và b.

Nhưng không phải chỉ có thế. Mỗi *quark* nói trên lại có ba màu chính yếu là đỏ, xanh lơ và xanh lá cây. Ba màu trong kỹ thuật TV màu để trộn lại thành một loạt màu sắc khác nhau trên phim ảnh kể cả màu trắng. Thế nhưng cũng nên nhớ rằng mỗi quác không phải mang ba màu nói trên khi ta nhìn thấy nó (nếu nhìn thấy), thật ra vấn đề màu đặt ra chỉ để tiện sự tính toán trong cách phối hợp các *quark*, để biến thành những *quark* khác nhau, cũng như phối hợp ba màu trên TV

Thành ra *quark* có ba cặp, thành sáu *flavour*, mỗi *flavour* lại có ba *colours*, vị chi tất cả thành mười tám *quark* khác nhau.

Nhưng còn nữa. Mỗi vi hạt *quark* lại cặp với một phản hạt *quark (anti-quark)*, cũng giống như vật chất (*matter*) đều có phản vật chất (*anti-matter*) tương xứng.

Các loại điện tích (*charge*) của quác

Để khỏi nhức đầu, chúng ta hãy hạn chế sự tìm hiểu trong loại vật chất tạm gọi là nhìn thấy trong cuộc sống hàng ngày.

Có ba loại hạt tạo thành vật chất nhìn thấy là *electron* (điện tử), *proton* (nhất tử hay dương tử) và *neutron* (trung hòa tử).

Hạt *electron* đã là loại *lepton* (nhẹ kí), nó thường đứng một mình với một đơn vị điện tích là âm một (-1). Còn hai loại *hadron* (nặng kí) là *proton* và *neutron* cũng như các *hadron* khác đều do vi hạt *quark* họp thành.

Trong mỗi hạt *proton* hay *neutron* đều có ba vị

hạt *quark*. Đó là loại *quark flavour* nào?

Hạt *proton* do ba *quarks*: 1 u và 2 d tạo thành.

Ở đây vấn đề điện tích được đặt ra. Như chúng ta đã biết bên trong "tòa lâu đài" nguyên tử, có hạt nhân, và trong hạt nhân có hai loại hạt *proton* và *neutron*. Còn các *electron* quay xung quanh (tạm trình bày hình ảnh như vậy cho dễ hiểu).

Proton có một đơn vị điện tích dương. Còn *electron* có một đơn vị điện tích âm. Điện tích đơn vị, nghĩa là điện tích cơ bản của vật chất.

Thế nhưng hạt *quark* có điện tích là bao nhiêu mà ba họp thành một. Bắt buộc hạt quác phải có điện tích xé lẻ, nghĩa là nhỏ hơn đơn vị 1.

Quark up có điện tích dương hai phần ba đơn vị, viết tắt là +2/3.

Quark down có điện tích âm một phần ba đơn vị, viết tắt là -2/3.

Như vậy trong *proton* có ba *quark*: 2 up (+2/3) và 1 down (-1/3), cộng lại các phân số điện tích này 2/3 + 2/3 - 1/3 = 3/3 tức là có 1 đơn vị dương. Điện tích của *proton* là 1 dương vậy.

Còn *neutron* (trung hòa tử), có điện tích 0, có 3 *quark*: 1 up (+2/3) và 2 down (-1/3), cộng lại các phân số này +2/3 - 1/3 - 1/3 = 0, tức là điện tích bằng không, trung hòa tử.

Chúng ta chỉ là "những phó thường dân" chỉ cần biết đến những thứ vật chất nhìn thấy trong cuộc sống hàng ngày và đã quyết định không thèm biết đến các loại vật chất khác, không nhìn thấy được bằng mắt... thường dân (trừ phi có máy thí nghiệm). Tuy nhiên chúng ta có quyền thắc mắc.

Nếu đã gọi là điện tích đơn vị, tại sao lại còn những phân số đơn vị như +2/3 và -1/3 điện tích ở hạt quác? Chẳng lẽ *electron* cũng có thể xé lẻ do 3 cái -1/3 ghép lại? Như vậy nói làm gì đến đơn vị cơ bản cho mệt?

Chuyện này là cả một đề tài khác.

Nhưng câu trả lời giản dị nhất là... các điện tích lẻ của *quark*, tuy có mà không. Bởi vì hạt *quark* chỉ có thể sống được trong các hạt *hadron* mà thôi. Tách rời ra ngoài là nó chết ngay, không sao sống được mà mang số điện tích xé lẻ.

Còn thắc mắc nữa. Chỉ có hai thứ *quark up* và *down* tạo thành vật chất, vậy còn cả một đống *quark* khác làm cái gì mà nhiều thế? Chúng họp thành các hạt nặng ký *(hadron)* khác, hoặc những hạt có cuộc sống quá ngắn không nhìn thấy, hoặc những hạt truyền lực cũng không thể nhìn thấy.

Chuyện dài quác chưa hết

Tiến trình diễn tiến công cuộc đi tìm hạt *quark* như thế nào? Tại sao hồi tháng Tư vừa qua khi tìm được anh chàng sau chót là *Top* (ngọn), các nhà khoa học vỗ tay reo mừng?

Sau khi lý thuyết quác của Gell-Mann được phát triển, người ta đã tìm thấy vi hạt *quark* đầu tiên năm 1969 nhờ máy gia tốc hạt khổng lồ của trường Đại học Stanford ở California.

Từ đó, người ta lần lượt tìm thấy được nhiều vi hạt quác khác, có "vị" khác nhau.

Năm 1977, "vị" thứ năm của *quark* là *bottom* (đáy) đã được tìm thấy. Các nhà vật lý suy đoán, "vị" này tất nhiên cũng phải có "cặp" của nó. Nhưng từ đó 20 năm trôi qua, người ta vẫn không sao tìm được "vị" cặp là *top* (ngọn). Lý thuyết xác định ba cặp, sáu "vị", vậy mà thiếu một "vị", có thể toàn bộ lý thuyết có chỗ sai chăng?

Chính vì sự thắc mắc lớn này, đến tháng Tư năm 1994, rút cuộc Sở thí nghiệm vật lý quốc gia Fermi tìm thấy "vị" thứ sáu là top, các nhà khoa học thở dài nhẹ nhõm. Lý thuyết *quark* quả là đúng 100%.

Nhưng đã hết *quark* chưa? Có thể còn những vi hạt quác khác nữa.

Chính nhà bác học Gell-Mann hồi gần đây đã nói chuyện dài "*quark*" chưa chấm dứt. Không có một lý thuyết nào cũng như không có một cuộc thử nghiệm nào trong thời gian qua đã loại trừ khả năng còn có những cặp quác khác nữa, ngoài ba cặp đã biết.

Lý thuyết quác này cũng chỉ là một bộ phận đích thực nhất để xây dựng một lý thuyết tổng quát hơn gọi là "lý thuyết của mọi vật" (*theory of everything*) viết tắt là TOE, để giải thích mọi tính chất của vật chất và năng lượng trong vũ trụ, trong một dạng giả thuyết mới gọi là "lý thuyết siêu dây" (*superstring theory*)

Chúng tôi sẽ đề cập đến cái "siêu dây" này nếu có dịp.■

(6-12-1994)

Bài kỳ tới:

Thế Kỷ 21 số tháng 2-1995 chúng tôi dự định viết "Mùa Xuân của sự sống" để tạm rời Khoa học Vật lý thuần túy, và cùng bạn đọc đi vào môn Sinh Hóa (Biochemistry) phối hợp của Sinh học (Biology) và Hóa học (Chemistry), và ngành Khoa học Kỹ thuật di truyền học (Genetics).

ĐÍNH CHÍNH:

Trong bài *Hạt Cơ Bản và Vi Hạt Quác II*, (TK 21, tháng Mười Hai 1994) có lỗi đánh máy, xin sửa lại cho đúng:

Trang 30, cột 1 (trên đầu cột): (...)như cùng nó "rã," có cả hạt **photon** và **neutrino** nữa(...), thay vì *proton* và *neutron*.

Cột 2 (trên đầu cột): (...)khiến các tia **photon, neutrino** phóng ra ngoài(...), thay vì *proton* và *neutron*. Xin cáo lỗi cùng quý độc giả.

HAI LẦN HỘI KIẾN TẠI DINH ĐỘC LẬP

Hướng Thượng LÊ ĐÌNH DUYÊN

LTS: *Cuộc li khai của Việt Nam Quốc Dân Đảng Nam Ngãi (Quảng Nam- Quảng Ngãi) chống chính quyền Ngô Đình Diệm tại vùng thượng du tỉnh Quảng Nam bắt đầu vào tháng Tư 1955 và chấm dứt tháng Ba 1956 qua sự trung gian hòa giải của Linh mục Lê Công Khương, chánh xứ Giáo phận Tam Kỳ lúc bấy giờ. Một trong các lãnh tụ của cuộc li khai, ông Lê Đình Duyên, tác giả bài hồi ký này, sau đó đã vào sinh sống ở Sài Gòn, và đã mấy lần được mời vào tiếp xúc tại Dinh Độc Lập. Mời độc giả theo dõi các cuộc tiếp xúc ấy để cảm nhận trở lại cái không khí cai trị quốc gia một thời của gia đình họ Ngô cùng cái số phận cay nghiệt mà Việt Nam Quốc Dân Đảng đã phải liên tiếp hứng chịu, từ thời Pháp thuộc, qua thời kỳ Việt Minh đến thời Đệ Nhất Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam.*

Niên khóa 1956-1957 khai giảng, trở lại nghề cũ trước đây 20 năm, tôi đến xin ghi danh dạy giờ tại các trường trung học tư thục tại Sài Gòn như Tân Thịnh, Tân Thạnh, Nguyễn Công Trứ, Les Lauriers, Đạt Đức, Trần Quốc Tuấn, Chi Lăng... để thăm dò lại khả năng chuyên môn mình, tôi tự bắt đầu từ những lớp thấp, rồi dần dần, sau mỗi niên khóa, tạo được thêm uy tín và hiệu năng trong việc giảng dạy với ban giám hiệu và học sinh, tự động tôi được mời đảm trách lên những lớp trên cao hơn... cao hơn nữa: những lớp luyện thi Cao Tiểu Học, rồi Tú Tài Phần Nhất.

Sinh hoạt gia đình tôi lúc bấy giờ mới bắt đầu hợp nhất, hồi phục và tạm thời ổn định. Thì vào Hè năm 1957, Đại úy Trần Thanh Chiêu, một đồng hương đang là sĩ quan Nội dịch Phủ Tổng Thống, đến tìm gặp tôi và cho biết ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu cho mời tôi vào hội kiến tại Dinh Độc Lập. Thời giờ hội kiến do tôi hoàn toàn quyết định, qua trung gian của Đại úy Chiêu.

Hơi ngạc nhiên, vì sự việc quá bất ngờ, vượt ngoài dự tính của tôi; lấy tình quen biết đồng hương cũ, tôi ngỏ ý thăm dò chủ đích cuộc hội kiến,nhưng Đại úy Chiêu từ chối tiết lộ và chỉ xin ngày giờ hẹn trước để trở lại đón tôi vào Dinh, theo yêu cầu của ông Cố Vấn. Tôi đành hẹn ba ngày sau, vào lúc 9 giờ sáng vậy.

Đúng hẹn, tôi được Đại úy Chiêu đưa vào Dinh Độc Lập, tạm ngồi chờ ở phòng khách ông Cố Vấn. Độ 15 phút sau, ông Ngô Đình Nhu trong bộ Âu phục màu xám, cà vạt màu huyết dụ, chậm rãi bước ra, qua sự hướng dẫn và giới thiệu của Đại úy Chiêu... Lạnh lùng, hơi kênh kiệu, ông Nhu nhìn qua tôi, đưa tay ra mời tôi ngồi đối diện tại salon và bắt đầu câu chuyện, với giọng nói khàn khàn, Huế pha Bắc pha Nam, hơi khó nghe, nhưng với một cung cách mà tôi không bao giờ quên được là suốt cả giờ hội kiến, ông Nhu luôn luôn cúi mặt, tránh nhìn thẳng vào mắt tôi và chỉ thỉnh thoảng liếc lên nhìn trộm tôi thôi, trong bầu không khí im lặng lạ lùng áp đảo.

Sau vài câu xã giao thông lệ, đến những thủ thuật kết tội dằn mặt, đe dọa có, vuốt ve có... chủ đích vặn hỏi nguyên nhân xa gần và lý do căn bản đã đưa đến cuộc Ly Khai Nam Ngãi.

Tôi ngồi lắng nghe, bình tĩnh lựa lời thưa trả:

"Thưa ông Cố Vấn, cuộc Ly Khai Nam Ngãi của Việt Nam Quốc Dân Đảng là việc vượt ra ngoài ý muốn của chúng tôi. Khởi thủy, chỉ là một hành động chính trị hạn chế trong phạm vi thuần túy tự vệ để nhằm mục đích phần nào cảnh giác chánh quyền qua những hành vi, theo chúng tôi nghĩ là có phần quá đáng trong một chế độ Cộng Hòa Pháp Định, nhưng không ngờ theo thời gian, trước nhu cầu phấn đấu tự tồn của Tổ chức đã biến dần thành cuộc Chống Đối Có Vũ Trang!

"Thưa ông Cố Vấn, đất Nam, Ngãi, Bình, Phú là diện địa hoạt động cố hữu, từ năm 1945 của Việt Nam Quốc Dân Đảng; vì thế đảng Cần Lao Nhân Vị cũng như Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia của chánh phủ, mặc dù có chánh quyền, quân đội và công an cảnh sát trong tay, vẫn không sao gây mầm và phát triển mạnh như những địa phương khác được, mà những cán bộ đoàn thể tại địa phương chủ quan không tự tìm thấy, lại vội vàng báo cáo lên cấp trên, quy lỗi vào sự khống chế, chống ngăn của Việt Nam Quốc Dân Đảng chúng tôi.

Thi hành chủ trương của Trung Ương tại Sài Gòn, ông Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung ra mật lệnh dùng mọi cách, bằng mọi giá, bắt đầu mua chuộc,

chia rẽ, khủng bố, giam cầm... nhằm vào triệt hạ hàng ngũ cán bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng; cụ thể như: bắt giam ông Trịnh Thể, Chấp Ủy Viên Liên Tỉnh Bộ Miền Trung, Hiệu trưởng trường trung học bán công Phan Châu Trinh ở Đà Nẵng; ông Nguyễn Đình Lương, Bí Thư Ban Chấp Hành Liên Tỉnh Bộ Miền Trung ở Quế Sơn; ông Phan Thiệp, Chấp Ủy Viên Ban Chấp Hành Liên Tỉnh Bộ Miền Trung, Quận Trưởng ở Tam Kỳ; ông Hồ Văn Ánh, Chấp Ủy Viên tỉnh bộ Quảng Nam, Thiếu Tá Chỉ Huy Phó tiểu đoàn Cảnh Vệ Quảng Nam tại Thanh Quít, Điện Bàn; cùng một số khá đông các Thị Ủy, Quận ủy, Xã Ủy trên toàn hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Riêng chính cá nhân tôi, cũng chuẩn bị thuyên chuyển đi khỏi Quảng Nam, ra làm Phó Tỉnh Trưởng Quảng Trị.

Diễn tiến tình hình trên đã đẩy Việt Nam Quốc Dân Đảng chúng tôi vào thế chân tường, bắt buộc phải tự vệ. Và ngày 27 tháng Tư 1955 (ngày 6 tháng Ba năm Ất Mùi) tuân hành mật lệnh của Ban Chấp Hành Liên Tỉnh Bộ Miền Trung, toàn bộ Quân, Cán, Chính Việt Nam Quốc Dân Đảng Nam Ngãi các Thị, Quận, Xã Ly Khai Chánh Quyền, rút vào bí mật và thành lập Liên Khu Chiến Nam Ngãi.

Cuộc Ly Khai Nam Ngãi kéo dài mười một tháng hai ngày (từ ngày 27 tháng Tư 1955 đến ngày 29 tháng Ba 1956), qua trung gian hòa giải của Linh Mục Chánh Xứ Giáo Phận Tam Kỳ Lê Công Khương, chúng tôi đồng cảm nhận thế "trai cò" bất lợi cho Quốc Gia và quyết định xóa bỏ mọi mâu thuẫn, hiểu lầm, đình chỉ mọi hình thức chống đối, về hợp tác với chánh quyền chung xây chế độ Cộng Hòa vững mạnh, sau bao năm dài tao loạn".

Ông Nhu gật đầu nói: "Được thế, thì quý lắm! Rất tiếc, tôi gặp ông hơi chậm". Rồi ông Nhu đứng dậy, bảo tiếp: "Cụ Tổng Thống cũng muốn gặp ông. Ông ngồi chơi, chờ tôi vào bẩm trình".

Tưởng cũng nên nói qua, cụ Tổng Thống và ông thân sinh tôi, Bác Sĩ Lê Đình Thám là chỗ cựu giao thân tình. Ông thân sinh tôi là Y sĩ gia đình của đại gia đình tộc Ngô ở Huế, từ cụ bà cố ở Phú Cam, đến gia đình ông Nguyễn Văn Ấm, thân sinh Đức Giám Mục Nguyễn Văn Thuận, đến gia đình ông Nguyễn Văn Nghi, nhạc phụ bà Cả Lễ... nên mỗi lần, ông thân sinh tôi đến thăm bệnh, chữa trị tại tư gia các gia đình nói trên, tôi, lúc ấy còn là học sinh trung học, thường được xách hộp dụng cụ Y khoa tháp tùng phụ giúp, do đó cũng có phần quen biết nhau. Duy chỉ có ông Nhu và ông Luyện du học xa, nên chưa được tiếp xúc lần nào.

Độ 30 phút chờ đợi, một Đại úy Nội dịch khác (mà tôi quên tên) ra mời tôi qua phòng khách Tổng Thống, ngồi chờ yết kiến Tổng Thống.

Cánh cửa kính phòng bên xịch mở, Tổng Thống Ngô Đình Diệm trịnh trọng trong bộ Âu phục trắng, cà vạt đen, bệ vệ bước ra, theo sau là ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Chào hỏi, mời ngồi xong, ông Nhu rút lui... Phòng khách rộng thênh thang, trang trí theo lối pha cổ, pha kim, rất trang nghiêm và cũng rất thời trang lộng lẫy.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm bắt đầu: "Cụ Đốc vẫn mạnh giỏi chứ? Ông có thường xuyên liên lạc với cụ Đốc không?"

"Thưa Tổng Thống, dạ, chỉ thỉnh thoảng thôi, mỗi năm một vài lần, vì thư từ phải qua người cháu ở Paris. Và Thầy cháu vẫn mạnh".

"Trước nay, ông có liên lạc với bà Cả Lễ không?"

"Thưa Tổng Thống, cháu ít có dịp ra lại Huế, nên không liên lạc gì mới với Mợ Cả cả".

"Tôi biết mà, ông không như người ta, cũng như cụ Đốc trước đây, không muốn cầu cạnh ai, nhờ vả ai và làm phiền ai... Và nói chung chung, dân Quảng Nam các ông đa số cũng gần như thế cả. Trước đây, tôi có nhiều dịp tiếp xúc với các Nhân sĩ, Thầy đồ, Hương chức Quảng Nam trong thời gian mấy năm lánh cư vào chung sống với anh Thượng Cả nhà tôi, cụ Tổng Đốc Ngô Đình Khôi, sau khi từ quan ở Huế. Dân Quảng Nam các ông khó quy phục (!), nên trải qua mấy đời Tỉnh trưởng vẫn không thành công! Dùng người ngoại tỉnh về làm Tỉnh Trưởng Quảng Nam, thì chúng tôi mất Quảng Nam, vì Quảng Nam theo Cộng Sản; mà dùng các ông, người nội tỉnh, về làm Tỉnh Trưởng, thì chúng tôi cũng mất Quảng Nam, vì Quảng Nam theo các ông. Thật nan giải! Trước sau chi, chúng tôi cũng không nắm được Quảng Nam! Thôi đành, giữ Quảng Nam cho Quốc Gia, còn hơn cho Cộng Sản!... Vậy, ông có thể vì tôi mà về làm Tỉnh Trưởng Quảng Nam được không?"

"Thưa Tổng Thống, việc ấy xin tùy Tổng Thống, tùy ông Cố Vấn tại đây và tùy ông Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung".

"Ừ thôi được! Tôi sẽ hỏi ý kiến chú Cẩn và cho ông biết sau..."

Cuộc hội kiến chấm dứt, tôi đứng lên xin cáo từ và được Đại úy Chiêu đưa về tận nhà.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, tôi vẫn tiếp tục dạy học tư thục để sinh sống và nghe đâu, trong vòng hai năm mấy (1956-1957) sau Đại tá Lê Khương, đến ông Hà Thúc Luyện, rồi đến ông Hồ Liêm nối tiếp nhau về làm Tỉnh Trưởng Quảng Nam, tình hình vẫn không có gì thay đổi!

Vào đầu Xuân năm 1958, Thiếu tá Trần Thanh Chiêu (vừa mới thăng cấp) lại đến nhà tìm gặp tôi và cho biết là ông Cố Vấn cần gặp tôi gấp: "Xin mời anh, nếu có thể cùng đi với em ngay bây giờ. Có tiện không anh?"

"Đang rảnh ở nhà, đi thì đi! Anh chờ tôi một

chút nhé''.

Hội kiến lần này cũng tại phòng khách ông Cố Vấn, song thái độ ông có vẻ bớt lạnh lùng, cởi mở hơn, nhưng cũng vẫn cung cách cũ, luôn luôn nhìn xuống và tránh nhìn thẳng vào người đối thoại. Ông Nhu bắt đầu: ''Hôm nay gặp ông cũng không ngoài vấn đề cụ Tổng Thống đã nói với ông lần trước, là mời ông về làm ỉnh Trưởng Quảng Nam, với mấy điều kiện:

1- Về Quảng Nam, ông phải triệt để ủng hộ và trung thành với cụ Tổng Thống;

2- Về Quảng Nam, ông không được ngăn cản, chèn ép việc phát triển đảng Cần Lao Nhân Vị, và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia;

3 Về Quảng Nam, ông không được lợi dụng chức vụ Tỉnh Trưởng để phát triển Việt Nam Quốc Dân Đảng''.

''Thưa ông Cố Vấn, tôi xin hứa hoàn toàn tuân hành đúng ba điều kiện ông vừa nêu, vì:

1- Đã ra tham chính, Tổng Thống là vị lãnh đạo tối cao của chính quyền, tôi là cấp thuộc hạ, lẽ tất nhiên, ngoài trách nhiệm còn có bổn phận phải triệt để ủng hộ và trung thành với Tổng Thống;

2- Trong chế độ Cộng Hòa Pháp Định, mọi đảng phái, hiệp hội đều có quyền sinh hoạt hoàn toàn tự do và bình đẳng trong luật pháp, không một tổ chức nào có quyền độc tôn, độc đảng cả;

3- Thưa ông Cố Vấn, tôi là người đã từng hoạt động chính trị cách mạng, thì cũng đã thừa biết rằng: Nếu tôi lợi dụng chức vụ Tỉnh Trưởng để phát triển Đảng chúng tôi thì khi tôi hết làm Tỉnh Trưởng, Đảng chúng tôi cũng tự tan rã theo ghế Tỉnh Trưởng, như lâu đài xây dựng trên bãi cát vậy''.

Ông Nhu và tôi đồng cười thông cảm.

''Thưa ông Cố Vấn, bây giờ phần tôi, tôi cũng xin đệ trình ba yêu cầu căn bản, làm nền móng cho vấn đề về làm Tỉnh Trưởng Quảng Nam:

1- Xin được toàn quyền cứu xét trả tự do cho tất cả tù nhân Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Quảng Nam;

2- Xin được toàn quyền thay đổi 1/3 quân cán chính đương nhiệm tại Quảng Nam;

3- Xin được toàn quyền dùng mọi hình thức hợp pháp và bất hợp pháp trực diện đối đầu với kẻ thù dân tộc tại Quảng Nam.''

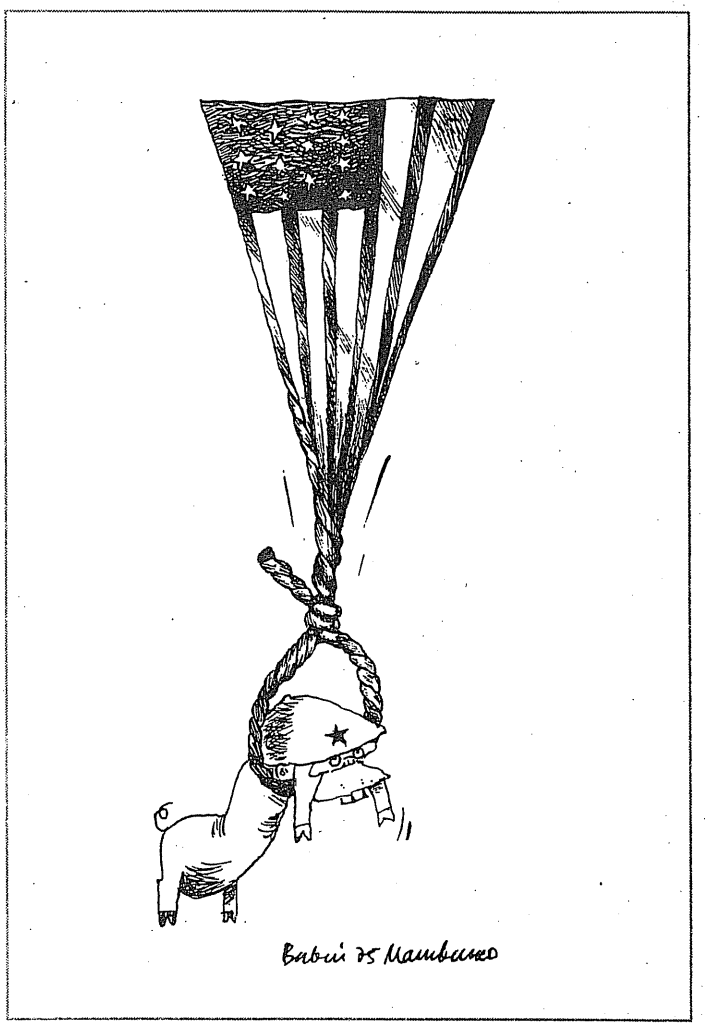

Qua một phút lắng nghe, suy nghĩ, ông Nhu nói:

''Điều 1: Dễ thông cảm, dễ chấp nhận;

Điều 2: Như vậy, là ông muốn đưa tất cả đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng của các ông vào chính quyền thì sao?''

''Thưa ông Cố Vấn. Dạ không. Cụ thể chứng minh là trong mấy năm qua làm Quận Trưởng Đại Lộc rồi Duy Xuyên, tôi không có chủ trương đó.

Xin ông Cố Vấn thông cảm cho, tôi là con dân Quảng Nam, nay lại về làm Tỉnh Trưởng Quảng Nam, trong lúc dầu sôi, lửa bỏng này, không phải là về làm quan an hưởng như người ta tưởng đâu, mà là về để xung trận đây (!). ''Cán bộ bảo đảm chủ trương'', tôi cần hàng ngũ cán bộ công chức, quân, cán, chính có khả năng, có lập trường, có quyết tâm mới mong bảo đảm thực thi đường lối chủ trương của chính tôi đề ra là đối phó hữu hiệu với kẻ thù nguy hiểm tại địa phương.''

''Còn điều 3: Lý do tại sao?''

''Thưa ông Cố Vấn, điều này, cần sự hiểu biết và tín nhiệm của cấp trên mới tránh được rắc rối với cơ quan tư pháp.

Thưa ông Cố Vấn, kẻ thù chúng ta xưa nay sử dụng luật rừng để tranh thắng... và đã thắng! Nếu chúng ta cứ khư khư trói mình trong phạm vi luật pháp thì rất khó thành công! Nói như thế, không có nghĩa là chúng ta cũng bắt chước xài 'luật rừng' như chúng nó đâu. Thưa không, một vạn lần không! Nhưng một đôi khi, trong trường hợp quá đặc biệt, theo thiển ý, bắt buộc chúng ta cũng phải linh động, 'răng đối răng, mắt đối mắt' mà!"

Gục gặc đầu, ông Nhu mỉm cười, thầm tỏ vẻ biểu đồng tình và nói: "Xin cám ơn ông! Tôi sẽ xin mời ông, sau khi có ý kiến của ông cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung". Vừa đứng dậy, bắt tay, vừa vui vẻ đưa cho tôi một tấm danh thiếp và nói tiếp: "Tiện đây, xin gửi ông tấm danh thiếp này, nếu sau này cần gặp tôi, bất cứ vào giờ phút nào, ông chỉ cần xuất trình tại bót gác ở cổng đường Nguyễn Du, sẽ được toại nguyện". Nhưng xin thú thật là chưa bao giờ tôi dùng đến đặc ân này, kể cả những lúc gặp khó khăn nan giải đến từ Miền Trung. Thiếu tá Chiêu đã chờ sẵn ở đầu cầu thang để đưa tôi về nhà.

Thời gian lại bình lặng trôi qua; tôi vẫn tiếp tục dạy tư thục để sinh sống. Và nghe đâu cũng trong vòng hai năm mấy này (1958-59-60) sau ông Hồ Liêm đến Đại tá Hồ Văn Tố, rồi đến Đại tá Võ Hữu Thu nối tiếp nhau về làm Tỉnh Trưởng Quảng Nam. Tình hình lại vẫn dậm chân tại chỗ.

Vào giữa niên khóa 1958-1959, buổi trưa, sau khi vừa đi dạy học về thì đã có khách lạ từ Huế vào ngồi chờ xin gặp: ông Hồ Đắc Trọng, đặc phái viên của ông Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung. Sau mấy lời chào hỏi xã giao và tự giới thiệu thông lệ, ông Trọng cho biết ông Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung cho vào mời tôi về Huế cùng với ông Hoàng Ái Việt cộng tác với ông Cậu tổ chức đảng Quốc Dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo tối cao của đồng chí Thái Sơn Ngô Đình Cẩn.

Thoạt nghe qua, tôi vô cùng bàng hoàng, mặc dù, mấy năm trước đây, tôi có phong phanh nghe anh Huỳnh Bút, Cựu Chấp Ủy Viên tỉnh bộ Quảng Ngãi, tức Hoàng Ái Việt có ra Huế cộng tác với ông cậu, tự xưng là một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng kỳ cựu miền đế đô, hoạt động tổ chức lại Việt Nam Quốc Dân Đảng Miền Trung, nhưng đã gặp nhiều khó khăn trở ngại địa phương, đặc biệt là tại Quảng Nam Đà Nẵng, nên công việc chưa đâu vào đâu cả!

Lúng túng quá, tôi đành tạm viện dẫn lý do đang đảm trách các lớp luyện thi Cao Tiểu Học và Tú Tài Phần Nhất tại mấy trường trung học tư thục tại Sài Gòn, không lẽ đang giữa niên khóa mà bỏ trường lớp, bỏ học trò cho ai, và ăn làm sao, nói làm sao với hiệu trưởng, với ban giám học, với phụ huynh và học sinh đây. Và rồi, các niên khóa tới, tôi đâu còn đủ uy tín, đủ tư cách một nhà giáo để được tiếp tục nhận dạy học tư thục sinh sống!

"Việc ấy ông khỏi lo! Ông mà về giúp Cậu thì đủ tất cả... Vả lại, ông sẽ thường trực tại Huế, chứ đâu có còn ở Sài Gòn nữa đâu mà tiếp tục dạy học sinh sống? Thừa lệnh ông Cậu, vé máy bay cho ông về Huế trình diện tôi đã lấy và mang theo sẵn đây rồi... Qua mấy lần ông Cậu từ chối mời ông về làm Tỉnh Trưởng Quảng Nam là chủ đích riêng dành cho ông công tác đặc biệt quan trọng này đó! Xin ông suy nghĩ kỹ và vui lòng quyết định nhận lời cho".

Qua lời trình bày của ông Trọng, tôi cảm nhận ngay công tác đề nghị này là nhu cầu cần thiết, thầm mang theo khá nhiều quyền lợi, nếu chấp nhận, nhưng cũng mang nhiều đe dọa, báo nguy, nếu chối từ! Tương lai đời tôi đã lâm vào ngõ cụt rồi! Chấp nhận ư? Chối từ ư? Giá trị và danh dự là ở đây! Suy nghĩ và cuối cùng quyết định, tôi nói thẳng: "Ông Trọng ạ! Khó xử cho tôi quá! Tôi không thể về Huế lúc này được! Xin ông cảm phiền về thưa lại với ông Cậu, tôi xin hẹn lại cơ hội khác! Nay tôi xin giới thiệu ông Lê Bá Ngọc, và giáo sư Nguyễn Thùy, đều là cựu Chấp Ủy Viên tỉnh đảng bộ Quảng Nam, hiện đang rảnh rỗi ở đây, có thừa khả năng, thừa uy tín thay thế tôi về cộng tác với ông cậu và ông Hoàng Ái Việt thực hiện tốt những gì mà ông Cậu mong muốn..."

Ông Trọng ngạc nhiên, nhìn thẳng vào mắt tôi, khẽ lắc đầu, đứng dậy cười nhẹ, bắt tay tôi và nói: "Thưa ông, xin tùy ông! Tôi không dám nói gì hơn. Trân trọng chào ông!"

Sau đó, tôi tìm gặp anh Lê Bá Ngọc và chú Nguyễn Thùy (lúc bấy giờ đang độc thân và đang tạm trú tại nhà chúng tôi cùng đi dạy học tư thục tại Sài Gòn), trình bày mọi diễn tiến sự việc vừa qua và tha thiết yêu cầu, một mặt kịp giải nguy cho cá nhân tôi đang gặp khó khăn, mặt khác, nếu có thể trực tiếp tùy nghi hóa giải tại chỗ tham vọng chính trị của Lãnh Chúa Thái Sơn, đồng thời, khéo léo can thiệp che chở cho những Chiến Sĩ Ly Khai đang bị trả thù tại địa phương, bằng cách vui lòng nhận lời về Huế, nếu được ông Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung cho mời.

Tưởng cũng nên nói qua ở đây: Anh Lê Bá Ngọc, quán làng Quế Trạch, Quế Sơn, nguyên là Tham Vụ Ngoại Giao tại tòa Lãnh Sự Pháp tại Quảng Châu Loan, Trung Hoa thời Pháp thuộc, nên lối giao thiệp và xử thế của anh rất tế nhị, rất dễ mến. Còn chú Nguyễn Thùy, thì tuy tuổi còn trẻ, song khá sâu sắc, khá quyền biến và khá tận tụy trong mọi công tác được giao phó.

Rất may, lần này, lại chính anh Hoàng Ái Việt vào Sài Gòn, trực tiếp thuyết mời anh Lê Bá Ngọc và chú Nguyễn Thùy về Huế... thành công!

Cung Chúc Tân Xuân

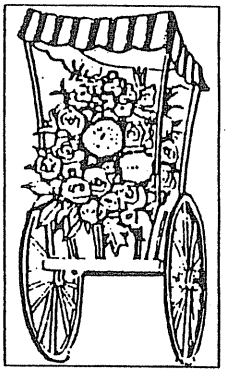

Lê's

Florist Boutique

* Hoa tươi, Hoa lụa,
Đám cưới, Đám tang
và các dịp lễ
* Có đủ hoa tươi
cho mọi nhu cầu

14336 Brookhurst Street,
Garden Grove, CA 92643
(714) 531-0341

Và sau đó, đến năm 1962, với chính sách chia để trị, chánh phủ Ngô Đình Diệm chia Quảng Nam thành hai tỉnh: Quảng Nam và Quảng Tín, anh Ngọc được giới thiệu và được đắc cử Dân Biểu Quảng Tín, dưới thời Trung tá Thân Ninh làm Tỉnh Trưởng Quảng Tín đầu tiên.

Những tưởng rằng thế là bản thân tôi được tạm yên, tiếp tục đời nhà giáo, sáng xách cặp đi, tối xách cặp về, trong thanh bạch, nhẹ vướng nợ đời!

Nào ngờ, nghiệp chướng chưa dứt! Vào tháng Hai năm 1960 (tôi không nhớ ngày), vừa ngay sau giờ bãi học buổi sáng ra, đang đứng đậu xe trước cổng trường trung học tư thục Tân Thạnh, đường Trần Quang Khải, Tân Định, chờ đón con gái cùng về, như mọi ngày, thì hai nhân viên mật vụ miền Trung, mặc thường phục, đến xuất trình lệnh bắt giữ tôi, tạm giam cứu tại Tổng Nha Công An Cảnh Sát Sài Gòn, rồi còng hai tay tôi, dẫn tôi lên xe Jeep chở đi mất hút, bỏ lại đứa con gái nhỏ của tôi, cũng vư a ở lớp học ra, đứng bơ vơ trên lề đường, lặng người hoảng sợ, ràn rụa nước mắt, với chiếc Lambretta vắng chủ!

Vào đến nhà giam Tổng Nha thì tôi biết anh Phạm Hồng Giang và anh Nguyễn Đình Thiệp đã có mặt ở đó, trước tôi mấy giờ, nhưng sau đều bị biệt giam nên không liên lạc gì với nhau được. Trong hai tháng lấy cung, lập hồ sơ, họ chủ yếu quyết tâm tìm hiểu xem chúng tôi có liên hệ xa gần gì với những tổ chức Giáo Phái hay Trí Thức Nam Bộ chống chánh phủ, nhất là nhóm Tinh Thần, tiền thân của nhóm Caravelle sau này, dưới nhiều hình thức uy hiếp, khủng bố cả vật chất lẫn tinh thần khá đặc biệt, khá ác hiểm và cũng khá tinh vi cố hữu. Hồ sơ chính trị cá nhân chúng tôi kết thúc với lời phê cảnh giác là "Thành phần nguy hiểm cho chế độ" và chuyển trả ba chúng tôi: Phạm Hồng Giang, Nguyễn Đình Thiệp, Lê Đình Duyên về lại miền Trung, theo lệnh của ông Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung Ngô Đình Cẩn, bằng tàu thủy ra Đà Nẵng, rồi bằng xe bịt bùng ra Huế, nhiều ngày đêm dưới trời mưa nặng hạt tầm tã, cộng thêm vào nhiều cơn gió buốt giá giao mùa Đông Xuân, còn rơi rớt lại của miền Trung Việt nhiệt đới khắc nghiệt! Tại đây chúng tôi bị giam giữ ba năm liền (1960-1963) tại lao xá Tàng Thơ, Thành Nội Huế, bên cạnh hồ Tịnh Tâm.

Không biết trời buồn, trời tủi cho số phận hẩm hiu, ngang trái của tôi mà khóc, mà than hộ thay cho tôi chăng... nhưng lòng tôi thì đã tiên cảm nội vụ từ lâu và nay "việc phải đến đã đến" trong nghiệp báo thuần thục an bài, nên rất an nhiên tĩnh tâm chấp nhận, bên hồ Tịnh Tâm ngát sen vô nhiễm! ■

Garden Grove, ngày 1 tháng Năm 1994
(tức 21 tháng Ba Giáp Tuất).

MÙA XUÂN, BÀN VỀ SỰ TRẺ TRUNG

THANH NGUYỄN

Thơ "Chinh Phụ Ngâm" ở phần cuối có câu: *Thiếp xin chàng chớ bạc đầu; thiếp nguyền xin giữ lấy mầu trẻ trung!*

Được như thế thì còn gì bằng! Chỉ hiềm là ở đoạn đầu người chinh phụ thừa biết rằng chồng mình rồi ra thì cũng như "Cẩm Ma Siêu," cho đến khi "mái tóc điểm sương" may ra mới còn sống để mà về. Rồi ở đoạn giữa tập thơ thì có những dòng như: "*Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói, sớm lại chiều rời rõi nương song. Bên song luống ngẩn ngơ lòng; vắng chàng tô điểm trang hồng với ai?*" Thời buổi văn minh hiện đại, phái nữ ngoài sự phấn son hàng ngày, tối tối trước khi lên giường người ta còn bôi trét đủ thứ món dưỡng da lên trên mặt, ấy thế mà còn chưa đi đến đâu: đến hồi nhăn thì vẫn nhăn, đến hồi già thì vẫn già! Huống hồ người chinh phụ thuở xưa! Thuở ấy thì làm gì có "*maybelline*", làm gì có "*mascara*", làm gì có "*Lait de concombre*", v.v... Mà rồi cứ vò võ nhớ nhau mãi, tinh thần mỗi ngày một ủ dột thì lấy đâu ra nét tươi, lấy đâu ra "mầu trẻ trung"?

Nhân cái vụ mỹ phẩm như vừa đề cập thì tưởng cũng phải mở dấu ngoặc để nói rằng phàm xưa kia người phụ nữ nào được đời truyền tụng coi như là đẹp thì tất là phải đẹp cực kỳ! Bởi thời đó làm gì có những "Thẩm Mỹ Viện" cho các Tây Thi, các Đắc Kỷ, các Bao Tự, các nàng Kiều nói chung! Đẹp thời đó hẳn phải là "đẹp thứ thiệt," nói theo kiểu dân gian!

Cái ước mơ "giữ mãi lấy màu trẻ trung" phải nói là một thứ ước mơ muôn thuở; kể từ khi loài người biết ngắm mình trong gương. Người ta đã tìm đủ mọi chước để giữ mình cho được trẻ lâu; tuy cho đến giờ phút này từ giới sản xuất thuốc trong-uống-ngoài-thoa cho chí các nhà khoa học loay hoay trong phòng thí nghiệm với các "DNA," các "*genes*," vẫn chưa ai phát hiện dứt khoát cho ra một cái chước gì để người ta kéo dài sự trẻ trung trên cơ thể, trên gương mặt với những cơ phận kèm theo như răng, tóc, mắt, tai, (càng già càng điếc, càng nghễnh ngãng thành thử tuy tuổi đời chồng chất, kinh nghiệm tích lũy, nhưng vì thính giác có suy nên chỉ còn biết nghe mình, ít có chịu nghe ai khác!)

Mùa Xuân đến, người ta càng có lý do để nghĩ đến cái tuổi Xuân của mình đang qua đi, và cái mùa Hạ, cái "Mùa Thu Lá Bay" đang gần thêm mãi với tháng năm! Đừng có lấy làm lạ tại sao cứ tâm lý chung mà nói thì từ cái tuổi bắt đầu gọi là "trưởng thành" về mặt tâm sinh lý thì cứ mỗi lần Xuân đến người ta dễ thấy buồn vời vợi...

Nếu triết lý một cách hời hợt thì cũng có thể nói rằng ấy là bởi Xuân đến cây lá xanh tươi sau một mùa Thu và một mùa Đông đã qua, nhưng còn riêng con người thì một khi tóc đã bạc rồi rụng, rồi thưa thớt dần thì chả còn trông mong gì nó đến lại, nó mọc lại! Ở đây không bàn đến những thủ thuật nhân tạo như nhuộm tóc hay "cấy" tóc; làm cái kiểu đó, xét cho cùng thì cũng chả khác gì những ai ngày Tết có cây mai thật đẹp, ra Giêng hoa lá rụng hết, gia chủ thấy tiếc làm một mớ lá bằng giấy màu, làm một mớ hoa bằng giấy màu, rồi dán lên cành! Thiệt là thê thảm!

Sở dĩ gọi "triết lý hời hợt" bởi về mặt khoa học mà nói thì bất cứ giây phút nào nơi cơ thể con người cũng có hàng triệu tế bào chết đi, để hàng triệu tế bào khác sinh sôi. Như thế tức là bất kỳ giây phút nào những cái Xuân Hạ Thu Đông cũng đi qua rất nhanh trong cơ thể của mình. Sao lại đi bảo là trong ta Thu rụng lá rồi thì lại không lá trổ Xuân xanh? Có quá đi chứ! Mà ngay cả những sợi tóc trên đầu mình cũng vậy! Hàng ngày nó vẫn rụng, rồi sau đấy nó vẫn mọc lại; vẫn đen nhánh nếu đang ở vào cái lứa tuổi mái tóc còn đen.

Có triết lý như thế thì mới có thể gọi là"đến nơi đến chốn"! Để ai nấy tò mò mà đọc những dòng này thì thấy hoa đời đâu đấy vẫn còn tươi rói! (Tết nhất chẳng lẽ đi làm cho người ta mất vui?) Vậy thì đề tài sắp bàn đến ở đây là cực kỳ quan trọng: LÀM THẾ NÀO GIỮ CHO ĐƯỢC TRẺ TRUNG LÂU DÀI?

Đáng lẽ cái đề tựa của bài phải là như thế; nhưng làm cái kiểu ấy trông có vẻ rao hàng theo kiểu chẳng mấy đắt giá! Lại nữa, cứ để ý mà xem: bất kỳ một quyển sách, một đề tài nghiên cứu, một bài nghị luận nào về quốc kế dân sinh, về chính sách này, chiến lược nọ mà mở đầu bằng "Làm thế nào..." là y như rằng rốt cuộc cũng chả có đi

đến đâu! Dân Nam Bộ xứ mình gọi cái kiểu rêu rao như thế là cái kiểu "Thầy Đời." Nghe đến hai chữ "Thầy Đời" thì đã thấy ghét! Nó khác với thầy giáo thứ thật ở các trường sở chính quy. Sách giảng dạy, hướng dẫn cho người ta biết điều này, làm điều kia ở các trường sở chính quy chỉ giảng dạy những cái đã được xác lập ít nhiều. Những cái còn mông lung, còn là giả thuyết, giả tưởng... thì mới lọt ra vòng ngoài để được đúc kết thành những khẩu hiệu "Làm thế nào..."

Người viết ở đây do đấy cũng xin hết sức nghiêm khắc với chính mình: những điều sắp viết ra chỉ là giả thuyết; không hơn, không kém. Mua vui xin được "một buổi vào Xuân!"

Trước hết cần xác định cho thật rõ là sự giữ gìn cho được trẻ lâu không có mắc mớ gì đến sự trường thọ. Một cụ Ông một cụ Bà có thể sống đến 120 tuổi nhưng hình hài thì đã cong queo nhăn nhúm trông đến khổ đến sở. Ai không biết, chứ riêng người viết ở đây thì dứt khoát không ham cái kiểu trường thọ như thế.

Thứ nữa, mọi việc trên đời này thì cái gì cũng phải có giới hạn, có sự tương đối làm hướng chỉ đạo. Giữ cho tươi trẻ lâu dài không có nghĩa là 50 tuổi rồi mà mặt mũi trông còn hơn hớn cứ như mới chỉ có 20! Theo sách tướng như thế là tối kỵ, là mệnh yểu. Mà chả cần đến tướng số gì thì cứ người trần mắt thịt ta trông vào là "coi không được." Người có "may mắn" như thế chăng thì cũng chả sung sướng gì! Tôi có người bạn học thuở xưa tên Bột. Đi học ở tiểu học với nhau trông ra sao thì lên trung học rồi đại học trông cũng chỉ khác đi có chút đỉnh! Bạn bè gọi đương sự là "thằng Bột sữa"! Đương sự sau đó, khi còn ở đại học, quen cô bồ cũng trạc tuổi với nhau. Họ quen nhau, yêu nhau, rồi cưới nhau. Kết quả: mười năm sau tôi gặp lại đương sự cùng vợ đi dạo bờ hồ ở một tỉnh cao nguyên Trung Phần: cứ như là hai chị em! Thề là không nói ngoa! Trẻ như thế thì trẻ để mà làm cái gì? Tất nhiên, nếu là phụ nữ thì vẫn còn "coi được" khi đi cạnh chồng, con!

Thứ nữa, một khi đã xác định được như thế rồi thì lại cần phân định cho rõ mối tương quan giữa hai ý niệm "trẻ về mặt thân xác" và "trẻ về mặt tinh thần." À! người không trẻ về mặt tinh thần thì đừng có mong gì giữ gìn cho được sự tươi trẻ nơi thân xác -- và đây là một trong các trọng tâm của toàn bộ giả thuyết sắp được đi vào chi tiết -- nhưng nếu cái trẻ nơi thân xác cần có chừng mực như đã nêu ở trên, thì ngược lại cái trẻ trung nơi tinh thần lại có một biên vực rộng rãi hơn. Rộng rãi hơn, chứ không phải là rộng rãi vô chừng! Chớ quên tính tương đối của mọi việc. Tức là: một cụ 60 tuổi có quyền có tinh thần trẻ trung như cái tuổi mười tám đôi mươi, chứ không nên có tinh thần trẻ trung của cái tuổi lên năm, lên sáu! "Trẻ" đến mức đó thì rất phiền hà cho mọi người xung quanh.

Vậy thì đến đây, ta bắt đầu mổ xẻ, đi sâu vào vấn đề.

Trước hết, cứ về mặt khoa học ngành Y mà nói thì ta có thể loại ngay cái trường hợp ngoại lệ có liên quan đến mức độ "trẻ trung quá đáng" trên diện mạo của mọi con người. Chỉ có những ai kém may mắn, rơi vào cái hội chứng "*Mongolisme*", hội chứng "*Down*" (*Down Syndrome*) thì mặt mũi cho đến hai ba mươi tuổi vẫn không khác gì mấy so với lúc còn nhỏ. Mà theo Y học thì những ai bị các hội chứng như thế cũng khó sống qua cái tuổi 45-50; (giở lòng bàn tay của họ ra mà xem thì thay vì có ba đường chỉ tay căn bản, họ thường chỉ có hai; tức là đường chỉ tay con người nói vậy chứ cũng có tương quan gì đấy với định mệnh con người, chứ chả phải là chơi). Còn ngoài đó ra, không có tật bệnh, không có hội chứng hội chiếc gì hết thì mức "lý tưởng" mà ta mong đạt được là gì? Ta, nếu thuộc loại người "biết điều," chỉ nên mong điều này: trông sao cho được "bề ngoài -- mặt mũi, sắc diện -- trẻ khoảng năm, bảy tuổi so với tuổi thật của mình." Có như thế thì mới gọi là "biết điều"! Năm, sáu mươi tuổi rồi mà cứ nhất định muốn son sẻ, tươi tắn, nhí nhảnh như cái tuổi "đôi tám" thì -- lạy Thánh mớ bái! -- coi sao được?

Thế thì: làm sao đạt được sự mơ ước thuộc loại "phải chăng" hay "biết điều" như đã nêu ở trên?

Thuốc thang, tập luyện chăng? Không! Cho đến giờ phút này, chưa có ai, chưa có sách vở, chưa có sự nghiên cứu nào dám khẳng định là cứ tập "dưỡng sinh" đi, cứ uống thuốc này thuốc kia đi là giữ gìn được sự tươi trẻ lâu dài. Nếu có những chước như vừa nói thì người viết ở đây đã làm từ lâu rồi, chả việc gì phải đào sâu suy nghĩ để hôm nay viết mấy dòng này. Chớ có lầm sự tập luyện hoặc thuốc thang cho "khoẻ người" với sự giữ gìn sao cho được "trẻ trung." Một người 50 tuổi có thể vừa trông đúng cỡ tuổi của mình, lại vừa rất khỏe mạnh; nhưng còn "trẻ" thì không trẻ! Một anh khác, cũng 50 tuổi, tuy không khỏe bằng (tất nhiên không có nghĩa là do bệnh tật) nhưng lại trông trẻ hơn khoảng năm, bảy tuổi. Cái ta cần tìm hiểu là cái anh thứ hai này.

Báo chí Nga Sô cách đây khoảng bảy, tám năm có đề cập đến một đợt nghiên cứu những người sống trường thọ, trên 100 tuổi. Nhận xét quan trọng của đợt khảo sát đó là tất cả những bô lão sống lâu trên 100 tuổi đều giống nhau ở cái tính *lạc quan*. Ngẫm cho kỹ thì thấy sự này không ly kỳ bí hiểm gì cho lắm. Tinh thần tác động đến thể xác như thế nào thì xưa giờ hầu như bất cứ ai nấy đều có để ý đến vấn đề đều đã thấy rõ ràng ràng! Một cái anh lúc nào cũng đăm chiêu khổ sở, gặp

chuyện lớn chuyện nhỏ gì cũng nhảy chổm lên như thể tai họa sắp giáng xuống đầu đến nơi, nghe nói ai đau ốm hay chết về bệnh gì là cứ coi như "dễ chừng mình mắc bệnh ấy cũng nên", v.v... thì thử hỏi làm sao sống lâu cho được? Mà có sống lâu với cái tính khí như thế thì sống lâu để mà làm gì cho thêm sự triền miên ủ dột, lo âu, thấp thỏm? Thế nhưng cái lạc quan nơi con người, nếu như giúp ta tránh tật bệnh, hiểm nguy, giúp ta khỏe mạnh, sống lâu thì nó chưa phải cái giúp ta giữ được lâu dài sự trẻ trung. Phải là một cái gì khác nữa!

Người viết ở đây đã tiến hành sự "khảo cứu" của mình bằng ba chặng: suy nghĩ để đặt vấn đề; kế đó quan sát để thử dò cho ra các mối tương quan; và sau cùng là trắc nghiệm. Ngân khoản không có; chả có ai cấp cho mình cái "grant" để làm chuyện này; nên mọi việc đều do "tự biên tự diễn". Tự mình đề ra, rồi cũng chính tự mình đeo đuổi. Công trình nghiên cứu sau này gom góp tổng kết lại thì cũng có đến cả nghìn trang sách. Tiền ở đâu để nay mai in ra sách thì cũng chưa biết! Sách in ra rồi, thiên hạ có chịu mua hay không hay vẫn chỉ thích uống thuốc, thoa thuốc, hoặc làm chuyện này chuyện nọ v.v... thì cũng chưa biết nốt! Ở đây, nhân buổi đầu Xuân, chỉ xin tóm lược những nét chính.

Suy nghĩ chủ chốt khởi đầu cho công trình khảo cứu là ở chỗ này: mọi việc đều do cái tâm của mình nó điều hướng! Nếu mình là con người bình thường, cùng với hoàn cảnh, năm tháng, tuổi tác, cứ thế mà cái tâm mình nó hướng về tương lai để mưu giải quyết những vấn đề tương lai, mưu đối phó với những việc tương lai, thì toàn thể mọi cơ phận nơi con người của mình chúng nó cũng do cái tâm điều hướng mà phát triển. Nếu do mình vô tình hay hữu ý mà để cho cái tâm không hướng theo con đường một chiều nhắm vào tương

TẠ TỴ

HƯ ẢO

Lại đây em, lại đây em
Mùa Xuân chợt đến, tôi quên mất rồi
Rượu đào cứ uống mềm môi
Vui đi, bỏ lại cuộc đời sau lưng
Lâu đài, xa mã chập chùng
Dang tay gạt bỏ những hình phù du
Xung quanh một cõi sa mù
Ai người, ai vật, ai thù, ai yêu?
Trăm năm bắc nhịp phù kiều
Phất tay vẫy gọi người yêu lại gần
Xá gì một kiếp chênh vênh
Ngàn năm mây trắng tần ngần trên cao
Bước đi chẳng có lối vào
Quay về hờ hững đón chào hoàng hôn
Nồng nàn trao gửi nụ hôn
Chợt tan, chợt biến ru hồn cõi không
Xuân xưa hoa cỏ bình bồng
Xuân này man mác cỏ hồng đồi son
Biết chăng, nay mất mai còn
Tội gì tiếc nuối mỏi mòn ngày xanh
Với tay hái trái trên cành
Dù xanh, dù chín cũng đành vậy thôi
Đã ai sống mãi trên đời
Mà toan lấp biển, vá trời nữa sao?
Hỡi ơi, mai mốt kiếp nào
Gặp nhau như ngó ngôi Sao giữa trời
Ngại ngần chi nữa, ôi thôi
Sao không uống cạn cùng tôi ly này
Rượu nào mà chẳng đắng cay
Tình nào mà chẳng đắm say môi cười
Xuân nào có thiếu hoa tươi
Tại sao lại hát những lời đau thương
Từ ngày xa phố, xa phường
Khép đôi mắt lại, nhớ thương làm gì
Uống say rồi cứ ngủ đi
Một mùa Xuân mất, xá gì hợp tan
Đâu đây văng vẳng tiếng đàn
Tình tang oán trách thời gian hững hờ
Giọng sầu ngâm mấy vần thơ
Nghe sao chua chát ơ hờ lòng đau
Gió sương nhuộm trắng mái đầu
Chuyện đời đen bạc, gối sầu năm canh
Ngồi yên thì cũng chẳng đành
Đứng lên e đụng mây xanh đỉnh đầu
Trăm năm nào có gì đâu
Xuân đi, Xuân đến một màu buồn tênh
Thương cho số kiếp lênh đênh
Xứ người quán trọ, đầu gềnh bến sông
Nỗi đau mang nặng trong lòng
Quẳng đi, nhẹ gánh tang bồng em ơi!...

lai như thế nữa thì toàn bộ các cơ phận nơi con người của mình cũng theo đó mà bị tác động.

Ta hãy quan sát những nhà tu hành: những kẻ chân tu thường có diện mạo thanh thản, thần sắc tươi nhuận, và trông họ thường là có vẻ trẻ hơn tuổi thực. Mà nói đến "tu" thì cũng phải phân biệt: có nhiều kiểu tu. Có sự tu hành theo kiểu "Thiền"; có sự tu hành theo kiểu "khổ hạnh". Tác động của từng lối tu đó có tác động khác nhau trên cơ thể của kẻ đi tu. Vì ta bàn đến một đề tài nghiêm chỉnh, nên ta chỉ đề cập đến các vị chân tu; những ai tu hành vì một mưu đồ, tư lợi hay sự nghiệp gì đấy thì ta không bàn! Những kẻ ấy thì khó giữ mình cho được trẻ trung, bởi ngoài cái sân si ở trong đầu, họ còn phải luôn luôn thấp thỏm cốt sao cho sự cải trang, đội lốt chân tu khỏi bị phát hiện! Những người bị hội chứng "Down" như đã nêu ở trên là một trường hợp cực đoan; nét mặt của họ ngưng phát triển do mức độ tinh thần của họ ngưng phát triển khi đến một độ "tuổi tinh thần" (*age mental*) nào đó!

Những người thích hưởng lạc, thích "sống cho ngày hôm nay," nhìn chung đều giữ được sự trẻ trung tương đối lâu hơn mấy anh/chị thích băn khoăn lo lắng cho "ngày mai." Chỉ phiền một nỗi là sống cho ngày hôm nay được ít lâu thì thường là những ngày hôm mai hóa ra ít được bảo đảm; dẫn người ta đến sự khánh tận, túng thiếu, và đến lúc đó thì bao nhiêu cái lo ập đến chúng nó làm già người chỉ một sớm một chiều! Cứ xem cái đám người thành công nhất thời, rồi say sưa với tiền tài danh vọng nhất thời, là ta sẽ thấy ngay vấn đề!

Người viết ở đây có tò mò, cứ mỗi lần gặp ai trông có vẻ trẻ trung hơn tuổi thật, đề nghị họ cho biết xem cho đến đoạn đời lúc ấy thì họ đang phác thảo kế hoạch cho tương lai hay có những trạng thái tinh thần nào khác. Sau khi tìm hiểu như thế thì người viết ở đây nhận xét thấy có điều rất đáng chú ý.

Các vị "trông trẻ hơn tuổi thật" đó thường ít khi nghĩ đến một cái tương lai xa. Họ chỉ nghĩ hướng giải quyết và đối phó với những việc thuộc tương lai gần: khoảng đôi ba năm trở lại! Và một điều quan trọng nữa: trong quãng đời của họ, có một cái sự vui, sự buồn, sự bâng quơ nào đấy của thời thơ ấu, thời niên thiếu, nó như lúc nào cũng bàng bạc trong tâm tưởng! Như một thứ "neo" tinh thần. Như một cái "thắng" vô hình làm chậm lại tốc độ vận chuyển của họ về mặt tinh thần trên lộ trình dẫn về tương lai.

Tất nhiên đã làm người thì ai lại chẳng có dĩ vãng? Ai lại chẳng có những kỷ niệm buồn vui nào đấy trong đời, chúng nó thường khiến mình nhớ lại. Vấn đề là những "đối tượng nghiên cứu" của người viết ở đây có những khoảng hồi ức rất nổi cộm trong tâm thức; những khoảnh khắc của dĩ vãng hầu như lúc nào cũng nằm sát cạnh ý thức nơi họ hàng ngày. Các nhà tâm lý học thường minh họa ý thức hay sự nhận thức của con người bằng một mặt phẳng tượng trưng cho "hiện tại," với một khối hình nón tượng trưng cho sự ký ức tích lũy, mà cái mũi nhọn hướng xuống mặt phẳng đã nói. Khi có sự tiếp giáp thì có sự "nhận thức," có sự "ý thức." Phải nói là đối với những "đối tượng nghiên cứu" của người viết ở đây thì những quãng đời "chân neo" trong ký ức của họ hầu như lúc nào cũng lởn vởn ngay bên trên cái mũi nhọn của khối hình nón vừa kể.

Sự trẻ trung nơi nhưng mẫu người tôi quan sát không chỉ gắn liền với những kỷ niệm vui tươi của họ trong quá khứ. Vui hay buồn ở đây dường như không thành vấn đề cho lắm! Cái chính dường như ở chỗ chúng đánh dấu một đoạn đời, một quãng đời trong quá khứ, và cái quãng đời, cái quá khứ đó không chịu rời bỏ nếp sống tinh thần của những con người mà, vì vẫn phát triển bình thường như mọi người bình thường, không tật bệnh, suy nghĩ hàng ngày của họ vẫn bình thường hướng về tương lai, tuy là một cái tương lai có chừng mực, như đã viết.

Ta có thể phần nào tác động vào những việc trong tương lai. Ta có thể phần nào tác động vào cung cách ta suy nghĩ cho tương lai. Thế nhưng còn những gì đã qua thì làm thế nào ta có thể tác động? Hơn nữa, những đối tượng khảo sát của người viết ở đây không hề có chủ ý khi tự để mình bị "neo" vào những đoạn đời quá khứ như thế. Hiện tượng tâm lý đó phát sinh từ vô thức; chúng tồn tại trong tâm khảm của họ một cách tự nhiên như thể trong tâm tưởng của mọi con người lúc nào cũng có sẵn hình ảnh của những người thân của mình, của nơi mình sinh hoạt, đi đứng, làm lụng...

Thế thì nghiên cứu về một cái ta không thực tế có khả năng, tác động vào được, cái mà kết quả trong thời hiện tại -- sự trẻ trung so với tuổi tác -- bất nguồn ngoài ý muốn của mình từ trong quá khứ, thì phỏng tích sự gì? Có. Có tích sự.

Đang buổi đầu Xuân như thế này, ta bỏ đi mọi cái tầm thường nhỏ nhen hàng ngày, ta góp phần tạo nên trong mấy ngày Xuân những điều tốt đẹp trong chốn gia đạo, bạn bè, sao cho những ngày Tết năm Hợi dù có là ở nơi xứ lạ quê người vẫn "có ý nghĩa," tức không nhất thiết phải là "tốt đẹp" nói theo kiểu thường lệ, sao cho mãi về sau nó vẫn còn là một quãng ngày có tác dụng "neo" lại tâm hồn mình; thì chắc chắn như đinh đóng cột là đến năm 95 tuổi mình sẽ trông vẫn trẻ trung như người 90!

Santa Cruz, Xuân năm Hợi

THE KY 21

A source for Vietnamese studies

Group in charge of publication:
Do Quy Toan, Do Ngoc Yen, Ha Tuong Cat, Hoang Ngoc Tue, Le Dinh Dieu, Ly Van Chuong, Ngo Manh Thu, Pham Phu Minh, Phan Huy Dat, Tong Hoang and Tran Dai Loc

Publisher, English Section Editor:
Le Dinh Dieu
Editor:
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)
Assistant Editor:
Pham Phu Minh
Managing Editor:
Nguyen Xuan Hoang

ADVISORS & CONTRIBUTORS:
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Ruth Talovich

THE KY 21
(The 21st Century)
is published monthly, distributed worldwide. Subscription: see form printed on page 4. Send check or money order, inquiries to:
Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944
E-MAIL 75504,3510
Compuserve

ADMINISTRATION
Office Manager:
Vu Duy Tu
Account Executive:
Phan My Suong

ISSN 1056-4640

THE TOTAL BRAIN AT WORK

By RUTH TALOVICH

Henri Poincare (1854-1912) was a French mathematician who did pioneering work in the field of statistics. In 1906 he wrote a classic little essay, "On Mathematical Creation."

Poincare wrote out of his own curiosity, from observing himself when he was working out his own ideas and struggling to solve problems he had set for himself. Note that 1906 was well before psychology and its principles were established and long before computers.

Poincare observed that when he could not find a mathematical solution to one of these problems (i.e., when he was inventing, creating), a four-step sequence often occurred:

1. He worked very hard and long, trying every which way to solve the problem, but with no success;

2. He had to forget that problem and turn to other work that had to be done;

3. After a time, a solution would pop into his head at a random moment (such as when he was getting on a bus);

4. He went back to the problem, tested the answer, worked out proofs, and put the whole creation into good form.

Poincare became curious about this 1-2-3-4 pattern and decided to figure out how his own mind worked. In brief, this was his answer:

1. An initial period of long hard conscious work was essential to the process of creativity;

2. When he forgot the problem, only his conscious mind forgot; his unconscious mind kept working, going through a process he called "combinatory play," but which we would call a "computer sort" today;

3. When the unconscious mind got the "right answer," the conscious mind recognized it and fished it up to the consciousness;

4. Then a second period of hard work to prove the answer and complete the project was essential.

After this, Poincare wondered what in his mind had recognized the right answer and had fished it up to his consciousness. He decided it was his aesthetic sense, his sense of beauty. Why? Because now and then his "right" answer was wrong -- it would not prove out. In those cases, Poincare said the wrong answers were more beautiful than the right answers and ought to have been right.

By now, most readers are familiar with the right-brain, left-brain ideas -- in a word, the left hemisphere of the brain is the seat of logic while the right hemisphere carries the non-logical functions.

Of course, mathematics is digital, sequential, and logical, a left-brain function. Yet we see from Poincare's experience that creating in a left-brain subject requires the whole brain: not only the left-brain procedures, but also the right brain overview and intuition, its monitoring

MY APPLE TREE

by TERESA T.A. PHAN

Portola Intermediate School
City of Orange, California
Fall 1994

My family is like an apple tree
There are my parents
My brothers
My sister... and me

My mom is the branches all over
Spreading out like a bunch of clovers
She keeps us peaceful and together
In calm and dreadful weathers

My dad is the trunk so tall
He holds us up as strong as a wall
He helps with all the problems we share
He supports and protects, and does he care

I am the leaves, all yellow or green
I help my family and I'm not mean
In Fall I seem to fall off the tree
But I'm just living in the branches of the family

My two brothers are the twigs and the root
They help us keep well like a foot in a boot
They always like to play around
Either up the tree or in the ground

My sister is the prettiest of all
She's flowers in Spring and apples in Fall
She's amusing and fun
She helps all she can and smiles at the sun

Other relatives and friends we know
Are birds and bees and the crow
They come visit us and say hello
But later home they must go

All the people whom we disliked
Are apple worms and nasty termite...
So now you see my apple tree
And that is what I think of a family.

functions, conscious and unconscious.

Consider painting or one of the other arts. Obviously, the sequence of the left brain -- 1. hard work, 2. forgetting (musing), 3. new ideas, and 4. more hard work -- occurs in painting, although the arts are generally right-brain activities. We are whole people, not splinters. The person who is "too creative" to bother with the technicalities of his art is as limited as is the logician who will accept no other dimension.

Another lesson we can learn from Poincare is that what you feed your brain is what your brain will process. The old computer slogan, "Garbage in, garbage out," is true of your brain. This does not mean to live in an idealistic dream-world, but that there is more to life than the seamy side which many artists use to grab the viewer.

A final word on the word "create." In English, the Bible begins with the words "In the beginning, God created...." The Hebrew word used in Genesis 1.1 for create does mean "to create," but it also has the connotation that "where there was nothing, instantaneously there was something."

Obviously, we have to use time and materials to create in any of the arts, but there remains an element of mystery and suddenness in our intuitions, in our ideas, in our techniques, and in everyday life.■

THE KY 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944
E-mail 75504,3510
Compuserve

THE SLOPE OF LIFE

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Translated and with an introduction by LÊ THỌ GIÁO

Nguyễn Mộng Giác is perhaps best known for his two voluminous novels: Mùa Biển Động *(Season of Rough Sea), a 5-volume account of a turbulent period of time in contemporary history of Vietnam, and* Sông Côn Mùa Lũ *(The River Con in Swell), a 4-volume set of pseudo-historical novel recounting the time and life of Nguyễn Huệ (later became King Quang Trung) and his two brothers who had successfully defeated the Qing's army in the eighteenth century, thus regained independence once again from the Chinese for Vietnam.*

Yet his short stories are no less poignant and revealing, testifying his talent in story-telling and superb literary skills. His collection of short stories entitled Ngựa Nản Chân Bon *(The Horse with a Played-out Leg), published by Người Việt in 1984 had been reprinted for a second time in less than a year. This is quite an achievement in view of the limited readership in the Vietnamese community in the United States and around the world.*

*The following story, " The Slope of Life," (*Dốc Nhân Sinh*) taken from the above-mentioned collection, shows how the writer makes light of a very somber reality of life in Vietnam immediately after the Communists took over the South in 1975.*

As goes a common saying used to describe a destitute condition, "The blind leads the crippled," Nguyễn recounts a meeting of two invalids who fought on opposite sides during the bloodiest war in the history of the country. Having shared their childhood in the village of Bồng Sơn, later became school mates, each of them had served in the army of their choice. At war's end, they happened to meet each other by chance, or is it by fate? The simple dialogue has an overtone of irony, yet the calmness with which the Southern veteran copes with life under the communists shows a resilience typical of Vietnamese. Defeated but not broken, the crippled shows his fellow, a blind soldier, that war can destroy everything but human spirit and friendship.

*

After the ban on playing of pre-war songs and disco music had been announced and some of the coffee-shop owners on Tran Quang Khai street had been arrested and taken to court for this offense, that part of the town became as deadly quiet as a cemetery. Once again, passers-by could quite clearly hear the crackling noise of dry tamarind pods tapping against one another in the slightest of breeze. At such moments, one would feel the memories of past times resurrected, as yellow leaves were flying in the wind. The female street sweeper would move her broom hesitantly across the surface of the street. Once in awhile, the wind would change its direction, blowing dead leaves towards an empty coffee-shop.

The owner of the shop, a woman and one just as good looking as Thuý Kiều who was then entertaining guests at Ngưng Bích balcony[1], cast a glance at the empty swimming pool now used as a dump for trash and dead leaves. The furniture inside the shop was hardly the kind that one would normally find in a real coffee-shop; the two dark burgundy sofas with worn-out upholstery were probably removed from some abandoned house, a china cabinet made of teakwood containing some dishes from Japan replaced the usual counter bar. Only a copy of *Echoes of the Days of Yore*, printed on rag paper, was needed to complete this collection of antiques. Near the front of the shop, off to one side, and close to a cluster of La Nga bamboo, sat two customers. One man wearing dark glasses hardly spoke. Even when he did, his voice was so

soft that from afar, one would have the impression that this man with salt-and-pepper hair was talking to a statue. And the other, statue-like person was sitting with both of his legs on the seat, his arms hugging his knees while his face turned towards a bicycle that had been transformed into some sort of carrier, and now parked leaning against the trunks of the old bamboo hedge. In front of them, their two cups of coffee gradually ceased to steam.

When the woman owner of the shop shifted her glance from the pool, the man with salt-and-pepper hair was still talking:

"...No, I was wounded in Operation Lamson 719."

"...."

"Seven nineteen? Oh, that was the battle of Route 9!"

"Right, right! You folks called it the battle of route 9, South Laos."

"...."

"I was still in Cong Hoa hospital on April 30. I had been re-admitted because the amputation became infected again. I had not been used to walking with a wooden leg, so I had tremendous pain. Anytime I put my left foot on the ground, it was so painful that tears would trickle from my eyes."

"...."

"Here it is! Oh, I forget that you can't see at all. Just below the knee. That's why I can still ride a bicycle."

"...."

"It was an anti-personnel mine, probably the one made in Communist China. You'd know it better than I do. I was told it was just this small!"

"...."

"Is it bigger? No wonder! I lost consciousness right after the explosion. I was really lucky that the helicopter could land and evacuate me to the hospital. When I came to, I asked to see my severed leg. And they did show it to me."

"...."

"Oh, nothing special! I felt a slight tingling up my spine. Mostly horrified. Or better yet, some empathy. Some strange feeling! Even though it had been a part of your body, it looked strange when severed. An imaginative writer of fiction would say what you'd do then is to hold it fast in your hand and burst into tears. The feeling was like my memories of my wedding day. Again, a writer would say all kinds of nice thing about it, something like the bride and the groom would steal a glance at each other, or hold hands and walk on the shattered skins of firecrackers, or thrill at their vision of eternal happiness. All lies. I had to take care of every single trivial thing, only to be criticized by my aunts and uncles for minor details. I was dead tired. I think all of those complicated ceremonials were necessary for just one purpose: to warn the newly-weds that they must somehow hold on to each other. Anyone who has gone through a wedding day once would be scared for the rest of his life, so much so, that he would never want to repeat it again."

"...."

"Am I too cynical? Oh, perhaps I am. I am upset about loosing money. When I came upon you, I was four hundred fifty *dongs* poorer!"

"...."

"No. Even though thieves are swarming in Saigon nowadays, but even a thief still has heart. No one would have the guts to deprive a disabled of his meal. I have a friend who is also a disabled, a blind man who earns his living by selling lottery tickets. Any one could fool him. All you need is a crumbled and soiled piece of paper to pass as a fifty dong bill. Yet he has never lost a cent! I lost my money because of an accident."

"...."

"Just before I met you. On the other side of Thi Nghe bridge."

"...!"

"Oh, I have not yet told you how I earn my living. How mindless! I thought you could see my special bicycle! One would know if one can see it. I carry goods for hire!"

"...?"

"Yes, just like the carriers we used to see when we were going to school in Bongson. But this one is modified to handle a much heavier load. Those carriers in the past were meant for tourists. Patrons, usually young female merchants, would normally sit on a bar in between the driver and the handlebar. Her wares would be placed in the back, on an iron rack. Didn't we used to hear stories about those drivers! Some of them would take advantage of their position to embrace the girls, or would steal a kiss on their hair or their white necks glistening with perspiration! They would even go so far to compare them to a flower damp of morning dew! In that situation, you wouldn't mind even if you have to break your back pedaling uphill! Nowadays, we are the real "drivers', who carry goods only. How boring!"

"...?"

"...Just guess!"

"...."

"No."

"...."

"Not at all. They're as bulky as they are fragile."

"...?"

"I specialize in carrying big earthen vases. Those big ones people use to contain rice or water. Therefore I said they are as bulky as they are fragile. I had just broken eight of them this morning"

"...?"

"Eight."

"Yes, eight of them. Each costs fifty *dongs*, eight makes four hundred. My fare is five a piece, from Bien Hoa to Saigon. The total..."

"...."

"How can I manage so many? Just a simple trick. When your stomach is flat, you figure it out. The most tricky part is to tie all eight of them to the carrier. A skillful driver does it all. I had to hire someone to do the tieing as I am new in this trade. I paid him ten *dongs* for his skill. So all amounts to four hundred fifty *dongs*."

"...."

"No, it wasn't a blow-out or a broken handle bar. I only regret that you can't see the carrier I parked at the bamboo hedge. No, you don't need a license to drive that carrier. The rear wheel was salvaged from an old motorcycle, its spokes taken from an old cyclo. The handle bar was cannibalized from a French-made Alcyon bike imported during colonial time. The pedals were made of steel tubes, seventeen centimeters in diameter, welded to the sprocket wheel. I use a hard wooden bar, one end cut into a U-shaped groove to support the frame when parked. And more, the pump is the one people use to inflate automobile tire!"

The man in dark glasses raised his voice:

"As handicapped as you are, why did you choose this trade?"

The skinny man with salt-and-pepper hair lowered his voice:

"Show me an easy way then! I have a wife and four children to feed. Time has changed, and there is no easy way for an honest man to earn his living!"

"Oh, you're sarcastic again. Why not engage in a trade that doesn't need your legs?"

"Like what?"

"Sewing, weaving. Or even singing at bus stations as many of your soldier friends are doing."

The man with salt-and-pepper hair smiled obliquely:

"What song should I sing that will be moving enough for people to put money in my palms? Should I sing *Forward March to Saigon*, or *Ha Noi, My Hope and Love*? You know what would happen to me if I sing those songs that you hear at bus stations, don't you? Remember I am a detainee who has just been released from re-education camps."

"Oh, just a thought. There would be plenty of trades that you can take up. You are still more fortunate than I am. You still have your sights. Sewing, weaving, sculpting, anything!"

The man with salt-and-pepper hair became

Tìm đọc:

VÙNG ĐÁ NGẦM

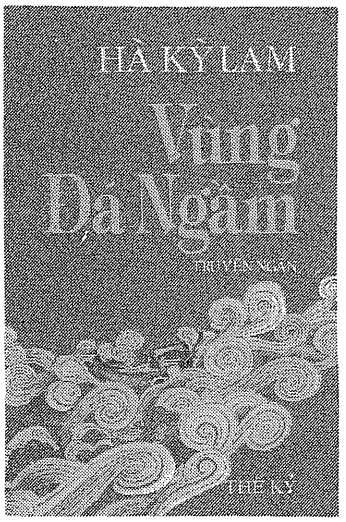

Tuyển tập truyện ngắn của
Hà Kỳ Lam
214 trang
giá $10.00

"**Đá ngầm** không chỉ có ngoài biển khơi đe dọa thuyền bè của người vượt biển, nó còn rải rác khắp đó đây nơi người tị nạn đến cư ngụ, đó là những bất trắc khó khăn trên các vùng đất mới. Hà Kỳ Lam lấy cuộc sống trước mặt làm chất liệu để suy tư và sáng tác(...)" (*Phạm Xuân Đài*)

"Truyện Hà Kỳ Lam *dễ đọc* vì lời văn bình dị, (...) không khúc mắc mà đi thẳng vào đề tài. Nhưng *dễ đọc* không có nghĩa là đọc rồi để *dễ quên*, mà chính là *dễ cảm nhận*, để đọc xong rồi cùng tiếp giòng suy tư với tác giả." (*Lê Văn Lân*)

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

pensive and quiet for a moment, then he went on, slowly:

"There are other ways, indeed! What I am going to tell you explains why I do what I do. You may or may not believe me. I don't want to engage in an easy trade, the one that is normally reserved for women. I have chosen a difficult trade that requires the use of a pair of strong legs. I want to prove that I am not a good-for-nothing guy. Carrying goods on a bicycle requires strong legs, as you know, and you must be in good shape to be able to push the carrier up the hills on both sides of the bridge. Even though skinny and one-legged, I am capable of the work. The most difficult task in this trade is to be able to handle ten large earthen vases. I was able to handle eight."

"But you have failed! You broke all eight of them!"

"You're right! This is the first time that I break my load, after six months in the trade. It was because of an automobile with a green license plate that came to a screeching halt right in front of me, while I was pedaling uphill with my wooden leg. I was so upset that I left the whole thing, bicycle and broken vases, scattered on the street and dragged my feet to the curb. What happened was that the driver suddenly braked his car just as he was noticing the signal of the woman who wanted to buy gasoline from him. I am only a victim, not a perpetrator! I am still useful, not useless as they thought when they threw me out of the hospital on April 30th."

The man with dark glasses hesitated for a moment:

"We couldn't help it. We were so busy with numerous tasks at hand. There was no time for compassion. On the other hand, we could not leave our wounded in the hallways of the hospital."

The man with salt-and-pepper hair gave a quick reply:

"I already lost one leg. I wouldn't take up that much space."

"But you were lucky to have been airlifted to the rear by helicopter so that all you lost was one leg, from your knee down. I wish I were as lucky ..."

The man with dark glasses felt a lump in his throat and couldn't continue. His friend became disinterested, said nothing but turned up his face. The two sat silent for a while. Moments later, the man with salt-and-pepper hair timidly inquired:

"You shouldn't have lost your sights!"

"Yes, if..."

"Was it too far away from the hospital! Or was it that you had a mediocre corpsman?"

"Both"

"Did your wife know?"

"I didn't want her to know. Moreover,..."

"Why?" "I couldn't even if I would. It took about a year, under normal circumstance. Please understand that communication was not easy. On the other hand, information regarding soldiers' status must be kept secret so as not to demoralize the rear."

Then, all of a sudden, the voice of the man with dark glasses became articulated, as if he were reciting a lesson:

"Compared to sacrifices of revolutionary soldiers who lost their lives in the war, my sufferance is nothing!"

The bike rider looked at his friend with pity. He pushed the cup of coffee towards his friend, reminding him:

"Your cup is still full. Enjoy the coffee before it gets cold."

The blind man replied in embarrassment:

"Sure. Thanks."

Then he slowly moved his hand on the table. As the cup had been moved, he was about to spill it when his hand fumbled for the handle. Seeing that the man had found the cup handle, the bike rider changed subject:

"So your family has moved to the South!"

"That was our original plan. But..."

"But what?"

"Have you been back to Bong son recently?"

"No"

"I wasn't feeling at ease returning to our village, after "liberation". I wouldn't mind if I had become someone, but as you know, I am just a disabled. It took me a while to make up my mind. Knowing that I would no longer be able to see the coconut groves of my mother's land, I felt just as happy to hear the sounds of the water conveyors splashing in the water of River Lai, or just to dip my feet in the cool water of the river of our youth. I have been wanting to be back to the village for so long. I could not afford the fare for the entire family, so I took my youngest one with me."

"Why didn't you bring your wife here?"

"Oh, how much I loved to do that, but as I said, I couldn't afford it. My youngest one is only seven, so I can negotiate free fare for her on account of my status as a disabled. It is good that my wife isn't here?'

"...."

"My relatives had been displaced, too. I couldn't locate any one. I was told they moved away first to Quy Nhon in 1972, then left for other place that I don't know. I was told that the coconut

groves had been sheared off their tops. I spent a night at the bus station, then left for Thanh Hoa the following morning. I didn't even have time to inquire of our school mates, with whom we spent our days at Nguyen Hue High. Any information on them?"

"Who do you want to know about?"

"Oh, that bunch of old classmates. Let me jog my memory for a moment. How about the guy who sat at the far side of the first table in grade seven. The lad who had a habit of blowing his nose all the times."

"That was Quang. After the Geneva agreement, he became a village chief."

"Wow, that important! Has he incurred much 'blood debt'?"

"I don't know. All I know is that at some time after 1965, his entire family was massacred by a hand grenade tossed into his house while the family was having dinner."

The two friends remained silent for a while. The blind man continued the conversation. His voice became soft again:

"What about Luan? The one who took great pride in his Kaolo fountain pen, with a crystal nibble."

"He became rich and owned several restaurants in Phu Cat. When American troops moved into the area, he wheeled and dealed in smuggled goods. He went from rags to riches overnight!"

"Ah, a capitalist! And what about the bum who peed on little Ly when he jumped into her foxhole during an air raid?"

"That's Duc. We used to call him Duc Cong, remember?"[2] "Right. He became outrageous any time we called him that. What becomes of him?"

"He joined the guerrilla in early years. Back when we began to outlaw communists."

"With decree 10/59? How well did he performed?"

"I don't know. You should have better information about him than I do."

"What about yourself?"

"Nothing exciting. I moved to Nha Trang with my uncle after 1955. Went to high school and graduated with a diploma. Then I went on to college, but flunked math two times in a row. That 's when I was drafted and was assigned to an artillery unit. I was wounded four times during my ten years of service. I lost a leg before I lost everything else. I was not lucky as you were."

The blind man turned up his face and questioned:

"What do you mean 'lucky as I am?' You must be kidding me"

The bike rider stops for a moment, then replied:

"Remember, when we were going to school in Bong son, you had the reputation of having photographic memory. I thought, if we have something to learn when idle, it would be much better."

The blind man remained motionless and quiet. The statue-like man was still squatting with his arms around his knees, his face showing signs of sadness. His friend spoke softly:

"You don't feel well, do you? You want to leave?"

"Yes, I think we must. I have some errands to run."

The bike rider stirred his coffee with a spoon. The shop owner approached them and inquired:

"Would you like your tea now?"

The bike rider waved his hand:

"There no need for tea. Tell me how much I owe you?"

The blind men quickly dropped his feet:

"It's my treat. How much is it?"

"Fourteen *dongs*, please. Even coffee is getting expensive nowadays!"

"But not *that* expensive! I was told it would cost a *dong* a cup."

The shop owner politely explained:

"Pure coffee is always expensive. Back when we were allowed to play music, it would fetch ten *dongs* a cup."

The owner ran out of small change and had to give the man four cigarettes instead. Then he handed them all to his friends. The blind man was not aware of what was going on, groped for his aluminum cane. Realizing how forgetful he was, the bike rider earnestly offered:

"Let me give you a ride, wherever you want to go."

"Oh, thanks so much. I wouldn't want to sit on your bike while your legs are like that. I can walk."

"Up to you, friend. See you later."

Then they parted. The blind man moved his aluminum cane to find his way out of the shop. The bike rider limped toward the bamboo cluster to retrieve his bike. Neither of them had enough presence of mind to ask for the other's address.■

1. Thuý Kiều is the main character of the Vietnamese most famous verse narrative The Tale of Kieu by Nguyễn Du.
2. Duc Cong, when pronounced inversely, i. e. replacing the syllable [uc] in the first word with that of the second word [ong] so that the first word would become [dong]; and the syllable [uc] replaces [ong] in the second word, the resulting phrase would be [**dong cuc**]. It means a pile of excrement. This is a punny joke on people's name.

THE SEA

A boat people story

By MIENG

The woman followed the nurse as she entered the room. A man was lying on the bed, looking up at the ceiling, his eyes wide open. The cool light touched the worn lifeless face. The nurse touched his shoulder and spoke to him in French.

"Mister Nguyen, Mister Nguyen, guess who is here? Look! Your wife has come!"

The woman waved as if she wanted to say something as the man looked up at her. He cried weakly, with happy eyes, "My wife! Oh my God!"

He held out his skinny, shaky hands to her. She hesitated a moment, took his hands, held them gently in hers.

He tried to smile, "Cold? Grasp my hands, please! Grasp firmly!"

She kindly put her hand on his chest. Taking more courage, she put her arm across his breast, held him more strongly. His naive smile was as stiff as the smile on a statue.

"Where's the kid?" he asked.

"He is sleeping. You should sleep yourself, darling! You look tired."

All of a sudden, he shouted, "Hold onto me! Stronger! Don't slip away."

She leaned closer on his bony, trembling body. He nodded, nodded. His meager thin hair moved with his head. She quietly caressed his autumnal hair, as with motherly love. Her eyes were empty, somber.

"Darling, we, we had, ups and downs. Me, I some, sometimes got upset, sorry. Sometimes. Please, please don't, don't leave me, what, what matters, me, I love, love you so much. I, only you, have you, and, our son..."

She cried.

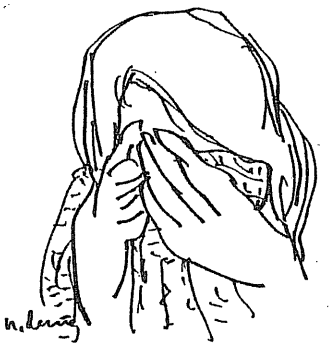

"Don't say so, darling. I was never upset with you. I, I love you too."

She straightened the blanket over his body. Her hands continued to caress. It was already dark outside. The snow was falling hurriedly.

In the morning, two nurses entered the room. One, a tall black man, put a clean white sheet over the man's body. The female nurse held the woman in her arms to help her stand up. She opened a drawer, took out a plastic bag full of papers, and handed them to the woman.

"Better for him to pass away while you were here. We did try several times to find out where you were. Without success."

She asked, reluctantly, "When was the last time he came back to the hospital?"

"Last Friday. You see, he was totally naked, chanting and dancing in the Luxembourg Park."

"And how did the hospital find out my address, this time?"

The nurse proudly smiled, "The most difficult part was to get him to say somthing, to give a hint. And when he said 'The sea,' it was quite easy. We just checked the *minitel* computer search. We looked over the phone books of cities by the sea with Vietnamese people's names. Then we found you -- very simple."

"Yes, so simple," she smiled.

The two nurses pushed the stretcher away. The white sheet faded into the white color of the snow outside the window. Now, the room was empty. The woman went out.

In the lobby, she opened the plastic bag. Quietly, she read the papers inside. The winter morning light was pale on the worn letters and papers. She read, and she cried. Finally, she put the papers back into the plastic bag, and she sighed. She straightened her scarf, pulled her coat close to her body. It was a very cold day.

Outside, the woman stepped into a phone booth. She put a card in the slot and dialed.

"Darling, it's me... Did the kids wake up? I am OK... Oh yes, it was one of our countrymen." She sighed. "No, of course not. No relation to us. When I came here, it was already dark. And he was confused with everything. He took me for his wife... Why? A name like Nguyen Thi Ngoc, and some first name with *uong* in it. That must be my name, right? We did receive a couple of phone calls like that, didn't we? Yes, the nurse gave me all of his papers and letters... that's how I found out. His wife and his son, both were drowned when they escaped by sea. He and a few people in the boat were the only ones who survived... (She cried.)... Yes, dear, it's over for him now... Yes, this morning, at five o'clock, in my own arms."

Paris, September 23, 1994

Translated from the Vietnamese (in *The Ky 21*, Dec. 1994) by Do Quy Toan. Mieng is a Vietnamese writer who lives in Paris.

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

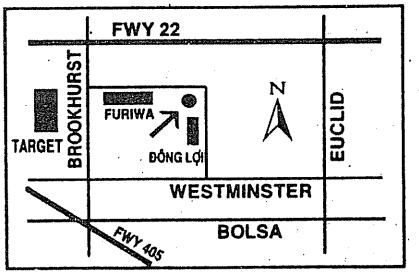

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

Người mẫu áo dài chờ vào động cát... Death Valley -- Ảnh Ngô Thanh Tùng

ĐỘNG CÁT CALI

NGÔ THANH TÙNG

Ngàn năm đá mỏi tan thành cát
Một nẻo mềm chân lối vẫn còn.
Vô danh

Trời sinh ra biển cát, sa mạc, để thử thách ý chí sắt đá của Moses. Nhờ biển cát Sahara, Saint Exupery mới có đề tài viết về "Những Chuyến Bay Đêm." Sẵn trớn, biển cát đãi ngộ luôn những khách lãng du ôm máy hình, túi dết, chân ba càng, bình nước, có công lội bộ vào sâu trong những vùng đất nẻ, "trải túi ngủ để đếm ngàn sao sáng," để hôm sau kịp chiêm ngưỡng tia nắng bình minh đầu tiên chạy vào lũng cát. Trong cõi bát ngát, biển cát đẹp vì thuần khiết cát là cát. Cái đẹp càng nhuần nhuyễn nếu không có dấu chân, không bụi cỏ. Núi cát đã đẹp, lõm cát, lũng cát còn đẹp hơn. Núi cát cùng lũng cát tạo ra những đường cong óng ả, tưởng chừng như uốn éo đến vô tận, lả lơi chạy vào chân trời, quyện lấy bóng chiều tà. Những trũng cát bầu bĩnh vòng tay ôm lấy bóng cát, đùa rỡn, vẽ viền vào với bóng. Những đường đỉnh bồng bềnh tuyệt vời, bay lượn như những cánh bướm khổng lồ đi gom bóng đổ dài trên dốc, xuống lũng, chơi cút bắt với mặt trời, làm say sưa bao tâm hồn nghệ sĩ.

Những nhiếp ảnh gia thành danh, không mấy ai không có vài bức ảnh đồi cát: Ansel Adams, Nguyễn Cao Đàm, Lê Văn Khoa, Đôn Hồng Oai, Phạm Văn Mùi, Lại Hữu Đức, Wellington Lee... Giới nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam có đến bốn danh từ dành cho vùng đồi cát độc nhất vô nhị tại miền Nam là Mũi Né, nằm giữa Phan Thiết và Phan Rang. Danh từ thông dụng nhất, không mầu mè rắc rối, là "đồi cát" tương đương với *sand dunes* bên Anh ngữ. Một từ tương đối ít được dùng hơn, "biển cát," dịch từ *mer de sable* trong Pháp ngữ. Khi đồi cát thấp lè tè, nhỏ xíu, rãnh cát hẹp rí, không gây nổi hứng thú cho giới vung máy đốt phim, thì bị hạ bệ thành "đụn cát." (Xin chớ lầm với "đống cát," một từ của giới thợ hồ). Sau chót,

một danh từ lý thú nhất mà Cao Đàm thường dùng, "động cát," một từ đặc biệt của địa phương, do chính dân chúng quanh vùng Mũi Né sử dụng, nói lên cái huyền bí, thần kỳ, đồng bóng, của một vùng gần 30 cây số bờ biển cát mầu mỡ gà sóng soải gần Phan Thiết, một danh thắng của miền Nam.

Người ảnh mê động cát như nhà điêu khắc mê gỗ đá, như người nhạc mê hòa tấu (*concerts*), mà Cali thì có ít nhất là chín động cát. Hãy nghe cây viết của tập san Hội Địa Lý Hoa Kỳ *National Geographic* Barry Lopez (Số tháng Giêng 1987), viết về một động cát rất vắng vẻ, thanh tú, ít người biết, dầu là giới vung máy đốt phim, đó là Động Cát *Eureka Sand Dunes*, nằm trong một thung lũng cùng tên (Eureka Valley), tọa lạc gần lộ đá 168, nằm chênh chếch phía Tây Bắc ngoài lằn ranh Thung Lũng Tử Thần *Death Valley National Monument*, gần thị trấn Big Pine của xa lộ 395. Một đoạn văn đầy mầu sắc:

"Tôi ngồi đây, trên một đỉnh núi cát 700 bộ, lặng ngắm những tia sáng mong manh, làn sương mỏng đang dâng lên của buổi bình minh. Các tia sáng chạy dọc theo bờ Nam của thung lũng, ửng lên nền xanh xám rồi hồng lợt của dẫy chóp núi răng cưa có cái tên rất hiểm ác: Rạng Tuyệt Mạng "Last Chance Range."

Cali có bao nhiêu đồi cát?

Mùa hè 1980, người ảnh Đặng Văn Lợi và tôi, theo một tài liệu chỉ dẫn (sai) của nguyệt san *Western Photographers*, bỏ ra một ngày, lái chiếc Ford Granada dọc xa lộ 15, 40, không sao tìm nổi lối vào động cát vùng này (vì có đồi cát đâu mà vào). Người ảnh Lê Ngọc Minh, trong một dịp khác, mất khá nhiều thời giờ và xăng nhớt trên xa lộ 8, Hạt Imperial County, cũng không may mắn gì hơn chúng tôi. Đọc các bài của Ansel Adams, thấy người ảnh râu bạc được kính ngưỡng nhất nước Mỹ này, suốt đời là cư dân Cali, rành địa lý tiểu bang này hơn ai hết, vậy mà chỉ quanh quẩn chụp có hai động cát: Động "Oceano," gần Pismo Beach, và Động Giếng Ống Bễ "Stovepipe Wells" trong Death Valley, cũng là hai nơi rất quen thuộc với các tay ảnh Nam Cali. Mãi đến tháng Giêng 1987, nhờ bản đồ của Barry Lopez và bài ông viết rất kỹ về sa mạc Cali, tôi nghiên cứu thêm bản đồ Thomas Bros., cộng với kinh nghiệm những thất bại lần trước, lặn lội thăm được chín vùng động cát của Tiểu bang sau đây. Xin lược trích để cống hiến các bạn đồng điệu đốt phim vung máy.

Đặc tính các động cát Cali

Cali có bốn vùng sa mạc. 1/ Mojave (đọc Mô Ha Vê) trải từ đông bắc Los Angeles, vượt qua vùng tam biên ba tiểu bang: Cali, Neveda, Arizona. Đây là sa mạc Thấp "Low Desert" gồm Death Valley, nơi có "lỗ rốn" Bad Water, điểm thấp nhất của trái đất, 282 bộ dưới mặt biển. Đây cũng là nơi có *Động Cát Giếng Ống Bễ*, rộng thứ nhì trong số các động cát tiểu bang. Chênh chếch về phía Tây Bắc Death Valley, gần lộ đá 168 là động Eureka, sáu dặm vuông, và một động cát nhỏ khác chừng trên bốn dặm vuông, cách Eureka chừng một giờ lái xe, cũng nằm trong vùng này. 2/ Sonoran (Sô Nô Ren) bình nguyên sa mạc, "High Desert" trải từ biển mặn ô nhiễm Salton Sea qua khỏi Arizona. Vùng này chứa động cát vàng, rộng nhất Cali, Động Hoàng Gia *Imperial San Dunes* bị xa lộ 78 cắt ngang. Sa mạc này còn chứa chục động cát nhỏ: *Cadiz* và *Kelso*. 3/ Sa mạc Colorado, nhỏ nhất trong bốn sa mạc, nằm về phía đông San Diego. 4/ Sa mạc Yuma nằm giáp ranh Nam sa mạc Colorado, rải qua khỏi biên giới Mễ Tây Cơ, mồ chôn một số di dân Mễ đi chui vào Cali, chết khát vì thiếu chuẩn bị. Hai sa mạc chót không có động cát.

Phần lớn các đồi cát Cali đều bị các yên hùng xe máy dầu hai, ba, bốn bánh hè nhau "kẻ chữ" chi chít, nhất là vào cuối tuần, ngày lễ, mùa hè, các tháng Sáu, Bẩy và Tám. Tuy vậy, có ít ra là ba động cát mà giới ảnh nghệ thuật có thể yên tâm dựng chân ba càng, lắp dây bấm mềm mà không sợ bị xe bình bịch cán. Ba nơi này đều có bảng cấm xe có động cơ ra vào: 1/ Động Giếng Ống Bễ trong Death Valley, 2/ Động Eureka, và 3/ Động Oceano. (Xin xem bản đồ đính kèm). Kể ra thì luật lệ Mỹ khá gắt gao về các biện pháp bảo vệ môi sinh thiên nhiên song chẳng lấy gì làm hữu hiệu vì sa mạc quá bao la, canh gác sao cho xuể.

Cali có 72% sa mạc thuộc tài sản Liên Bang, tức 25 triệu mẫu. Năm 1976, Quốc Hội Mỹ chỉ thị cho Sở Quản Trị Công Thổ (*Bureau of Land Management, BLM*) lập kế hoạch bảo tồn sa mạc Cali. Bốn năm sau, BLM ban hành một chương trình bảo tồn môi sinh chống bốn tệ nạn: 1/ lùa gia súc đi ăn cỏ bừa bãi, hết cỏ cho động vật hoang; 2/ khai thác khoáng sản bất hợp pháp; 3/ đổ rác loạn; và 4/ thả hoang các động vật mới. Nhưng BLM chỉ có 27 nhân viên, ngân khoản ít quá, không tuần cảnh xuể 12 triệu mẫu sa mạc, lại phải bảo vệ cả bao nhiêu chứng tích lịch sử, thêm việc phải chống nạn bứng cây trộm do một số du khách chơi kiểng du hành vùng này mỗi năm.

Muốn tìm các động cát trên bản đồ, hãy tìm những khu giải trí việt dã cho cơ giới *Off-Highway Recreational Area*. Phải tìm được tọa độ các điểm tập trung này, hỏi dò, sẽ tìm ra những động cát nằm gần đó. Thật ra, bạn nên chuẩn bị lội bộ hai

hoặc ba dặm trước khi đến được nơi có thể vung máy đốt phim. Tôi khuyến cáo những bạn yêu động cát nên mua thêm cuốn *Thomas Bros. Map, California Road Atlas & Driver's Guide*, ấn bản mới nhất, được bầy bán tại các tiệm sách lớn, giá trên dưới $20. Đây là một tài liệu phụ, giúp bạn đi từ nhà đến những vùng có động cát.

1. Động Hoàng Gia — Imperial Sand Dunes

Động cát lớn nhất Cali, hình "giò gà" giơ chân về phía Tây Bắc, nằm gần Biển Mặn *Salton Sea*, Hạt Imperial County. Cát vàng, một ảnh trường lý thú cho những người ảnh vung máy đốt phim mầu. Sa mạc này bị xa lộ 78 cắt ngang vào quãng 1/3 về phía Tây Bắc. Có đến ba khu dành cho yêng hùng xe máy dầu tung hoành (*Imperial Sand Dunes Recreational Areas*), trải đều theo chiều dài biển cát, làm tan mộng giới yêu ảnh. Đâu đâu cũng thấy xe hai, ba, bốn bánh, kẻ chữ, vẽ vòng trên cát. Nhưng xin đừng thất vọng. Rán viếng Động Hoàng Gia vào mùa Đông, lựa những ngày làm việc trong tuần, hoặc sau những trận cuồng phong.

Động cát Eureka. -- Ảnh Ngô Thanh Tùng

Muốn đến Động Hoàng Gia, từ Hạt Cam, lấy xa lộ 5 đi San Diego, lấy 8 East chạy đến khi qua khỏi thị trấn Centro, lấy 111 North, sẽ gặp 78, lấy 78 East, sẽ lái xuyên biển cát đến thị trấn Glamis. Trên lộ trình, nếu thấy đường vào một trong ba *Imperial Sand Dunes Recreational Areas*, cứ rẽ vào. Theo luật, phải dùng xe quay cả bốn bánh (4-Wheel Drive), nếu không, có thể bị phạt.

2. Động Giếng Ống Bễ — Stovepipe Wells Sand Dunes

Mùa hè 1981, Hội Ảnh Nghệ Thuật VN tại Hoa Kỳ tổ chức Đại Hội Nhiếp Ảnh Hải Ngoại đầu tiên trong bốn ngày, gồm năm tiết mục chính: 1/ Tường trình sinh hoạt Hội Ảnh Nghệ Thuật VN tại hải ngoại; 2/ Bầu Ban Chấp Hành Hội; 3/ Thi ảnh đẹp, triển lãm ảnh; 4/ Cao Lĩnh nói chuyện về nhiếp ảnh nghệ thuật quốc nội; 5/ Săn ảnh Giếng Ống Bễ, Thung Lũng Tử Thần. Từ khắp các tiểu bang đổ về khoảng 50 người ảnh cũ mới, có mặt trong cuộc vui hôm đó, tôi còn nhớ: Lê Văn Khoa, Hội Trưởng, Lê Ngọc Minh, Ngô Thanh Tùng (hướng dẫn đại hội đi săn ảnh đồi cát), Bùi Văn Giai, Thái Đắc Nhã, Trần Cao Lĩnh, Mai Thảo, Nguyễn Huy Trực, Lê Trường Xuân, Võ Thạnh Văn, Trần Chí Trung, Đặng Văn Lợi, Đặng Văn Phước, Nguyễn Văn Phước, Thương Chi, Trần Văn Anh, Lệ Chi, Nguyễn Đức Cung và nhiều vị nữa... Sau đó, Mai Thảo đã viết rất tình tứ về chuyến săn ảnh lịch sử này mà tôi sẽ xin trích ở đoạn kết. Thấm thoát 11 năm đã trôi qua. Cao Lĩnh, người gây nhiều sóng gió sau buổi nói chuyện về nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam, đã chu du miền nước nhược. Người ảnh Lê Trường Xuân gia nhập luật sư đoàn Cali, có lẽ gác máy một thời gian. Nhà báo Đỗ Ngọc Yến cũng có mặt trong chuyến săn ảnh, thành công với tờ *Người Việt*. Một số tay ảnh đã gác máy. Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đã đào tạo thêm được trên 1400 người ảnh mới, và vẫn tiếp tục.

Đây là động cát lớn nhất dành cho giới vung máy đốt phim. Cấm tất cả các loại xe vào khu vực 30 mẫu động cát này (có thế chứ). Cát không được vàng lắm, màu mỡ gà, nằm cách lộ 190 chừng hai dặm nhưng có một núi cát cao gần ngàn bộ. Tọa độ: Bắc của trung tâm Dealth Valley, động nằm ngay gần giao điểm đường 190 và North Highway Rd. Hầu hết các người ảnh Hoa Kỳ đều cắm lều tại đây, ít ra là đôi ba đến dăm sáu chục lần. Sau

những trận bão cát là thời điểm săn ảnh lý tưởng. Death Valley vừa được Quốc Hội tấn phong thành National Park cùng với Joshua Tree ngày 31 tháng Mười 1994.

2. Động Giếng Ống Bễ — Stovepipe Sand Dunes (Death Valley)

Muốn đến Động Giếng Ống Bễ, từ Hạt Cam, lấy 91 East, 15 East, 395 North, đến thị trấn Olancha, sẽ thấy bảng chỉ đường vào Death Valley, quẹo phải, đó là mỹ cảnh lộ 190 dẫn đến phía bóng người. Cát ở đây mầu mỡ gà, lợt hơn cát Động Giếng Ống Bễ, nhưng nhờ không dấu chân người, dễ có ảnh đẹp. Điều đáng ghi nhớ là phải có mặt tại chân động cát ít ra là năm giờ sáng nghĩa là, phải đến thị trấn Big Pine, nghỉ đêm tại đây. Sáng hôm sau, phải khởi hành chậm nhất là 3:30 sáng thì mới vào động kịp trước lúc mặt trời mọc. Hoặc cũng có thể khởi hành tại Big Pine khoảng 3:00 giờ trưa, đến chân đồi cát Eureka khoảng 5:30, chụp hoàng hôn, cắm lều ngủ qua đêm, sáng hôm sau, chụp bình minh. Có bãi cắm trại và một nhà cầu nhỏ ngay chân đồi cát.

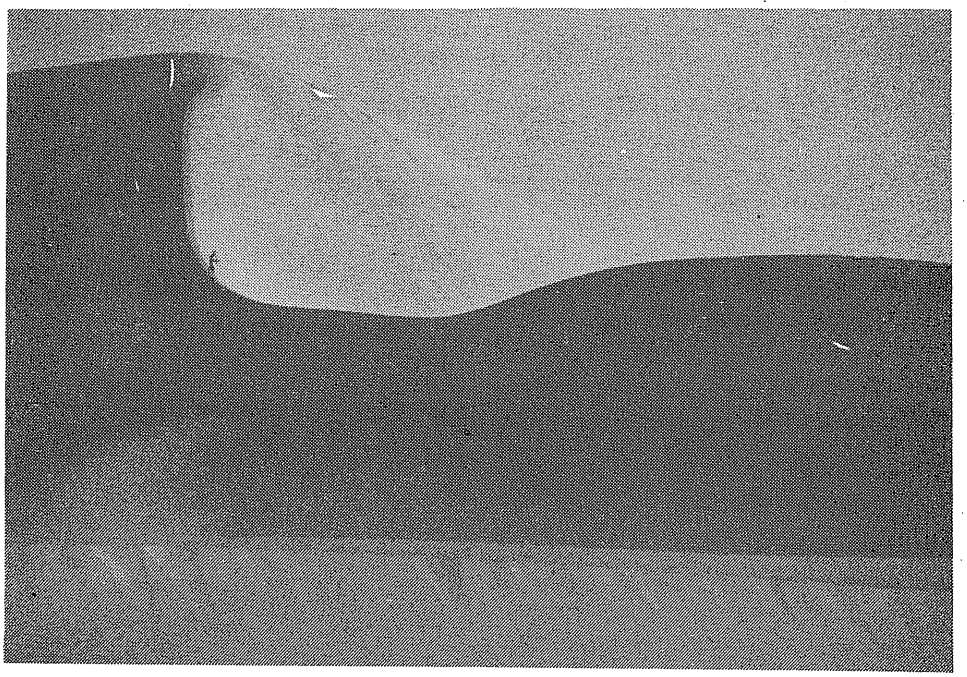

Đồi cát Death Valley. -- Ảnh Ngô Thanh Tùng

Nam động cát. Từ Bắc Cali, phải đi hơi xa. Tôi xin cống hiến con đường êm ái nhất. Lấy 680 North, rồi 80 East, khỏi Reno, sẽ lấy 395 South, đi hoài, đến thị trấn Lone Pine, lấy 136 East, sẽ gặp 190 East, đưa thẳng vào Động Giếng Ống Bễ. Đi đường này, nhìn bản đồ, có vẻ xa đấy, nhưng không phải qua đèo.

Động Eureka — Eureka Sand Dunes

Đây là động vắng người nhất, vì có lẽ hơi nhỏ, ngang hai dặm, dọc ba dặm, ít người biết.

Đường vào là một lộ đá 20 dặm, kế đó là 10 dặm đường có hàng ngàn ổ gà, dợn sóng, phá ống nhún. Đố bạn tìm đâu ra trên đất Mỹ một con đường nào tệ hơn lộ đá 10 dặm này. Nhưng đây là động cát tình tứ nhất Cali.

Tại đây, người ảnh Nguyễn Ngọc Quỳnh và tôi cắm lều chờ mặt trời lặn nửa ngày, không một

Muốn đến Động Cát Eureka, nếu từ Saigon Nhỏ, lấy 91 East, 15 East, 395 North, nghỉ đêm tại Big Pine. Có nhiều Motel giá rất phải chăng, 30-40 Mỹ kim/ngày, một phòng hai người. Sáng hôm sau, thức thật sớm, phải ra đi khoảng 3:00 giờ sáng (hoặc khởi hành vào buổi trưa như ghi trên) cứ lái trên 395 North, ngay phía Bắc Big Pine, bạn sẽ gặp 168 East, vào 168 East, lái chừng vài dặm, lấy Death Valley Rd. Lái thêm khoảng 20 dặm, sẽ gặp South Eureka Rd., lộ đá dợn sóng "trời ơi", quẹo mặt để vào thung lũng. Đây là một tấm bảng rất nhỏ, phải chú ý, nếu không, sẽ đi hụt. Bạn rán vất vả rêm ống nhún qua đoạn 10 dặm này, sẽ vào ngay chân một động cát xinh xinh, không một bóng người, để chờ mặt trời mọc.

Nếu khởi hành từ Bắc Cali, lấy 680 North, 80 East, khỏi Reno, lấy 395 South, lái hoài, xuống

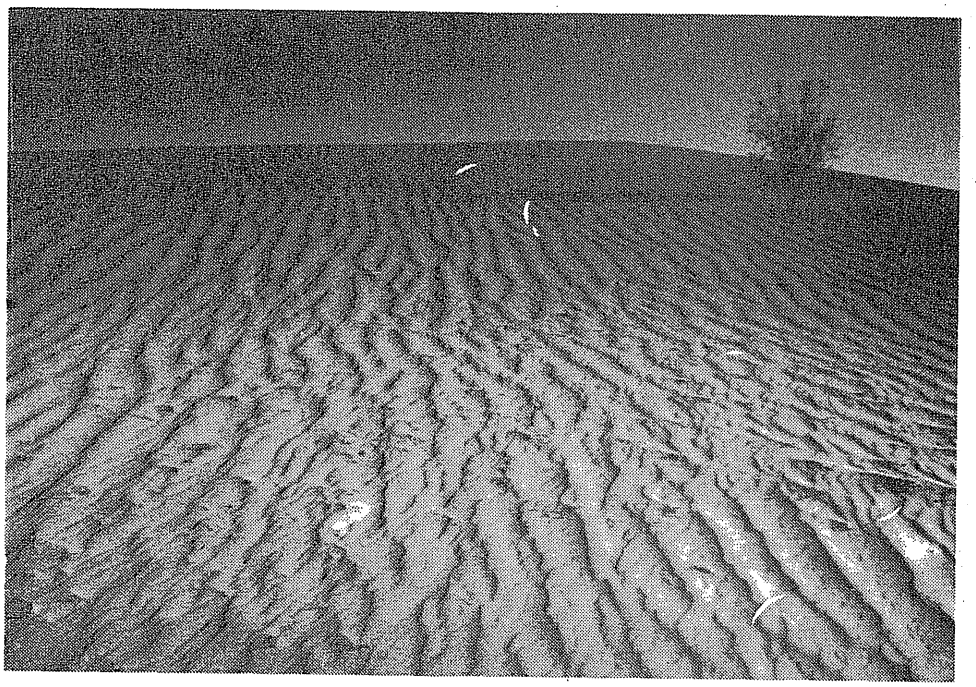

Động Giếng Ống Bễ. -- Ảnh Ngô Thanh Tùng

đến thị trấn Big Pine. Nghỉ đêm tại đây, sáng sớm, 3:00 giờ khởi hành như vừa ghi trên.

4. Động Pismo — Pismo Sand Dunes (Oceano)

Nằm giáp thị trấn Oceano, nên người ảnh Ansel Adams liền đặt cho động này là Oceano, tên một trong những tác phẩm đồi cát nổi tiếng của ông. Vì vậy, giới săn ảnh Mỹ vẫn gọi động này là Oceano Dunes. Xin chớ lầm với biển cát Guadelupe, một vận động trường của những tay chơi xe máy dầu, nằm vài dặm phía Nam Oceano. Cát ở đây rất vàng, đãi ngộ người ảnh chơi mầu, lại nằm giáp biển, cạnh đường số 1. Tôi săn ảnh động này với Lê Ngọc Minh, ba bốn lần, lần gần đây nhất, có người ảnh nữ Vy Vy Trần tháp tùng. Màu cát tuy hay, rất tiếc là toàn đụn cát, không thấy một động nào cao trên 300 bộ. Họa hoằn sau vài trận bão, may ra...

Muốn vào động Oceano, từ Nam Cali, lấy 101 North, đến khỏi Solvang vài dặm, sẽ thấy lối vào Rancho Los Alamos, vườn nho cất rượu nổi tiếng trong vùng. Lấy 135 North, lái một đỗi, lấy Coast Highway 1 North, cận duyên lộ 1, tới Oceano, gặp Grand Ave., quẹo trái, sẽ theo đường lộ nhỏ, rán tìm cho ra một nhà ga xe lửa bỏ hoang, men theo bờ Đông nhà ga, lội qua một suối cạn, theo lối mòn, đi về hướng biển, sẽ vào động cát.

Từ Bắc Cali, hơi xa hơn là đi từ Nam Cali, lấy 101 South, khỏi San Luis Obispo, 101 và 1 sẽ nhập một. Khỏi Pismo Beach, tiếp tục lái trên đường số 1 để vào Oceano. Tới Grand Ave., quẹo phải, tiếp tục đi về hướng biển như ghi trên.

5. và 6. Động Nam/Bắc Thung Lũng Cadiz

North Cadiz Valley Sand Dunes

Thung lũng Cadiz có đến bẩy tám động cát. Tôi tạm chia vùng này ra hai khu vực: Bắc và Nam thung lũng, nối với động Keosô ở phía Bắc. Lấy xa lộ 29 Palms Highway tức đường 62 làm trục chính, cắt bởi các tỉnh lộ Amboy Rd., Saltus Rd., Cadiz Rd., và Desert Center Rice Rd.

Động Bắc tọa lạc phía Tây Nam một hương lộ nhỏ với cái tên Cadiz Rd., nằm cạnh ba tiểu trấn Cadiz, Archer, và Chubbuck. Động nằm phía Nam của cả hai xa lộ 40 và National Trails Hwy. Từ Saigon Nhỏ, lấy 91 East, 15 East, 40 East, tới Kelbaker Rd., quẹo phải, lái về phía Nam, đến National Trail Hwy, quẹo trái, đến Cadiz Rd. quẹo phải. Có hai động cát nằm bên phải đường.

Động Nam là một chùm bốn động cát nhỏ nằm hai bên xa lộ Twentynine Palms Hwy, tức xa lộ 62 nổi tiếng của Palm Springs. Bốn động này nằm gầm Desert Center Rice Rd, và Cadiz Rd.

Từ Nam Cali, lấy 91 East, 60 East, rồi 62 East, sẽ đi thẳng qua vùng sa mạc chứa bốn động cát vừa kể.

7. Động "Đưa Mông" — Dumont Sand Dunes

Tọa lạc trong Hạt San Bernadino, nằm trên tỉnh lộ 127. Rất nhỏ. Từ Nam Cali, lấy 91 East, 15 East, đến gần thị trấn Baker, lấy 127 North, lái một đoạn, sẽ gặp *Salt Creek Springs Recreational Area*, vào khu này, lội bộ về phía Bắc, sẽ đến động Đưa Mông.

8. Động Keo Sô — Kelso Sand Dunes

Tọa lạc phía Nam đường 127. Xin đi như trên. Khi đến thị trấn Baker, thay vì queo trái đi về phía Bắc 127, thì exit Kelbaker Rd., đi về phía Nam, tức queo mặt, sẽ thấy lối vào *Devils Playground*, có thể vào chung lối với các yêng hùng, hoặc tiếp tục lái khỏi thị trấn Kelso chừng một đỗi, sẽ gặp Kelso Amboy Rd, queo phải trên đường này, sẽ vào động cát. Dĩ nhiên là còn phải đi bộ một đỗi nữa.

9. Động Bình Nguyên — Midland Sand Dunes

Tọa lạc trong hạt Riverside County, gần sang đến Arizona, có hai động nằm hai bên đường Midland Rd. Cứ lái trên xa lộ 62, xin xem lại lộ trình đi đến động số 6, Nam Cadiz, đến Midland Rd queo phải, tức phía Nam, sẽ thấy hai động cát nằm hai bên đường.

Một lưu ý quan trọng: muốn viếng các động cát — ngoại trừ 2, 3, và 4 — bắt buộc phải có xe chạy cả bốn bánh, 4-wheel drive.

Để chấm dứt loạt tiếu ngạo động cát, đốt phim, tôi nghĩ không có gì lý thú bằng đọc lại đoạn văn tình tứ bát ngát nhà văn Mai Thảo đã viết năm 1981 về cái thú săn ảnh động cát, sau chuyến ông đi theo chân Hội Ảnh Nghệ Thuật VN săn ảnh tại Động Giếng Ống Bễ, Thung Lũng Tử Thần.

Từ hai chiếc xe "van" đổ xuống, một đổ xuống tiếng cười nói ồn ào làm thức động cả một vùng núi non hoang tịch trước đó một phút còn đắm chìm trong giấc ngủ, họ chia thành nhiều tốp, đám người trẻ tuổi nhanh nhẹn dẫn đường, tiến chiếm các địa điểm săn hình là những giải đồi cát trắng sâu thẳm và mờ mờ sương sớm ở xa xa... Tôi đi theo một đoàn người cồng kềnh nhất thế giới với cái nghệ thuật cồng kềnh nhất thế giới này của họ là nghệ thuật chụp hình. Với những ống kính, chân máy đủ cỡ đủ kiểu, những máy chụp đủ tầm đủ loại, cộng thêm vào lỉnh kỉnh những túi dết, những bình nước họ đeo toòng teng trước ngực, sau lưng, đám người mở cuộc săn hình đang nhỏ xíu đang xa dần trước mặt tôi kia giống hệt như một đoàn thám hiểm không gian vừa rời khỏi một phi thuyền, đặt những bước chân đầu xuống một tinh cầu hoang vu nào đó...

Lắng nghe một hồi lâu, tôi vẫn không thấy vọng tới mình một tiếng động nhỏ nào. Không một tiếng chim hót. Không một hơi gió thổi. Không một hòn đá lăn. Không một tiếng lá rụng... Khi vào tới nơi, tới chỗ Trần Cao Lĩnh, Lê Văn Khoa và các bạn ảnh của các anh đứng thành một hàng dài trên một ngọn đồi cao, cùng cầm máy nhìn về một phía núi ở phương Đông, tôi mới hiểu tại sao lại có sự im lặng lạ lùng và kéo dài ấy. Thì ra ngày còn quá sớm, những vì sao sa mạc cuối cùng mới vừa kịp rụng, mặt trời chưa mọc. Và tất cả đang chờ đợi mặt trời. Thì ra những đồi cát của Thung Lũng Chết vẫn còn bần bật ngủ, chưa có tiếng chuông rực rỡ của mặt trời đánh thức. Thì ra cuộc săn ảnh chỉ có thể khởi diễn theo cùng ánh sáng, và mấy chục cái máy hình của Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam lữ thứ kia vẫn chưa được nâng lên... Trong dáng đất tỏ dần, trong dáng trời hồng dần, thật là một đợi chờ nhiếp ảnh kỳ thú. Trước mầu núi xanh dần từng giây từng giây, trước biển cát sa mạc trắng dần, từng hạt từng hạt, thật là một đợi chờ ánh sáng kỳ lạ. Suốt đời tôi, chưa từng một sáng nào tôi đứng đợi mặt trời. Thây kệ. Mặt trời mọc thì mặt trời mọc. Vậy mà phút đó, đứng chôn chân trên một đồi cát thấp, tuy chẳng có một máy hình nào trong tay, tôi bắt gặp tôi cũng như một đoàn người ảnh xếp hàng ở trên cao, cũng đang chăm chú ngó về phương Đông, chờ ánh sáng, chờ sự sống, hiện lên từ phía ấy.

Rồi nhiều tiếng reo hò mừng rỡ đồng loạt vang lên, âm thanh dội đập vào những tường núi bốn phía ngân động không cùng trong sa mạc thình lình sáng rỡ, với những cồn cát sóng soải cùng nhất loạt phơi bầy tất cả những đường cong, những khoảng trũng óng ả tuyệt vời của chúng."■

Trích "Cảnh Đẹp Cali"

THẾ KỶ 21 hân hạnh giới thiệu:
CD *STILLING TIME*
(Người Ngồi Ru Thời Gian)
Nhạc cổ truyền Việt Nam
do **Philip Blackburn** thực hiện.

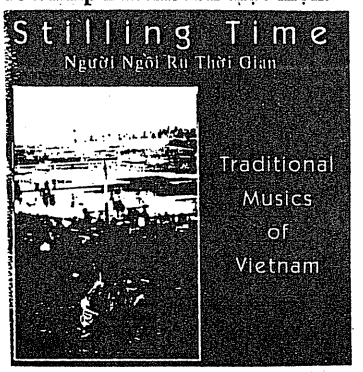

VIẾT VỀ HÀ NỘI

TÂM VIỆT

Viết về một thành phố thực không phải là dễ. Chúng ta ngày hôm nay sống trong một nền văn minh đô thị, nếu ngày ngày đi cuốc đi cày trong những cao ốc nhiều tầng, tối có về sống dưới những mái nhà thấp bé hơn — ở những kích thước con người hơn — thì hình như cái hứng của ta cũng vẫn bị cạn lụt đi bởi cái đời sống "không có con người" đó thì phải.

Thật lạ, vì nếu có gì gần gũi chúng ta nhất thì đáng lẽ phải là đô thị, thành phố mới phải. Ngay đối với những người sống ở ngoại ô thì thành phố cũng là nửa đời người, nửa thời gian trong những năm chúng ta còn có sức đóng góp vào cuộc đời rồi. Lại đối với người Việt ở Mỹ hay ở Tây phương thì không chừng 90-95 phần trăm trong chúng ta là thị dân, chúng ta không có môi trường sinh thái nào khác. Hơn thế nữa, gần như tuyệt đại đa số trong chúng ta tùy thuộc vào các thành phố để có kế sinh nhai của mình. Ấy vậy mà sao ta có thể thờ ơ, tưởng đến lạnh lùng, lãnh đạm với những thành phố cưu mang chúng ta tới mức đó?

Ai không tin điều tôi nói trên đây thì tôi chỉ xin bạn đó chỉ cho tôi một bài báo do một người Việt viết thật hay về Nữu Ước, về Los, về San Francisco, về Chicago hay Houston, TX, trong hai chục năm qua — tôi sẽ xin rút lại ngay lời phát biểu trên. Người ta thường nói đến những thành phố thơ mộng như Austin hay San Antonio, TX, những tỉnh nhỏ đẹp như trong tranh (Monterey, California) hay một người đàn bà trong tất cả cái lộng lẫy của thời con gái như Princeton, New Jersey, vào thu. Ngay vùng tôi ở, đất Hoa-đô, ai dám bảo là một thành phố không đẹp? Vậy mà sao ta chưa có mấy bài thơ về nó hay một bài âu ca như ta có về Huế của sông Hương núi Ngự, hay Paris của dòng sông Seine?

Hình như muốn viết hay, người ta phải có những gắn bó tình cảm nào đó ngoài những viện gạch, những đường trải nhựa, những vỉa hè xi măng hay những tòa nhà cao ốc lộng kính. Bên cạnh cây hoa anh đào nào đó (chứ không phải tất cả những cây hoa anh đào, dầu như chúng đẹp cách mấy đi nữa), người ta như còn muốn có thêm một bóng dáng người mình thương, một tà áo, một mái tóc đặc biệt, một cái mũi hênh hếch, một cái răng khểnh, một đôi mắt đưa tình, một tiếng cười ròn rã mà còn để lại vang vọng đến "nghìn sau". Cho nên thế mới biết, *un seul être vous manque et tout est dépeuplé*... "Chỉ cần vắng một, tất đà hoang vu". (Lamartine)

Hay tại cái thành phố thường dễ lớn quá, như một vật gì quá to đi, vòng tay ta không sao ôm nổi. Trong trí tưởng cũng thế chăng? Nên khó lắm, khó lắm mới có được một tác phẩm dễ thương như *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* của cựu khoa trưởng Văn khoa Sài gòn Nguyễn Khắc Hoạch, ký Trần Hồng Châu, in ra cách đây mấy năm. Có lẽ phải chờ cho thời gian gạn lọc đi rồi những chuyện phù phiếm thì cái còn lại, cái chắt lọc mới đáng nói.

Hay phải chờ một cặp mắt tinh khôi, một cặp mắt hoàn toàn mới mẻ đến với một thành phố ta mới nhìn thấy tất cả những cái khác biệt với những điều ta đã biết, ta đã quen. Có thể lắm, vì viết nhiều về Hà Nội hay Sài gòn, Huế, thường không phải là người địa phương mà lại là người ngoại quốc. Cứ thử tưởng tượng là ta không có những chứng từ của các "ông sứ Thiên triều" sang nước ta suốt dọc bao nhiêu thế kỷ, những sách kể lại về Kẻ Chợ của Samuel Baron (*Description du royaume de Tonquin*, 1685), về Kinh đô Thăng

Long của Lãn Ông Lê Hữu Trác (*Thướng Kinh Ký Sự*) hay Hà Nội của Trương Vĩnh Ký (*Voyage au Tonkin en 1876: Chuyến đi Bắc-kì năm Ất-hợi*) thì ngày nay ta còn nhớ được gì về Hà Nội ngoài những chuyện chính trị ghi chép trong sử hoặc những chuyện bên lề được nhắc nhở trong *Vũ Trung Tùy Bút* hay *Tang Thương Ngẫu Lục*?

Thế mới biết tìm được một con mắt mới, với những nhận xét mới về một thành phố tưởng như ai cũng biết như cuốn *Hà Nội Trong Mắt Tôi* của Phạm Xuân Đài mới ra cách đây ít lâu do nhà xuất bản Thế Kỷ (đối chiếu với phim tài liệu *Hà Nội Trong Mắt Ai* của nhà đạo diễn Trần Văn Thủy), quả không phải là dễ. Nếu quyển sách lại còn được thêm cái thâm thúy trong nhận xét của nó thì quả là hiếm hoi. Có thể có người cho tôi là ngoa ngôn. Vậy tôi chỉ xin quý vị nhẩm lại xem có bao nhiêu cuốn sách đáng đọc về một thành phố như Hà Nội? Nếu trong ca dao tục ngữ ta cũng còn có được vài câu như "ăn Bắc, mặc Kinh" hay bài "Hà Nội băm sáu phố phường" thì trong văn thơ cận hiện đại cũng hiếm lắm những bài hay tác phẩm thật hay về Hà Nội. Người ta nhắc đến một hai bài như "Ta nhất định thắng" của Trần Dần:

Tôi ở phố Sinh-từ:
Hai người
Một gian nhà chật
Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui?
...
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ.

Hoặc trong văn xuôi người ta nhắc đến *Hà Nội Băm Sáu Phố Phường* của Thạch Lam, viết từ 1943, hoặc *Thương Nhớ Mười Hai* của Vũ Bằng, viết ở trong Sài gòn mà nhớ về đất "ngàn năm vạn vật" (1972). Song có đọc lại mới thấy là Thạch Lam mà xem ra vẫn nhạt nhẽo, phiến diện (tỷ dụ ông có một chương chuyên chỉ nói về các bảng hiệu bằng tiếng Tây, một điều có thể làm cho mọi người cười một chút hồi đó chứ bây giờ xem ra hơi lạc lõng). Quyển của Vũ Bằng khá hơn nhiều, có hồn hơn tuy có thể cũng hơi nhàm lời. Dẫu sao thì tôi để ý, sau này báo ở Hà Nội cũng không quản ngại việc đăng lại từng chương, từng chương một của Vũ Bằng chứ không thấy mấy báo đăng lại những bài đầy tuyên truyền rẻ tiền của những tác giả miền Bắc thời "chống Mỹ cứu nước." Thế mới biết, văn chương mà không có nội dung, văn chương mà chỉ nhắm cái nhất thời thì rất dễ bị sa thải — bởi ngay những tác giả của nó chứ không ai khác cả. Viết về Hà Nội mà đầy căm hờn thì thử hỏi có thật đó là Hà Nội của Hồ Gươm, Hồ Tây, hồ Thuyền Cuông hay hồ Trúc Bạch, của Văn Miếu, Chùa Một Cột hay chùa Quán Sứ hay không? Đó là chưa kể đến mới chửi Mỹ chửi Tàu ngày hôm qua, sách vở in rành rành đó, giờ lạy Mỹ đón Tàu thì trông sao đặng? Thành thử không lạ là người ta đã phải giấu biến những cuốn sách đó đi, những cuốn về Hà Nội như của Hoàng Đạo Thúy hay ngay cả của Trần Quốc Vượng!

Ngày nay, có lẽ ta đã bớt mặc cảm nên ở hải ngoại đã thấy như có một sự chú ý trở lại về Hà Nội — dầu như đó là Hà Nội trong hồi tưởng, dầu như đó chỉ là về một Hà Nội "dáng kiều thơm" không bao giờ còn trở lại nữa.■

VÕ PHIẾN

SÔNG CƯỚC SÔNG KIN

tặng Ngô Thanh Tùng, người tình của Cali.

Lên chơi sông Cước sông Kin (*)
Ngã lưng đá lạnh ngửa nhìn mây trôi
Người nằm lơ lửng đất trời
Nước sông kể chuyện nghìn đời bên tai
Mây này muôn triệu năm dài
Nước này thì vẫn nước này thiên thu
Thời Gian lười lĩnh lơ mơ
Ngả lưng đá lạnh khật khờ thảnh thơi.
Sông Kin, sông Cước lên chơi
Gặp Thời Gian ngủ, ới ơi gọi chào
Thời Gian thức giấc thở phào
Thở ra hoa bướm hít vào vân yên.
Lên chơi sông Cước, sông Kin
Những mây cùng bướm: bướm nghìn năm xưa.

10-1994

(*) Kern River, Kings River. Ở trung bộ tiểu bang California, trong vùng rừng núi Hồng Sam (Sequoia National Forest).

CHUYỆN CÁI ĐẦU GỐI

PHẠM XUÂN ĐÀI

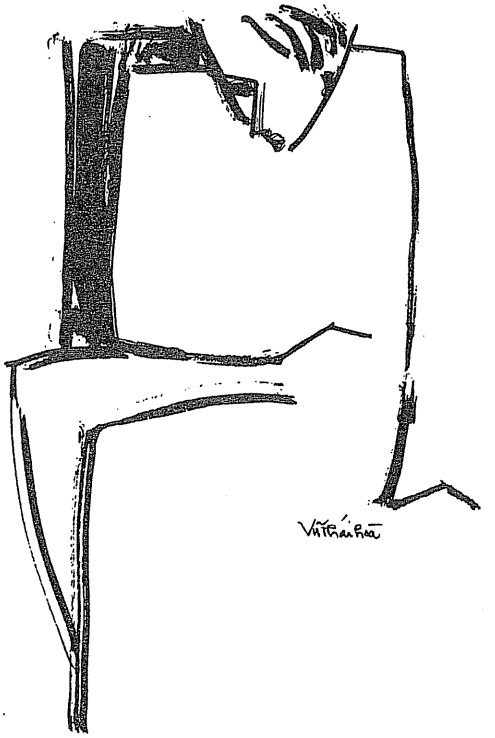

"Mày làm phiền ta nhiều lắm đấy nhé, đầu gối của ta. Cũng buồn cười, ta gọi mầy bằng mầy, như một đối tượng ở ngoài ta, không phải là ta, trong khi mầy chính là một phần của cơ thể ta. Cái mà ta xưng là "ta" ấy là gì nhỉ, là thể xác và tâm hồn ta như một toàn thể, vậy thì mầy cũng là ta. Vậy mà ta vẫn có khả năng "đối tượng hóa" mầy để nói chuyện như với một người lạ, kể cũng kỳ, ta hy vọng mầy đừng buồn về việc ấy. Đó là một khả năng tự nhiên, vô tình, không có ý phân biệt đối xử gì cả. Ông Trang Tử ngày xưa còn có khả năng phủ nhận chính cả ông ấy nữa kia, khi băn khoăn tự hỏi ổng có phải là con bướm không. Các loại khả năng như thế có rất nhiều, có thể là vô cùng vô tận, thôi thì mày cũng nên vui lòng để cho ta nói chuyện với mầy một lúc cho vui.

Nói là mầy làm phiền ta, hay ta làm phiền mầy? Có lẽ đúng hơn hết là số phận làm phiền chúng ta. Cái phiền hà ấy bắt đầu từ đâu nhỉ, để nhớ lại coi..."

Đúng là nói chuyện với đầu gối, nó cứ trơ trơ không ừ hử gì cả. Vì nó là đầu gối mà, biệt tài của nó là im lặng, mặc dù chỉ cần co chân một cái là nó đã đối diện với mình. Nhưng nó có cảm giác, có nghĩa là tôi cảm thấy cái đầu gối bên trái của tôi đau nhức ghê lắm sau khi mổ vào ngày 27 tháng Mười vừa qua. Còn lý do tại sao phải mổ thì phải ngược dòng thời gian trở về mười ba năm trước.

Lúc gần năm giờ sáng ngày mồng Ba tháng Sáu năm 1981 tại nhà bẩy, trại cải tạo Thanh Cẩm, Thanh Hóa, tôi đã nhào một cú từ tầng giường trên xuống đất, cái xương bánh chè của đầu gối trái vỡ đôi. Như mọi buổi sáng, tôi dậy sớm vào phòng vệ sinh rồi ra ngồi ở tầng giường dưới hút thuốc lào, và như thường lệ tôi say một lúc. Thần trí đi vào cõi mê man, lơ mơ rồi dần hồi tỉnh trở lại. Một cơn say thuốc lào xảy ra dài lắm là vài mươi giây. Khi đã tỉnh táo tôi đặt ống điếu xuống và bắt đầu leo lên chỗ nằm ở tầng trên. Đó là một cái sàn dài bằng gỗ cách mặt đất trên hai mét, mỗi người có một chỗ nằm rộng bằng chiều ngang của một cái chiếu cá nhân. Để khỏi làm mất giấc ngủ của người khác tôi phải gắng bò thật sát mép sàn, qua một cái mùng, hai cái mùng... đến cái mùng thứ tư là "nhà" của tôi rồi, có thể thoải mái chui vào nằm chờ sáng. Vừa qua khỏi cái mùng thứ ba thì đột nhiên tôi ngất đi, một cơn xây xẩm ào tới rất nhanh đến độ mình không kịp phản ứng gì cả, ngã nhào xuống đất trong tư thế đang ngồi xổm. Điểm chạm nền nhà xi măng là cái đầu gối trái, cả sức nặng của cơ thể dồn lên một điểm đó. Cả buồng thức dậy, vực tôi lên, tôi cảm thấy tê liệt chân trái. Rọi đèn vào thì thấy không bị thương tích chảy máu chỉ có một cái ngấn sâu chạy ngang đầu gối. Tôi cảm thấy một nỗi bất an xâm chiếm trong người tuy chưa biết rõ lắm cơ sự như thế là thế nào. Các bạn đặt tôi ngồi tạm một chỗ nào đó, rồi đến cửa buồng lịch kịch mở, mọi người ra ngoài, tôi nghe thấy tiếng "báo cáo cán bộ có một anh té bị thương chân." Hình như người cán bộ mở cửa buồng có vào xem qua, nói để báo cáo với y tế.

Thời gian buổi sáng rất bận rộn, mọi người lo chuẩn bị xuất trại đi làm, tiếng kẻng vang lên là tất cả xuống tập họp ở sân, dãy nhà bỗng chốc trống trơn, chỉ còn lại vài người trực buồng và mấy người nghỉ bệnh. Tôi nằm nhìn lại cái đầu gối của mình và bỗng giật mình: có một cái cục gần bằng quả trứng gà nổi lên trên bắp vế phía trên đầu gối

độ một tấc, còn chỗ đầu gối thì có một vết hõm xuống rõ rệt. Tôi cảm thấy lo sợ, chắc chắn là cơ thể của mình chẳng còn lành lặn như hồi cha mẹ sinh ra cho đến giờ này nữa rồi. Mấy người xúm lại coi và bàn tán, đoán rằng bánh chè đã trật khớp. Tôi không rõ lắm về vụ xương xẩu này nhưng cố tin vào lời bàn tán của bạn bè, nếu chỉ trật khớp thì chỉ cần sửa cho ăn khớp lại là ổn. Lúc đó thì Phi bước vào.

Phi là một tù nhân người Tàu độ 35 tuổi, đậm người, mặt tròn, bị bắt từ năm 1975 vì xâm nhập Việt Nam bất hợp pháp và bị kết án gián điệp, ở Hỏa Lò Hà Nội một thời gian dài, mới được chuyển đến trại này mấy tháng nay. "Diện" của Phi là diện nguy hiểm phải luôn luôn bị nhốt ở khu kiên giam, nhưng nhờ anh ta là thầy thuốc giỏi nên được đặc cách xuống ở "làng" (tức những dãy nhà cho đám tù nhân bình thường đi lao động hàng ngày) một thời gian để chữa bệnh đau lưng cho một sĩ quan cao cấp nào đó của ban chỉ huy trại. Anh ta hàng ngày chỉ ở trong trại lo sao chế thuốc nên an nhàn rảnh rỗi lắm vì chỉ lo cho có một bệnh nhân, mà thuốc men lại chẳng có gì nhiều. Nghe nói anh ta rất giỏi võ, mà tất cả võ sĩ Tàu đều có học về môn chữa xương. Vừa là thầy thuốc giỏi, vừa chuyên về xương, sự hiện diện của anh ta giữa lúc này giống như là một sắp xếp của màn kịch định mệnh.

Phi cúi người xem xét đầu gối của tôi, rồi nói rất nhanh, cái tiếng mà tôi đang sợ nghe nhất: "Vỡ rồi." Tôi nghe một nỗi thất vọng thấm sâu trong lòng nhưng không hốt hoảng, vẫn giữ vẻ bề ngoài điềm tĩnh. Tiếng Việt của Phi khá sõi, dĩ nhiên nói theo giọng Bắc, điều làm cho tôi hơi thấy là lạ, vì đã quen giọng Nam của những người Tàu Chợ Lớn nên cứ nghĩ hễ là Tàu nói tiếng Việt thì phải giống mấy ông Tàu Chợ Lớn.

"Cái cục này là nửa mảnh xương vỡ do sự co rút của bắp thịt kéo hẳn lên trên. Phải kéo nó xuống."

Sau đó là cơn đau ngất người khi năm ba người ra sức kéo cục xương vỡ ấy xuống. Tôi nằm trên sàn ngủ, vài người giữ người tôi, một người dùng mấy ngón tay bấu vào chỗ u lên đó mà kéo về phía đầu gối. Nó không chịu xuống. Tôi nhớ người kéo là anh Định, rất khỏe và lực lưỡng, lấy hết sức mạnh mà kéo, và tôi trải qua một cơn đau ghê gớm, từ lúc sinh ra đời đến bây giờ tôi chưa bao giờ đau như thế. Tôi cũng phải dùng hết cả sức mạnh của tôi để chịu đựng nó, tay phải của tôi níu chặt vào lưng anh Sĩ đang ngồi cạnh ôm lấy tôi, chặt mãi, chặt mãi khi cơn đau tăng lên theo sức kéo của anh Định.

"Tới rồi, tới rồi... cho vào đúng khớp đầu gối... xong rồi, thả ra đi."

Anh Định vừa buông tay thì bật một cái, nhanh như chớp, cục xương vỡ đã vọt lên nằm vào chỗ cũ trên bắp vế. Tôi ngao ngán quá, kết quả của mọi cố gắng và chịu đựng chỉ trong chớp mắt là mất sạch. Cơn đau làm cho người tôi như rã ra. Phi nói:

"Không được, người nào đi chặt hộ tôi một mảnh tre."

Một người tù hình sự miền Bắc ở buồng bên cạnh đang đứng xem vội chạy đi tìm được một ống tre, lui cui chẻ ra ở ngoài sân. Anh ta làm rất nhanh và khéo, trong chốc lát chúng tôi đã có một dụng cụ y tế hình khum khum có thể áp sát vào bắp vế, một đầu được gọt lõm vào theo hình bán nguyệt để có thể khít với hình tròn của đầu gối. Mọi người chỉ chú ý xúm nhìn vào cái đầu gối mà quên mất tôi. Phi nói với anh Định:

"Bây giờ kéo lại."

Cơn đau khi nãy lại tái diễn, và tôi không hiểu tại sao để chịu được đau lại phải dùng hết sức mình để gồng người lên. Tôi cũng lì, không kêu một tiếng, chỉ lại dùng cái lưng anh Sĩ làm chỗ bấu víu để qua cơn cực hình. Khi tôi cảm thấy cái áo sơ mi lụa cũ của anh Sĩ bắt đầu rách ra dưới mấy ngón tay tôi thì nghe tiếng Phi:

"Đừng thả ra nhé, cứ giữ nguyên như thế."

Phi nhanh nhẹn cầm thanh tre áp vào bắp vế tôi, chỗ đầu hình bán nguyệt dí sát vào cục xương vừa được kéo xuống. Có người nào đưa cho Phi một sợi dây vải. Phi vừa cột chặt thanh tre vào bắp vế tôi vừa bảo anh Định bỏ tay ra. Bị chặn lại, cục xương chịu nằm im. Thế là tạm xong màn sơ cứu. Lúc đó cán bộ trực trại bước vào nói với tôi:

"Trại đã có xe đưa anh đi bệnh viện Cẩm Thủy."

Chợt để ý tới sự hiện diện của Phi, anh ta nói luôn: "Hay anh muốn để anh Phi chữa thì nằm tại trại, khỏi đi."

Tôi chọn liền giải pháp thứ hai. Rã rời sau mấy cơn đau vừa rồi, nghĩ đến hai chục cây số đường núi dằn xóc, tôi ớn quá. Chỉ muốn nằm yên một chỗ. Vả lại lúc đó tôi cảm thấy tin cậy Phi một cách lạ lùng, thấy Phi như một người từ đâu đến đây chỉ để chờ chữa cho tôi trong tai nạn nầy. Cán bộ trực trại thấy chuyện được giải quyết nhanh, không thắc mắc gì thêm, dặn anh em thu xếp chỗ nằm cho tôi, rồi đi ra.

Tôi được khiêng qua một cái giường cá nhân bằng gỗ kê ở góc phòng gần cửa sổ. Từ ngày vô tù đây là lần đầu tiên tôi được nằm trên một cái giường riêng biệt đúng nghĩa là giường và nghĩ rằng bắt đầu từ ngày hôm nay mình được nằm yên một chỗ, khỏi đi lao động, khỏi tham gia vào bất cứ chuyện gì, tự nhiên tôi thấy thích thích. Cái đầu gối bỗng nhiên vỡ, và giữa cảnh tù bỗng nhiên tôi

TRẦN CÔNG NGHỊ

TRÊN CÁT

I. Ngồi trên cồn cát trắng
Nghe thời gian đi qua.
Nghe đất bằng sụt xuống
Nghe trời lớn rộng ra

Biển nâu già hơn sóng
Mặt trời chết sau lưng
Con dã tràng xe cát
Làm lâu đài cuối cùng

Chiều biển về hoen rỉ
Lở đổ cả không gian
Níu bánh xe định mệnh
Hai mươi đời còn gì?

II. Rồi tình tôi tan vỡ
Con dã tràng đi hoang
Nhìn lâu đài sụp đổ
Máu hoàng hôn dâng tràn

Tôi xin làm trọn kiếp
Trên cát nóng bỏng da
Và ngàn năm nối tiếp
Cố quên ngày hôm qua.

được tự do. Ý nghĩ đó làm tôi khoan khoái vô cùng. Tôi ở tù đã được sáu năm, lúc nào cũng phải nghe theo mệnh lệnh, lúc thì truyền bằng miệng, thường thì bằng tiếng kẻng. Bây giờ đột nhiên tôi ra khỏi tất cả những cái đó, nằm thảnh thơi trên một cái giường riêng biệt, mắt có thể thấy một khoảng trời xanh, được anh em thương mến hỏi han chăm sóc.

Phi tỏ ra rất dễ thương, tới ngồi bên cạnh tôi.

"Em sẽ chữa cái đầu gối cho anh. Anh đừng lo gì cả, rồi sẽ đi lại được thôi. Nhưng xương đầu gối là loại xương không liền lại sau khi vỡ nên chân của anh không thể phục hồi như cũ được, nó sẽ yếu đi rất nhiều, đành chịu thôi. Tất cả công việc em làm bây giờ là đánh tan tất cả máu bầm tụ lại ở chỗ bị chấn thương để sau này khi trái gió trở trời anh không bị đau nhức. Chỉ *ba bảy hai mốt ngày* là em tập cho anh đi trở lại, không sao đâu, anh đừng lo."

Tôi yên tâm. Gặp thầy gặp thuốc thì trước mắt cứ lo chữa cái đã, còn chân cẳng về sau thế nào thì hạ hồi phân giải. Phi cho biết cần có ngay rượu và mấy con đỉa để làm thuốc. Tôi nói sẽ nhờ anh em kiếm.

Đến trưa, khi các đội nhập trại, cả trại ồn và nhộn nhịp hẳn lên. Đội tôi về đến nơi như một làn sóng, phút chốc người tràn đầy cả nhà, người nào cũng hừng hực cơn nắng buổi trưa. Nhượng và Châu, hai người bạn thân hiện đang ăn cơm chung với tôi đến thẳng bên giường hỏi thăm tình hình. Buổi sáng phải đi làm ngay sau tai nạn xảy ra chưa ai biết mức độ trầm trọng của vết thương tôi đến đâu. Khi nghe tôi thông báo đầu gối đã bị vỡ, Nhượng có vẻ thất sắc, chắc cả buổi làm Nhượng chỉ nghĩ về tôi và mong tôi không việc gì. Đã trong hoàn cảnh này mà còn "bày đặt" tai nạn đến mức này thì thật bất hạnh quá.

Anh em trong buồng thay đồ đạc xong ai cũng ghé lại thăm tôi trước khi đi chia cơm trưa. Rồi đến Hùng, Phàn, Việt Anh những người bạn trước kia làm cùng ngành vào thăm. Trong tù người cùng ngành, cùng đơn vị thường coi nhau như bà con, khi có việc bất thường thì chính những người này lo liệu. Tôi lại thông báo tình trạng cái đầu gối và đọc thấy vẻ mặt "hơi ôi" nơi mỗi người. Tôi cho biết những thứ Phi cần để làm thuốc, Phàn đang là "tự giác" (tức tù được lựa chọn đi làm những công việc một mình ngoài trại, không có lính đi theo) nói chiều sẽ đi bắt đỉa ngay. Hùng nói về khoản rượu có hơi gay, đó là thứ bị cấm ngặt không được mang vào trại, mà cũng khó kiếm. Đội trưởng Năm đang ngồi gần đó nghe nói chuyện, mở xắc lấy ra một chai *alcool de menthe* còn mới đưa cho tôi bảo chắc thứ này có thể thay thế rượu đế, hỏi Phi thử nếu dùng được thì cứ dùng.

Buổi chiều khi nắng xế xế các đội đi làm vắng cả thì Phàn đã về đến nơi đem theo một gói đỉa.

"Đỉa xem vậy mà rất khó bắt, thấy nó lội đó mà tôi tìm cách vớt mãi không được. Sau cùng tôi nghĩ được một cách là lội xuống đứng trong nước, đỉa bu lại bám đầy chân, chỉ việc bước lên bờ gỡ ra là được cả nắm. Nhưng mà ớn lắm, rùng mình lắm."

Phi thấy có đỉa và chai rượu bạc hà là yên chí, đi quanh ngoài vườn hoa hái một nắm lá sống đời, đem về buồng mình băm nhỏ cùng với mấy thứ cây lá phơi khô khác bỏ đầy một cái tô bằng đất, mang đến bên giường tôi, gầy một cái bếp nhỏ, nấu thuốc ngay tại chỗ. Khi tô thuốc sôi, Phi trộn đều, rót một ít rượu bạc hà vào, để nguội một tí rồi đắp tất cả lên đầu gối của tôi. Một làn nóng ấm rất dễ chịu truyền lan từ đầu gối đến khắp cơ thể. Tôi cảm thấy một luồng hạnh phúc bắt nguồn từ

sự huyền diệu của những môn thuốc bí truyền Trung Hoa, ẩn trong từng lá cây ngọn cỏ, trong việc tổng hợp lạ lùng chúng lại với nhau do con người mày mò nghĩ ra được. Cái đầu gối tôi như đang thừa hưởng sự khôn ngoan kinh nghiệm kín đáo hàng ngàn năm, nắm thuốc ấm áp như một bàn tay xa xưa đã trở thành thần tình trải qua bao đời của nền y học Trung Hoa vừa đặt lên đầu gối tôi, như một niềm an ủi vĩnh cửu đối với một bất hạnh nhất thời. Tôi nhắm mắt yên ổn để cho Phi săn sóc, anh ta đặt một miếng ván dài độ năm tấc, rộng một tấc rưỡi dưới chân tôi rồi bắt đầu dùng băng quấn cả ván cả thuốc chặt lại, ép chân tôi vào giữa.

Từ lúc đầu gối bị vỡ sáng nay con người tôi đi vào một trạng thái khác, chơi vơi không thể thích ứng với một thay đổi chấn động đột ngột. Những cơn đau đớn làm thần kinh căng thẳng tột cùng, tôi cảm thấy cả cái chân trái không phải là của tôi nữa, trong phút chốc nó biến thành xa lạ không phải như nó vẫn là của tôi mấy mươi năm qua từ lúc mới sinh ra. Nó khiến mọi người nhìn tôi với một con mắt khác, nó khiến tôi phải trả lời hàng loạt các câu thăm hỏi đột nhiên xô tới như một làn sóng, câu nào cũng giống câu nào. Trong cuộc sống tù đọng buồn tẻ, tôi đột nhiên thành một diễn viên mới lạ đem lại sự tò mò, sự bàn tán và có thể lòng thương cảm nơi một số đông người.

Tai nạn của tôi dù sao cũng là một biến cố đáng kể giữa đám tù cải tạo miền Nam, khác hẳn các vụ đánh nhau, đâm chém nhau thường xảy ra trong đám tù hình sự miền Bắc. Trong đám chúng sinh bi thương cả Nam lẫn Bắc này, sự bất hạnh cuả một cá nhân sẽ đánh động ý thức bi kịch của toàn thể, lôi mọi người ra khỏi nếp sống đều đều nhàm chán dài đăng đẳng. Hôm nay người ta truyền nhau tin anh B tinh thần suy sụp đang dần dần trở thành ngớ ngẩn, hôm khác lại có tin ông H. đang hấp hối ở bệnh xá, hôm khác nữa anh em ở trại mộc về than phiền phải đóng nhiều hòm quá để chôn đám tù dân tộc thiểu số vùng biên giới Trung Quốc, số chết cứ mỗi ngày mỗi tăng. Các biến cố tiêu cực ấy cứ như là những nốt trầm

DƯƠNG KIỀN

BÀI THƠ TÌNH CHO EM

Trên bãi cỏ ấy
Có ngọn cỏ rất xanh
Đâm vào bàn chân người con gái
Đâm vào bàn chân người con trai
Bốn bàn chân trần truồng
Trên bãi cỏ rất xanh

Trên bãi cỏ ấy
Có loài hoa xấu hổ
Khép dưới bàn chân người con gái
Khép dưới bàn chân người con trai
Bốn bàn chân trần truồng
Trên bãi cỏ rất xanh

Trên bãi cỏ ấy
Có những giọt sương mai
Đọng trên những lá cỏ
Vỡ dưới bàn chân người con gái
Vỡ dưới bàn chân người con trai
Bốn bàn chân trần truồng
Trên bãi cỏ rất xanh

Trên bãi cỏ ấy
Có bày chim se sẻ
Bay từ bàn chân người con gái
Bay từ bàn chân người con trai
Bốn bàn chân trần truồng
Trên bãi cỏ rất xanh

Trên bãi cỏ ấy
Êm mượt như nhung
Có hai bàn chân đứa trẻ
Hai bàn chân trần truồng nhỏ bé
Trên bãi cỏ rất xanh

hơn trong một bản nhạc vốn đã toàn những nốt trầm. Giữa không khí ấy tin cái đầu gối của tôi bị bể tương đối là một tin sốt dẻo và linh động. Đó là một sự gãy đổ, tạo nên một tiếng "crắc" vang dội của một sinh linh đang trên đà sống mạnh, mấy tháng trước đây còn đàn hát trên sân khấu của đội văn nghệ, chứ không phải là tình trạng tàn lụi dần của những cây đèn hết dầu. Đó là nét hấp dẫn mà cái đầu gối của tôi mang lại cho mọi người, và đó cũng là điều khiến tôi nhìn nó ngỡ ngàng xa lạ.

Sau khi Phi bó thuốc xong tôi có cảm tưởng cái chân trái dần dần về lại với tôi. Nó không còn như là một cái gì lỏng lẻo mơ hồ nữa, bây giờ nó lại ấm áp, chặt chẽ, nó lại thuộc về tôi, nó nằm đó bất động im kín dưới lớp băng như một con thú đi hoang vừa về với chủ cũ. Tôi nằm nhắm mắt mà đầu óc tỉnh táo, trong một phút chốc nhìn suốt được cuộc đời mình từ trước tới nay. Tôi từ nhỏ lớn lên, ăn học, đi làm, hoạt động, đã được yên hàn suốt cuộc chiến tranh đã làm bao nhiêu người chết và bị thương, và bây giờ đến phiên tôi, tôi đang trả một chút cái "nợ máu xương." Trả vì cái gì, trả cho ai? Chẳng biết, nhưng mơ hồ từ đáy sâu trong lòng tôi vẫn cảm thấy có một món nợ cần phải trả, và đang phải trả. Thần thức tôi đang phục hồi sau cơn bấn loạn từ sáng, trong cái thân thể cũng đang tự điều chỉnh cho quen với tình trạng mới, chỗ vết thương bắt đầu nghe êm êm, chỉ râm ran một nỗi đau đều và nhỏ.

Tôi nhớ lại mấy câu Kiều bói trong thời gian gần đây.

Làm cho cho hại, cho tàn, cho cân
Đã đày vào kiếp phong trần
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi

Giữa những đợt anh em được thả về ồ ạt cuối năm 1980 đầu năm 1981 tôi đã cầm cuốn Kiều chép tay của một người bạn bói thử một quẻ xem số phận mình ra sao. Trong tù, môn bói toán dễ dàng nhất là bói Kiều, cuốn Kiều thì trại viên được cho phép giữ, còn "bói" thì nó tự nhiên và kín đáo quá không ai có thể báo cáo được. Từ lâu tôi đã nhận thấy các câu thơ trong Kiều bao gồm hết mọi tình huống trong đời, từ nội tâm cho đến ngoại cảnh, và những lúc "linh" thì cũng gặp những câu ứng vào hoàn cảnh của mình khá hay. Nhớ hồi năm học lớp Đệ Ngũ, tôi quyết định học để thi nhảy Trung học Đệ nhất cấp, trước khi đi thi bói được hai câu:

Chén đưa nhớ bữa hôm nay
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau.

Quả nhiên là tôi rớt, và chỉ đậu vào năm sau khi tôi học đầy đủ chương trình của lớp Đệ Tứ. Từ đó tôi rất thích Kiều, càng lớn lên càng khám phá dần cái sâu thẳm mênh mông của nó, thông cảm dần các tình tiết và tâm lý mỗi nhân vật, để đến một ngày không biết rõ là từ lúc nào, ý thức được rằng đó là một tác phẩm vĩ đại, có khả năng bao trùm hết cuộc đời trong đó có tôi.

Chắc cũng nhờ sự "vận vào" đó mà trong mấy tháng đầu mới bước vào cuộc đời tù tội ở làng Cô Nhi Long Thành năm 1975, tôi nhớ vào một tối rằm, tháng Bảy hoặc tháng Tám gì đó, tôi đã bói được mấy câu thế này:

Cũng là lỡ một lầm hai
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây
Lỡ chân đã bước vào đây
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non.

Trong thời gian còn mang nhiều ảo tưởng là cách mạng sẽ thả về sau mấy tháng học tập đầy đủ các bài học cần thiết, đọc mấy câu đó tôi đã thấy "hơi ôi" rồi. Tôi nói với mấy người bạn hồi đó: "Thế này thì 'tiêu' rồi, chắc là mút mùa." Từ đó ý nghĩa của "ngày đào non" luôn luôn ám ảnh tôi, cố gắng mãi nhưng tôi không sao giải thích cho thoả đáng xem cái ngày đó là ngày gì, vì rõ ràng cụ Nguyễn Du đã bảo tôi chỉ ra khỏi tù khi tới ngày đó. Tôi bèn viết thư cho thầy tôi khéo léo kể mấy câu Kiều ấy hy vọng ông cụ có lý giải gì lạ không. Ít lâu sau được thư nhà, không phải thầy tôi viết mà do ông anh tôi tập kết ra Bắc, từ Hà Nội về thăm gia đình, viết cho tôi sau khi đọc thư của tôi. Luận về mấy câu Kiều, anh tôi viết đại ý rằng:

Em đừng lo, nối theo mấy câu đó là:
Người còn thì của cũng còn
Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà.
Mà nơi xứng đáng nhất của thế giới bây giờ là nước Việt Nam độc lập tự do chứ còn nơi nào khác nữa? Theo mấy câu đó thì em sẽ được về, mọi việc đâu còn có đó, sẽ làm con cái của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa và lo xây dựng nó.

Dù trong bụng không tin lời giải của ông anh nhưng tôi rất cám ơn ổng đã mách cho tôi hai câu kế tiếp, nó làm cho lòng tôi tràn đầy hy vọng, biết chắc rằng trong tương lai mình sẽ đi sống ở một nước khác.

Ấy cái vụ bói Kiều đối với tôi nó là như thế, và nằm trên giường bệnh, nhớ lại mấy câu vừa mới bói được, tôi hiểu, với một ý thức trong veo, rằng mọi việc đang diễn ra để thể hiện cái điều "làm cho cho hại, cho tàn, cho cân." Tôi hiểu mình là nàng Kiều mới ở vào giai đoạn bị Hoạn Thư bắt cóc về nhà hành hạ thôi, mặc dù anh em đang được ồ ạt thả ra về — mà đám tù hình sự miền Bắc gọi là "tháo cống" — quãng đường đoạn trường của riêng tôi hẳn là còn dài. Cụ Nguyễn đã bảo "sao cho sỉ nhục một lần mới thôi" thì còn hứa hẹn nhiều màn nữa, chưa *toan trốn nợ đoạn trường* vào lúc này được.■

(Còn tiếp)

QUỲNH HƯƠNG

ĐỖ THÌ KÊNH G

Vườn sau êm như mặt ao. Hai vợ chồng quấn quít. Mắt nhìn nhau vui mát như xuân về bên sông. Chậu quỳnh vươn tung toé những cánh lá khoẻ mạnh xanh dài. Giữa một cánh lá vòng cung, lủng lẳng một búp quỳnh thon mầu nâu non, cuống uốn cong như một chữ e lờ hoa bay bướm. Búp quỳnh cách đây mười ngày mới nhú ra như đầu con chuồn chuồn chuối. Bây giờ đã dậy thì, thon căng, mướt rượt. Những cánh nâu hơi tẽ ra, thấp thoáng lớp cánh thứ hai bên trong, như cô thôn nữ ỡm ờ yếm trắng.

Vũ reo lên:

"A tối nay thứ Bẩy trăng tròn. Lại có cô quỳnh tới thăm. Nào cho anh bế cô quỳnh vào nhà nào."

Quỳnh hồng má, mắt liếc chồng long lanh như sương sớm trên lá sen non:

"Quỳnh nào? Cô Quỳnh vợ hay cô quỳnh trong chậu sứ?"

Vũ nhìn vợ âu yếm, vẫn giọng tinh nghịch đáng yêu:

"Quái, không biết có phải hồn cô quỳnh trong chậu sứ làm anh mê tít thêm cô Quỳnh vợ, hay vì cô Quỳnh vợ đem giấu hương da thịt trong búp quỳnh khiến anh chồng thêm say đắm chậu hoa đây. Thôi để anh bế cả hai cô vào, xem đêm nay cô nào thơm hơn. Ôi chao, đêm nay mới thật là đêm!"

Vũ vòng hai tay trịnh trọng nâng chậu hoa, ôm chặt vào lòng, khệ nệ bước vào nhà. Quỳnh lẽo đẽo theo sát chồng.

"Cẩn thận anh. Coi chừng rớt bể."

Vũ lại được dịp trêu vợ:

"Ôi chao ơi! Gái về nhà chồng đã gần giáp năm rồi mà còn cứ năn nỉ cẩn thận anh, nhè nhẹ anh hoài! Xấu hổ chưa nào!"

Quỳnh đấm thùm thụp vào lưng Vũ. Vũ bước nhanh hơn. Búp quỳnh ngúng nguẩy đong đưa qua lại nhịp nhàng. Vũ vừa nhẹ bước vừa cúi xuống sát nụ quỳnh, chúm môi ngâm đả đớt:

Cô em mặc áo nâu non
Yếm thơm nhu nhú vú tròn nết na
Theo chồng còn ngại đuốc hoa
Tay đồng trinh đánh đồng xa dịu dàng.

Quỳnh cười tươi, nhéo đít chồng một cái, rồi nhanh chân vượt lên trước, vói tay mở cửa. Nét thon cong của vợ làm Vũ như cậu trai quê mới lớn lần đầu tiên nhai trộm miếng trầu.

Quỳnh để miếng vải tròn viền đăng ten trắng lên mặt kính của cái bàn cà phê trong phòng khách. Vũ cẩn thận đặt chậu hoa lên trên. Đóa quỳnh mướt rượt e lệ nhìn Vũ như cô dâu vừa ghé ngồi trên giường cưới. Quỳnh bẹo má chồng:

"Ứ, ngắm cô quỳnh hoa mãi, quay lại ngắm cô Quỳnh vợ đây nè! Ngắm em đây nè!"

Vũ ngoái lại nhìn vợ. Hơi thở Quỳnh sát mang tai. Cằm Quỳnh tựa vào vai, tay Quỳnh vòng ra trước xiết nhẹ ngực Vũ. Lưng Vũ phiêu bồng bèo tím trên sông, mây mềm xuân ấm. Vũ gỡ tay Quỳnh, bế Quỳnh lên. Môi Vũ như gió vàm sông cuống quít bờ lau. Trên trán. Trên mắt. Trên má. Dẫy dụa lịm chết trên môi Quỳnh. Vũ ném nhẹ Quỳnh xuống ghế sa lông. Quỳnh bật ngồi lên, tay cuống quýt cài lại nút bóp áo bà ba, đỏ mặt phụng phịu:

"Dữ quá hà! Làm người ta muốn chết ngộp. Không sợ cô quỳnh hoa ghen sao?"

Vũ nhìn lại búp quỳnh, reo lên:

"Nhìn kìa em, cô quỳnh hoa ghen thật rồi."

Búp quỳnh như có hồn, những cánh nâu nhẹ rung, từ từ tách ra, để lộ lớp cánh trong ngọc trắng ngà ỡm ờ mịn mát bên trong.

"Chu choa, cô quỳnh hoa vừa liếc mắt đưa tình, vừa cười chúm chím cởi áo nâu non. Lẳng quá đi thôi! Chết chồng tôi dzồi! Ai cứu chồng tôi!"

Quỳnh vừa tát nựng má chồng, vừa kề môi hồng sát mặt Vũ để nói dỗn. Giọng nam pha bắc nũng nịu đồng lúa dưới trăng. Vũ uống ừng ực hơi

thở thơm hương nhãn. Ngất ngây. Vũ ôm má Quỳnh. Môi Quỳnh sim chín. Vũ cúi xuống. Rừng mơ mềm mại trăng thơm. Đồi cao xanh thẫm lao xao hát. Vũ tham lam nghiến ngấu rừng mơ. Vũ chết giấc trên đồi cao. Quỳnh cười như bé lên tám, vùng dậy:

"Lêu lêu mắc cở, có đứa ham ăn. Để em đi pha trà cho anh ngồi ngắm cô quỳnh nở đêm nay."

Chân Quỳnh thoăn thoắt xuống bếp. Hai tay lại luống cuống với hàng nút bóp bà ba trắng. Quần sa teng đen của cô gái miệt vườn thu nào đứng đợi đò dưới gốc dừa xiêm. Mắt Vũ vô ngần trần tục dõi theo.

Vải này của thánh dệt ra
Hay là của quỷ của ma ghẹo người.
Mát lên chất ngất đỉnh trời
Ầu ơ dưa hấu bềnh trôi ao hè.

Dưa đã bềnh trôi xuống bếp. Vũ đờ đẫn đan hai tay sau gáy ngồi dựa ngửa trên ghế sa lông, mắt đăm đăm nhìn búp quỳnh.

Tiếng nước sôi dưới bếp ríu rít hồi lâu.

"Quỳnh ơi, nước sôi rồi kìa em!"

Tiếng Quỳnh nũng nịu:

"Trà em bỏ sẵn vào ấm chuyên rồi. Pha giùm em đi. Em đang tắm một tí cho mát!"

Tiếng mát kéo dài, vừa ngoan như thánh đồng trinh, vừa lẳng ơi là lẳng. Vũ xuống bếp, rót nước sôi vào ấm chuyên, bưng bình trà lên cùng với hai cái tách. Khi Vũ bưng đĩa bánh bích quy đặt lên mặt bàn, ngửng lên, Quỳnh mát rượi đứng bên khung cửa mỉm cười đá đớt:

"Ôi giỏi không kìa! Thương quá chồng tôi!"

Vũ nhìn vợ không chớp mắt, bước lại ghế ngồi. Quỳnh sà xuống ngồi kế bên chồng. Quỳnh không son phấn. Tóc Quỳnh ướt rũ ngang lưng. Quỳnh đẹp rừng hoang sau cơn mưa. Quỳnh thơm bát ngát đầm bông súng. Quỳnh mềm mại mượt mà trong bộ đồ lụa mỡ gà. Quỳnh rót trà ra tách, bưng tận miệng chồng. Môi Quỳnh gió thoảng vườn cam:

"Em lạ lắm sao. Nhìn hoài! Uống đi anh. Vừa uống vừa ngắm quỳnh của anh."

Vũ nhấp ngụm trà từ tay vợ, say sưa như nhận ơn trời. Màu nâu của trà và búp thon tay trắng của Quỳnh khiến Vũ chợt nhìn lại búp hoa.

"Nhìn kìa Quỳnh, hoa bắt đầu nở."

Lớp cánh trắng e ấp mở đều thành một lỗ tròn bằng quả mận non. Đài hoa lấp ló trắng phau. Quỳnh cúi xuống cố nhìn vào bên trong lòng hoa, nhưng lớp phấn mầu ngà của nhụy hoa nằm xếp lớp che kín động đào. Vũ trêu Quỳnh:

"Cửa động Bích Đào hé ra là để dành cho chàng Từ Thức. Cánh quỳnh chúm chím him híp là để chờ chàng Vũ tới đề thơ. Chỉ khi nào chàng Vũ đây chịu phóng tay đề thơ thì cửa động mới mở rộng thêm để có cảnh "hoa thảo nghinh nhân nhập động môn, hoa động vui mừng đón khách vô."""

Quỳnh ửng má nhìn chồng:

"Vậy chàng Vũ... đề thơ đi!"

Vũ cười quá đã:

"Chờ tí nữa cô em, cho duyên... chín mõm mòm."

Quỳnh lại đấm thùm thụp vào lưng chồng:

"Mà này, sao người ta gọi hoa này là hoa quỳnh hả anh?"

Vũ nhấp thêm ngụm trà:

"Để anh kể em nghe. Đời nhà Tùy, khoảng cuối thế kỷ thứ sáu, và đầu thế kỷ thứ bảy, ở đất Dương Châu thuộc huyện Giang Ninh có ngôi chùa tên là Dương Ly. Giữa lúc canh ba một đêm kia, trời đen kịt mây vần vũ, gió muốn lật nghiêng trời. Đột nhiên gió im bặt như sợ hãi. Ngoài chùa bỗng có ánh sáng chói lòa tiếp theo tiếng nổ như xé trời. Một vật thơm bát ngát sa xuống như sao rơi.

Mọi người túa ra xem. Một cây hoa lạ cao một trượng mọc bên giếng cửa chùa. Một đóa hoa ngũ sắc lả lơi trên ngọn. Hoa có 18 cánh lớn, 24 cánh nhỏ. Thấy hoa lạ và đẹp quá, người ta đặt tên là hoa quỳnh, vì chữ quỳnh có nghĩa là xinh đẹp. Đẹp như... cô Quỳnh vậy!"

Quỳnh tát nựng má chồng:

"Ngạo em hoài. Kể tiếp truyện hoa quỳnh đi anh."

Vũ vòng tay ôm eo vợ, kéo sát vào lòng:

"Ở chùa, có anh chàng tên Vương Thế Sung can tội giết người nên trốn ở chùa. Anh này có tài vẽ, liền lấy giấy bút ra vẽ đóa hoa.

"Lúc đó ở kinh đô Lạc Dương, Tùy Dương Đế mới nằm mơ thấy có hoa lạ, nay lại nghe tin hoa lạ xuất hiện ở Dương Châu. Vua truyền lệnh ai hoạ được đóa hoa ấy dâng lên sẽ được trọng thưởng. Vương Thế Sung liền ba chân bốn cẳng lội suối băng rừng đem bức vẽ lên Kinh đô dâng vua. Tùy Dương Đế liền đổi tên chùa Dương Ly thành chùa Quỳnh Hoa và phong cho Vương Thế Sung chức Quỳnh Hoa Thái Thú."

Quỳnh cười dòn như ngô rang:

"Anh chàng Vương Thế Sung thật ra là chó ngáp phải ruồi... Mà em biết trên đời này đâu phải có mình anh chàng Sung được phong chức Quỳnh Hoa Thái Thú. Còn một anh nữa không phạm tội giết người, không đẹp trai mấy nhưng dễ thương..."

Vũ hiểu vợ trêu mình, cắn nhẹ vào tai vợ:

"À há! Anh đó là... chồng của cô Quỳnh... Mà chức Quỳnh Hoa Thái Thú cũng không phải do vua ban, mà do chính cô Quỳnh ban cho. Anh đó cũng không dại dột vẽ cô Quỳnh ra trên giấy cho thiên hạ coi ké, mà giữ độc quyền nhìn ngắm, độc quyền chiếm hữu. Chịu không?"

Quỳnh rùng mình, nghiêng đầu rứt nhẹ vành tai ra khỏi răng chồng:

"Chịu lâu rồi. Mà anh kể tiếp đi."

Vũ bế Quỳnh đặt lên lòng. Quỳnh ngồi nghiêng níu cổ chồng nghe Vũ kể tiếp:

"Hoa đẹp xem trong tranh làm sao cho thỏa. Mà đường từ Kinh Đô Lạc Dương tới đất Dương Châu ở Giang Nam muôn ngàn núi non hiểm trở, rừng thiêng nước độc, làm sao tới được mà xem hoa? Thế là có lệnh vua bắt một triệu dân phu kể cả đàn bà con gái đi đào kinh, bắc cầu từ Long Trì thẳng qua ải Trường Bình, thông với sông Hoàng Hà dẫn đến Dương Châu. Phải đào xong trong vòng một tháng, vì nếu trễ hơn sợ hoa tàn mất. Đào kinh bắc cầu xong, Tùy Dương Đế xuống thuyền rồng, đem theo một đoàn tùy tùng khổng lồ, tám vạn người, gồm cung phi, mỹ nữ, ngự binh, cước điện. Cước điện là lính lội bộ hai bên bờ kinh để kéo thuyền bằng dây. Dân chúng sống trong vòng 500 dặm dọc bờ kinh phải hằng ngày giết gà vịt trâu bò để đãi đoàn du hành thưởng hoa ấy."

Đồng hồ trên tường điểm chín tiếng kính coong. Quỳnh bỗng reo lên:

"Anh xem kìa. Hoa nở, hoa nở."

Miệng hoa nở thật tròn, cánh hoa buông thả như cô dâu sau một hồi e lệ ngoan ngoãn phó thác trong tay chồng. Đài hoa ló hẳn ra ngoài miệng hoa. Mười sáu tua toẽ ra theo hình vòng tròn cong chĩa lên trời, như một bầy tiên nữ khỏa thân vừa phóng nửa mình xuống suối, phần thân sau trắng muốt còn nhấp nhô trên sóng bàng bạc ánh trăng, chân còn tíu tít vẫy mây trời. Chùm tiểu nhị trăm tua đầu dẹp kết phần ngà nằm xếp lớp như lúa chín tháng chạp. Dõi theo lớp tiểu nhị trắng mượt cong cong vào tận trong lòng hoa sâu thẳm tinh tuyền, Vũ nổi da gà nắm tay Quỳnh chỉ vào lòng hoa:

"Quỳnh, em biết trong sâu thẳm kia là gì không?"

Quỳnh ngây thơ:

"Là gì hở anh?"

"Là cái đồng trinh của hoa. Của Quỳnh!"

Má Quỳnh đỏ hoa dâm bụt. Vũ xiết eo Quỳnh:

"Hoa vẫn chưa mãn khai. Để anh kể tiếp truyện quỳnh hoa.

"Thuyền rồng đến Dương Châu, trời đã tối. Tùy Dương Đế sai một tướng tùy tùng là Lý Thế Dân tới chùa Quỳnh Hoa để sửa soạn đón vua tới thưởng hoa vào sáng hôm sau. Khi Lý Thế Dân tới, đóa quỳnh nhún lên nhún xuống ba lần như chào đón lạy mừng. Nửa đêm hôm đó, mây lại kéo đen nghịt bầu trời, mưa xuống như thác. Hoa tàn trong bão giông. Thế là Tùy Dương Đế không được thưởng hoa.

"Hoa quỳnh không chịu cho hôn quân bạo chúa thưởng thức. Mười tám cánh hoa lớn là điềm báo sẽ có 18 phản vương. Còn 24 cánh nhỏ tượng trưng 24 trấn khởi loạn chống lại nhà Tùy. Lý Thế Dân chính là người sẽ lật đổ nhà Tùy để dựng nghiệp cho nhà Đường. Vì Lý Thế Dân là chân chúa, nên quỳnh hoa không những cho phép tha hồ chiêm ngưỡng mà còn cúi chào ba lần. Sướng chưa!"

Quỳnh say sưa nghe chồng kể. Khi Vũ kết thúc câu chuyện, Quỳnh cắn nhẹ mũi chồng:

"Còn Vũ có là chân chúa của Quỳnh không? Vũ có yêu Quỳnh nhiều hông? Quỳnh không

ĐOÀN NHẬT

TRỞ LẠI CĂN NHÀ GẦN ROANOKE MOUNTAIN

Ngày lá động xao xác
Đêm tịch lặng cõi không
Thân đã qua tan tác
Hồn vẫn còn rưng rưng

Hôm qua bàn chân nhỏ
Đã vượt qua cánh rừng
Hôm nay nghe hơi thở
Còn rộn rạo từng cơn

Nắng mông muội vương vãi
Trên tầng cao của rừng
Tiếng chim kêu mê mải
Bên cõi đời dửng dưng

Gió núi thổi se sắt
Nghe dật dờ cơn mê
Ủ bàn tay lạnh ngắt
Trong bọc sầu lê thê

Mưa rơi tiếng âm động
Trên nỗi nhớ ảo nhòa
Dưới tàng cây nước đọng
Nghe cuộc tình đã xa

Tiếng lá rơi nghi hoặc
Trong tịch lặng đất trời
Đốt lửa lên rạo rực
Hong khô nỗi khôn nguôi

Ban mai thôi chờ đợi
Tin xa đã ngóng trông
Giữa bao la vời vợi
Nỗi đau bỗng khôn cùng

Ở giữa ngày đông tuyết
Nắng vỡ vụn trên cao
Ở chân trời biền biệt
Gió thổi về lao xao...

những nhún lên nhún xuống ba lần, mà còn cười với Vũ, còn nằm với VŨ, còn bá cổ Vũ, còn... cho Vũ hết. Hẻo hông?"

Lớp lụa bọc thân Quỳnh như nóng lên. Quỳnh buông thả nằm xuống ghế sa lông, tay vẫn ghịt gáy Vũ, kéo Vũ nằm theo. Tiếng cười hoa nhột run chân bướm. Hơi thở nắng chiều lót ấm tổ chim. Cam chín vườn chiều reo đón nước lên. Sóng cửa biển dạt dào chới với. Nắng cầm lược gió chải đầu cho hoa. Hoa cuống cuồng vòng tay ôm nắng. Bát ngát hương cau. Trăng giãi bao la cánh đồng mùa nước nổi. Buông thả hoàn toàn như đất, như trời...

Một mùi hương đậm hơn hương hồng, êm hơn hương huệ, bắt đầu thoang thoảng. Quỳnh lay nhẹ vai chồng:

"Vũ ơi, hương quỳnh!"

Vũ mở mắt. Hai vợ chồng ngồi dậy, lỏn lẻn nhìn nhau. Vũ với tay nhặt tấm áo lụa che ngang dùi Quỳnh như dải mây vắt hờ ngang thân trăng. Cái quần lụa của vợ, Vũ dành cho Vũ. Trong thế ngồi thánh thiện thần tiên đó, Vũ và Quỳnh say sưa hít thở hương Quỳnh. Quỳnh rướn người cho hương quỳnh thẩm thấu làn da. Vũ há miệng uống ực hương quỳnh. Hương quỳnh? Ai tả được hương quỳnh? Hương quỳnh không cho ai tả, không cho ai nhớ. Thưởng thức rồi là quên hay chỉ còn lơ mơ nhớ, phải lặn lội tìm trở lại gặp quỳnh mà thưởng thức nữa. Phải trực tiếp đến với quỳnh, chiều quỳnh, để quỳnh cho hương. Quỳnh quần quại cho hương. Kìa quỳnh mãn khai. Lớp cánh nâu hình lá trúc uốn cong ra, quýu chân quýu cẳng. Các tua của đài hoa cong vòng xuống. Các đầu nhụy phấn rướn oằn oại lên. Lớp nhụy kết thành lớp thảm trắng ngà dẫn vào sâu thẳm lòng hoa xanh ngọc. Khoảng hai mươi nhụy khác xếp mỏng phía trên miệng hoa, quăn quăn rẽ ra ở giữa một đường khêu gợi. Toàn thân hoa biểu lộ một sướng khoái tột cùng. Mơ hồ tiếng rên. Hương quỳnh ngập phòng. Mà ai ơi, quỳnh lạ lắm. Ngay trong lúc mãn khai, đài hoa nhụy hoa cong rướn cấu cào, nhưng lớp cánh trắng da thịt của quỳnh vẫn có vẻ khép nép thơ ngây, không buông tuồng mất nết.

Vũ với tay tắt điện. Trăng ngoài cửa sổ soi vào. Đóa quỳnh mãn khai dưới trăng chỉ còn là một khối toàn trắng liêu trai giữa nền lá xanh. Cánh trắng. Đài trắng. Nhụy trắng. Trắng thịt da. Trắng quỳnh.

Vũ ôm vai vợ:

"Em coi kìa, đóa quỳnh như cô tiên lạc giữa rừng xanh."

Quỳnh bỗng rùng mình hoảng hốt. Rừng lá quỳnh tua tủa khắp hướng. Những phiến lá xương xẩu lực lưỡng vây quanh đóa trắng. Như đêm ấy. Mấy chục tên hải tặc cởi trần quấn xà rông vây quanh. Trời đen. Biển đen. Tiếng sóng. Tiếng gió. Trắng muốt đồng trinh. Tiếng cười khả ố...

Vũ cúi sát đóa quỳnh, hít mạnh. Mùi hương thanh khiết bỗng hoang vu. Một mùi trần tục như mùi chuối chín pha tí tanh của lòng trắng trứng xông vào mũi. Vũ bỗng ngây dại chới với vồ lấy vai Quỳnh. Quỳnh u ứ chiếu lệ. Rồi chính Quỳnh như sông chiều sóng trắng nhấp nhô. Chính Quỳnh như sóng biển bủa chồm ghềnh đá. Như bão lồng qua đảo hoang. Gió ào ào. Gió ngấu nghiến. Cả một rừng tranh tung toé suối tóc bay. Cả một đồi cây uốn lượn rên xiết. Mưa đổ. Mưa rừng. Mưa lũ. Dòng suối hoang vu phình ra nhanh chóng. Nước chảy xiết. Tràn bờ. Ngập rừng. Chớp loang loáng. Sét vang trời. Sấm đùng đùng. Rồi gió giảm độ dữ. Rừng hoang hít hà. Rồi gió im, mưa tạnh. Nắng nhè nhẹ lên. Rừng hoang tươi mát. Trời thật xanh. Lá thật xanh. Biển thật xanh. Muôn vật đều xanh. Xanh hoang vu xanh giấc ngủ yên lành. Cả hai lịm đi trong tuyệt đỉnh mơ xanh...

Một lúc, Quỳnh rời chồng, nhẹ bước vào phòng ngủ lấy tấm chăn. Tung chăn đắp cho chồng, Quỳnh chui vào chăn ghé nằm ôm Vũ. Vũ ngủ ngon lành như trẻ no sữa. Quỳnh vuốt nựng má chồng. Quỳnh yêu Vũ quá Vũ ơi! Dẫu ai đó đã lột áo nâu non, đã giật yếm, đã nghiến ngấu thân Quỳnh, nhưng không bao giờ được Quỳnh ban cho mùi hương, như em vừa cho anh, như em đã cho anh trong đêm động phòng, và sẽ cho anh mãi mãi. Suốt đời Vũ ơi! Như đóa quỳnh kia. Đóa quỳnh ban phát hương. Không ai cưỡng đoạt được hương quỳnh. Hương quỳnh chỉ dành cho anh. Cho chồng em. Cho chồng trắng nõn thịt da. Cho chồng mơn mởn ngọc ngà nhụy xuân. Nha Vũ!

Quỳnh thiếp đi trong căn phòng bát ngát hương quỳnh. Đồng hồ điểm hai tiếng làm Quỳnh chợt thức. Trăng vẫn mênh mông ngoài trời sương. Đóa quỳnh đã rũ. Quỳnh chỉ rũ thôi. Quỳnh không chết, không bao giờ chết. Đóa quỳnh rũ nằm xõng xoài nghiêng ra khỏi chậu sứ, nhưng vẫn nguyên vẹn xinh tươi, vẫn lộ vẻ khép nép và thỏa mãn, như cô dâu thôn nữ nghiêng người ngồi vo gạo ngoài cầu ao buổi sáng đầu tiên sau khi về nhà chồng.

Quỳnh nằm bất động dưới sức nặng của chồng, trừng trừng nhìn đóa quỳnh rũ. Biển đen. Trời đen. Sóng đen. Gió đen. Cột ống khói tàu loang loáng. Đèn trong khoang tầu vàng vọt ma quái. Quỳnh rũ xuống. Trắng như bông bưởi trên mặt phản nhẫn bóng tanh mùi cá. Tên thuyền trưởng lại tiến tới. Vuốt ve. Gió đêm như gào thét. Mây đen cuồn cuộn. Quỳnh lại rũ xuống. Nửa thân dưới sàn tàu. Nửa thân trên phản gỗ...

Quỳnh ghì đầu chồng vào ngực, mắt rươm rướm vỗ nhẹ lưng trần của Vũ:

"Cứ ngủ ngon nha anh! Thương anh quá! Thương quỳnh quá! Quỳnh rũ rồi!" ■

GÔ CƠM HEO

TRẦN XUÂN THÀNH

Tiếng kẻng dồn dập nhưng đoàn tù từ trong các lán mái tôn uể oải khăn, nón, gô nước bước ra trong những bộ quần áo tơi tả như lũ ma trơi. Mỗi đội xếp hai hàng dọc vào chỗ đã quy định và những đội chuyên môn như mộc, như gạch lần lượt báo cáo ra đi trước vì chỉ làm ở xung quanh trại mà thôi.

Đội tôi là đội lò gạch ra khỏi trại chừng năm trăm thước rẽ phải là đến nhà lô và đội lò gạch làm sát bên suối để dễ gánh nước quầng trâu, đóng gạch.

Trời cuối năm, nắng đẹp và tuy còn lạnh nhưng đỡ buốt vì bớt gió. Chúng tôi để ca cóng, lon gô bên lò lửa của anh Danh Chất chuyên lo nấu nước nóng cho anh em uống cho đỡ... đói. Vai trò nấu nước thường chỉ dành cho người yếu đuối hay chậm chạp nhất trong đội. Anh tổ trưởng quầng trâu đi dẫn cho trâu ăn điểm tâm trước khi xuống bãi trong khi chờ đợi toán gánh nước đổ vào thùng.

Thùng ở đây không phải là thùng gỗ hay thùng sắt mà là hố đất. Thùng là ô đất vuông mỗi cạnh chừng bốn thước tây, khu có đất sét, dẻo, ở gần suối. Đất được thái mỏng bằng xẻng, gánh nước đổ lên cho trâu đạp đất chừng nào dẻo đủ để đóng gạch thì lên quả tức là quả đất đủ to để đóng chừng một hai ngàn viên gạch.

Hết quả này thì lại thái quả khác sâu xuống thùng đất có khi vài thước, rồi làm thùng mới.

Từ ngày về trại Thanh Phong 2 đến giờ, đội tôi chuyên làm lò gạch nên rất ít có dịp có thể cải thiện vì đất và gạch không thể nấu và nuốt được, chỉ còn mong cái thằng quản giáo Ngoạn oắt con lâu lâu thí cho một ít sắn khi đội phải nung gạch. Trong khi các đội khác, như đội rau xanh, có thể lai rai ít rau, ít củ sống qua ngày, thỉnh thoảng còn cứu bồ cho bạn bè chút đỉnh.

Đội lò gạch chỉ được cái là uống nước thoải mái vì đội làm kế bên suối nên không bao giờ bị khát. Toán gánh nước của tôi gánh nước đổ vô thùng cũng lấp xấp nước đủ để cho trâu quầng rồi.

Thạch Bông sau khi dẫn trâu đi ăn sáng xong đã dẫn cặp trâu xuống thùng, anh ra chỗ náu nước cầm lon gô ực cạn gô nước lạnh đun sôi rồi cầm roi xuống thùng đất. Dáng anh gầy và cao phải rút từng ống chân gầy đét lên khỏi từng vũng đất dẻo thật khó khăn và anh chỉ nhanh nhẹn khi thấy thằng quản giáo oắt con xuất hiện, còn không thì anh thủng thẳng để cho trâu kéo đi. Anh rất giỏi và rất khoẻ nhưng đói quá thì không làm nổi.

Trong lúc trâu đạp đất thì toán gánh nước chỉ lai rai châm thêm thôi chứ không ào ào như lúc đầu trừ phi đất có nguy cơ bị chai vì thiếu nước thì phải gánh nước cho nhanh cho đủ nước. Bây giờ cũng là gần giữa buổi sáng, cả đội nghỉ giải lao uống nước, hút thuốc lào.

Anh Thạch Bông ngồi kế bên tôi cùng nhìn trời hiu quạnh qua khu nhà bếp của ban chỉ huy trại chỉ cách đội lò gạch có non một trăm thước được phân chia rõ ràng bằng một hàng rào kẽm gai. Hai chị nuôi mỗi người một bên quai nồi xách nồi nhôm to tướng ra đổ cơm dư vào một cái máng heo dựng ở gần bờ suối rồi trở lại giếng rửa nồi. Hai chị nuôi này là hai phụ nữ duy nhất của cả trại Thanh Phong 2 ở giữa khu rừng già Thanh Hóa, cách ngã ba Bãi Chành chừng vài cây số. Đó có lẽ là chất tươi duy nhất không những cho bọn công an gác tù ở đây mà còn cả cho bọn tù chúng tôi rửa mắt đỡ ghiền sau bao năm xa vợ, vắng người yêu.

Thạch Bông và tôi dựa lưng vào nhau nên mỗi đứa nhìn về một hướng. Tôi thì nhìn hai chị nuôi vo gạo ngoài giếng. Chị mặc áo trắng với chiếc áo lạnh xanh ngắn tay thì ngồi vo gạo bên bờ giếng trong khi chị kia với chiếc áo trắng dài tay và chiếc áo len ngắn tay màu nâu bó sát ngực trông cũng lôi cuốn đôi mắt lắm. Chị cúi cong người chín mươi độ để múc nước vào gầu móc vào một cây sào kia cột vào một cái sào nghiêng khác.

Mỗi lần chị cúi xuống cho nước vào gầu thì tôi được dịp thưởng ngoạn bộ mông no tròn của chị hướng về tôi láng o qua chiếc quần không rõ bằng ni lông hay bằng satin đen mà trông cũng láng lắm. Cứ nhìn những đường cong ấy cũng có thể làm cho ta đủ lãng quên đời dù là trong khoảnh khắc. Đối với tôi thì những giây phút đó là những giây phút bằng vàng, thôi thì không no bụng thì no mắt cũng đỡ... ghiền. Những giây phút bằng vàng ấy thường hiện ra đôi lần trong một ngày, trừ ngày Chủ Nhật nghỉ không được ra lò gạch thì tôi không có dịp thưởng thức nữa.

Có lần cả hai chị nuôi đi phép cả tháng làm tôi tiếc của hùi hụi cả tháng và khi hai chị nuôi về, tôi cũng mừng như gặp lại người quen dù chưa bao giờ nói với nhau câu nào và cũng không hề biết tên nhau. Và tôi cũng có dịp nhâm nhi những giây phút bằng vàng của mình một cách âm thầm và lặng lẽ không ai hay, ai biết.

Trong khi đó dù không nói tôi cũng biết anh Thạch Bông đang hướng nhìn về láng heo và đang nghĩ cách vồ cho được một nón cơm trong láng heo ấy. Trong

láng có hai con heo trắng, có lẽ là heo Yorkshire chăng, trông có vẻ to lắm và mấy con heo mọi. Mấy con heo được nhốt trong hai chuồng ngăn sát vách với nhau. Có lẽ Thạch Bông đang mơ một nồi cơm trắng với thịt heo.

Mặc dù từ đội lò gạch nhìn sang chuồng heo ở bên kia sân sau nhà ăn của bọn công an được ngăn bằng hàng rào kẽm gai cho đến bờ suối tuy qua không khó nhưng khó vì trống trải quá dễ bị lộ hay dễ bị bắt, do đó những cao thủ trong đội lò gạch có vẻ chê. Vả lại cơm heo thì cũng chẳng có gì là hấp dẫn để đến nỗi phải "hy sinh" nhiều như vậy.

Ngoài ra chuồng heo nầy cách đây ít lâu trên trại có giao cho một người tù binh hình sự chăn nuôi thỉnh thoảng phải thái bắp chuối cho chúng ăn độn với cơm thừa khoai cặn của bọn công an. Nếu có được ít cơm thải ra từ nhà bếp thì anh tù hình sự này chắc đã xơi hết đâu còn chi.

Hết giờ giải lao, Thạch Bông uể oải với công việc mong cho hết giờ để đợi nửa bát sắn khô thế cho bo bo chưa về kịp.

Anh Thạch Bông lầm lũi với công việc mà không nói gì với ai cả. Hai con trâu lảo đảo giữa đống đất nhão ngập nước, còn anh Thạch Bông với chiếc quần đùi vá víu, bước từng bước trong đám đất nhão nhoẹt bằng đôi chân khẳng khiu như que củi, tay cầm cái que quất vào đít trâu không biết là sợ trâu đau nên anh không dám đánh mạnh hay là vì đói quá nên anh cũng không đủ sức đánh trâu nữa. Anh lảo đảo bước như người hoa mắt làm rớt luôn cả chiếc nón cối bằng nhựa của trại phát xuống đất.

Anh Thạch Bông dẫn trâu lên khỏi thùng đất cột vào một lùm cây cho trâu nghỉ, anh xuống suối rửa chiếc nón bám đầy đất. Tên quản giáo Ngoan với đôi mắt đăm đăm nhìn mọi việc làm như hắn ta có thể đi guốc vào trong bụng của mọi người tù ở chung quanh hắn. Nhìn chán không thấy gì hắn liền bỏ vào nhà lô.

Thạch Bông nhẹ nhàng không nói không rằng đến bên lò nấu nước dã chiến của Danh Chất kéo một hơi thuốc lào và mở gô ra ực một hơi nước đun sôi để nguội trước khi chờ lấy gô nước mới mà Danh Chất nấu sắp sôi.

Thạch Bông nói nhỏ với tôi đang ngồi kéo một bi thuốc lào:

"Ông ra đứng cạnh bờ suối gác khi nào thấy 'chó vàng' thì báo cho tôi hay. Tôi 'nhảy dù' một cái."

Nói xong, anh Thạch Bông lặng lẽ bước xuống suối và đi bọc qua bên chuồng heo của ban chỉ huy trại không có rào nhưng ai cũng biết là khu cấm mà các tù nhân không được lai vãng, ngoại trừ người tù được cắt chăn heo mà thôi.

Nếu anh Thạch Bông bàn với tôi trước chắn hẳn là tôi phải cản vì nếu bọn cán bộ bắt gặp thì bị cùm là cái chắc, có khi còn bị đòn nữa. Thạch Bông thường ngày thì từ tốn và chậm chạp nhưng lúc ấy anh đi như bay lên trên chuồng heo, còn tôi thì dán mắt vào nhà lô, vào nhà bếp của ban chỉ huy trại. Rất may lúc ấy không có ai lảng vảng ở đó, còn tên quản giáo thì đang ở trong nhà lô.

Lên đến chuồng heo, anh Thạch Bông bước ra trước máng heo, bỏ cái nón cối mới rửa cho khô xuống đất rồi cầm máng heo chứa cơm trút đầy một nón, lõng bõng như cháo và chạy như bay xuống suối. Thế là thoát.

Nhưng trong bụng tôi nói thầm với anh Thạch Bông rằng lấy làm gì chút cơm heo, liệu có ăn được không, lỡ chúng nó bắt gặp cùm và bỏ đói một tuần thì không bõ bèn gì.

Nhìn xuống suối, anh Thạch Bông đang sóc cái nón cối cơm heo mới chôm chĩa. Từ chiếc nón cối, nước cơm heo ứa ra làm thành một luồng nước trắng kéo dài và tỏa rộng ra một khúc suối đang trong xanh. Tôi hiểu ý anh Thạch Bông ra dấu cho tôi đem cái lon gô nước của anh xuống suối để chứa cơm.

Mở nắp lon gô và quăng ra giữa suối cạn cho anh Thạch Bông, tôi nhìn thấy những hạt cơm trắng muốt, bất giác tôi chợt nhớ hình ảnh lâu lắm rồi, cả trại tù chúng tôi chưa được ăn cơm thì phải, có lẽ lần được ăn cơm sau cùng tức là được ăn một bữa đặc biệt trong những ngày lễ lớn. Còn trước và sau đó chỉ có bo bo và sắn khô. Ăn cơm, nấu bằng gạo, ở trong tù là một ân huệ của Đảng, một chánh sách khoan hồng trước sau như một của đảng.

Tôi còn nhớ ngày còn nhỏ có đọc một loại sách hồng dành cho thiếu nhi có một cuốn sách mỏng với tựa truyện là Hạt Ngọc hình như là của văn hào Khái Hưng thì phải. Trong truyện đại khái là ca tụng hạt cơm quý như hạt ngọc. Lúc đó tôi cho là nhà văn có hơi lố chăng khi nói như vậy. Tôi cũng có một bà má thường gọi là má già tuy bà không đẻ ra tôi nhưng tôi thương bà như mẹ ruột, sau năm 54 đã di cư vào Nam có kể những năm về làm dâu cho bà nội tôi ở ngoài Bắc, bà phải ăn cơm độn khoai hằng bữa. Tôi nghe chuyện ấy như là một chuyện cổ của thời xa xưa nào đó chớ bây giờ — trước năm 1975 — làm gì còn có chuyện đó nhất lại là ở Việt Nam, từng được xem là vựa lúa quan trọng của Á Châu.

Hôm nay nhìn anh Thạch Bông đang xóc những hạt cơm heo giữa dòng suối tôi mới thấy nhà văn Khái Hưng và má già của tôi khi nói về hạt cơm là đúng. Nhìn anh Thạch Bông bỗng dưng tôi nhớ đến chuyện của anh Lê Văn Đó, một nhân vật của nhà văn Hồ Biểu Chánh trong cuốn tiểu thuyết Ngọn Cỏ Gió Đùa xuất bản vào khoảng thập niên ba mươi. Nhân vật Lê Văn Đó chỉ vì đói đã ăn cắp một nồi cháo heo mà bị đánh đập tàn nhẫn và bị ngồi tù mấy năm. Anh Thạch Bông của tôi may mắn hơn không bị bắt, nếu lỡ bị bắt thì bị cùm và bị bỏ đói là cái chắc.

Sau khi để cho ráo nước, anh Thạch Bông mới bốc từng nắm cơm trắng phau cho vào lon gô, tuy ở trên bờ suối nhưng tôi cũng phảng phất thấy mùi chua mà dường như anh Thạch Bông không thấy. Có khi anh đang còn say men chiến thắng với kỳ công gô cơm heo nên không thấy mùi chua chăng.

Cuối cùng, anh Thạch Bông cũng ém được cả nón cơm heo vào trong cái lon gô, đậy nắm lại, an toàn, kín đáo. Ngoại trừ anh Thạch Bông và tôi không ai biết được chúng tôi có một xổ hạt ngọc, tuy có hơi chua một chút, trong chiếc lon gô kỳ diệu này.

Có lẽ cũng nên nhắc lại ở đây một chút về chiếc lon gô của người tù cải tạo. Bất cứ ai đã đi tù từ sau 1975 đều phải công nhận, người bạn thân thiết nhất

không phải là người để chúng ta tâm sự nhiều nhất mà là người ở gần chúng ta nhiều nhất trong suốt cả một ngày tù, một đời tù. Đó là chiếc lon "ghi gô". Dường như người tù nào cũng có một chiếc lon ghi gô, nếu không có thì cũng đổi chác linh tinh với anh em trong trại để có một chiếc lon gô. Chiếc lon gô là người bạn âm thầm không hề phản bội, không ồn ào nhưng lúc nào cũng cần phải có ở bên cạnh.

Chiếc lon gô làm bằng nhôm của hãng sữa bột Guigoz Hòa Lan có thể chứa khoảng một lít nước, gọn gàng khi xách đi lao động thay cho bi-đông nước. Nắp lon gô đậy kín thức ăn, tránh được các chú kiến tò mò hôi của. Lon gô làm bằng loại nhôm tốt rất bền, có thể dùng để nấu nước, nấu canh, nấu cơm. Lon gô có một điều rất tiện lợi mà ai cũng biết là có thể đun nấu trong mọi tình huống, trong mọi kiểu lò mà lại rất nhanh, có khi còn nhanh hơn cả lò ga, lò điện.

Lúc ở trong tù, tôi có nói với bạn bè rằng sau này có dịp, tôi sẽ viết thư cám ơn công ty sữa bột Guigoz đã chế tạo ra cái lon gô và đề nghị anh em tù cải tạo tuyên dương cái lon gô. Lúc ấy tôi cũng có ý đề nghị với công ty Guigoz nên tìm cách xuất cảng vào các nước cộng sản hay các nước sắp bị cộng sản cướp chánh quyền, chắc chắn sẽ hốt bạc không phải vì sữa bột của Guigoz tốt hơn hay bổ hơn các loại sữa khác mà chỉ vì cái lon nhôm để đựng sữa.

Khi ra tù, tôi được biết lon gỗ cũng rất là thông dụng cả ở ngoài đời nữa. Người ta dùng lon gô thế cho gà mèn mang thức ăn trưa, đi thủy lợi...

*

Chiều hôm đó, anh Thạch Bông mang gô cơm heo trắng tinh ra lò nấu thành một loại cháo đặc biệt trắng nhưng cũng vẫn còn mùi chua mặc dầu anh nấu sôi rất kỹ với đủ mọi loại lửa: lửa bùng, lửa riu riu, lửa đều đều và mở nắp cho bay hết mùi chua. Nhưng khi để nguội đưa lên mũi tôi vẫn còn ngửi thấy mùi chua. Tôi nhăn mặt nói:

"Chua quá anh à, cháo chua như nấu với mẻ, nuốt không vô."

Anh Thạch Bông cũng ráng thử một muỗng canh cháo heo nhưng cũng nhăn mặt nói:

"Ờ chua quá. Nhưng mà chua thì có nhiều vitamin C."

Tôi cười bụm miệng không kịp:

"Thôi cha, phải không hay rồi Tào Tháo rượt chạy không kịp."

"Không lẽ tới đây rồi mang đổ, phí của trời."

Cả hai chúng tôi nhìn gô cơm heo mà tiếc rẻ. Dẫu gì đi chăng nữa thì gô cơm heo cũng được nấu bằng gạo, giá trị của nó chắc chắn là phải hơn gô bo bo hay là sắn khô rất nhiều. Tôi chợt nghĩ ra kế nhưng không nói với anh Thạch Bông vì còn phải đi thương lượng với người thứ ba chưa biết có được hay không.

Tôi lấy một cái chén đi gặp Hoàng mới được thăm nuôi cách đây vài tuần và Hoàng có một thùng dầu *butter oil* dùng để chiên xào rất ngon và rất béo. Loại dầu này của Hoa Kỳ nhập vào trước 1975 ở miền Nam rất nhiều. Sau khi uốn lưỡi Tô Tần nhiều vòng, tôi mang về cho anh Thạch Bông được nửa chén dầu bơ vàng ngậy. Anh nhìn tôi thích thú không nói không rằng trút hết nửa chén dầu bơ vào trong gô cơm heo. Anh lấy muỗng múc hai muỗng cơm heo cho vào chén dầu quét sạch cả lớp bơ mỏng tráng trong chén cho thiệt sạch rồi mang ra lò hâm lại.

Gô cơm sôi bốc khói, mùi bơ bốc ra thơm ngát át hết cả mùi chua của máng cháo heo. Anh Thạch Bông khoái chí cười hoài:

"Hay, ông hay thiệt. Đớp được rồi. Thơm phức. Béo nữa. Đã quá."

Tôi lấy thêm một cái chén nữa với hai cái muỗng. Anh Thạch Bông múc cơm đều cho hai chén. Những hột cơm trắng được áo bằng một lớp *butter oil* trông như xôi vò nếu những hạt cơm đừng dính vào nhau như cháo đặc.

Anh Thạch Bông trước đó đã có nêm một chút nước muối nên chén cơm cũng khá mặn mà và béo ngậy. Đưa từng muỗng cơm thơm phức vào miệng thấy cũng có lý quá đi chớ. Thiệt tình mà nói tuy dầu bơ có thơm thiệt nhưng cũng không át hết một trăm phần trăm mùi chua của máng cơm heo mấy ngày và hình ảnh của chiếc máng heo với những cái miệng heo cũng có lúc làm tôi nhợn muốn ói. Tôi tự trấn an dẫu gì thì nó cũng là gạo, là lương thực cao cấp nhất trong xã hội chủ nghĩa, có giá trị cao hơn ngô khoai sắn và bo bo rất nhiều. Tôi chỉ gô cơm heo nhìn anh Thạch Bông nói:

"Tụi mình đã gộp cả hai thế giới tư bản và cộng sản vào trong cái lon gô cơm heo này. Chỉ có trong thế giới cộng sản mới có cái chuyện cơm người ăn không hết đổ cho heo ăn, rồi heo ăn không hết hay không nổi rồi mới tới người, không biết tù có được gọi là người không nhỉ, ăn lại, và chỉ có những thằng tù như tụi mình mới biết cách mang "bơ thừa sữa cặn" của tư bản trộn vào lon gô cơm heo này để đáp ứng sự thôi thúc của bao tử. Cả hai thái cực của tư bản và cộng sản ở trong bao tử của tụi mình. Có lẽ ở ngoài đời cũng thế thôi, nhân dân cả hai miền đang trộn lẫn của cả hai thái cực tư bản và cộng sản vào trong một đất nước nhưng rồi liệu có tiêu hóa được cả hai để được mạnh khoẻ hay là bị dị ứng, bị tẩu hỏa nhập ma rồi có ngày chết ráo."

Hai anh em chúng tôi cho vào bụng cả hai đại diện tư bản và cộng sản và vừa ăn vừa... cầu nguyện để đừng bị Tào Tháo rượt. Nhờ trời thương nên mùa đông năm đó chúng tôi ăn gô cơm heo cộng sản thơm phức mùi tư bản mà không bị gì cả tuy cả hai đứa đều... run lắm.

Hơn mười năm sau, cơ duyên giun rủi, chúng tôi gặp lại nhau ở Hoa Kỳ hàn huyên câu chuyện cũ bên mâm thịt cá ê hề với thố cơm đầy ắp nghi ngút khói. Tôi nhắc lại chuyện gô cơm heo năm nào ở trại Thanh Phong 2, Thanh Hóa, anh Thạch Bông vừa mỉm cười, vừa ứa nước mắt lắc đầu:

"Nếu không có nửa chén *butter oil* thì không cách chi mà nuốt hết gô cơm heo chua như mẻ ấy được, mà hôm đó nếu trời không thương, ăn xong gô cơm không đi nhà thương thì cũng ói mửa tùm lum. Gô cơm heo đó cho tới chết tôi không thể nào quên được."■

Cali 12-94 (tặng Thạch Bông)
(Chuyện tù)

KHÁCH LẠ

TRẦN CÔNG SUNG

Ngồi bêu ở quán café, về đến nhà khoảng nửa đêm, tôi cảm thấy cái gì khác lạ trong phòng. Tôi bật đèn và thấy một người đàn ông ngồi trước bàn viết. Tôi nổi gai ốc ở sống lưng với cái ý nghĩ người khách đang ngồi đọc sách trong đêm đen.

Y quay lại, người tôi lạnh toát khi nhận ra khuôn mặt y: đó chính là khuôn mặt tôi. Từ đôi mắt, từ cái miệng, đó chính là tôi, nhưng già hơn 20 tuổi: tóc bạc phơ, mắt trũng sâu và da mặt trắng nhợt. Y nói:

"Tôi chờ bạn đã khá lâu."

Y vung tay, hất tung toé những trang giấy trên bàn. Y vơ những trang bản thảo còn lại vứt ra ngoài cửa sổ. Những tờ giấy trắng bay lượn, trước khi rơi xuống mặt đất còn ướt sũng sau cơn mưa. Tôi giận ứ cổ, muốn chụp con dao rọc giấy, đâm vào bụng y, nhưng chân tay tôi bủn rủn, bất động. Những tờ bản thảo là công trình tôi sau những đêm không ngủ, năm này qua năm khác. Đó là máu, là nước mắt, là gan mật tôi phơi bày trên giấy như người Nhật mổ bụng, phơi ruột khi làm *hara-kiri*.

Người khách nói: "Bao nhiêu năm mà chỉ viết được nhảm nhí như vậy. Bạn làm tôi thất vọng quá. Tôi vẫn nghĩ bạn có chút tài mọn nên để bạn yên từ nhiều năm nay."

Nhận xét của người khách, mới đầu làm tôi phật lòng, có cái gì trùng hợp với ý tôi trong tận cùng thâm tâm. Tôi tự nhiên thấy thoải mái, như người vừa trút một gánh nặng, như vừa cởi bỏ một bộ quần áo sũng nước. Tôi như chợt tìm thấy một người tri kỷ trong cái cô độc cùng tận mà tôi tự khép vào trong những năm dài.

Khách nói: "Thôi, mình đi."

Tôi nghĩ mình chưa chuẩn bị hành lý gì, nhưng lí nhí nói không ra lời. Khách nói, y đọc tư tưởng tôi như người ta đọc tờ *Le Monde* buổi chiều:

"Ở nơi mình đến, những thứ vặt ấy không cần thiết."

Y vung tay đứng dậy và tôi để ý đến bộ y phục kỳ quái: áo sa-tanh màu đỏ máu và quần sa-tanh vàng.

Bà nội tôi mất năm tôi sáu, bảy tuổi, khi liệm xác, người ta mặc cho cụ một chiếc áo màu đỏ máu và choàng một chiếc khăn sa-tanh vàng. Khuôn mặt cụ trắng nhợt. Cái hình ảnh ấy cứ đeo đuổi và tôi ớn lạnh mỗi lần thấy màu vải đỏ. Mỗi lần khâm liệm, tôi tìm mọi cách để khỏi phải chứng kiến khuôn mặt nhợt nhạt của người chết.

Chúng tôi đi ra khỏi nhà. Đường vắng tanh, vắng hôi. Người khách đi trước dẫn đường, thung dung, thanh thản, chân không chấm đất.

Lúc bấy giờ là đầu thu, đêm lành lạnh như đêm Đà Lạt và trời thì cao không cùng.■

LÝ KIẾN TRÚC

TÍM ĐÀN

Ta nhốt mầm đêm trong ngục tối
Với cung trầm tím, ngắt, nhịp đôi
Nửa nguyên giáp chiến, phơi, trận địa
Nửa gánh đàn thơ, quẳng, mộ trời.

"AI ĐƯA CON SÁO SANG SÔNG, ĐỂ CHO CON SÁO..."

NGÔ ĐÌNH VẬN

Tự Do "đưa con sáo sang sông"...

Trong mọi cơn tai biến xảy ra cho dân nhạc Việt Nam thì "loài sáo" này luôn tìm về ẩn náu trong tâm tư của dân chúng để sống sót, tồn tại.

Không một người Việt Nam nào mà không thuộc lòng một số tục ngữ, ca dao, vốn là cái gốc của dân nhạc.

Ngay trong cách nói của người Việt cũng thường dùng ca dao, tục ngữ để dẫn giải, ví von cho câu chuyện thêm đậm đà, thi vị.

Đối với nhiều người VIệt thì hát cũng cần như thở. Truyền thống Hát Ru là thói quen, là nhu cầu của Bà, của Mẹ, của Chị đã bảo tồn, nuôi dưỡng được một phần lớn cái di sản Văn Hóa Dân Tộc. Kho tàng quý báu này là một sự gạn lọc các tinh hoa chứa đầy hồn tính, tình tự của cả một giòng giống truyền từ đời này qua đời khác.

Đây chính là ngành Khoa Học Nhân Văn chứa đựng đức tin, tôn giáo, triết học, thiên văn, địa lý, nhân sinh quan của dân Việt gắn bó chặt chẽ với cái đạo làm người giao hòa giữa Trời và Đất.

Từ ba năm qua, khi còn ở Houston, Texas là lúc chúng tôi có ý định tìm kiếm, thăm hỏi để viết một loạt bài về Khái Lược Tiến Hóa của Dân Nhạc Việt Nam, chúng tôi đã chọn lối định nghĩa hai chữ Dân Nhạc theo cách phổ quát bao gồm Cổ Nhạc (Nhạc Truyền Thống Dân Tộc) và cả Tân Nhạc chịu ảnh hưởng từ cái gốc truyền thống Việt Nam.

Do đó một định nghĩa Dân Tộc Nhạc Học theo kiểu quốc tế khởi đầu từ Jaap Kunst, người Hòa Lan năm 1950 và tiếp đó là Claudie Marcel-Dubois, người Pháp, Mantle Hood, người Mỹ, Kishibe Shigéo, người Nhật, Chuang Pen Li, người Trung Hoa, Kwabena Nketia, người Ghana... chỉ ảnh hưởng ít nhiều tới phần viết về cổ nhạc Việt Nam (Nhạc Truyền Thống Dân Tộc) mà thôi.

Trước năm 1954 thì các nghệ sĩ Việt Nam chính là thành phần chuyên chở dân nhạc từ miền này qua miền khác nhưng các sáng tác hay các cuộc trình diễn của họ chỉ có tính cách giới thiệu cái đặc thù của từng vùng trong một khung cảnh giới hạn.

Từ cơn quốc biến 1954, đất nước bị cắt đôi, gần một triệu người dân miền Bắc đã phải lìa bỏ quê cha, đất tổ để di cư vào Nam vì yêu chuộng Tự Do, thì sự giao hòa dân nhạc của ba miền đất nước mới phát triển sâu, rộng trong sinh hoạt hằng ngày của xã hội miền Nam Tự Do.

"Ai đưa con sáo sang sông," mở đầu bài dân nhạc là một câu hỏi trống, không có sự trả lời, nhưng trong hoàn cảnh của cuộc di cư năm 1954 thì cái việc "đưa sáo" miền Bắc vào miền Nam chính là lý tưởng Tự Do. Tự Do đã đưa "con sáo sang sông"...

Sau này, nhạc sĩ Phạm Duy đã diễn tả về cuộc chia lìa "đau đớn tới đứt ruột" của khối người Bắc di cư bằng một câu hát ngắn gọn nhưng hàm súc, tiêu biểu:

"Hà Nội yêu quý không thể ngăn người,
Vì người đã ra đi theo Tự Do"

Ngay trong các trại tạm cư hồi 1954 tại Rạch Dừa (Vũng Tầu), Phú Thọ (Saigon), Trường Tiểu Học Chí Hòa (Saigon), chúng tôi đã được chứng kiến những người Mẹ, người Chị hát ru cho trẻ ngủ bằng nhiều thể điệu của dân ca miền Bắc.

Nhiều buổi tối từ nơi tạm cư là một góc phòng của Trường Tiểu Học Chí Hòa, chúng tôi đám trẻ con di cư đã rủ nhau lân la ra các quán nhỏ ở chòm xóm này để mua nước đá nhận, kẹo, bánh. Cả đám chúng tôi đã ngơ ngác khi thấy chị bán hàng xé phăng tấm giấy bạc một đồng để gọi là "thối lại vì thiếu bạc cắc."

Khi trở về chỗ tạm cư, chúng tôi đã ngừng lại, tò mò nhìn ngắm và lắng nghe một đám dân Nam tụ tập ở hiên nhà gẩy đờn và ca vọng cổ.

Từ các sự kiện cụ thể xảy ra trong sinh hoạt hằng ngày đó lâu dần người Bắc, người Nam trao đổi với nhau tất cả các phong tục, tập quán để miền Nam biến thành một xứ hòa hợp phong phú, đa dạng trong tinh thần của câu ca dao cổ:

"*Nhiễu điều phủ lấy giá gương,*
Người trong một nước phải thương nhau cùng."

Năm tháng trôi đi, xã hội miền Nam Việt Nam đã xứng đáng tiêu biểu cho sự hòa hợp của người dân cả nước.

Từ những buổi tụ tập ăn nhậu sau này cái thói kỳ thị địa phương đã biến đổi câu chuyện "rau muống, giá sống, ớt hiểm" trở thành một trò đùa, một sự khôi hài chọc ghẹo chứ không còn mang tính cách ghét bỏ nhau nữa vì mọi người đều ăn được cả.

"Tiếng hót" của các "con sáo" miền Bắc với những bài "Qua Cầu Gió Bay", "Hát Hội Trăng Rằm" đã hòa cùng các điệu lý, điệu hò của miền Trung, miền Nam để trở thành các buổi trình diễn Dân Ca Ba Miền đa dạng được đại chúng yêu thích.

Lý, Hò của miền Nam phong phú, chằng chịt như sông, rạch, đầm, đìa. Người dân đụng nhằm cái gì thì Lý ngay cái đó. Lý hiền hòa, tình tự, đằm thắm không khác gì các điệu Quan Họ Bắc Ninh. Lý tới độ con cua của đồng bằng Cửu Long phải bò lên thưởng thức:

"*Con cua huầy, nó ở huây a hang*
í a dưới hang là í a dưới hang.
Nó nghe huầy mà giọng lý huây a càng
í a kình càng là càng í a kình càng là bạn bò lên"

Những sáng tác đầy giá trị nghệ thuật này là sự đóng góp không ngừng của đại chúng mà người dân Việt ở bất cứ nơi đâu cũng phải nhìn nhận cái hay, cái đẹp của nó.

Tuổi thanh xuân thì trai trẻ bất cứ ở miền nào đều đã từng nếm mùi "ngọt ngào, cay đắng" của tình ái. Có thể chỉ có các bậc chân tu mới thoát khỏi lưới tình, mới thoát được các tác động thừa thãi, vụng về như "bứt một ngọn cỏ," "vân vê tà áo" hay là:

"*Dơ tay mà ngắt cọng ngò*
thương em muốn chết giả đò ngó lơ."

Hơn thế nữa, người dân một nước đều biết rõ rằng gái Bắc Ninh, nổi tiếng một thời là bạo dạn, hay hò hát trêu ghẹo trai tráng lạ mặt đi qua vùng họ. Ở miền nào thì cũng có các thiếu nữ lẳng lơ, lãng mạn nhưng lại thông minh, tinh quái rất đáng quyến rũ theo kiểu:

"*Gái đâu có gái lạ đời*
Chỉ còn có một ông giời (Trời) chưa chim."

Chanh chua, ngoa ngoắt cũng dễ thương không kém:

"*Bao giờ trạch đẻ ngọn đa*
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình."

Đi sâu vào miệt vườn Vĩnh Bình, người ta còn nghe được cả điệu hò đầy vẻ "sách nhiễu tình dục" nhưng cũng không kém thú vị, thanh tao:

"*Hò ơ, mãn mùa rồi, ờ ơ con cá cà cửng, nó nhảy tửng lên bờ, em ơi tử du táng địa, ơ mờ anh xin chôn nhờ miếng đất em.*"

Bị "quấy nhiễu" táo tợn như thế, nhưng lời "phá phách" lại tỏ ra có văn phong nên lời hò đối lại cũng chẳng kém thông minh để mà "trừng trị." Phe hò đáp đã phản ứng tức thì chứ không phải đợi ra điều trần hay đâm đơn đi kiện như tình cảnh của các kiều nữ Anita Hill, Paula Corbin Jones của xứ Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ.

Phe hò đáp lại cũng văn hoa nhưng không kém khốc liệt, hò đối lại rằng:

"*Hò ơ, miếng đất của em, tả thanh long, hữu bạch hổ có lỗ sẵn ơ dành ơ. Anh ơi, anh chôn vô đó ơ mà đặng nối dòng tổ tiên ơ.*"

Câu chuyện đang ở tình cảnh bờm sơm thoắt "chuyển sang" nghiêm trang, đàng hoàng vì đụng đến hai chữ Tổ Tiên mà tập tục của người VIệt Nam một lòng tôn kính.

Trở về dĩ vãng, những đứa bé được ru bằng làn điệu miền Bắc di cư dần dần trưởng thành trong xã hội miền Nam.

Sự hòa hợp của người dân một nước đã đi tới chỗ tốt đẹp, không thiếu gì các cuộc hôn nhân của người vùng này lấy người xứ khác. Chúng tôi đã từng được chứng kiến các gia đình chồng Bắc vợ Nam hay ngược lại.

Sự hòa hợp người dân một nước đến độ tuyệt hảo như trường hợp của gia đình người bạn tôi tên là Nguyễn Văn Giáp gốc Hà Đông lấy vợ là chị Võ Thị Hường ở Hốc Môn.

Khoảng năm 1971, chúng tôi đã được nghe chị Hường ru cháu bé bằng các các bài ru con miền Nam:

"*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ*
Năm canh chày thức đủ vừa năm..."

để rồi chuyển ngay qua điệu Cò Lả của miền Bắc:

"*Con cò cò bay lả, lả bay la,*
Bay ra ra cửa phủ bay vào Đồng Đăng..."

Chị Hường còn ru cháu nhỏ bằng câu hát

"*Cái ngủ mày ngủ cho lâu,*
Mẹ mày đi cấy đồng sâu chưa về..."

Vì là chỗ thân tình, trong bữa ăn tối sau đó, chúng tôi đã hỏi chị là tại sao lại ưa ru con bằng làn điệu Bắc. Chị Hường rơm rớm nước mắt, tâm sự "Bị bà nội cháu thương tui như con ruột, lúc còn sống nội rất yêu các cháu thường ru như thế, bây giờ nội mất, tui nhớ nội, tui ru con nhỏ bằng bài ru của nội."

Đây là một trường hợp trong nhiều hoàn cảnh

hòa hợp đầy cảm động.

Bài ru "Cái ngủ" thật ra từ lời lẽ, làn điệu không có gì đặc sắc nhưng nhiều bà vẫn dùng nó để ru cháu, ru con.

Chị Nguyễn Thị N. gốc Nam Định là bạn học của tôi khi mới học trung học, sau này là Giáo sư Việt Văn ở Biên Hòa, chị N. lấy chồng gốc Saigon vẫn ru con bằng bài "Cái Ngủ."

Chị N. phát biểu rằng "cả đời tôi có đi cấy bao giờ nhưng mẹ tôi đã ru như thế nên tôi quen miệng ru theo, có lẽ cái hay của bài hát này nằm ở mặt tình cảm, kỷ niệm... mẹ tôi kể cách đây trên 100 năm bà tôi là cái ngủ rồi truyền chức cái ngủ cho mẹ tôi, truyền tới đời tôi rồi con tôi nữa... Cái ngủ hay ở chỗ lúc nào cũng bé bỏng, đáng yêu... trăng bao nhiêu tuổi trăng già... cái ngủ chẳng bao giờ già được, cái ngủ thường mơ ngủ mỉm cười, xinh lắm."

Đất nước Việt Nam nếu đã phải chịu cảnh tang thương đầy dẫy bom đạn vì chiến tranh thì ở trong cái nếp sinh hoạt hằng ngày cũng tràn đầy thương yêu, tình tự.

Tới tháng 4 năm 1975, một tai họa khác lại xảy ra đối với dân tộc Việt Nam, Cộng Sản xâm chiếm cả nước, một số dân chúng miền Nam may mắn được di tản trước ngày 30 tháng Tư 1975.

Cái hình ảnh tang tóc của chiều ngày 30 tháng Tư 1975 khi Tự Do bị bức tử ở Việt Nam là cái hình ảnh ghê rợn không bao giờ chúng tôi quên được.

Chiều hôm ấy mây đen u ám bao trùm khắp vùng Saigon, chúng tôi như kẻ mất hồn lội bộ ở khu Ngã Ba Ông Tạ, khi ngẩng mặt nhìn lên bầu trời xám đục thì đụng ngay cả một mái tóc rất dài của một phụ nữ treo lơ lửng, vật vờ trên hàng dây điện ở giữa đường Lê Văn Duyệt. Mái tóc ấy bị gió thổi bay lõa xõa đầy vẻ ma quái, những người ở khu vực này cho hay quân CS đã pháo trúng một chiếc xe Lam, chở nguyên một gia đình chạy loạn.

Cả một bộ sọ cùng mái tóc dài tha thướt của nạn nhân đã bị sức mạnh của trái đạn bốc lên mắc kẹt vào sợi giây điện giăng ngang đường phố.

Mái tóc vướng lại trên cao bị gió thổi phất phơ, rũ rượi, đó là cái hình ảnh ma quái, chập chờn trôi dần vào bóng tối của một buổi hoàng hôn mà Tự Do đang hấp hối tại Việt Nam.

Bên dưới cả đám dân chúng đổ ra đường bàn tán xôn xao y hệt một đàn kiến vỡ tổ mà phần đông là những cái xác vô hồn vì tinh thần của chúng tôi đã phải chịu đựng một sự sụp đổ khốc liệt trong hoang mang, tuyệt vọng.

Về sau này, qua các cuộc tiếp xúc với những người thân thích ở Hưng Yên, ở Hà Nội vào thăm miền Nam thì chúng tôi được biết thêm rằng rất đông những người dân đứng tuổi ở miền Bắc đã bật khóc trong ngày Cộng Sản chiếm nốt miền Nam.

Dân chúng khóc cho Tự Do cũng là khóc cho sự thất vọng của chính đời mình trong lúc Đảng và Nhà Nước Cộng Sản huyên náo cổ võ cho "Đại thắng mùa xuân."

Đảng Nhạc đã tức thời thay thế Dân Nhạc. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn lên đài phát thanh cùng hát với cả đám "cán bộ 30" bài "Nối vòng tay lớn." Nhưng dòng tiến hóa của dân nhạc đã không ngừng nẩy nở.

Vài ngày sau dư luận trong dân gian đã phản ứng lại mãnh liệt. Chữ "Đại thắng lợi" được đọc lái là "Đợi thắng lại" chữ "Saigon giải phóng" được nói ngược là "Saigon phỏng giải", câu hát

BÙI DUY THUYẾT

RỒI CUỐI

Sẽ có một ngày chốn lạc cung
Hân hoan chín cõi vẫn không cùng
Mải mê dan díu trong trần thế
Rồi cuối tìm nhau trong cõi không.

Sẽ có một ngày giữa thế gian
Vạn loài sinh diệt chẳng bàng hoàng
Còn lại chút gì sau cõi chết
Tiền kiếp xa rồi mộng vỡ toang.

Sẽ có một ngày hợp sẽ tan
Tâm tư huyền hoặc sắc hoa tàn
Giây phút đổi dời em có biết
Hay giờ đã lạc bước trần gian.

Sẽ có một ngày ta mất nhau
Không gian chuyển động áo thay màu
Hiện hữu vô thường trong chốc lát
Còn để lại gì hơn khổ đau?

Sẽ có một ngày ta cũng không
Muôn loài giả hợp đến không cùng
Kiếp người sinh hóa trong tương đối
Vạn vật hơn gì hạt nước trong.

NGUYỄN VĂN NGỌC

CHƯA NGỘ

đông xám mơ hạ đỏ
thu vàng nhớ xuân xanh
hơn nửa đời chưa ngộ
cái tâm còn ngóng quanh.

CỔ THƯ

mở ra trang sách cũ
chữ nghĩa đọng lời xưa
tưởng thấy trên giấy ố
hồn thiên cổ hiện về.

NGUYÊN NHÂN

lũ quá khứ kéo về
đánh nhau cùng hiện tại
tương lai đứng phía xa
làm trọng tài thiên vị

nên ta bệnh trầm kha.

"như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng" được dân nhái lại là "như có bác Hồ trong nhà thương Chợ Quán" (nhà thương điên). Bài Nối Vòng Tay Lớn có lời đổi lại là "từ Bắc vô Nam tay cầm cái roi, một tay cầm sợi giây để bắt con cầy."

Trong dân chúng đã truyền khẩu cho nhau rất nhiều loại ca dao "phản động" nói lên sự bất mãn của đại chúng với chế độ.

Kể từ 1975 trở đi, cái giá Tự Do mà dân chúng Việt Nam phải trả là cái giá đắt nhất vì người tị nạn đã phải đánh đổi bằng chính mạng sống, sự nguy hiểm, điều ô nhục của đời người để tìm cho được cái đáp số của bài toán nan giải "chết hay là được sống tự do."

Đi tìm tự do bằng đủ mọi phương cách, nhiều chục ngàn người đã chết trên biển cả, trên những con đường mòn vượt biên giới sang đất Cao Miên, sang đất Thái Lan. Nhiều chục ngàn người đã là nạn nhân của Hải tặc ở Đông Nam Á hoặc là nạn nhân của các lực lượng dã man thuộc các phe phái Khmer.

Cho tới nay con số Tị Nạn Cộng Sản Việt Nam may mắn sống sót, định cư ở khắp các nước Tự Do trên thế giới đã lên tới trên một triệu người.

Trên một triệu người Việt tị nạn Cộng Sản đã đem theo tất cả cái vốn liếng Văn Hóa Dân Tộc mà họ có được, bao gồm kiến thức, những bài dân ca thuộc lòng và cả một số sách vở liên hệ đến dân nhạc Việt Nam nữa.

Ngay ở các trại tị nạn đầu tiên ở Mỹ rồi tiếp đó ở Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba, Nam Dương, Phi Luật Tâm... thì tiếng hát ru con, ru cháu của dân Việt cũng đã được cất lên vì nhu cầu cấp thiết ru cho trẻ ngủ.

Mặc dù trong hoàn cảnh khác lạ, đổi đời nhưng từ lâu người Việt Nam đã quen nhẫn nhục chịu đựng, đã thấm nhuần, đã thuộc lòng những kinh nghiệm sống khôn ngoan của tổ tiên với các câu ca dao xưa cũ:

"*Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*"

hoặc là:

"Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn."

Câu ca dao này có truyền thuyết cho rằng đã có từ thời đại Hùng Vương từ năm 1122 đến 837 trước Công Nguyên, tức là hơn 2000 năm nay dân Lạc Việt trên đường du mục đã biết sống chung, hòa thuận với các bộ tộc, thổ dân khác chẳng khác gì tinh thần bình đẳng, hỗ tương của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ ngày nay.

"Con sáo" dân nhạc Việt Nam được "đem ra" hải ngoại, bay vào lòng thế giới để tiếp tục sống còn, tồn tại.

Công việc tìm kiếm, phục hưng lại dân nhạc Việt Nam hiện nay đã được rất nhiều cá nhân, tổ chức Việt Nam ở Hải ngoại cũng như quốc tế thực hiện nhằm mục đích duy trì, bảo tồn Truyền Thống Dân Nhạc Việt Nam là một thành phần của Dân Nhạc Truyền Thống Thế Giới.

Đối với những người Việt Nam thì công việc trên còn mang thêm nhiều ý nghĩa khác, một mặt nhằm mục đích giới thiệu các làn điệu, âm hưởng Việt Nam với cộng đồng thế giới, một mặt còn là bổn phận đóng góp vào những nền Văn Hóa Đa Dạng của các xứ sở tự do, nơi mình đang cư ngụ như ở Hoa Kỳ, ở Âu Châu, ở Úc... mà nay một số đông những người tị nạn cộng sản Việt Nam đã là công dân của các xứ sở này.■

NGOÀI TRĂNG ĐỨNG LẠNH

TÚY HỒNG

Nhà mở máy lạnh, dù da thịt được ướp tươi, Lai vẫn cho đó là chút thời tiết giả tạo. Ngoài nắng, mấy cây thông đực to con đứng ì ra. Mùa hè năm nay có những cơn nóng gan lì.

Một nhóm khách quen đang ngồi đứng ở cuối vườn, đồ ăn cầm tay, Lai bước tới nhập bọn, nghe nói chuyện lai rai:

"Vợ của ông nhà văn đó không biết nấu ăn. Khi bà ta nấu canh chua đầu cá thì ôi thôi, hai mắt con cá mở trừng trừng nhìn ông chồng với mối tử thù không trả được."

Mấy bà kéo Lai ngồi xuống bên khóm bông phấn má hồng. Mùa hè người ta chơi những loại hoa có đài nhỏ và cánh nhỏ mọc từng cụm thấp ưa tưới nước mỗi ngày. Lai tự hỏi sao người Việt Nam cứ ham trồng loại lê tàu, tuy mau có trái nhưng ăn lãng nhách. Nước Hoa Kỳ lắm kỳ hoa dị thảo cây cảnh tốt tươi giúp con người tìm được chút cảm hứng trong lúc làm việc nặng nhọc.

Con gái chủ nhà, đôi mắt đen long lanh như hạt đu đủ chín bưng đồ uống ra mời khách.

Bà Hạnh vừa mới tắt kinh mấy tháng nay, mặt đỏ phừng phừng như gà lôi, lúc nào cũng nói nhiều:

"Cái kiếp đàn bà sao mà cực, hết mắc bệnh xuân thì... thì cái bệnh già sồng sộc kéo đến."

Bà Ti Ti nhởn nhơ cao giọng:

"Theo bảng thống kê của người Mỹ thì từ năm 1975 cho tới nay, số sinh viên Việt Nam tị nạn ở Mỹ tốt nghiệp y khoa bác sĩ đã lên tới 2,000 người... Con cái nhà người ta sao mà hay thế."

Bà Thanh cũng đang bị những triệu chứng tắt kinh hành hạ đến phát khổ, thở ra:

"Ngồi làm việc ở sở, tôi thấp thỏm nghĩ đến nỗi sung sướng được về nhà, dù về nhà, tôi phải bò ra lau nền nhà sạch như lau mặt, lau bếp lau cửa sạch như lau ly."

Lai gật gù phán rằng:

"Nước Mỹ là một tủ đồ ăn của trời, một kho thực phẩm ê hề nào là gạo thơm hạt dài, nào là

thịt gà thịt vịt thịt heo thịt bò, nào là dầu ăn, đường cát trắng... nhưng thực phẩm ê hề ra đó là một chuyện, và, làm cho những thực phẩm đó trở thành những món ăn ngon lành là một chuyện khác. Cái đó đòi hỏi sự chịu khó chịu khổ của người đàn bà, tức là một chút ít lòng hy sinh. Bởi đó tôi phục lăn tất cả quý vị đàn bà đã đi làm việc cực nhọc mà mỗi tuần lễ đều nấu đủ bảy bữa ăn tối cho gia đình không thiếu bữa nào."

Vinh, một ông không còn trẻ nữa, gật gù:

"Hạnh phúc gia đình cũng là một mâm cơm có rau, có thịt cá."

Tức thì Hạnh phụng phịu:

"Ai khuyên giùm mấy thằng con của tôi ăn rau ăn quả chút đi! Chúng nó làm biếng đến độ cái miệng chỉ thích nhai thịt cho sướng, còn phải ăn rau, chúng nó không nhấc hàm răng lên nổi để mà nhai."

Mấy ông quay lại nói chuyện với nhau:

"Hitler giết bao nhiêu triệu người nhỉ? Thịt người thì ham nhưng thịt súc vật thì lại sợ nên suốt đời Hitler ăn rau quả."

"Ừ! Hitler phải uống năm ba ngụm rượu mới ăn được một mẩu xúc xích."

Bà Hạnh nhìn quanh:

"Ờ ờ... các bà cũng nên tập ăn như ông Hitler là vừa, đừng có ăn thịt nhiều quá mà sổ sữa sồ sề ra đấy nhé!"

Vinh ngó Lai:

"Đừng 'diet' kiểu Mỹ mất công, các bà cứ ăn cháo đậu xanh trong một tháng là xuống cân ngay."

Thanh đong đưa làm dáng:

"Tôi chúa ghét cháo. Thà mập một chút cũng chẳng chết thằng Mỹ đen nào."

Vinh pha trò:

"Cái nết đánh chết cái mập."

Lai vui vẻ la lên:

"Mấy bà vẫn đáng yêu, dù mập."

Rồi cứ thế Lai tuôn ra thơ:

"Cái mập đập nát cái già. Cái già là cha cái đẹp. Cái đẹp dẹp cái nết lại một bên."

Đến lượt cô gái già tên Bích to họng:

"Tên kép còm của tôi ở Cali lại khuyên tôi nên mua một cây súng phòng thân."

Lai rủa thầm con mẹ này cũng đã tắt kinh tịt ngòi khô queo như trái bồ kết rồi mà lòng trần vẫn chưa lắng, vẫn cứ vòi vòi một chút đàn ông cho biết mùi.

Bích uốn éo như cô đào Thanh Nga đóng kịch thơ:

"Súng ống gì đối với một kẻ đa cảm sầu đời như tôi. Súng ống gì đối với một kẻ đa tình đau tim như thế này. Khi nào cầm một cuốn tiểu thuyết trên tay, tôi cũng hồi hộp mở ra, lật lật tới mấy trang cuối coi cái kết cục ra sao đã rồi mới bắt đầu đọc. Ở đó mà súng với ống."

Hạnh hăm hở:

"Tôi coi tướng bà Bích, thế nào năm nay bà ấy cũng cưới được một ông chồng; và tôi coi tướng ông Vinh, thế nào năm nay ông ấy cũng chấm dứt cảnh độc thân độc thủ."

Mấy bà cùng khuyên Vinh và Bích nên bước vào mê hồn trận. Ở Mỹ dại gì ôm cái kiếp độc thân mà thờ, phải lăn ra kết hôn để chung lưng làm việc mua một cái nhà... Mê hồn trận đó mà."

Tức thì Vinh đứng lên chắp tay:

"Tôi van vái quý vị..."

Lai cười tít, nhìn đồng hồ rồi xin rút lui để mấy bà tắt kinh ngồi nói chuyện với nhau.

Vinh đưa Lai về dưới cơn nắng sưởi khô mấy cành Linden hai bên lề, hoa dại đậm màu sắc nhưng hoa dại bị một khuyết điểm là cánh nhỏ. Tại sao ở Mỹ có những con đường tuyệt đẹp như đưa người vào mộng? Tại vì hoa lá cành tươi thắm hay tại vì những ngôi nhà tráng lệ mọc lên trên đó, sự hiện diện của đồng tiền?

Vinh ôm tay lái thở dài:

"Đêm qua đi uống rượu với một tên bạn cũ, hắn rặn ra hai câu:

Làm trai đứng giữa trời Seattle
Phải có danh gì với núi Rainier"

Vườn nhà Vinh trông như một khu tiểu thiên nhiên xinh đẹp với những cây ăn trái cao ngang đầu người. Ở một góc, vạt rau tự tay Vinh cưng dưỡng trông thật mùi và lãng mạn. Rau tần ô ngã dọc ngã ngang. Rau răm, rau húng lủi, rau dấp cá có vẻ lẳng lơ bên cạnh rau tía tô tình tứ. Cạnh đó, Vinh dựng lên một mái Tây hiên bằng gỗ thật chắc chắn, tiện nghi và bên trong trang hoàng thanh nhã để cuối tuần bạn gần bạn xa rủ nhau đến lai rai.

Vinh chỉ vào kệ sách:

"Sang tới đây rồi, chúng ta có nên sống cuộc đời giống như ông Tạ Huê Liên thời Nam Bắc Triều, uống say rồi ngâm nga:

Nhập ngô thất giả
Đản hữu thanh phong
Đối ngô ẩm giả
Duy dương minh nguyệt"

Lai cười tít:

"Tôi đâu hiểu chữ Hán là gì. Mấy câu thơ đó tả cảnh nhàn phải không?"

Vinh nhìn mắt Lai đang cười:

"Cái triện son của tôi để trong văn phòng thời tôi đi làm việc ở Việt Nam có khắc bốn chữ 'Thanh phong, minh nguyệt'... Giờ đây sang Mỹ mới thấy được cảnh gió mát trăng trong."

Trên mái Tây hiên, bầu trời không một chút vẩn đục, ánh sáng hình như có đôi cánh êm ả nghiêng xuống hàng cây già lão, những áng mây chiều

dềnh dàng chuyển màu và đổi dáng nằm.

Lai chỉ vào mái Tây hiên:

"Nếu cái nhà nhỏ này có lầu thì sẽ trở thành một Nghênh phong các hoặc một Vọng nguyệt lâu chắc?"

Vai Vinh cạ vào người Lai, Lai bước xa rồi bảo Vinh chở nàng về.

Lai đẩy cửa bước vào nhà nghe điện thoại đang reo, giọng bà chị ở đầu dây bên kia véo von:

"Sáng thứ Hai chị nhờ em chở giùm bà hàng xóm của chị đi khám bệnh tí nhé! Chị phải đưa một ông cựu quân nhân mới sang đi thi lái xe hơi."

"OK! Chị có khỏe không chị?"

Giọng bà chị vẫn như chim hót:

"Đừng hỏi thăm chị 'có khỏe không' mà hãy hỏi chị 'có tụng kinh nhiều không'. Tụng kinh bao nhiêu là khỏe bấy nhiêu đó em. Không tụng kinh mới là mệt đó em."

"OK! Sáng Thứ Hai em chỉ rảnh chút thôi. Đến trưa là bắt đầu bận rồi, em phải đi chợ làm đồ ăn..."

Bà chị chận lại:

"Em đang mang nhiều tình nghĩa quá em ơi! Hãy quẳng bớt gánh tình đời xuống khỏi đôi vai đi em. Là một người vợ, đương nhiên em phải làm đủ công việc nội trợ. Em cứ nấu cơm và làm thức ăn ra để đó, ai cảm thấy đói thì tất nhiên phải ăn, em đừng mời mọc năn nỉ 'ăn đi! Trời ơi ăn đi mà! ăn đi chóng ngoan!' Như vậy là cái tâm của em còn trĩu nặng, cái lòng của em còn động biết bao giờ yên. Em đã đi lạc ra ngoài quỹ đạo Phật giáo rồi đó em!"

Lai nhận thấy bà chị là một kẻ tu thiền nhưng hiếu chiến. Bà luôn luôn đem đạo ra để địch với đời, và phần thắng phải nghiêng về phía đạo bà mới chịu.

Lai nói qua chuyện khác:

"Vậy ngày mai em đến thăm chị nhé! Em sẽ chở chị đi coi cái nhà em sắp mua để cho thuê."

Bà chị trả lời ngay:

"Có một cái nhà để ở là đủ rồi. Mua thêm cái nữa là rước thêm công nợ với cuộc đời, là vướng thêm một vòng dây xích. Tại sao em cứ chuốc vào mà không chịu xả ra? Em đang đi trên con đường không lối thoát với một gánh nặng cồng kềnh đó em, với một cái tâm mê cuồng đó em. Đến bao giờ thì em xả bớt nợ đời?"

NGUYỄN ĐỨC BẠT NGÀN

BÊN KIA BIỂN

tủi phận quá, lời thư em trách móc
đã mười mấy năm anh xa khuất trùng khơi
tình vẫn dại dù bây giờ tóc bạc
thương cho mình hai đứa dạt hai nơi

nhớ một thuở khù khờ như nắm đất
ta trong tay nhau tưởng giữ mãi bình minh
sáng chưa hết thì bóng chiều vụt tắt
cuộc đời tàn một bước đã trường chinh

lòng nhỏ máu theo lời thư em kể
dòng chữ hiền còn dậy những phong ba
những sáng mưa đau những chiều kiệt quệ
con trôi sông chồng chết ở phương xa

anh thấy rõ dáng em hiền đứng thẳng
thu giấu đài các xưa táo tợn giữa đời
anh thấy rõ mắt em buồn vắng lặng
khi một mình đối diện với gương soi

em hỏi thăm chắc anh hạnh phúc
vợ đẹp con hiền thơm ngát tương lai
cám ơn em anh đang hạnh phúc
vợ con đời gánh nặng hai vai

cơn mưa sớm ôm lỗi lầm tuổi nhỏ
chụp xuống đời anh rét mướt ngọn ngành
cũng đành phận cho ta như trăng mờ trăng tỏ
băng ngàn non cao soi lòng dạ em anh

còn đậm dấu một thời lam lũ
của đời nhau giờ đã chia dòng
năm mươi tuổi thương đời em góa phụ
không chồng con sầu não giữa long đong

*

Đi chợ về, sau khi cất rau quả, các thức uống giải khát vào tủ lạnh và để riêng mấy mớ cá thịt ra ngoài, Lai đeo găng tay đánh vẩy cá, rửa sạch cắt làm hai khúc ướp chút muối cho vào hai túi ny lông. Quay sang mấy mớ thịt, Lai cứa cục nuột lưng ra từng lát lớn, ướp sơ gia vị, nhét ba lát vào một túi ny lông; xong xuôi lại bắt đầu thái thịt bò, ướp hành tỏi và cũng cho vào túi. Đếm tất cả bao nhiêu túi ny lông, Lai xé bấy nhiêu miếng giấy ghi ngày tháng hiện tại ghim vào từng cái túi một để cất vào ngăn đá. Bà Hạnh tắt kinh thỉnh thoảng kêu lên rằng lâu lâu bà phải vứt một cái gói gì đó trong tủ lạnh vào thùng rác vì để lâu quên ăn. Với một nguồn cảm hứng rạt rào để làm việc không biết mệt, Lai cầm thỏi phấn màu viết vào cái bảng đen trong bếp: Trái cây và rau củ mua ngày... tháng... Mất công một chút, tiết kiệm được một chút thì giờ, và một chút tiền bạc.

Trước khi rời sở ra về, bao giờ Matthew cũng điện thoại cho Lai và Lai canh đúng khi Matt đặt chân vào nhà thì nồi cơm vừa chín tới, món đồ xào vẫn bốc hơi nóng vừa mềm vừa dòn.

Matt quen lệ xơi ba chén cơm nhạt trước rồi sau đó mới ăn vã đồ xào, canh và thịt cá. Bởi đó, khi nêm đồ ăn, Lai cho chút ít dầu hào thôi vì sợ mặn.

Matt ngồi cạnh cửa sổ, Lai đứng xới cơm ra lưng bát, tách cơm cho tơi ra rồi mới đưa cho chồng ăn. Lần này, đợi Matt ngốn hết chén cơm thứ hai, Lai gỡ hết xương của khúc cá chiên ra, gắp mấy miếng vàng dòn chấm nước mắm ngọt bỏ vào bát chồng. Matt cứ thế ngậm miệng nhai, nuốt xong mới nói:

"Anh mời em đi xem cuốn phim nói về chiến tranh và hòa bình Việt Nam... Phim hay nhất tuần này."

Lai cho thêm mấy miếng cá chiên vào bát chồng:

"Em không muốn anh đi coi cuốn phim đó vì anh sẽ ngộ nhận."

"Tại sao?"

"Vì cuốn phim đó nói lên tâm trạng của người Mỹ: phản chiến, thiên vị Cộng Sản và thích thú Hồ Chí Minh."

Matt hóm hỉnh nhìn vợ nói một câu tiếng Việt thuộc lòng:

"Đó! Lại nổi máu chống Cộng lên rồi."

Mỗi lần Matt nói câu này, Lai thấy chàng buồn cười như La Thoại Tân khôi hài bằng tiếng Mỹ vậy.

Ấm nước sôi reo vui khi bên ngoài ánh sáng đã tắt trong đêm trời huyền chưa có một vị sao nào xuất hiện. Trăng đất khách uốn cong như trái chuối chín vàng.

Lai nhớ lại một mùa Xuân xưa có những hạt mưa giông nặng trĩu, một mùa Xuân có những cục mây đen phai màu, có những cánh tuyết lạnh chém thịt da, Matt nâng đôi bàn tay Lai lên ngang mày, đôi mắt màu xanh hoa bắp thương yêu nhìn Lai:

"Em cưới tôi nhé! Lai."

Lai ngước lên hàng cây xanh xao muôn chiều lá đổ khi trên cao mây vàng mơ ôm chân trời.

Matt nhắc lại:

"Em cưới tôi không Lai?"

Vẻ đẹp rất giống đực, gồ ghề của người đàn ông Âu Mỹ gây cho Lai một chuỗi rùng mình nồng ấm, một cú đấm êm đềm, một cơn xóc mát dịu nghe như tiếng rền của cơn giông non dại không sấm chớp và ít nhất cũng có chút sức ép nào đó nện vào lớp da trần bày từ chiếc áo khoét cổ hơi rộng.

Lai chui tọt vào trong vòng tay lông tơ vàng mịn. Dáng chàng quá lớn nghiêng xuống trên tóc Lai:

"Tôi sẽ mang đến cho em một đời sống dễ chịu và an toàn."

Trên cao bầu trời cũng như nghiêng xuống nghiêng xuống và thần thoại thần thoại...

Hai cánh tay cứng như cùm của người tình Mỹ trong đó có những sợi gân chắc nịch như dây thừng dí mũi Lai vào vùng hơi thơm trên ngực chàng, lóa mắt Lai bằng màu tóc bạch kim tinh sạch, đưa miệng Lai chạm đụng đôi môi mềm bung nở những nụ hôn miễn phí nồng nàn. Chàng thật đẹp trai và thơm trai.

Matt nhìn lên cây cherry trái bự, hai tay vẫn đỡ Lai:

"Em thích đi chơi núi hay đi chơi biển?"

"Em thích biển hơn núi."

Lai đem chuyện về nhà mét với chị, bà An chậm chạp lên tiếng:

"Người Mỹ là giống người không ăn cơm. Lấy một người không ăn cơm như mình em có ớn không em?"

Lai hăng hái cãi:

"Dẹp những trở ngại văn hóa sang một bên đi chị. Chúng em yêu nhau đạp lên màu da, dẫm lên văn hóa. Chúng em nghĩ chúng em là hai cá nhân đồng tâm hồn, đồng tư tưởng. Hai cá nhân chúng em vượt lên lằn biên quốc gia để sống với nhau bằng trái tim quốc tế... có được không?"

Bà chị nói giọng đầy suy nghĩ:

"Ngay như người Việt Nam mình sống với nhau đây mà cũng tràn đầy kỳ thị vì căn bản của thất tình lục dục ở đời chính là lòng yêu thương ái ngã, tức là cái bản thân của mình và ghét tha nhân, kẻ không phải là mình."

Ngày cưới gần kề, bà chị vẫn rỉ rả:

"Dẹp chuyện người Tây người Mỹ sang một bên, hãy nói chuyện của người Việt Nam mình đây này. Trong số những bạn bè và những kẻ chị biết

NGUYỄN MẠNH TRINH

GIAO THỪA

Mai về thăm lại trang nhật ký
dòng biên niên gạch kẻ trống không
chẳng lẽ trên mặt mày kỳ dị
cày vết nhăn luống trán chưa xong?

thầm nhủ hãy ru ta rất nhẹ
móng tay màu đỏ gãi trên da
giọt sương tượng hình tròn giọt lệ
trong ngăn tim cửa mở thiệt thà

giao thừa uống từng ngụm bóng tối
thắp lên vai ngọn nến chưa soi
trong giọt mực có người đứng đợi
nốt nhạc sao chùng xuống khóe môi

Mai về khơi lại trầm hương cũ
lặng tiếng guốc xưa kẻ trở về
lòng như con nước ngày đang lũ
nắng vãn ai chờ một chuyến xe

hạt bụi nhỏ rơi hờ trang sách
một mình ngồi hỏi với thâm tâm
bãi gió cát vó con ngựa bạch
hí cuồng điên tim nhịp tần ngần

giao thừa như ngã tư chết sững
tiền kiếp lai sinh mấy ngõ riêng
núi ngàn năm triệu năm núi dựng
thân thế yểm phù đạo bùa thiêng

Mai về vẽ vạch đầy trang giấy
ý trắng không và ngữ vô ngôn
con dơi chao tối xám gọi vẫy
da thịt xưa răng nụ vết còn

chiếc lá vàng gọi mãi tháng hạ
em tiếng ve tôi lạc ngã đường
cây sầu đông vỏ già tơi tả
tình yêu như đã sẵn vết thương

giao thừa trên cỗ xe sơn đỏ
mốc thời gian có vạch lãng quên
năm tận cùng hoài nghi chưa rõ
xưa sau đành nhòa nhạt tuổi tên

mai về nhìn xuống vầng trăng lạ
lòng hoang mang tấc nắng đời thường
gió ơi có thổi về biển cả
cuốn giùm ta hạt cát viễn dương

lên đầu dốc, ngút ngàn năm tháng
cỏ hoang sơ phế tích dấu giày
chẳng lẽ hoài trống trơn dĩ vãng
sót lại gì trong một bàn tay

giao thừa của một đời đã cũ
đến và đi đi đến thản nhiên
tay buồn dây leo quấn cổ thụ
trổ ngược nguồn dòng lạc nhựa duyên

Mai về tưởng bóng chim tăm cá
mâm cơm cúng chén rượu rót lưng
thếp vàng hương cháy tàn tro rã
lộ phí vào thăm cõi mịt mùng

so đôi đũa mời mình tham dự
canh khổ qua rời những hạt cơm
góc bàn vuông biện bày quá khứ
răng dòn tan miếng ớt còn thơm

giao thừa có tiếng người xao xác
chợ ba mươi có buổi tận cùng
này bữa ăn hớp cay phiêu bạc
uống cho ngoan giọng hát rưng rưng

mai về mai về cành mai nở
nụ đào phai mầu biếc trong ngần
trong tâm ý có gì bùng vỡ
Thế thân. Thân thế chuyện phù vân

Tháng 11, 1994

tên, hễ ông bà nào sang Mỹ mới cặp nhau hoặc lấy nhau, là y như rằng họ sẽ bỏ nhau sau đó. Hình như ở Mỹ, người ta yêu nhau chỉ một sớm một chiều, tình yêu không thơm tho như một tô phở, mà trơ ra như hamburger."

Lai đã thao thức với hiện tại hay ngủ vùi trong chiêm bao mộng mị? Lai đã đợi chờ trong mơ hay bỏ cuộc trong tuyết? Tình nghĩa phu phụ tương kính với người đàn ông dị chủng khiến Lai rất dễ chịu và an toàn tin tưởng, nhưng Lai vẫn rất tỉnh táo để thấy rằng sau hôn nhân có một bài toán.

Lấy nhau được một tháng, Lai la lên:

"Tôi không chịu được cái thứ văn hóa gì mà kỳ cục. Vợ chồng yêu nhau đằm thắm như thế này mà tiền thì tiêu riêng. Chồng có trương mục riêng của chồng ở nhà băng, vợ có trương mục riêng của vợ ở nhà băng."

Matt ngó Lai, đôi mắt vẫn xanh như bông bắp:

"Sáng Thứ Hai, anh sẽ điện thoại cho nhà băng bảo họ thêm tên em vào trương mục của anh, hai vợ chồng đứng chung tên trong một trương mục... cho em bằng lòng."

Rồi Matt nghiêng xuống hôn Lai:

"Em là thủ quỹ giữ ngân sách gia đình. Từ nay cuối tháng lãnh lương về, anh sẽ dâng em trọn tấm chi phiếu, và từ nay, muốn tiêu một món gì, anh sẽ ngửa tay xin tiền em, cho em bằng lòng."

Lai nhìn mùa Xuân qua nét vẽ một loài rồng rắn đang nhào lộn tưng bừng sặc sỡ trong không gian và Lai muốn cầm cái đuôi đầy vẩy lóng lánh đó áp vào tai để nghe tiếng rền của con tim, của sức khỏe, của tiền bạc qua sự báo hiệu rực rỡ của thiên nhiên và thời tiết đằm thắm. Qua cửa kính trong suốt của chiếc Honda mới mua, Lai thấy một vài cây khẳng khiu mà rêu mốc đã điểm lấm tấm những giọt vàng của nụ hoa và những giọt xanh của mầm non vừa mới nhú, và cánh én rạo rực vỗ cánh bay lên từ chân đồi mập ụ, chao đảo giữa không trung, mỏ còn ngậm ngọt ngào những giọt sương mai khi bên dưới cỏ tháng Giêng mượt mà như được tráng qua một lớp bạc biếc.

Matt làm như dị ứng với thời tiết, hắt hơi ngạt mũi rồi nóng lạnh nhức mỏi.

Chàng diễn tả căn bệnh:

"Anh cảm tưởng anh như trái cà chua bị cảm cúm. Mấy ngón tay cứ rung rung như jello không đánh computer được."

Sau mỗi lần ăn bưởi ăn cam, Lai thường lấy vỏ phơi khô để dành. Lai ra vườn ngắt một mớ lá đem vô nấu chung với vỏ bưởi vỏ cam khô. Căn nhà sực lên một mùi thơm cay dịu thông mũi. Lai nấu một nồi cháo hành đập thêm chút gừng múc ra bát ngồi đút từng muỗng vào miệng Matt. Matt ăn xong, Lai thoa lên thái dương chàng chút dầu gió xanh.

Mấy tiếng đồng hồ sau, Matt kêu lên:

"Trong người anh bỗng trở nên nhẹ bỗng, thật khoan khoái dễ chịu."

Người đàn bà vỗ ngực:

"Bà lang vườn này trị bệnh bằng ngoại khoa mát tay lắm. Sẵn cây lá trong vườn, bà cứ hái vào nấu thành thuốc nên mới gọi là bà lang vườn."

Lai lau mồ hôi cho chồng bằng tấm khăn thơm mùi bạc hà, Matt cầm tay vợ:

"Anh thích ăn đồ Việt Nam, ăn vào không đầy, không nặng, không khó tiêu khó thở. Anh yêu cơm gạo thơm."

"Người Việt Nam có tục nấu cơm riêng, làm đồ ăn riêng, không trộn chung lại, ngoại trừ cơm chiên."

Matt khều tờ báo, nằm xuống đọc rồi kêu:

"Năm nay, người tị nạn Việt Nam đến Mỹ nhiều hơn năm ngoái. Tại sao quê hương của em hòa bình rồi và nền kinh tế Việt Nam đang trên đà đi lên mà đồng bào của em cứ ùn ùn bỏ nước ra đi?"

Bao nhiêu lần đi nhà thờ Công giáo hoặc theo Matt đến dự những buổi tiệc tùng đông đảo người Mỹ, Lai nhận thấy họ không thích nói chuyện thuyền nhân, chuyện di tản, chuyện đoàn tụ gia đình. Và đặc biệt người Mỹ bênh Cộng Sản.

Một ông trong nhà thờ bảo Matt:

"Miền Bắc Việt Nam, một dân tộc hiền lương nhưng quật cường, siêng năng làm việc, một dân tộc sống bằng nông nghiệp và ngư nghiệp, đánh cá và cày bừa với hai bàn tay. Vô cớ, người Mỹ văn minh máy móc xía vô, đem tàu bay tàu bò sang

NGUYỄN HÀN THƯ

MỘT TỜ THƯ CŨ

Không dưng hạ đến
Ngủ vàng trên sân
Không dưng hạ đến
Kéo ngày mênh mang

Tìm con ve nhỏ
Khóc ngày đã qua
Bóng ai vô vọng
Soi tìm tuổi thơ

Về thôi đời đã
Nhuộm trần tóc ai
Về thôi đời cũng
Chẳng nương gót người

Bóng ai chưa mỏi
Còn khua sao đêm
Còn tìm chi nữa
Sao rơi vô chừng

Cài trăng lên gác
Khêu vài cụm hoa
Bỗng ngờ đâu động
Một vùng thinh không

Bóng con cá nhỏ
Đớp bèo hoang mang
Hình như nước đọng
Mắt ai đăm đăm

Lối về ngày cũng
Rụng rơi một mùa
Huống chi đã hết
Một thời trăng hoa
Còn tìm chi nữa
Nước một dòng xa

bỏ bom tiêu diệt họ."

Lúc ấy Lai nghĩ rằng nàng đang chạm mặt những kẻ lạ trong nhà thờ, đang đứng giữa vòng vây của những người Mỹ phản chiến. Cả khuôn mặt Lai tắm nước mắt khi Lai chợt hình dung ra cả khuôn mặt của một sinh viên Trung Cộng đang tắm máu Thiên An Môn, khi Lai tự hỏi tại sao lính Mỹ đã cùng lính Quốc Gia miền Nam đứng chung trên một góc của chiến trường để cùng chung chống kẻ thù chung là Việt Cộng mà dư luận Mỹ thì: ác cảm dành cho miền Nam Việt Nam, thiện cảm dành cho miền Bắc.

Lai nát giọng hỏi Matt:

"Ngay đến người Mỹ mà còn không thông cảm người Quốc Gia chúng tôi, thử hỏi tất cả các quốc gia tự do khác trên thế giới đã nghĩ gì về chúng tôi?"

Matt im, ông trong họ đạo ở nhà thờ trả lời:

"Hiện tại người Quốc Gia có bao giờ ngắm lại cái hình ảnh cũ của mình? Cái tinh thần cũ của họ, đầu óc cũ của họ và hành động cũ của họ... Những thứ đó đã làm cho họ bỏ nước ra đi và những thứ đó đã làm cho thế giới tự do nghĩ gì về họ."

Lai vụt hồi tưởng lại vụ tắm máu Mậu Thân. Những trận pháo kích hỏa tiễn 122 ly vào khu đông dân cư Bàn Cờ và trường tiểu học Cai Lậy, thế giới tự do im ỉm, nhưng trước tấm hình ông tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn một tên Việt Cộng, thế giới tự do lên tiếng gắt gao chưa.

Lai quay lại Matt đang nằm đọc báo:

"Matthew! Nếu anh là người Việt Nam Quốc Gia, anh cũng sẽ bỏ quê hương của anh mà ra đi như chúng tôi vậy."

Anh chàng trả lời, làm như đã uống nước đái của cô đào Jane Fonda vậy:

"Trên quả đất, nước nào bị ngập ngụa trong thảm họa chiến tranh, khi chiến tranh chấm dứt, cũng lâm vào cảnh khốn cùng đói kém cả. Ở Việt Nam, Việt Cộng và Quốc Gia đánh nhau, nếu Quốc Gia thắng thì Quốc Gia cũng đưa dân chúng vào vùng đói kém khổ cực như vậy. Em đã từng kể với anh là sau đệ nhị thế chiến, một cô gái người Ý đã đem trinh tiết của mình ra để đổi lấy một khúc bánh mì."

Lai cảm thấy chút tàn dư quý giá của tinh thần chống Cộng chợt nổi dậy ngấm ngầm tức tối nên đứng dậy bước ra ngoài đổi không khí. Lai đi rẽ vào công viên ngồi xuống ghế đá.

Cả trăm con bồ câu, một lũ quạ và cà cưởng xếp cánh thủng thỉnh đi trên cỏ xanh mổ ruột bánh mì. Chú sóc nâu bước cấn cái với hai chân sau, hai chân trước ôm trái mận nhỏ. Xuống đất coi bộ ăn chưa no, lũ chim đã vội vã bay rào rào trở lên biến vào lá cây.

Lai nghe lòng hơi nguội, đứng dậy về nhà lo bữa ăn tối. Nghĩ rằng Matt còn cảm, Lai nấu một nồi cháo gà và trộn hai đĩa gỏi. Hai vợ chồng vừa ăn vừa uống rượu trước ti vi vặn nhỏ. Sau đó, họ lên lầu nằm xây lưng lại đọc sách báo. Khi Matt

buông tờ báo quay lại hôn dưới cổ Lai, vẹt đùi nàng ra thì chuông điện thoại reo.

Điện thoại réo giựt vào giờ giấc hiểm hóc này thì chỉ có người Việt Nam ới nhau thôi chứ người Mỹ ít khi gọi ai sau chín giờ tối và trước chín giờ sáng nếu không phải là chuyện cấp bách.

Lai cầm máy lên nghe giọng Vinh ngập ngừng bên kia đầu dây:

"Ngủ chưa?"

Giờ phút tôi quằn quại dưới bụng người đàn ông hơi thở nhẹ mùi cheese này, quyết không phải là giờ phút tôi hồi chánh với người đàn ông nặng mùi nước mắm hành tỏi kia.

Vinh nói chậm:

"Đang đứng ở chỗ điện thoại công cộng đây... Đang lái xe bỗng nghĩ về Lai..."

Tánh hung dữ nổi lên, Lai nạt:

"Giờ này mà còn đi đâu vậy?"

"Giờ nào cũng còn đi được hết.

Ra đi gặp vịt thì lùa

Gặp duyên thì kết, gặp chùa thì tu"

Lai vẫn thở gấp rút dưới sức nặng của Matt, vội vã nói:

"Tôi đã khuyên anh nên nuôi một con chó cho nó lẩn quẩn một bên chân."

Vinh ừ ào rồi chào Lai.

Một buổi chiều cuối tuần sau khi đem xe đi tune up về, Matt bảo:

"Em nên đi chơi xa một chuyến."

Lai chong mắt ngó lên:

"Đi chơi đâu?"

Matt nhìn ra cây Linden ngoài kia:

"Hawaii, Hồng Kông chẳng hạn, hoặc Nhật Bản, Việt Nam."

"Anh có đi không?"

"Anh muốn em đi chơi một mình thật tự do."

"Còn anh?"

"Anh có tự do riêng của anh. Hồi anh còn độc thân, mỗi năm anh đi nghỉ hè ở một nước bên Âu châu một lần."

Lai ôm mặt đâm đầu vùng chạy ra ngồi xuống dưới bóng cây Linden. Tự điển Nguyễn Văn Khôn dịch cây Linden là cây bồ đề, vậy thì cây đa bến cũ cũng là cây bồ đề chắc? Matt đuổi theo dỗ dành:

"Đối với anh, du lịch là học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu. Du lịch là phiêu lưu, khám phá. Hồi còn đi học, có năm anh ở Bresil suốt mấy tháng hè luôn..."

Người đàn ông Việt Nam trung bình không bao giờ khơi khơi mời vợ ra khỏi nhà để mình đi du lịch riêng. Người đàn ông Việt Nam trung bình không bao giờ khùng khùng khuyến khích vợ đi du hí một mình.

Lai muốn rống vào tai kẻ lạ đang chân chống chân quỳ vuốt ve mình:

"Matthew! Đối với anh, tôi không phải là một nữ cán bộ hộ lý. Đối với tôi, anh không phải là một Tề Tuyên Vương, chúng ta là vợ chồng cột cẳng cột cánh vào nhau trên cõi đời này, tôi muốn lui cui lụm cụm trong xó nhà góc bếp với anh, tôi muốn có anh xẩn vẩn vương víu bên nách bên hông, tôi muốn bước tới một bước vịn nhẹ vai áo anh, bước lui một bước ngả nghiêng té vào anh."

Ngơ ngác, Lai hình dung ra một khuôn mặt đàn ông Việt Nam, Lai nghĩ đến thân thế một người đàn ông Việt Nam ngã ngựa, mất công danh, mất sự nghiệp, xa gia đình họ hàng, bỏ quê hương, căm thù Cộng Sản. Lâu nay, Lai vẫn mặc cảm mình là người có lỗi, có trách nhiệm phần nào trong nỗi khổ tâm của một ông Vinh, ông Quang, ông Kha thất thế. Nếu Lai lấy một trong những ông ấy, có phải Lai đã an ủi, xoa dịu chút ít mảnh tâm hồn rách nát, xa xứ, cô đơn, buồn muôn thuở trên đất khách vạn nẻo đường này.

Năm giờ sáng, Matt hôn Lai, giữ Lai lâu trong tay rồi ra đi.

Lai lắc đầu từ chối cơn khóc. Lai lắc đầu không nhận những giọt nước mắt mình khóc cho mình. Lai kéo mền lên đắp ngang ngực. Lai có thói quen nằm ngủ hai tay để ra ngoài mền như vậy.

Nằm không cựa quậy một lát lâu, Lai trở dậy bước xuống bếp trở lại làm việc bình thường như mọi ngày.

Lai trông ra hàng cây đứng ớn lạnh vì mặt trời chưa mở mắt hà hơi ấm xuống. Những dáng mây nằm ngửa dềnh dàng bất động. Một cánh chim giang hồ hiệp khách đang đằng vân trên cao tít.

Quay lại, Lai ngồi trước cỗ dương cầm trong cái thế chim đáp xuống thấp, đôi cánh quàng ôm mặt phím ngà. Hai cùi chỏ Lai cách cây đàn bốn phân, mười ngón tay vững chắc nhấn nhẹ và chính xác những thanh âm của Bach, của Mozart. Thực tập như vậy ngót nửa tiếng đồng hồ, hai cùi chỏ mềm trơn hơn, những ngón tay vụt nhẩy nhót trên phím tơ với nhạc khúc "Papillons" của Schumann, Lai nghĩ đến giấc ngủ hồ điệp của Trang Tử, nghĩ đến ngàn cánh bướm bạc chập chờn bay tung bụi phấn trên mặt hồ Tây. Bướm không vỗ cánh gây tiếng động như chim mà chỉ rung nhè nhẹ như những cái chớp mắt. Qua tiếng nhạc thần tiên của Schumann, Lai nghe được cái tĩnh lặng của cánh bướm chớp chớp đậu trên hoa bí hoa bầu, thấy được cái màu sắc rực rỡ của một đàn hồ điệp kéo nhau bay. Sau khúc nhạc bướm, Lai chuyển sang nhạc buồn của Chopin, một thiên tài đã đem lòng yêu một nữ sĩ có cái tên đàn ông, George Sand.

Thanh âm của tiếng dương cầm làm Lai cảm thấy lòng lắng xuống và trong sáng hơn. Lai nghĩ đến Lỗ Trí Thâm trong bộ truyện Thủy Hử, một nhà sư phạm tửu giới, rồi Lai nghĩ đến nhân vật

chính trong truyện The Thornbird, một vị hồng y phạm sắc giới. Theo đức tin nhà Phật, hãy cứ để cho Lỗ Trí Thâm lựa chọn giữa Thích Ca và thịt chó, và, hãy phó mặc cho vị hồng y hổ mang nọ cân nhắc giữa Giêsu và gái đẹp, nếu hai kẻ tu tự do đó có căn duyên với đạo, thì kết cục cả hai sẽ giác ngộ mà hồi hướng.

Quay qua trường hợp mình, Lai nghĩ rằng giữa Lai và Matt, nếu mất nhau là cái nghiệp và nếu còn nhau, là cái duyên. Cứ tin như vậy cho xong chuyện.

Mười ngày sau Matt quay về. Chàng chạy bay lên thang lầu túm lấy Lai ngấu nghiến nói anh nhớ em, nhớ lắm. Anh xin lỗi em. Anh hối hận lắm.

Một nhà văn Việt Nam có viết: "Đàn ông Mỹ có phần thẳng thắn và sòng phẳng trong vấn đề tình cảm: có thì nói có, không thì nói không. Đàn ông Á Đông thì lòng dạ uẩn khúc hơn: lúc xoắn, lúc dãn, có có không không lẫn lộn, lúc từ bi, lúc kinh hoàng". Mù tịt tâm lý, Lai cho rằng nhà văn nọ chẳng hiểu gì khi viết và Lai cũng chẳng hiểu gì khi đọc.

Gỡ tay Matt ra, Lai lạnh lùng:

"Xin cám ơn anh đã quay về."

Matt nhấc bổng Lai lên:

"Theo đức Khổng Tử dạy thì tội anh nặng lắm và đáng bị trừng trị phải không em?"

Nhìn một tên Mỹ trắng toát tóc vàng mắt xanh nhắc nhở đến Khổng Tử và Nho giáo, lòng Lai tự nhiên mềm lại. Hai giọt nước mắt được múc ra từ tâm can, Lai thổn thức:

"Không, đức Khổng Tử dạy em phải làm cho anh có hạnh phúc."

Tên đàn ông Mỹ lanh trí lại nịnh:

"Trông em đẹp như nàng Kiều của cụ Nguyễn Du."

Lai xô Matt ra bước vào bếp. Thằng chồng Mỹ ma lanh này hiểu biết chút xíu tư tưởng của Khổng giáo và Phật giáo, biết đâu lòng hắn đang chiêm ngưỡng một tôn giáo khác là Cộng Sản giáo, và để làm lành với vợ sau khi đi du hí về, hắn sẽ tán nịnh:

"Đả đảo Cộng Sản dã man tàn ác!"

Nghe vậy chắc Lai cũng chỉ biết cười trừ.

Matt bước theo vào nhẹ nhàng nói:

"Tối nay mình đi ăn cơm Việt Nam ở tiệm "A little bit of Saigon" đi em."

Ngồi trong nhà hàng thanh lịch được tiếp đãi ân cần, mặc kệ Matt loay hoay với mấy cuốn chả giò, Lai ăn một tô bún bò cay thấu xương và tráng miệng một ly chè ba màu ngọt lọt tới xương luôn!

Về nhà, Lai nghiêm mặt bảo Matt:

"Lấy Mỹ không phải chỉ để coi ti vi với làm tình. Anh có nghĩ đến chuyện ăn ở lâu dài với em không? Hãy cho em biết em có những khuyết điểm nào để em cải thiện."

Đàn ông Mỹ cũng nịnh tài ăn mắm mút xương như đàn ông Việt vậy:

"Em là cô gái Sài Gòn hòn ngọc viễn đông, em không có khuyết điểm tì vết gì hết trơn hết trọi."

Lai nghĩ thầm Seattle là thành phố ngọc bích, Sài Gòn là hòn ngọc bẹt tức là hạt trai. Hai thứ ngọc tuy gần gũi nhưng hai thành phố thì quá xa, và xa hơn nữa là hai tâm hồn kẻ Mỹ người Việt không đồng điệu.

Đêm hôm đó, sau khi hai vợ chồng làm tình, Lai ngậm ngùi:

"Đừng dùng nhau để giải quyết sinh lý. Theo truyền thuyết Việt Nam thì em sẽ giữ mãi trong bụng em những giọt ngà của anh cho đến ngàn sau. Theo truyền thuyết Tàu thì vừa rồi anh đã thả vào bụng em một bầy lăng quăng. Bầy lăng quăng này sẽ bơi lội hụp lặn trong bụng em mãi mãi cho đến khi em chết xuống đất."

Matt cười khì vỗ vào bụng dưới của Lai:

"Té ra đây là một cái hồ bơi hả?"

Lai thở dài:

"Chúng ta xa nhau quá về tâm hồn phải không anh? Hãy lấy thí dụ một bản nhạc Việt Nam chẳng hạn, một bản nhạc Việt Nam được đặt bằng ký âm pháp Tây phương và được đánh lên trên tiếng đàn dương cầm, hoặc guitar, hoặc được kéo bằng violon, hoặc được hát qua giọng ca sĩ... Anh có yêu được bản nhạc đó không? Đó là sự khác biệt sâu xa trong cõi tâm hồn chớ không phải ở ngoài màu da."

Lai quay lưng lại nhắm mắt để ngủ và quyết định ngày mai phải làm vườn, ngày mai không được lười biếng. Ngày mốt cũng là một ngày để hoạt động, hoạt động không ngừng. Sáng hôm sau, vừa thức giấc, Lai bước xuống kho chứa đồ, xắn tay áo kéo cái máy cắt cỏ ra.

Matt cầm ly nước cam rượt theo kêu lớn:

"Anh pha nước cam cho em đây. Vào nhà ăn sáng đã."

Ngày đã bắt đầu với cái hôn của nắng. Lai kéo tấm màn cửa qua bên, Matt cầm cái chảo nói:

"Anh chiên cơm cho em ăn sáng nhé! Trước hết, cho vào mấy muỗng dầu hả em?"

Lai đưa tay ra:

"Hôm nay để em cắt cỏ, anh thực tập làm món cơm chiên vậy. Mở đầu, anh nên biết qua sự tích của cơm chiên đã. Ngày xưa vào một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo, có ba anh nông phu vác cày ra đồng làm việc cho đến khi đói meo mới mò về. Mấy chị vợ đều đi vắng để bếp núc trống trơn tiêu điều. Anh Tran vào trong bưng ra một nồi cơm nguội. Nhà bên cạnh, anh Ly lục tủ bếp chỉ còn mấy củ cà rốt và vài cọng hành, tép tỏi. Nhà trước mặt, anh Vũ cũng mở cái cũi đựng đồ ăn tìm thấy

LƯU VĂN VỊNH

THỔI NÓNG

Hỡi cô má lúm đồng tiền
tôi làm hành khất lạc quyên nụ cười
tôi đi nhặt cánh hoa rơi
gió xuân thổi nóng từ môi em nồng
rơi từ răng trắng như bông
cuống tim ai cấn phập phồng từng cơn

một miếng thịt lợn. Ba anh mới họp nhau lại bàn cãi. Trước hết, anh Ly đập hành băm tỏi và cắt củ cà rốt ra từng miếng vụn. Trong lúc anh Vũ thái thịt thì anh Tran nhóm bếp. Trên ngọn lửa hồng, lúc chảo thịt kêu xèo xèo là lúc mỡ chảy ra. Anh Ly múc mấy muỗng mỡ để phi hành tỏi xào cà rốt cho thơm. Anh Vũ trộn chung thịt và cà rốt lại nhường cái chảo cho anh Tran rang cơm nguội.

Họ trộn chung cơm, thịt và cà rốt lại thành món cơm chiên. Trong lúc ngồi ăn chung, họ chạnh lòng nghĩ đến vợ giờ này đang trên đường về nhà đói lạnh, họ bèn để dành cho mỗi chị một chén cơm nhỏ."

Matt hỏi:

"Tại sao phong tục Tàu và phong tục Việt Nam giống nhau quá độ như vậy?"

"Ngày xưa Việt Nam bị Trung Hoa cai trị, Sĩ Nhiếp đem văn hóa Tàu truyền dạy dân Việt."

Buổi trưa, hai vợ chồng uống nước cam và ăn nốt chỗ cơm chiên còn lại. Sáng Chủ Nhật, Lai dục Matt đi nhà thờ rửa tội sớm hơn thường lệ. Lai đệm đàn cho phần thánh ca. Sau hai giờ hành lễ, ông Mỹ phản chiến tên là Bryan tìm Lai nói chuyện:

"Lai có thể làm một bữa ăn cho bốn trăm người ăn được không?"

Matt xông tới lập lại:

"Bốn trăm người ăn."

Bryan tiếp:

"Đó là việc thiện nhà thờ phải làm. Nhà thờ chịu chi phí hai trăm đồng... hai trăm đồng."

Lai kêu:

"Hai trăm đồng thì chỉ mua được hai trăm cái bánh bao thôi."

Bryan năn nỉ:

"Bà chịu nhận công tác này để giúp nhà thờ đi. Nhà thờ muốn khoản đãi bốn trăm người già ăn cơm Á châu."

Matt nhanh nhẩu:

"Hay là em làm món cơm chiên vậy."

Lai nghĩ là Matt đã nhận lời rồi. Thỉnh thoảng Matt vẫn đề nghị Lai nên biểu diễn nghệ thuật đánh đàn, nghệ thuật nấu ăn để thu phục cảm tình của người Mỹ trong nhà thờ, xóa tan những huyền thoại cũ như là "người Việt Nam thờ vua King Tut, người Việt Nam có ba con mắt, con mắt thứ ba ở trên cái mũi..."

Matt ngó Bryan gật đầu:

"Được, chúng tôi sẽ làm đủ bốn trăm phần ăn."

Hai ông họ đạo khác bước tới hỏi Lai dăm ba câu về âm nhạc cổ điển. Bà thích Schumann lắm phải không? Còn Brahms với Chopin thì sao? Mỗi ngày bà thực tập bao nhiêu Etude? Khi biểu diễn dương cầm trước một lớp thính giả, bà có cầu nguyện đức Chúa giúp bà đánh đàn thật đúng không bị vấp phải một nốt nhạc ở Etude thứ bảy? Mười ngón tay chảy trên phím đàn như một dòng nước, bà có đóng bảo hiểm cho hai bàn tay của bà không?

Matt phổng mũi nhìn Bryan và Bruce:

"Vợ tôi hận nhóm người Mỹ phản chiến lắm. Vợ tôi bảo rằng họ thiên vị Cộng Sản."

Tự nhiên, Lai nghe lòng nổi lên một cơn cải lương. Cải lương làm cho khán giả khóc, tại sao Lai không làm cho nhóm người Mỹ này cảm thông nỗi đau khổ oan khiên của người miền Nam Quốc Gia trong cuộc chiến vừa qua?

Ở miền Nam, nói đúng, không phải chỉ có một khối Quốc Gia, mà còn có một khối khác, không theo Cộng Sản, cũng chẳng theo Quốc Gia, xin tạm gọi đó là khối lý tưởng. Chiếm đại đa số trong khối lý tưởng này là phong trào tranh đấu chống chính quyền miền Nam, và, nòng cốt của phong trào này là sinh viên Huế, và nhà sư Thích Trí Quang.

Thời kỳ hậu Genève 1954, những anh hùng dân tộc, và cũng là những anh hùng hung ác Việt Nam lập đầu công trong mặt trận chống Pháp đều ở lại miền Bắc với chiến tranh, vì vậy, miền Nam không có nhân tài lãnh đạo quốc gia, không có một vị lãnh tụ nào có thể gọi là đối thủ ngang tay với Hồ Chí Minh. Nhưng nếu nghĩ một cách khác, Hồ Chí Minh vẫn có đối thủ, một đối thủ vĩ đại tức là ông tổng thống lông lá trụ trì ở Hoa Thịnh Đốn.

Ở miền Nam, phe tranh đấu xuống đường tuyệt thực, biểu tình, hoan hô, đả đảo, đập phá... Phải chăng lý tưởng họ là để kêu gào một vị chân chúa xuất hiện ở miền Nam, một vị nguyên thủ kiêm toàn tài đức?

Cộng Sản miền Bắc có chính nghĩa là đuổi Mỹ. Quốc Gia miền Nam có chính nghĩa là chống Cộng.

Đem hai chính nghĩa ra so sánh thì chính nghĩa đuổi kẻ xa lạ của miền Bắc nghe nó kêu, nó bùi tai như nhạc tiền chiến và nó kiêu hùng; còn cái chính nghĩa chống Cộng nghe nó không mùi, nó không thơm phức lên để thế giới chú ý tới. Nhưng, đó là nhìn từ bên ngoài; bên trong, chủ nghĩa Cộng Sản là bạo hành và phóng tay giết người, và, chính nghĩa của miền Nam là tiếng nói tự vệ muốn có một chút hòa bình, một chút tự do.

Bruce ngắt lời:

"Tôi đã xem nhiều phim ảnh rồi. Ở miền Nam, tại những vùng đất mà Quốc Gia không kiểm soát được thì lính và công an của Quốc Gia có độc ác không?"

Lai tự bào chữa:

"Có. Đó là sự thua cuộc của miền Nam. Miền Nam bại trận ngay tại những chỗ đó, chớ không phải khi Cộng Sản đã chiếm được Sài Gòn rồi, miền Nam mới thất thủ. Nếu miền Nam kiểm soát được những vùng không kiểm soát được đó, thì đất nước tôi vẫn được chia đôi, chúng tôi vẫn có một nửa quê hương để sống, sống riêng trong hòa bình."

Lai ướt mắt quay sang Matt:

"Matthew! Năm ngoái, vợ chồng mình đã bỏ ra một khoản tiền để sửa nhà. Ông thợ mộc lãnh phần sửa chữa đã nói rằng: số tiền trả công lao động cho thợ gấp sáu lần số tiền mua vật liệu. Từ đó suy ra, sau năm 1975, Cộng Sản giam nhốt người Quốc Gia vào các trại cải tạo để dùng họ làm nhân công trong công tác tái thiết và trùng tu xứ sở. Theo báo chí ngoại quốc thì bây giờ, nền kinh tế Việt Nam đang khởi sắc, vậy thì, công lao của tù binh cải tạo đổ ra để trùng tu và tái thiết nền kinh tế có đáng kể không?"

Cũng một ông Bruce trả lời Lai:

"Thì họ đã được chính phủ Hoa Kỳ can thiệp cho sang Mỹ hưởng thụ cuộc đời."

Lai cãi:

"Cuối cùng, khi họ như con ngựa già vô dụng rồi mới được đi Mỹ để học tiếng Anh. Các ông là người Mỹ, các ông không biết học tiếng Anh là một công tác cam go hóc hiểm nhất trên cõi đời này. Nếu tôi được sinh ra và lớn lên ở Mỹ thì tự nhiên tiếng Anh thấm vào miệng tôi, nhưng, bởi hơn ba mươi tuổi rồi tôi mới đi Mỹ, nên tôi không thể nào nói được tiếng Anh đúng giọng cho người ngoại quốc hiểu. Một bà bạn của tôi, trước kia là giáo sư Anh văn dạy trung học, năm 1975 sang Mỹ, bà lấy ngay một người chồng Hoa Kỳ, thế mà cho đến bây giờ, bà ấy vẫn không dịch nổi một bài hành của nhà thơ Thanh Nam sang tiếng Mỹ."

Bryan thân ái cầm tay Lai:

"Bao nhiêu năm qua rồi, hận thù sao không xóa bỏ?"

Nhắc đến Thanh Nam, Lai rơi nước mắt bùi ngùi:

"Thù đã hết, chỉ còn tình. Tôi bây giờ là kẻ đứng ra bên lề để nhận xét phân biệt thiện ác. Nếu các ông đọc được thiên hồi ký từ các trại tù cải tạo của giáo sư Lê Văn Thành là "Glory and Disgrace", các ông sẽ khóc giùm cho người tù cải tạo ăn cơm dưới mưa dầm, dòng mưa chảy qua vành chiếc nón họ đang đội xuống bát cơm trộn muối làm cho hạt cơm sình trương ra... Rồi có lúc làm lụng ngoài đồng, người tù cải tạo may phước bắt được con ếch, con dơi, hoặc con chuột bự thì mấy tên quản giáo coi tù tịch thu ngay, viện cớ rằng những con vật đó sống trên ruộng lúa của nhà nước, đó là của công, thuộc về nhà nước. Rồi sau đó, bọn chúng đem những con vật đó về nhà riêng nướng ăn với nhau."

Lai nhìn quệt nắng nửa ngày lung linh trên vách nhà thờ nói tiếp:

"Bây giờ, thử nhìn lại và so sánh hai lớp tuổi trẻ cùng thế hệ, thì ở miền Nam: Lớp tuổi trẻ may mắn được đi học ở thành phố thì xuống đường tranh đấu chống chính quyền thối nát tham nhũng, còn lớp tuổi trẻ kia nghèo, thiếu học, rủi ro, phải đi lính để chết cho miền Nam. Tôi yêu thương miền Nam qua cái chết của lớp lính trẻ... Miền Nam, một quốc gia tuy yếu sức, phải thất trận, nhưng là một quốc gia văn minh và đã theo đúng những đạo luật về nhân quyền và công bằng do quốc tế đặt ra, chứ không phải là một quốc gia đã sử dụng những đạo luật riêng do quốc gia đó tự đặt ra."

Sau buổi lễ, Matt nhẹ đẩy vai Lai ra về và đưa tấm chi phiếu hai trăm đồng cho Lai:

"Em đã nghĩ ra món ăn gì chưa?"

"Em sẽ hỏi ý kiến bà chị và sẽ cầu cứu bà đến giúp một tay chứ một mình em làm sao xuể."

"Chỉ có hai trăm đô la mà đòi món ăn Việt Nam với bốn trăm người."

"Tại anh nhận lời chứ ai!"

Tuy nói vậy nhưng Lai đã nghĩ ra món ăn rồi, một món ăn Việt Nam rẻ tiền nhất, nhưng không kém phần ngon lành và Lai sẽ làm lấy một mình không cần ai phụ giúp. Đó là món trứng đúc với thịt băm, mộc nhĩ, bún tàu. Chỉ có món đó mới hợp với số tiền hai trăm đô la chi ra cho bốn trăm khẩu phần. Món trứng đó sẽ được đúc trong những chiếc khuôn đổ bánh thật lớn đút vào lò. Như thế là nhanh nhất và gọn nhất.

Hôm đãi ăn, Matt bê cả chục thùng cơm to tướng đến nhà thờ. Trong lúc các ông trong họ đạo kê bàn ghế thì các bà phụ giúp Lai hấp cơm cho nóng, xới ra đĩa giấy, gắp miếng trứng đúc đặt vào. Mỗi đĩa cơm được kèm theo một lon nước ngọt. Trông cũng khá tươm tất.

Bà Brenda vỗ tay:

"Bữa ăn thành công!"

Bà Carol khen:

"Bữa ăn rẻ tiền nhưng ngon quá! Làm bếp khéo quá!"

Matt nở mũi cười:

"Anh thật tự hào vì em."

Về nhà, Lai nằm duỗi dài cho thân thể liền lại, Matt lẩm nhẩm tính toán:

"Tiền mua thực phẩm hết một trăm đô la, tiền mua nước ngọt hết năm chục đô la, tiền mua đĩa giấy, khăn giấy và linh tinh lặt vặt hết ba chục đô la... Còn thừa hai chục đô la mình bỏ túi không trả lại nhà thờ em ơi!"

Lai cười:

"Đức Khổng Tử dạy rằng...:"

Matt khoát tay:

"Em thì đức Khổng Tử nói gì cũng nghe hết, làm như là người ta nghe supervisor với manager trong sở nói vậy."

"Ông Khổng Tử là bá chủ ở phương Đông. Ổng là mặt trời Đông phương. Ổng nói ra câu gì ai cũng phải nghe hết, dù người theo đạo Phật, hay người theo đạo Chúa, đạo Bờ Hai... gì gì cũng phải nghe ổng hết. Quyền hành của ổng lớn lắm mà."

*

Lai xếp sách vở cho vào túi đứng lên ra khỏi lớp tiến về bãi đậu xe, nghĩ đến lời giảng của bà giáo: "những nốt nhạc này phải được đánh lên trong một phần bảy mươi hai của một giây đồng hồ". Trong một giây đồng hồ, Lai phải đánh bảy mươi hai nốt nhạc của bản hòa âm này, như vậy là phản thiên nhiên vì tiếng động sao lại đi mau hơn ánh sáng. Sấm và chớp, sấm không thể nghe trước chớp được.

Đã ba tháng nay Lai theo học lớp nhạc. Lai về nhà không có Matt, liền đi thẳng vào bếp thấy một mảnh giấy dán vào tủ lạnh:

Lai,

Anh đi nghỉ hè ở Luân Đôn. Anh xin lỗi không nói cho em biết trước.

Matthew.

Lai đứng yên một chỗ với cơn giận cháy gan nổ phổi, một cơn giận có lửa, có khói và Lai tưởng mình như đang chớp nhoáng bốc hơi.

Một lát sau, Lai xé vụn tờ giấy rồi bò lên lầu. Cơn nóng Trương Phi hừng hực trong người, nghẹt tức cổ họng. Lai nuốt giận, nuốt hơi, nuốt không khí. Mấy câu hỏi chợt cong lên như những cái móc. Căn nhà này trị giá mấy trăm ngàn đây? Số tiền Matt gửi ở ngân hàng đã lên tới bao nhiêu? Từ ngày bước thêm bước nữa Lai đã sắm tất cả mấy món nữ trang và mấy chiếc xe hơi?

Lai bước vào phòng ngủ coi tất cả đồ đoàn có còn nguyên không. Tới tuổi tất kinh xương cốt mục rã hết rồi, Lai cựa quậy yếu ớt rồi ngồi tĩnh tọa trên tấm thảm.

Sau một đêm suy nghĩ, Lai quyết định ra đi. Thôi bây giờ hãy tin vào quả nghiệp vậy. Nghiệp, chỉ có căn bản này mới giải thích được cái lẽ đắc thất của cuộc đời, mới trợ giúp con người tập sống quen với những biến cố và những thảm kịch không thể tránh né được của cuộc đời. Lai lấy Mỹ cũng là một cái nghiệp vậy. Một trái nghiệp nho nhỏ, có lẽ chỉ bằng trái táo đỏ rói vừa vặn cho Lai cầm trong tay. Thôi thì cứ tin như vậy cho xong chuyện chứ Lai không hiểu vì sao cái nghiệp đến, từ đâu nó xuất hiện, và tận đâu thì nó bỏ đi. Lai không ngờ nó đến quá phũ phàng như vậy, bởi mới hôm qua và hôm kia Lai vẫn còn đàn hát tưng tưng hí hửng.

Lai bước ra vườn sau từ giã vạt rau thơm rau húng Lai đã tận tụy trồng tỉa từ khi mới mua nhà cho đến bây giờ. Rau tần ô ngã ngang ngã dọc. Rau kinh giới ngọn ngắn ngọn dài. Rau tía tô tím thương tím nhớ. Sáng hôm nay lòng rau cay đắng, tâm hồn rau bâng khuâng ngậm ngùi bởi trái tim rau đang trĩu nặng cuồng nhớ trắng yêu đương.

Mái tóc Lai hoang phế tiêu điều, khép đôi mi ướt Lai nghĩ rằng có lẽ người Mỹ yêu đương nhau với những mối tình thiếu thơ mộng hoặc chỉ đẹp vừa phải thôi, vì nước Mỹ không có chiến tranh. Việt Nam là một trong những quốc gia độc quyền sản xuất chiến tranh và cái chết nên đã có những mối tình đẹp cực độ.■

Aloha ngày 24 tháng 10, 1994

(Trích truyện dài Chiều qua sông Columbia)

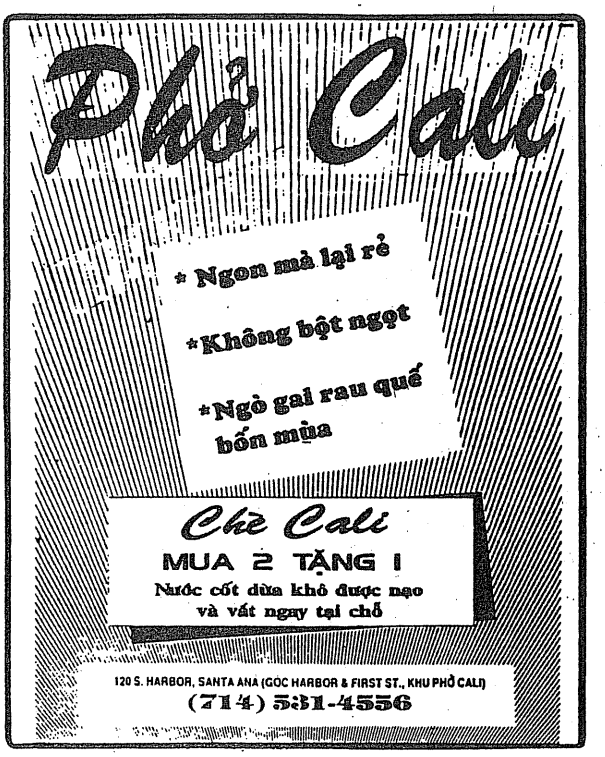

NHÂN ĐỌC "SO SÁNH MỘT SỐ TỪ VIỆT-TRUNG-NHẬT"

THANG MA

Trong mấy số báo TK21 vừa qua (các số 62, 63, 64, 65), có bài của ông Đỗ Thông Minh bên Nhật về việc dịch từ chuyên viên Anh-Hán-Nhật-Việt. Việc làm của ông Minh rất đáng khen ngợi, vì tiếng Việt sẽ thêm phong phú và hy vọng sẽ được chuyển hóa các từ ngữ chuyên môn (thuật ngữ). Số TK21 tháng 9-94 xuất hiện bài "So sánh một số từ Việt-Trung-Nhật" làm tôi chú ý nên viết ra đây ít nhận xét nho nhỏ, mong góp vui với bạn đọc cùng ông Minh, tác giả bài trên.

Trong đoạn bàn chữ "*chung cư*" hay "*chúng cư*", tác giả bài "So sánh..." cho biết người Trung Quốc gọi là "*Công ngụ kiến trúc*" hoặc "*Công ngụ phòng ốc*". Có lẽ ông Minh dùng lời giải thích của mấy cuốn tự điển Hán-Nhật (Hán-Hòa). Thật ra "công ngụ kiến trúc" hay "công ngụ phòng ốc" ý chỉ cái "*tòa lầu chung cư*", nhấn mạnh ý tòa nhà (building) hơn là nơi ở. Người Việt ta nói "*Tôi ở chung cư Nguyễn Kim*" chứ ít ai nói "*Tôi ở tòa lầu chung cư Nguyễn Kim*". Cũng thế người Trung Quốc dịch là "*Ngã trú tại Nguyễn Kim công ngụ*" hơn là "*Ngã trú tại Nguyễn Kim công ngụ kiến trúc*". Do đó từ Việt "*chung cư*" chỉ là "*công ngụ*" trong tiếng Tàu mà thôi.

Hầu hết các phần khác trong bài "So sánh..." tôi có phần đồng ý với tác giả Đỗ Thông Minh. Trong bốn quốc gia chịu ảnh hưởng Khổng Mạnh: Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Đại Hàn, tiếng Hán cổ đại trong quá khứ được giới sĩ phu cả bốn nước dùng chung như tiếng Latinh ở Âu châu. Vì vậy từ ngữ trong tiếng Việt, Nhật, Hàn mang rất nhiều tiếng Hán. Tuy nhiên, cách dùng tiếng Hán của bốn nước không hoàn toàn giống nhau, mà nhiều lúc còn khác nhau rất xa. Như ông Minh nêu ra, ta nói "học hành, học tập". "chung cư", bên Nhật Bản "miễn cưỡng" "đoàn địa" thì dù ta có hiểu chữ Hán đi chăng nữa cũng thấy người Nhật dùng chữ kỳ cục, lạ lùng quá. Điều này không phải chỉ dân Đông Á mới có, mà ngay ở tiếng Tây phương cũng hiện hữu. Chẳng hạn trong tiếng Anh và Pháp có rất nhiều chữ gốc Latinh, viết hoàn toàn giống nhau nhưng cách dùng và nghĩa đôi khi rất khác biệt. Đây là một hiện tượng thông thường trong sự vay mượn từ ngữ giữa các dân tộc nói tiếng khác nhau.

Cụ đồ Việt Phan Bội Châu là một bậc khoa cử nước ta nổi tiếng hay chữ (dĩ nhiên là chữ Hán cổ đại), đầu thế kỷ 20 bôn ba Trung Quốc, Nhật Bản gặp cụ đồ Tàu Lương Khải Siêu. Cụ Phan tặng cụ Lương cuốn "*Việt Nam vong quốc sử*" viết bằng tiếng Hán để mong thố lộ với dân Tàu hiện tình nước nhà dưới thời Pháp thuộc. Cụ Lương cho đăng báo Tàu mà phần giới thiệu lại "dám chê" cụ Phan ta viết chưa "thông... lắm", lại còn "kém nhã thuần". Ấy là vì Lương Khải Siêu không am tường cách dùng chữ Hán của dân Việt ta, và Phan Bội Châu cũng chưa quen lắm với cách dùng chữ Hán của Trung Quốc vào đầu thế kỷ này. Vì vậy trong chương trình Hán Nôm của Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, các sinh viên sau năm đầu học Hán ngữ xong, học tiếp các lớp "Hán Văn Trung Quốc", "Hán Văn Việt Nam" để mà hiểu sự khác biệt. Dĩ nhiên Hán văn ở Tàu và Việt cùng chung gốc... Tàu, nên đại đồng tiểu dị. Đa số các "tiểu dị" nằm ở dụng ngữ và phong cách viết (usage and style). Giống như lối nói và viết của người Việt hai miền Nam Bắc. Một người Việt có căn bản đọc Phạm Quỳnh (Bắc) và Hồ Biểu Chánh (Nam) thì ắt phải thấy sự khác nhau. Ta cũng có thể thấy điều này trong tiếng Mỹ (American English) và tiếng Anh (British English). Giả dụ ông Phạm Quỳnh cả đời chỉ ở Bắc, làm báo theo kiểu Bắc (tôi chỉ giả dụ thôi nhé) lần đầu tiên đọc văn "rặt miệt vườn" của cụ Hồ Biểu Chánh thì chắc nhăn mặt lắc đầu. Lương Khải Siêu đối với cụ Phan Bội Châu ta cũng vậy.

Đến đây có lẽ bạn đọc thắc mắc tại sao tôi có thể so sánh như trên. Phải cần để ý rằng cho đến đầu thế kỷ 20 này, tiếng Hán cổ đại ở Việt Nam được giới sĩ phu coi như quốc hồn quốc túy chứ không phải một thứ ngoại ngữ như ta học tiếng Anh, Pháp... ngày nay. Đó là thứ ngôn ngữ bác học của triều đình và khoa cử. Ở Trung Quốc cũng vậy, thứ tiếng này khác xa văn nói hằng ngày của người Tàu. Cho nên một thư sinh Tàu và một anh học trò Việt thời đó khi học chữ Nho, như các cụ ta gọi, đều có cảm giác giống nhau là học chữ thánh hiền, cho đến cả Tứ Thư, Ngũ Kinh nhất nhất cùng học,

cùng ngâm Đường Thi, xướng Tống Từ, cùng viết văn bài phú tụng như nhau. Cho đến Ngũ Tứ Vận Động (phong trào cải cách văn học ở Tàu ngày 4 tháng Năm 1919) thì giới trí thức Trung Quốc bỏ lối viết xưa như các cụ ta mà theo lối nói sao viết vậy (Bạch Thoại). Ở Việt Nam, chữ Nho cũng chết dần, thay vào đó là chữ quốc ngữ vần a, b, c. Trong bốn quốc gia Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Đại Hàn (đồng văn tứ quốc) chỉ có dân ta ngày nay rất ít người đọc được chữ Hán. Văn tự ngôn ngữ ở Nhật Bản còn dùng rất nhiều tiếng Hán nên ai cũng đọc được.

Chữ nghĩa và tập quán

Phần cuối bài "So sánh...", ông Đỗ Thông Minh có đưa ra một thí dụ về việc đảo ngược thứ tự của các từ Hán trong tiếng Nhật, điều này cũng có trong tiếng Hán-Việt. Ông Minh cho biết từ "*giới thiệu*" ở Nhật viết là "*thiệu giới*" (shôkai). Sự thật thì "*thiệu giới*" gốc ở Trung Quốc và trong văn học cổ đại Trung Quốc thỉnh thoảng xuất hiện, tuy cách dùng không thông dụng như từ "giới thiệu". Người Nhật sang Tàu du học từ đời nhà Đường và mang về xứ họ chữ Hán. Ngày nay rất nhiều từ Hán dùng trong tiếng Nhật là các từ cổ của Trung Quốc. Ở Việt Nam ta cũng vậy. Trong lúc đó tiếng Hán ở Trung Quốc tiến hóa dần thành ra có sự cách biệt về dụng ngữ. Hiện nay đa số người Nhật và Tàu tin rằng từ "*thiệu giới*" là chữ Hán do Nhật đảo ngược. Mở bộ "Từ Hải" của Trung Quốc ta tìm được từ "*thiệu giới*" ("Từ Hải" chú: "*thiệu giới*" cũng viết là "*giới thiệu*"). Từ "thiệu giới" được giới trí thức Tàu dùng lai rai cho đến đầu thế kỷ 20 mới chết hẳn. Văn hào Lỗ Tấn, một "nhà cách mạng văn học đổi mới Trung Quốc nhưng có một lối hành văn rất cổ" trong bài "Đáp Quốc Tế Văn Học Xã Vấn" có viết: "Vì tôi muốn *thiệu giới* tới Trung Quốc nền văn học..."

Tôi vẫn luôn quan niệm rằng cách dùng từ phải đi đôi với tập quán đa số. Chẳng hạn ông Minh đặt vấn đề chữ "*thông qua*" hay "*thông quá*". Đành rằng theo gốc Hán từng âm một thì "*thông quá*", nhưng tiếng Việt chỉ biết đến "*thông qua*" thôi. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh về phần âm đọc sao cho thuận tai vì tập quán. Từ "*tin tức*" cũng vậy. Một người Việt rành chữ Hán thì biết nó chính là "*tín tức*", nhưng dân ta bao năm nay vẫn đọc "*tin tức*". Thêm từ "*Hợp Chủng Quốc*" hay "*Hợp Chúng Quốc*". Đa số người Việt lầm chữ "*chủng*" ở đây là "chủng tộc" nhưng phần chữ Hán người Tàu viết "*chúng*" (đông). Hợp Chúng Quốc dịch sát chữ United States tức là nhiều nước họp lại. (Thực ra "*Hợp Chủng Quốc*" dùng kiểu Việt có lý hơn, vì nước Mỹ đặc tính là nhiều chủng tộc, "Multi-racial"). Mà có lầm như thế cũng đâu hại gì.

Các từ trên ông Minh nêu ra thì tôi xin thưa như thế này, dân ta đã dùng các từ này từ hồi đầu thế kỷ khi mà giới trí thức sĩ phu Việt còn rành tiếng Hán, họ biết sự khác biệt chứ, mà cố ý đọc thế là vì sao? Có lẽ là cho êm tai. Các ngôn ngữ âm điệu (tonal languages) đôi lúc có sự biến điệu để đọc cho nhẹ nhàng. Thí dụ từ "*thông qua*", tiếng Trung Quốc phát âm "*tòng guò*", nhưng khi đọc mau lướt đi thì biến thành "*tông guo*", chữ "guò" (quá) đã mất dấu "huyền". Do đó sự sai biệt với các tiếng Hán chính gốc của mấy từ trên không phải do ta dùng không chuẩn, mà có lẽ do âm tiết thuận tai nên các cụ phát âm như thế. Trong vấn đề xác định cách dùng từ trong tiếng Việt, ta không nên sính Hán quá. Truy tầm từ nguyên là để hiểu chứ không hẳn để dùng. Dùng phải do số đông tập quán lâu năm mà ra. Dụng ngữ tiến hóa theo xã hội.

Từ ngữ điện toán ở Việt Nam dịch "hardware", "software" là "*phần cứng*", "*phần mềm*". Hai từ này càng ngày càng phổ biến trong nước. Kiều bào hải ngoại đọc nghe thật chõi mắt chõi tai. Nhưng nếu đa số chấp nhận thì cũng chịu thôi. Mà có lẽ hai từ này đang chiếm ưu thế trong nước. Danh từ "nhu liệu", "nhuyễn liệu" có gì hay và đúng hơn "phần mềm"? Tôi nghĩ lần đầu tiên các từ Anh ngữ "*software*", "*bug*", "*boot*"... trong kỹ thuật điện toán được đưa ra chắc cũng đã làm nhiều người Anh Mỹ khó chịu. Trong khoa học kỹ thuật, tiếng Việt ta cần tạo từ mới, đó là điều cần thiết. Tác giả Đỗ Thông Minh đang làm chuyện này. Thật đáng khích lệ. Tuy nhiên khi xét lại các từ mà dân ta đã dùng bao năm nay thì chỉ nên xét trên diện quy ước thói quen, dù rằng nhiều từ hiện đại đã phai mờ và mất đi cái nghĩa của từ gốc. Trong bất cứ tiếng nói nào cũng thế. Ngôn ngữ Anh Pháp có nhiều từ thoát thai gốc Latinh mà nay người Anh Mỹ dùng một đằng, người Pháp dùng một nẻo. Ngay cả trong tiếng Anh Mỹ cũng không đồng nhất. Cái thang máy của ta là "elevator" của Mỹ, mà chàng Anh Quốc lại gọi cái "lift". Đấy là sự đa diện, phức tạp của tiếng nói con người mà các nhà ngôn ngữ học đã mỹ từ hóa là "tính uyển chuyển" (flexibility).

Chữ nghĩa bị "Mao hóa"

Về phần "*phản ảnh*" hay "*phản ánh*", tác giả Đỗ Thông Minh giải thích nghĩa thật rõ ràng. Mọi người đều biết từ "*phản ảnh*" dùng trong Nam trước 1975, và "*phản ánh*" của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Tôi không xét cái nào hay hơn, đúng hơn. Chỉ trình bày ý kiến như thế này: Tiếng Việt hiện đại từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 khi báo chí quốc ngữ xuất hiện cho đến khoảng 1950, trong khoảng thời gian năm mươi, sáu mươi năm dài này từ "*phản ảnh*" đã được dùng từ Bắc chí Nam. Từ

mấy ông Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh phát triển nền báo chí cho đến các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn đi tiên phong, đa số những vị này ở miền Bắc mà có ông nào viết hay đọc "*phản ánh*" không? Hay chỉ có "*phản ảnh*"? Nếu ta thảo một chương trình điện toán đến tần số sự dùng từ "*phản ảnh*", "*phản ánh*" cho đọc tất cả báo chí sách vở chính yếu từ năm 1900-1950 in ở Hà Nội. Tôi đoan chắc từ "*phản ảnh*" chiếm tuyệt đại đa số. Điều này cho thấy hai mươi năm của miền Nam, chúng ta dùng từ ngữ Hán Việt tiếp tục cái truyền thống, quy ước mà các cụ các bậc đàn anh đi trước đã dùng. Người Cộng Sản Việt Nam cuối thập niên 40, đầu thập niên 50 du nhập tư tưởng Mao Trạch Đông mang theo nhiều tiếng Tàu như "*phản ánh, quán triệt, bộ đội, võ trang tư tưởng, tranh thủ...*", và họ loại bỏ nhiều từ Hán Việt mà cha ông ta dùng quen, cho rằng phong kiến. Miền Bắc đã giết chết từ "*phản ảnh*" mà cha ông ta đặt ra dùng, rước cái "*phản ánh*" của Mao. Nay thì từ "*phản ánh*" di tản ra nước ngoài, khiến nhiều cây bút miền Nam cũ cũng thời thượng mà "*phản ánh*" theo. Nghĩ tội nghiệp cho "phản ảnh"! Nếu quen rồi thì phải chịu vậy.

Ở Trung Quốc đại lục sau năm 1949 khi Mao Trạch Đông chiếm chính quyền, người Cộng Sản có cả một chương trình thay đổi cách dụng ngữ. Từ chữ viết, chữ in trong ấn loát. Giản hóa các từ nhiều nét. Gạt bỏ các từ nghe có vẻ truyền thống vì họ cho là phong kiến. Đến nay đọc văn của đại lục và Đài Loan thấy khác nhau. Đều là tiếng Hán cả mà đại lục dùng đúng hay Đài Loan dùng đúng? Thế thì viết "*phản ảnh*" theo Việt Nam hay "*phản ánh*" theo Tàu, từ nào hay hơn? Người Cộng Sản Việt Nam rất nô lệ ngoại bang. Tôi ở miền Bắc Trung Quốc dạy học đã lâu, quen nhiều vị giáo sư Hán văn già từ Trường Xuân, Bắc Kinh, Thượng Hải đến Hàng Châu, Quế Lâm, Quảng Châu... đôi lúc bên chén trà bàn sự thiên hạ, các vị giáo sư lão thành ấy đều than "chúng tôi cố ý trên nhiều phương diện cắt bỏ quá khứ truyền thống ngay cả trong ngôn ngữ, tiếng Trung Quốc đại lục nay nghe thô tục làm sao!"

Hán, Nhật, Việt

Bàn tiếp về cách dùng Hán tự trong tiếng Trung Quốc, Việt Nam và Nhật Bản. Ý của tôi là: Việt Nam có cách dùng chữ Hán trong các từ Hán Việt theo kiểu Việt Nam, Tàu có cách của Tàu, và Nhật có cách của Nhật. Nếu ta thiếu thì đi mượn Tàu hay Nhật đều được. Nếu đã có và dùng quen rồi thì không cần thiết. Có thể so sánh để thấy sự khác biệt cho vui hoặc tăng thêm kiến thức. Không nhất thiết cho rằng cái nào đúng hơn cái nào. Người Nhật có nhiều công lao trong việc tạo thuật ngữ chính trị, kinh tế, khoa học... mà nay Việt Nam lẫn Trung Quốc đều mượn xài. Thí dụ như từ "*kinh tế*" (economics) do Nhật dùng chữ Hán ghép lại, lấy từ câu "*kinh bang tế thế*" ra. Tuy nhiên, trên nhiều điểm khác, lối dùng chữ Hán của Nhật phải làm ta nhăn mặt lắc đầu. Ngược lại cũng thế, ta dùng Hán Việt đôi lúc có thể người Nhật coi là sai. Đơn cử ra đây từ Hán Việt "trượng phu".

Tiếng Việt
trượng phu (nam nhi, có khí phách đàn ông)
Tiếng Trung Quốc 丈夫
zhàng fù (ông chồng, có khí phách đàn ông)
Tiếng Nhật 丈夫
joobu (chắc chắn, khỏe mạnh)

Cùng từ "*trượng phu*" mà ba tiếng nói mang ba nghĩa khác nhau. Lối dùng của Tàu còn nhân nhượng được, của Nhật thì chịu, lắc đầu thôi. Gặp một người bị té, ta đỡ dậy, dùng tiếng Việt hỏi "*Không sao chứ?*" Tiếng Tàu "Không *quan hệ* chứ?" Tiếng Nhật "Có *đại trượng phu* không?" (Daijoobu desu ka) 大丈夫ですか

Ta cùng vài bạn bè đi một đoạn đường dài mệt mỏi, đến một bóng mát nghỉ chân. Ta thốt "Đây được rồi (Ý: nghỉ chân ở đây được rồi). Người Tàu nói "Chỗ này *hành*" (Zhè er *xíng*.). Người Nhật kêu "Ở đây *kết cấu* (Koko de kekkoo desu.).

Thêm thí dụ nữa, khi ta tự nhủ mình phải "*hết sức cố gắng học hành*" thì người Trung Quốc nói "*phi thường nỗ lực độc thư*" (féicháng nùlì dushù), nhưng người Nhật lại "*nhất sinh huyền mệnh miễn cưỡng (isshookenmei ni benkyoo suru), nhất sinh huyền mệnh = một đời treo mạng.* Thế thì "*miễn cưỡng một đời treo mạng*" là nghĩa lý gì? Chẳng hạn cuốn "*sách*" ta có thể dùng chữ Hán (冊) để biểu thị, người Tàu gọi "*thư*" (shú) Nhật là "*bản*" (hon), trong khi đó chữ "*thư*" (書) dùng ở Tàu lại có nghĩa động tự "*viết*", như trong tiếng Nhật kaku: to write. Lạ chưa?

Qua phần trên ta thấy chữ Hán trong tiếng Trung Quốc gần gũi với cách dùng Hán Việt hơn là chữ Hán trong tiếng Nhật. Để hiểu sự khác biệt trên ta phải trở về cái gốc của Hán ngữ cổ đại. Cho nên khi so sánh đúng hoặc đúng hơn (tôi không chấp nhận đúng sai) trong cách dùng Hán Việt ta không thể dùng tiếng Trung Quốc hiện đại hoặc tiếng Nhật hiện đại mà so đo tiêu chuẩn. Tôi nhấn mạnh ở từ "hiện đại". Xa xưa, khi giới sĩ phu cả ba dân tộc còn đọc chung sách thánh hiền thì cách dùng chữ Hán gần như đồng nhất. Dần dà, Nhật bỏ theo Tây phương du nhập các tư tưởng mới họ bắt buộc phải tạo từ riêng nên sự phân hóa bắt đầu. Việt Nam, Trung Quốc còn tương đối gần gũi vì địa lý nên sự phân kỳ cách dùng chữ Hán không bao nhiêu. Xã hội tiến bộ đổi thay thì ngôn ngữ cũng tiến hóa theo. Đó là lẽ tự nhiên. Còn sự đúng

và đúng hơn không kết luận được. Cái "bát" cái "nồi" có chỗ nào đúng và hay hơn cái "chén" cái "soong"? Điều quan trọng là hiểu và đồng ý trên sự hiểu của từ ngữ để đưa đến chấp nhận đa số về cách dụng ngữ.

Yếu tố chính trị

Bây giờ tôi xin bước qua yếu tố chính trị trong ngôn ngữ. Xin lấy thí dụ của tác giả Đỗ Thông Minh về hai từ phức hợp "*Tổng sản lượng quốc gia*" và "*Tổng sản lượng quốc dân*" (Gross National Product, GNP). Ý nghĩa của hai từ phức hợp này hoàn toàn giống nhau. Ông Minh cho rằng "Tổng sản lượng *quốc dân*" đúng hơn, vì có chữ "dân". Theo tôi thì "Tổng sản lượng *quốc gia*" ta dùng quen thì cứ tiếp tục dùng. Vì từ "quốc gia" bao gồm cả dân, một "quốc" (nước) mà thiếu dân thì sao thành "quốc gia" được. Người Tàu gọi "*Quốc dân tổng sản trị*" từ thời Tưởng Giới Thạch còn nắm quyền Hoa Lục, lúc đó bất kỳ từ nào có "*quốc gia*", chính quyền Quốc Dân Đảng cố gắng đổi thành "*quốc dân*", vì Quốc Dân Đảng là đảng Quốc Gia (Nationalist Party). Sau 1949 Mao Trạch Đông chiếm Hoa Lục, đảng Cộng Sản Tàu rất ghét hai chữ "*Quốc Dân*" vì nghe nó "Quốc Dân Đảng" quá, nên từ nào có "*quốc dân*" thì Bắc Kinh tìm cách đổi thành "*quốc gia*" cho nó khác. Tuy nhiên, "Quốc dân tổng sản trị" chỉ bị đổi là "Quốc dân sinh sản tổng trị". Vẫn giữ từ "quốc dân". Vì thế "quốc dân" có lẽ có lý hơn chăng? Không chắc đâu, nếu ta lấy gốc Anh "*Gross National Product*" thì dịch "*quốc gia*" đúng hơn chứ khó có thể dịch thành "*quốc dân*". Tương tự như Bắc Kinh, Cộng Sản Hà Nội rất ghét hai chữ "*quốc gia*" vì Quốc Gia là kẻ thù của Cộng Sản. Từ nào có "*quốc gia*" thì gắng đổi thành "*nhà nước*" hoặc "*tổ quốc*", nếu được. Trường hợp này Hà Nội chọn "*quốc dân*" theo đàn anh Tàu, nếu không thì "*Tổng sản lượng nhà nước*" rồi. Nhân đây tôi xin nói về bốn chữ "*chiến tranh Quốc - Cộng*". Ở Trung Quốc mà dùng "*Quốc Cộng chiến tranh*" để chỉ cuộc chiến giữa đảng Cộng Sản của Mao và Quốc Dân Đảng của Tưởng. Ở Việt Nam thì chỉ cuộc chiến Nam Bắc của phe Cộng Sản - Quốc Gia. Do đó, "*quốc dân*" là từ cấm của Bắc Kinh, và "*quốc gia*" là từ kỵ của Hà Nội. Qua đấy ta thấy việc chọn từ do nhiều yếu tố tạo thành, kể cả yếu tố tâm lý chính trị hoặc nhân sinh quan. Với sự tương đối như thế, thì việc đúng và đúng hơn rất chủ quan.

Tiếp tục trong bài "So sánh một số từ Việt-Trung-Nhật", tác giả Đỗ Thông Minh lại đưa ra thêm "*đăng ký hay đăng lục*", "*hoa hồng hay hỏa hồng*", "*độc giả, đọc giả và bạn đọc*". Tôi xin đưa ít nhận xét sau. Trước 1950, dựa vào báo chí và sách vở ta thấy rất ít xuất hiện từ "*đăng ký*". Nếu có thì giới hạn ở một vài phương diện có tính chất hành chánh trên toàn quốc Việt Nam. Kể từ khi có miền Bắc xã hội chủ nghĩa, từ "*đăng ký*" trở nên thông dụng trong sinh hoạt hằng ngày do việc ảnh hưởng từ ngữ Trung Quốc. Thật ra cách dùng "*đăng ký*" ở Việt Nam ngày nay hoàn toàn theo như cách dùng "*đăng ký*" ở Trung Quốc. Miền Nam trước 1975 thường thường chỉ dùng "*ghi tên, ghi danh, ký sổ*" còn "*đăng ký*" nghe kỳ cục lắm, chỉ hạn trong việc hành chánh. Nếu miền Bắc nói "*này, nhà bác đăng ký mua gạo chưa?*" thì miền Nam "*nè, bác ghi tên mua gạo chưa?*" Tuy nhiên, từ "*đăng ký*" có một phạm vi rất rộng rãi nên dùng nó khá tiện lợi. "*Đăng lục*" thì tôi chưa thấy hoặc có mà không để ý chăng? Ngay cả trong tiếng Tàu cũng không xài. Chỉ có Nhật dùng, ông Minh nói miền Nam trước 1975 và Trung Quốc dùng? Xin tồn nghi.

Hái trái Hoa Hồng

Từ "*hoa hồng*" (bonus, commission) là một từ Hán chính gốc mà có lẽ rất ít người Việt để ý. Nhưng không biết tại sao ông Minh lại so sánh với "*hỏa hồng*" (?) trong *sách Trung Quốc*" (?). "*Hỏa hồng*" không phải là một từ, mà là một câu nghĩa "lửa (cháy) đỏ". Nếu là từ thì phải viết "*hồng hỏa*" theo kiểu Tàu. Cùng khi so sánh "*hoa hồng*" (bonus), tác giả đưa thêm tiếng Tàu "*thủ tục phí*" (fee, service charge). Tôi thấy sự so sánh trong phần này không ổn, không tương ứng. Để chỉ "bonus, commission" người Tàu ở đại lục trước năm 1949 thường dùng "*hoa hồng*" (花紅), còn nay thì gọi là "*hồng lợi*" (紅利). Giới Hoa kiều hải ngoại và dân Tàu ở Hồng Kông, Đài Loan vẫn còn dùng từ "*hoa hồng*" theo nghĩa như người Việt. Từ này nguyên nghĩa là *trái hồng hoa*, một loại trái cây ăn được, như các loại trái hồng lựu, hồng đào. Ngày xưa ở Tàu lễ vật đi ăn đám cưới thường phải có *quả hồng hoa* (tàu: *hoa hồng*"). Sau này nghĩa rộng là quà đám cưới hay *tiền* hoa hồng (bonus). Thế trái hồng hoa là trái gì? Chắc ít người Việt biết. Tôi nhà ở Đông Bắc Trung Quốc, lúc rảnh hay đọc sách cổ Hán ngữ, mà toàn là sách cho nhi đồng ngày xưa. Một hôm, nhẩn nha đọc "Thiên Tự Văn" có câu: "*Quả trân lý nại, thái trọng giới khương*" (nghĩa: cây ăn trái có quả lý, quả nại rất quý. Rau củ thì rau cải cay (*giới*: mustard và củ gừng (*khương*) ăn rất tốt). Quả lý thì biết rồi là một thứ "plum" (mận), còn quả "nại" là cái quái gì?

Thường tôi tự tra từ điển. Nhưng đang ngồi vườn sau trông con, vợ nấu cơm. Tôi gọi lớn "Nè, mẹ thằng cu, ra chợ nhớ mua ít quả nại về ăn nhé". Vợ đáp "Quả nại là quả gì?" ông anh vợ nghe

được trả lời "Quả nại thì việc gì phải mua, vào khu rừng bên kia đồi mà hái. Cái thứ "hoa hồng" ấy mọc đầy rẫy". Chiều hôm sau tôi xin nghỉ dạy học một buổi, ghé qua chợ chỗ sạp bán hàng của vợ. Nì nằn bằng được bắt vợ tôi dẫn vào rừng đi hái "hoa hồng". Đó là một thứ táo rừng màu đỏ, nho nhỏ, ăn rất chua, tiếng Anh là "crab apple." Mang về một giỏ, chẳng ai ăn, chỉ mình tôi. Đêm đau bụng, tội cho vợ thức dậy nấu nước "*gừng*" cho uống. Củ *khương*! Từ đó tôi nhớ hoài cái từ "*hoa hồng*". Ôi! "*Quả trân lý nại, thái trọng giới khương*"! Điều lạ là *có thể* trong tiềm thức dân Việt thường mường tượng ra nhánh hoa hồng, còn người Tàu lại là trái crab apple mỗi khi dùng từ này với nghĩa "bonus". Có thể thôi nhé. Cấu trúc ngữ pháp Tàu "*ngược với ta*" nên cùng một từ, nếu không tra cứu từ gốc, có thể đưa đến cách suy nghĩ khác nhau. (Ừm! tại sao nói *Tàu ngược với ta* mà không ít khi nói *ta ngược với Tàu!* chắc là đúng? Nhà ngôn ngữ Nguyễn Bạt Tụy cho là ta "*xuôi ý*"!)

Độc giả, đọc giả, bạn đọc: ông Minh viết "...chữ *đọc giả* không thông dụng nên chúng tôi đề nghị *độc giả*..." Thực ra không có từ "*đọc giả*" trong tiếng Việt. Nếu có thì do in sai, viết sai hoặc là cố ý viết cho dí dỏm, cho vui mắt như người Mỹ viết "tonight" thành "tonite". Chỉ có "*độc giả*" thôi. Ông Minh viết tiếp "...chúng tôi đề nghị "*độc giả*" nhưng "*bạn đọc*" thì hay hơn." "*Độc giả*", "*bạn đọc*" là hai từ độc lập song song có cùng ý nghĩa. Khi muốn chỉ chung chung có phần hơi nghiêm túc ta có thể chọn "*độc giả*". Còn khi muốn có vẻ gần gũi, thân thiết hơn thì chọn "*bạn đọc*". Sự chọn lựa từ "*độc giả*" hoặc "*bạn đọc*" thường xuất phát do yếu tố tâm lý, cảm quan chứ không phải "bạn đọc" hay hơn "độc giả".

Chữ Hán giản hóa

Tự dạng chữ Hán hiện nay dùng trên thế giới gồm hai bộ chữ chính. Tại Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao và trong các cộng đồng Hoa kiều hải ngoại, thường dùng bộ chữ truyền thống viết như ngày xưa ở lục địa. Đó là kiểu Hán tự nhiều nét. Các cụ ta ngày trước học chữ Nho chính là bộ chữ này. Ta gọi "*phồn thể tự*" (original complex characters). Hoa Lục từ năm 1954 ban "cải cách văn tự quốc gia" liên tục giản đơn hóa bộ "phồn thể tự" cho đến khoảng 1970, gọi bộ "*giản hóa tự*" độ chừng hơn hai ngàn chữ. Năm 1977, Nhân Dân Nhật Báo còn đưa ra một bảng thêm vài trăm tự giản hóa cho dân dùng, nhưng khoảng 1980 thì bị hủy bỏ. Chấm dứt chương trình cải cách văn tự. "*Giản hóa tự*" viết ít nét hơn xưa nên dễ học dễ nhớ, có phần khoa học, hợp lý hơn. Thí dụ chữ "*đội*" (đội ngũ) phồn thể viết (隊) bên trong có con heo (豕), nay chỉ viết (队) bên trong là người chứ không phải heo. Chữ "*đảng*" (đảng phái) phồn thể viết (黨) bên trong có chữ "*hắc*" (đen tối, hắc ám, mầu đen). Chữ "*đảng*" ngày xưa ở Tàu ám chỉ những bọn có hành động hắc ám, đen tối, chứ không có nghĩa đảng phái như nay. Ở Trung Quốc giản hóa thành (党) trong có chữ "*huynh*" là anh (anh em). Như thế hợp lý mà lại dễ viết.

Tới đây tôi nhớ một chuyện về chữ "*Đảng*". Thời Cách Mạng Văn Hóa ở Tàu (1966-1976) đường phố khắp nơi đầy bích báo (đại tự báo). Trong khuôn viên Đại Học Bắc Kinh xuất hiện một tờ, dĩ nhiên nội dung vô cùng cách mạng, dán được hai ngày thì tác giả bài báo và cũng là người chấm mực viết bị mang ra đập chết một cách tàn nhẫn. Nguyên nhân đầu bài có từ "*Cộng Sản Đảng*", tác giả viết như sau:(共). Chữ "*cộng*" dễ viết nên không giản hóa, chữ "*sản*"(产) là giản hóa của (産) (bên trong có chữ "*sinh*"). Nếu phồn thể thì phồn thể hết, hoặc giản hóa thì giản hóa hết. Đằng này tác giả nửa nạc nửa mỡ, bị qui phản động chơi chữ chửi đảng đen tối hắc ám.

Lúc đầu bộ chữ "giản hóa" gặp rất nhiều phản ứng vì làm Hán tự mất đi cái đẹp, nhưng nay thì nó đã ăn sâu vào lòng người Trung Quốc và cũng chính là bộ chữ Hán dùng ở Liên Hiệp Quốc. Khoảng mười năm nay, Singapore đã chuyển chính thức dùng bộ "giản hóa tự". Sau năm 1997, có lẽ Hồng Kông sẽ phải đổi. Các sách dạy Hán văn ở Tây phương dạy luôn cả hai bộ. Nhiều người theo truyền thống nhìn bộ giản hóa của Trung Quốc rất ghét. Thực sự thì hơn phân nửa các tự giản hóa đã có tự ngàn xưa. Đó là những nét viết thảo, viết tắt, viết láu của giới trí thức như trên những bức tranh Tàu mà ta thấy treo trên tường mấy tiệm ăn. Trung Quốc chỉ thu thập hệ thống hóa các nét thảo ấy. Thí dụ trong các chữ "*thuyết*" (nói) (說), "*thảo*" (thảo luận) (討) bên trái có bộ "*ngôn*" (言) thường bị viết láu thành (讠) nên được hệ thống lại (讠). Do đó hai chữ "*thuyết*", "*thảo*" được giản đơn hóa thành (说) (讨).

Một cách đơn giản hóa khác nữa là thay thế các tự mang âm. Thí dụ, chữ "*thiên*" (dời chỗ) (遷) (qiàn), chữ này nhiều nét, lấy chữ "*thiên*" (ngàn) (千) thay (𠭯) để chỉ âm. Nên (遷) biến thành (迁). Đại khái như trên cho độc giả thấy bộ "*giản hóa tự*" được hệ thống hóa có cơ sở. Do đó có thể đoán được một chữ lạ ta chưa biết. Tuy nhiên học bộ này không đọc được rành rọt sách của cổ nhân, nên một người trí thức Trung Quốc vẫn phải học lại bộ phồn thể tự để đọc cổ thư. Biết bộ này học bộ kia rất dễ dàng, gần như không cần nỗ lực.

Trong tiếng Nhật hiện đại, sách báo phổ thông dùng khoảng hai ngàn Hán tự, gọi "*Kanji*". Đa số

là phồn thể tự như Đài Loan, Hồng Kông. Cũng có một số ít các chữ được người Nhật giản đơn hóa, có chữ giống và có chữ khác với giản hóa tự ở Trung Quốc. Những Hán tự giản hóa kiểu Nhật có chữ trông đẹp mắt hơn của Tàu, có lẽ nhờ họ có cái nhìn nghệ thuật hơn chăng. Tuy nhiên các Hán tự giản hóa kiểu Nhật không được giới Hán học ngoài Nhật Bản xem là chính thống. Tôi đưa ra chuyện này vì người Việt học chữ Hán thường không phải để đàm thoại với người Tàu mà chỉ để hiểu thêm tiếng Việt, đọc sách các cụ xưa. Do đó thường học bộ phồn thể tự hiện đang dùng ở Đài Loan. Ông Đỗ Thông Minh trong bài "So sánh..." cho in một số Hán tự giản hóa kiểu Nhật. Tôi nghĩ không thích hợp lắm với người Việt học Hán văn, trừ những người học thêm tiếng Nhật.

Sau đây tôi xin liệt kê vài chữ Hán giản hóa kiểu Nhật mà ông Minh dùng, so sánh chúng với chữ phồn thể và giản hóa của Trung Quốc.

Hán Việt	Phồn thể tự	Giản hóa tự Trung Quốc	Giản hóa tự Nhật Bản
đoàn (đoàn thể)	團	团	団
tiền (tiền bạc)	錢	钱	銭
tổng (tổng thống)	總	总	総
tục (thủ tục)	續	续	続

Tôi đặt vấn đề này ra ở đây vì được biết ông Minh soạn từ điển học tiếng Hán, dĩ nhiên đối tượng là người Việt. Mong ông để ý phần in chữ Hán, dùng các tự giản hóa kiểu Nhật e không thích hợp. Có lẽ khi viết bài "So sánh...", tác giả bấm máy computer với software Hán tự của Nhật. Nếu cần thì mua một bộ software Hán tự của Hồng Kông hay Đài Loan mà soạn từ Hán Việt.

Từ hải

Có quá nhiều người Việt định nghĩa hai từ "*tự điển*" và "*từ điển*" phát nhàm. Ở đây tôi không muốn bàn, nhưng tác giả Đỗ Thông Minh đã nhắc tới và còn liệt kê vài cách gọi như "*từ hải*", "*từ thiên*", "*từ thư*", "*sự điển*", "*tự dẫn*". Và ông cho rằng "...chữ *từ* thông dụng hơn nhưng có đến tám cách gọi nên cũng tùy người". Tôi xin giải thích cái sự hiểu của mình như sau: ngày xưa ở Tàu không có "từ điển" mà chỉ có "tự điển" để giải thích chữ một (gồm âm đọc và ý nghĩa). Họ gọi là "*tự thư*". Chẳng hạn cuốn "*Thuyết Văn Giải Tự*" là một loại "*tự thư*" (wordbook). Nó không hẳn như "tự điển" ngày nay. Từ "*tự thư*" nay gần như chết hẳn, không ai dùng nữa. Đầu thế kỷ này từ "*từ thư*" xuất hiện mang nghĩa như "*từ điển*". Thỉnh thoảng vẫn còn xài, nhưng hiếm. Chỉ ở Nhật Bản thông dụng. "*Tự dẫn*" không dùng ở Tàu mà ở Nhật. "*Sự điển*" tôi chưa thấy có ở Trung Quốc, có lẽ một loại "từ điển" có tính chất bách khoa liệt kê các sự kiện, điển cố chăng? "*Từ Hải*" là một bộ từ điển nổi tiếng của Tàu, không một người Hoa nào có học mà không biết. Nó có tính cách tổng hợp, ngoài phần tự, từ, còn có điển cố, sự kiện lịch sử, triết học, khoa học... Nói chung rất bách khoa, nhưng không phải một bộ bách khoa thư. Tương tự như từ điển Larousse của Pháp. "Từ Hải" được khởi soạn năm 1915 đến 1935, năm 1936 ra mắt. Rất được hoan nghênh. Do đó từ "*Từ Hải*" được dùng như một thứ danh từ riêng để chỉ riêng bộ này. Về sau "Từ Hải" nổi tiếng quá nên bị một người soạn từ điển ăn cắp tên làm tựa để hấp dẫn quần chúng. Như "từ hải bỏ túi", "Trung học sinh từ hải"... "*Từ Hải*" không phải là một danh từ chung để có thể liệt trong bảng tự vựng của một cuốn từ điển.

Ta có trường hợp giông giống ở Mỹ là bộ "*Webster*". Webster là tên riêng, vì là chính thống và nổi tiếng nên bị nhiều nhà soạn tự điển trộm tên. Ở Mỹ có mấy loại Webster khác nhau, thượng vàng hạ cám, nhưng chỉ có nhà Merriam-Webster là chính gốc, và được copyright. Ở Mỹ thường nghe "Look up the new word in your Webster". Tên "Từ Hải" cũng như "Webster", xưa không có copyright nên ai trộm cũng được. Nay cả ở Tàu đại lục lẫn Đài Loan từ "*Từ Hải*" đã được copyright. "*Từ Hải*" có nghĩa "biển từ", nhiều từ ngữ như biển cả. Vì thế có người soạn từ điển, muốn cho tựa sách của mình hấp dẫn độc giả bèn chơi chữ đặt tên "*từ thiên*" (trời từ) một trời từ. Đã có "*biển từ*" thì tại sao lại không "*trời từ*". Biết đâu có người cắc cớ lại cho ra "*từ hà*" (sông từ), "*từ sơn*" (núi từ), "*từ vũ trụ*" (vũ trụ từ)...? Đều là chơi chữ để làm hấp dẫn tựa từ điển. Ta không nên coi

mấy từ này là danh từ chung để chỉ từ điển. Trong tiếng Việt chỉ có "*từ điển*" và "*tự điển*" mà thôi. Tác giả Đỗ Thông Minh trong phần này đã bao gồm người Tàu, Việt, Nhật thành một khối và mấy từ trên cái nào dùng cũng được bởi vì ông Minh quá sính chữ Hán. Không phải từ ghép chữ Hán nào ta cũng dùng được.

Nói thêm về "*Từ Hải*", bộ này là sách tham khảo số một của Trung Quốc, họ gọi "công cụ thư" (reference book). Ấn bản năm 1936 dày độ 2,500 trang khổ lớn. Giới văn nhân học giả rất thường dùng. Mao Trạch Đông trong những năm đánh nhau với Tưởng Giới Thạch lúc nào cũng mang bên mình bộ "Từ Hải". Họ Mao là một con mọt sách, ông rất mê đọc và viết. Có lẽ tôi nên viết một bài riêng về việc này. Ông có một cây súng lục để phòng thân, nhưng chỉ đeo một lần duy nhất, chê nặng quá. Đi đâu cũng bỏ ở nhà, chỉ bắt cận vệ mang theo bộ "Từ Hải". Mao từng tuyên bố súng không phải là vũ khí của ông mà chỉ có sách và cây bút lông Tàu, thỉnh thoảng bút chì màu. Ông không bao giờ đụng tới cây bút máy hay bút bi. Đến khoảng 1955, bộ "Từ Hải" của Mao Trạch Đông đã rách nát. Chuyên viên sách ở thư viện dán đi dán lại bao lần, Mao vẫn không bỏ. Vì kiến thức càng tăng, Mao càng thấy bộ "Từ Hải" còn thiếu sót nên đề nghị giới làm từ điển soạn tăng bổ cập nhật. Sắc lệnh do chính Mao ký tên. Khoảng 1965, bộ "Từ Hải" mới được Hoa Lục in thành nhiều tập nhỏ để thâu nhận xét phê bình trước khi ấn bản mới được in. Mao Trạch Đông bắt thư ký riêng bỏ hơn một năm trời đọc và so sánh hai bộ mới cũ từng chữ một và báo cáo hằng ngày cho ông. Mấy mươi năm trời, Mao thuộc gần như toàn bộ "Từ Hải" cũ, và ông cũng chưa hài lòng lắm với bộ tăng bổ. Sau đó xảy ra Cách Mạng Văn Hóa cho đến khi Mao chết.

Suốt mười năm Cách Mạng Văn Hóa, mọi nghiên cứu trên toàn Hoa Lục đình chỉ. Mãi đến 1978, việc tăng bổ cập nhật "Từ Hải" mới bắt đầu lại. Năm 1987, bộ "Từ Hải" mới phát hành, được giới sinh viên, giáo sư, học giả hoan nghênh nhiệt liệt. Tôi cũng dành tiền mua một bộ, dày khoảng gần 5,000 trang, chia ba tập Thượng, Trung, Hạ. "Từ Hải" ở Trung Quốc dùng phương pháp "pi-hyin" để phiên âm và bỏ phép "phiên thiết" trong bộ cũ. Bộ này giúp ích rất nhiều trong việc nghiên cứu Hán học, nhất là tiếng Hán hiện đại. Giải thích về tiếng Hán cổ đại cũng có, nhưng không đầy đủ bằng bộ "*Từ Nguyên*. Nếu muốn nghiên cứu tường tận Hán ngữ cổ đại nên có "*Từ Nguyên*". Dày cũng khoảng 4,000-5,000 trang khổ lớn. Bao gồm luôn cả các điển cố. Khi đọc Kiều tôi tìm được nhiều điển cố trong "Từ Nguyên". Một người nghiên

Tìm đọc:

ĐÀN BÀ

14 truyện ngắn của
PHẠM VĂN HẢI và HẢI VÂN

"Từ nhỏ, hắn đã sợ đàn bà. Sợ lắm!"
Hắn là ai? Ai là đàn bà? Ai không phải là đàn bà?
Tại sao "Đàn Bà" bị nhiều người gào thét đến mê sảng ngay khi có mặt trên *Thế Kỷ 21* số Ra Mắt? Như Cúc có thực ở ngoài đời không? Thực bao nhiêu phần? Ai có thực? Ai không có thực?
Tìm đọc ngay... "ĐÀN BÀ"!

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

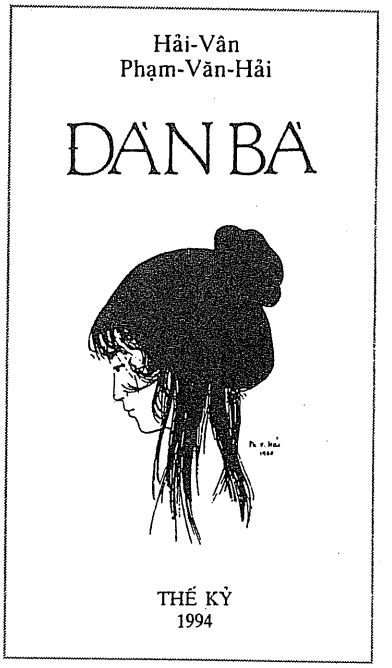

cứu thật nghiêm túc Hán học không thể thiếu. Chỉ cần hai bộ trên là đủ. Năm 1990, tôi và "*hiền thê*" (hay là "*dữ thê*") đi phố vào Tân Hoa Thư Điếm thấy xuất hiện bộ "*Hán Ngữ Đại Tự Điển*" gồm tám tập lớn, dày 7,000-8,000 trang. Thâu tập khoảng 60,000 chữ Hán đơn. Một bộ tự điển vĩ đại. Phần giải thích mỗi tự (chữ) rất đầy đủ, gồm cả cách dùng trong các sách cổ thật li ti chi tiết. Giá toàn bộ 300 đồng. Ôi! Một tháng lương! Tôi mê mẩn nhưng không tiền mua. Không hỏi vợ và ngại bị cằn nhằn, sách và từ điển có nhiều rồi, mua không chỗ để.

Một lần giận vợ về chuyện gì đâu. Thấy tôi buồn mấy ngày, vợ lặng lẽ bỏ xuống phố ra nhà sách mua trọn bộ "*Hán Ngữ Đại Tự Điển*" tám cuốn nặng chịch, chen lấn ôm lên xe bus về nhà, thật nhọc. Tội nghiệp cho nàng. Nhưng chưa bao giờ tôi phải dùng đến chúng, chỉ trừ một lần. Thầy dậy học cũ của tôi ở Mỹ nhờ kiếm ít kiểu chữ viết tiếng Hán tên ông. Tất cả các kiểu viết, tự dạng xưa nay nằm cả trong bộ này. Đó là lần duy nhất cho đến nay tôi phải đụng đến. Nhiều người nhắc "*Khang Hi tự điển*" cho là ghê lắm. Nó chỉ có giá trị lịch sử thôi. Lỗi đầy cả ra. Mang "*Khang Hi tự điển*" để cạnh bộ "*Hán Ngữ Đại Tự Điển*" thì như so sánh cậu bé tiểu học với chàng sinh viên cao học. "Hậu sinh khả úy"! Nhưng cách nay một tuần, lúc tôi đang viết bài này, đài tivi trung ương Bắc Kinh thông báo bộ tự điển vĩ đại nhất trong lịch sử Hán ngữ ra đời: bộ "*Tự Hải*" 辭海, thâu tập hơn 80,000 chữ Hán đơn của toàn lịch sử văn minh Trung Quốc. Gớm! Chữ ở đâu ra mà nhiều thế! Một người Tàu trung bình học 2,000-3,000 đơn tự là đủ đọc sách báo thông thường, xài cả đời. Một giáo sư Tàu trung bình biết khoảng 7,000-8,000 tự. Tôi chỉ nói "tự" thôi. "*Từ*" thì dĩ nhiên nhiều hơn. Từ do hai hoặc ba tự ghép lại mà thành.

Từ điển Việt-Hán

Lý là đến đây thấy dài rồi. Tôi nên dứt. Nhưng còn một chuyện nữa cũng về từ điển. Năm ngoái báo TK21 số tháng 7, 1993, có đăng bài "*Vietnamese Lexicography*" của Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, ông có nhắc đến hai bộ từ điển Việt Hán: "*Việt Hán tự điển tối tân*" của Hoàng Minh Xuân (Huỳnh Minh Xuân) và "*Từ Điển Việt Hán*" của Bắc Kinh. Giáo sư Hòa viết: "Since these two dictionaries are identical in terms of macro - and micro structure, it is difficult to tell which of the two groups of editors had plagiarrized the other". Lúc đó tôi muốn viết một bài ngắn về chuyện này, nhưng phải liên tiếp đi thâm nhập thực tế ở nông thôn mấy tỉnh miền Tây Trung Quốc hơn một năm nên tạm gác lại. Nhân đây trình bày luôn.

Tôi có cả hai bộ đang đặt trên bàn. Thứ nhất, xin nói về "*Từ điển Việt Hán*" của Bắc Kinh. Sáu soạn giả của bộ này gồm các vị *Hà Thành, Trịnh Ngọa Long, Chu Phúc Đan, Vương Đức Luân, Vương Minh Thư* và *Lương Phong*. Trong phần mở đầu được biết từ điển được soạn vào khoảng 1958 khi chiến dịch "*Bước tiến nhảy vọt*" đang phát động rầm rộ ở Trung Quốc. Các soạn giả trên đã hợp tác chặt chẽ với Giáo sư Đinh Gia Khánh và Trần Văn Tấn của Đại Học Tổng Hợp Hà Nội và một số Hoa kiều sống lâu năm ngoài Bắc. Đến tháng 8, 1960, do "*Thương Vụ Ấn Thư Quán*" phát hành. Ở Trung Quốc có hai nhà phát hành nổi tiếng bậc nhất là nhà trên và *Trung Hoa Thư Cục*". Họ đều có chi nhánh ở Hồng Kông, Singapore. Xét nội dung toàn bộ từ lời giới thiệu, ấn loát, trình bày, phụ lục rất đầy đủ và nghiêm túc, cùng một bảng liệt kê các sách tham khảo. Cho đến nay tôi vẫn chưa đọc được bộ Việt Hán nào khá hơn. Giáo sư Hòa cho rằng bộ này phát hành năm 1966 là không đúng. Có lẽ Giáo sư có ấn bản 1966. Đặc điểm bộ này là phần từ ngữ rất chọn lọc, thuần túy Bắc Kỳ kiểu Hà Nội chính cống. Nhiều thí dụ rút ra từ "Truyện Kiều", "tục ngữ", "ngạn ngữ" Việt Nam. Mục đích chính là giúp người Hán học tiếng Việt. Tôi xin kể ra đây ít từ ngữ trong "*Từ điển Việt Hán*" của Bắc Kinh:

"Cành lê trắng điểm một vài bông hoa / Bộc tuệch bộc toạc / Bỏ bẵng một dạo tôi không đến chơi nhà anh ấy / Ăn chực đòi bánh chưng / Ăn lắm thì miệng hết ngon, nói lắm thì hết lời khôn hóa rồ / Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây / Dở ông dở thằng / Việc qua rồi đừng dở dói thêm lôi thôi / Vì đâu nên nỗi dở dang / Cháy nhà hàng xóm, bình chân như vại / Anh đi em ở lại nhà, vườn dâu em hái mẹ già em trông / Anh hùng gì anh hùng rơm, cho một bó lửa hết cơn anh hùng / Các con ạ! / Tôi không biết đâu anh ạ / Chơi ác quá / Hắn sút cú mạnh quá, ác thật! / Ác tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa / Những là rầy ước mai ao..." Thật độc đáo!

"*Việt Hán tự điển tối tân*" của Huỳnh Minh Xuân, Giáo sư Hòa viết *Hoàng* Minh Xuân (Ở Việt Nam hai họ Hoàng và Huỳnh phải phân biệt hẳn hoi, tuy gốc chữ Hán Việt chỉ là một: Hoàng. Họ Hoàng nhiều ngoài Bắc, Huỳnh nhiều trong Nam). Phần nội dung chính cuốn này y như "*Từ điển Việt Hán*" của Bắc Kinh. Xuất bản ở Sài Gòn 1961, theo Giáo sư Hòa. Gia đình tôi ở Mỹ gởi sang tôi một cuốn do NXB Đại Nam in lại, bìa đỏ. Đọc xong tôi rất nghi ngờ soạn giả họ Huỳnh của miền Nam đã "cuỗm" công lao của Bắc Kinh và Hà Nội. Hầu như cuốn của ông Huỳnh Minh Xuân không có phần mở đầu đàng hoàng nói về quá trình biên soạn mà vào thẳng ngay cách dùng ngay. Phần giảng cách dùng thì giống từ chữ một như cuốn của Bắc Kinh. Tôi đoán ông Xuân phải là người Việt

hoặc Việt gốc Hoa, có căn bản Hán ngữ chắc chắn, nhưng căn bản này hẳn được đào tạo tại Việt Nam hoặc tại miền Nam Trung Quốc trước 1949. Đa số Hoa kiều ở Việt Nam là dân Hoa Nam: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến. Mà cách dùng tiếng Quan Thoại của dân Hoa Nam, Hoa Bắc không đồng nhất. Đọc văn là biết Bắc hay Nam. Một người Việt chính gốc, trưởng thành ở Việt Nam có thể lầm lẫn Sơn Nam với Bình Nguyên Lộc, nhưng chắc là phải nhận ra sự khác biệt giữa Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc (Nam) với Nam Cao, Ngô Tất Tố (Bắc). Đằng này một người Việt hoặc dân Hoa Nam như Xuân sao mà mà dùng từ ngữ "*rặt Bắc Kỳ" (Việt) như dân Hà Nội*" và cũng "*rất Hoa Bắc (Tàu) như dân Bắc Kinh*" đến thế?

Tôi không đủ tinh tế tiếng Trung Quốc để nhận rõ ràng nét đặc thù của tiếng Quan Thoại hai miền Bắc Nam bên Tàu, nên nhờ ông anh vợ là ký giả Tân Hoa Xã chỉ điểm. Vợ tôi người Hoa Bắc, sinh và trưởng thành miền Bắc nước Tàu. Tôi sinh trưởng ở Sài Gòn, nhưng dòng họ toàn dân Bắc di cư. Từ bé giọng Việt đã Bắc, ngồi tiểu học bị bọn học trò Nam chọc "*Bắc Kỳ ăn cá rô cây, ăn nhằm lựu đạn chết cha Bắc Kỳ*", hoặc có lúc "*Ê, đè nó ra coi lỗ đít có cọng rau muống không!*" cho nên bị "khủng hoảng tinh thần" về mặt ngôn ngữ cho đến nay như một "vết thương rất khả ái, dịu dàng". Tôi viết ra đây góp ý với Giáo sư Hòa cùng bạn đọc nào có cuốn "*Việt Hán tự điển tối tận*" của Huỳnh Xuân Minh để hiểu chuyện. Tôi đoan chắc Giáo sư Nguyễn Đình Hòa hiểu rất rõ cuốn nào đáng tin với tư cách là một nhà ngôn ngữ kinh nghiệm như ông. Nếu không Giáo sư đã không dùng "*Từ điển Việt Hán*" của Bắc Kinh khi làm *Vietnamese English Dictionary* (JPRS 1966).

Nhân vụ Thiên An Môn năm 1989, tôi về Bắc Kinh mong tìm gặp mấy nhà soạn giả của "Từ điển Việt Hán", vì tình hình lộn xộn di chuyển khó khăn chỉ gặp được một vị. Năm 1993, tôi có liên lạc với Giáo sư Việt học Mã Khắc Thừa của Đại Học Bắc Kinh và được biết hiện Bắc Kinh đang soạn một bộ "Từ điển Việt Hán" mới đầy đủ, cập nhật hơn thay thế bộ cũ đã lỗi thời. Đồng thời tôi được Giáo sư Mã tặng một bộ "*Giáo Trình Việt Ngữ*" của Đại Học Bắc Kinh gồm ba tập. Bộ "*Giáo Trình Việt Ngữ*" này đã được dịch sang tiếng Anh và dùng tại Singapore. Dân buôn bán Singapore hiện nay đang có phong trào học Việt ngữ để mong nhảy vào thị trường đầu tư Việt Nam. Chả trách nào chính phủ Hà Nội dùng ông Lý Quang Diệu làm cố vấn kinh tế. Cả Việt Nam lẫn Trung Quốc đang muốn áp dụng mô thức Singapore mà! Bộ "*Giáo Trình Việt Ngữ*" này rặt Bắc Kỳ quá, e không hợp lắm cho giới buôn bán mà đa phần ở trong Nam. Việt kiều hải ngoại có tiền mau về Việt Nam đầu tư, nếu chậm bọn Hoa kiều tứ xứ kéo đến thì dân ta muôn đời bị người Hoa khống chế kinh tế. ■

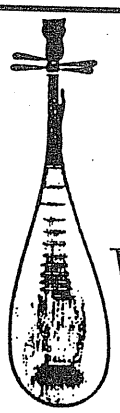

Quý-Vị muốn thưởng-thức

THI-CA CỔ-ĐIỂN và VĂN-NGHỆ DÂN-GIAN

trong 28 cuộn băng Audio-Cassette, với những giọng ca-ngâm độc-đáo, truyền-cảm, về:

1 Lê Thánh-Tông	11 Dương-Khuê	21 Trống-quân, Cò-lả
2 Nguyễn-bỉnh-Khiêm.	12 Nguyễn-khắc-Hiếu	22 Quan-âm Thị-Kính
3 Chinh-phụ-ngâm	13 Trần-tuấn-Khải	23 Lưu-Bình, Dương-Lễ
4 Cung-oán ngâm-khúc	14 Các điệu hát chèo	24 Chu-mãi-Thần
5 Nguyễn-Du.	15 Ca-trù	25 Trương-Viên
6 Hồ-xuân-Hương	16 Quan-họ	26 Tấm, Cám
7 Nguyễn-công-Trứ	17 Chầu-văn	27 Ỷ-Lan phu-nhân
8 Nguyễn-Khuyến	18 Cổ-nhạc	28 Văn-tế
9 Trần-tế-Xương	19 Hát ru	
10 Chu-mạnh-Trinh	20 Hát xẩm	

Xin viết thư, hỏi chi-tiết và cách-thức đặt mua băng cùng giá-cả nơi bà PHẠM THỊ MỸ:

Bà Phạm thị Mỹ
P.O. Box 24072
Dufferin Mall Postal Outlet,
Toronto, Canada, M6H-4N6

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NGUYỄN QUANG AN và LÊ TAM CA

Trong tháng qua một sự kiện tuy không liên quan trực tiếp tới văn chương, nhưng về mặt học thuật tạo cho cộng đồng Việt Nam một ảnh hưởng tốt. Đó là giải thưởng nhà giáo xuất sắc toàn quốc 1994 lọt vào tay cô **Nguyễn Trần Hương**. Giải thưởng này do công ty Walt Disney tặng. Dưới đây là sơ lược về thành tích cô giáo Nguyễn Trần Hương, người đã mang vinh dự về cho cộng đồng Việt Nam.

Nguyễn Trần Hương, một công dân của thị xã Westminster, đang dạy tại một trường trung học ở Long Beach, đã được công ty Walt Disney vinh danh là một người đã đóng góp tích cực vào nền giáo dục Trung học. Trong một lời tuyên bố tại buổi lễ, cô Nguyễn Trần Hương nói rằng chính lời khuyên của người Thầy đã thúc đẩy cô vượt lên trên những khó khăn để theo đuổi nghề nghiệp và làm tất cả những gì tốt nhất có thể làm được cho học sinh.

Theo lời cô giáo Nguyễn Trần Hương, lúc nào các học sinh của cô cũng được cô khuyến khích vào làm cho họ tin rằng họ có thể thực hiện được ước mơ của họ. Cô Nguyễn Trần Hương là một trong 12 giáo viên toàn quốc được công ty Walt Disney vinh danh vì "dạy giỏi, theo sát học sinh và có khả năng tạo được niềm tin cho học sinh."

Hiện nay cô được coi như là một giáo viên mẫu mực cho tất cả các học sinh mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh. Cô giáo Nguyễn Trần Hương hiện đang hướng dẫn một chương trình ngôn ngữ cho những học sinh có tầm hiểu biết tiếng Anh giới hạn tại Trường Trung Học Bách Khoa.

Trước khi di chuyển về dạy ở Long Beach, Nguyễn Trần Hương đã dạy ở bậc tiểu và trung học tại San Diego trong năm năm và phụ trách một chương trình luyện giọng đọc cho những người lớn tuổi tại San Diego Job Corp. Cô Nguyễn Trần Hương có gia đình và hai con hiện sống ở Westminster.

Giải thưởng sẽ đem lại cho cô Nguyễn Trần Hương số hiện kim 25,000 MK và Học khu Long Beach 10,000 MK.

Một nhà báo người Việt Nam, **Huỳnh Sĩ Nghị**, vừa được công ty St. Paul Companies tuyển chọn trong số rất đông các dự án đệ nạp đến công ty này thuộc tài khóa 1995, trong chương trình "Sáng Kiến Lãnh Đạo Cộng Đồng" ("Leadership Initiatives in Neighborhood"). để nhận lãnh tặng kim 25,000 MK.

Được biết ông Nghị đậu bằng kỹ sư điện tử ở Đại học Minnesota năm 1980. Ông đã bắt đầu đeo đuổi nghề báo ngay trong khi đi hành nghề chuyên môn điện tử. Năm 1981, ông xuất bản tờ nguyệt san: *Tin Tức Thương Mại & Cộng Đồng Á Châu (Asian Business & Community News)* Sau đó ông làm tờ tuần báo *Báo Chí Người Mỹ Á Châu (Asian American Press)* và cuốn điện thoại niên giám *Thương Mại và Cộng Đồng Á Châu (Asian Business & Community Directory)*. Hiện ông là thành viên của Hội Đồng Quản Trị của Hội Ký Giả Á Mỹ (AAJA) ở Hoa Kỳ, có trên 1700 hội viên, và là Thủ quỹ của Hội Ký Giả Á Mỹ phân bộ Minnesota. Ông Nghị sẽ đại diện hai Hội trên đứng ra tổ chức Đại Hội Báo Chí Á Mỹ vào mùa hè 1996 tại Twin City (Minneapolis/St. Paul) tiểu bang Minnesota.

Nhà văn **Hoàng Hải Thủy** vừa được "tháo cũi xổ lồng" ra khỏi tấm lưới rộng bao trùm toàn cõi VN. Ông tạm định cư tại Virginia, và chuyến đi đầu tiên của ông trong vùng đất mới là đi thăm lại các bạn cũ.

Nhà văn Hoàng Hải Thủy vừa đến định cư tại Hoa Kỳ hồi trung tuần tháng Mười Một vừa qua. Vào ngày 19 tháng Mười Hai, ông và gia đình xuống Quận Cam theo lời mời của một số bạn bè và thân hữu của ông.

Hoàng Hải Thủy nổi tiếng với các tác phẩm văn học phóng tác và phóng sự, trong đó có những cuốn như "Kiều Giang" và "Đỉnh Gió Hú" đã được bạn đọc yêu mến.

Cũng tại quận Cam, một nhà hàng "Food to Go". Nhà hàng Food to Go thì có gì mà phải lên tiếng trong mục vòng chân trời này. Có, là vì chủ nhân của nhà hàng này là ca sĩ **Lệ Thu**.

Nữ ca sĩ Lệ Thu mới khai trương nhà hàng "*L'eau Vive*" vào ngày 20 tháng Mười Một 1994 tại góc đường Newland và Westminster, thuộc Little Saigon. Điện thoại (714) 373-6808.

Trong một cuộc tiếp xúc với nữ ca sĩ Lệ Thu, cô cho biết nhà hàng "L'eau Vive" lấy theo tên của một tiệm ăn nổi tiếng tại Đà Lạt ngày xưa. Chúc Lệ Thu thành công.

Nhạc sĩ **Ngô Mạnh Thu**, thuộc Phong Trào Du Ca Việt Nam, đã rời Việt Nam đến Mỹ, định cư

"Tứ ca cộng đồng": Lý Văn Chương, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Thiện Cơ và Ngô Mạnh Thu.

tại quận Cam, nơi ông gặp lại những khuôn mặt khác của Phong Trào như Nguyễn Đức Quang, Trần Đình Quân, Nguyễn Thiện Cơ...

Hy vọng sau khi đã họp đàn lại được sau những tan tác của 1975, Phong Trào Du Ca sẽ cho cộng đồng Việt Nam những sinh hoạt tươi vui, lành mạnh như thuở nào.

Vũ trường Ritz, tối Chủ Nhật 27 tháng Mười Một 1994, các thân hữu văn nghệ sĩ gặp nhau để tổ chức một chương trình đặc biệt, đón mừng nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu.

Ông Lê Đình Điểu, Tổng chủ biên Công Ty Người Việt, một người bạn lâu năm của nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, được ban tổ chức mời lên giới thiệu sơ lược về Ngô Mạnh Thu và các tác phẩm của ông. Ông nói: "Nhạc sĩ họ Ngô có thời gian đã làm chuyên viên Bộ Dân Vận, đặc trách huấn luyện Đoàn Văn Tuyên Trung Ương, trong đó có rất nhiều ca nhạc sĩ tên tuổi. Nhưng Ngô Mạnh Thu thực sự gắn bó với các sinh hoạt thanh niên và giáo dục."

Ngay từ những năm đầu thập niên 1960, Ngô Mạnh Thu đã sáng tác và trình diễn các ca khúc dành cho tuổi trẻ. Sau, ông tham gia Phong Trào Du Ca Việt Nam, cùng các nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Trầm Tử Thiêng, Bùi Công Thuấn v.v..., đưa ra một dòng nhạc mới, gọi là "nhận thức ca", những bài hát nói lên nỗi ưu tư của tuổi trẻ Việt trước tương lai đất nước. Dòng nhạc này đã ảnh hưởng sâu đậm trong tâm thức của thế hệ thanh niên Việt từ những năm 1960, và còn tới ngày nay.

Đài Văn Nghệ Truyền Thanh tổ chức cuộc thi tuyển lựa các "giọng ca mới 1995".

Ông Lê Phú Bổn, Giám đốc cho biết, kể từ Thứ Bảy 26 tháng Mười Một, Đài tổ chức cuộc thi tuyển "Giọng Ca Mới 1995," với sự hỗ trợ của các Trung Tâm Băng Nhạc Tình Nhớ, Hải Âu, Thế Hệ Trẻ, Asia, Giáng Ngọc, Đoàn Văn Nghệ Nắng Mới, và Hội Quán Tao Phùng, và các cơ sở Civic Dental 1800 Đau Răng, Thẩm Mỹ Viện Minh Hiếu, Diamond Bích Ngọc... Cuộc thi tuyển "Giọng Ca Mới 1995" sẽ tổ chức vào mỗi tối Thứ Bảy từ 8 giờ.

Điều kiện tham dự: Không phân biệt nam nữ và tuổi từ 16 trở lên. Giải thưởng sẽ gồm tiền mặt, quà tặng do các vị mạnh thường quân yểm trợ. Đặc biệt là những thí sinh trúng giải sẽ được các hợp đồng thường trực, thu băng nhạc và video.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức họp mặt cuối năm vào ngày 9 tháng Mười Hai, tại nhà hàng Grand Garden. Tuy chỉ là một buổi hội họp thường niên của hội, nhưng năm nào cũng vậy đây là một buổi sinh hoạt văn nghệ đáng chú ý, với sự đóng góp của nhiều khuôn mặt văn nghệ được quần chúng yêu mến.

Chương trình ca nhạc được mở đầu với **Tứ Ca Ngàn Khơi** trong ba bản dân ca Việt Nam, do Lê Văn Khoa soạn hòa âm: *Ru Con, Lý Tình Tang* và *Se Chỉ Luồn Kim*. Kế đó là **Bích Liên** trong hai nhạc phẩm: *Nhớ Tiếng Xưa* của Lê Văn Khoa, và một nhạc phẩm ngoại quốc Madame Butterfly của Puccini.

Lý Văn Chương, cũng là nhạc sĩ Nguyên Chương trình bày ca khúc "Trương Chi Mỵ

Nương'' do chính anh sáng tác. **Quỳnh Giao** hát *Nhặt Cánh Sao Rơi*, một nhạc phẩm bất hủ của Vũ Thành, sau đó cùng **Mai Hương** song ca *Thanh Bình Ca*, một nhạc phẩm của Nguyễn Hiền và Thanh Nam. Mai Hương ở lại sân khấu tiếp nối chương trình với sáng tác *Tháng Bẩy Chưa Mưa*, thơ của Y Dịch, nhạc của Phạm Anh Dũng.

Vũ Anh trình bầy hai nhạc phẩm: *Bên Bờ Đại Dương*, nhạc của Hoàng Trọng, lời của Hồ Đình Phương và *Hải Ngoại Thương Ca* của Nguyễn Văn Đông.

Thiên Thanh, một giọng ca *opera* trình bầy hai nhạc phẩm: *Đôi Mắt Người Sơn Tây* thơ của Quang Dũng, nhạc của Phạm Đình Chương và nhạc phẩm *Vissi d'Arte*, trích trong nhạc kịch *Tosca* của Puccini . Thiên Thanh đã làm người nghe ngạc nhiên thích thú với giọng nữ cao độc đáo cũng như phong cách trình diễn chứng tỏ một sự tập luyện công phu.

Thúy Lan hát một bài dân ca và một sáng tác của Đông Quân (bút hiệu của Nghiêm Phú Phát).

Đặc biệt nhất là bốn cựu ''du ca viên'' gồm: **Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Thiện Cơ** và **Lý Văn Chương** đã trình bầy ba ca khúc của Nguyễn Đức Quang, tạo không khí sôi nổi cho những phút cuối của chương trình. Những bài *Vì Tôi Là Linh Mục, Cho Đồng Bào Tôi*, và *Đường Việt Nam*, mặc dù đã được viết từ những năm 1960, 1970, nhưng ý nghĩa những lời ca vẫn còn đúng với hoàn cảnh đất nước Việt Nam hôm nay.

Trên lãnh vực Hội Họa, họa sĩ **Ann Phong**, một hội viên của VAALA, được mời nói chuyện tại trường Đại Học Cộng Đồng Rancho Santiago.

Ann Phong, vượt biển tới Mã Lai, và được người em gái đã tị nạn tại Mỹ nhận bảo trợ, khi vào được Mỹ, đã làm phụ tá nha khoa, và đồng thời theo đuổi việc học tại trường Cal Poly Pomona. Cô tốt nghiệp B.A. tại trường này và tiếp tục theo học MFA tại trường CSUF (California State University Fullerton). Ann Phong hoàn thành những bức tranh sơn dầu, trừu tượng khổ lớn với đề tài về thuyền, và những con người trốn chạy sự bạo ngược. Ann Phong cho biết: ''Tôi cố gắng diễn tả những cảm xúc của tôi, cũng như thực tại của tôi trên khung vải. Qua những họa phẩm này tôi muốn chia sẻ những cảm nghiệm tương tự, mỗi một họa phẩm mang một tâm trạng khác nhau, và có một linh hồn riêng.''

Trên vòm trời âm nhạc, một ngôi sao mới xuất hiện: nữ nhạc sĩ **Lê Tín Hương** đã cho ra mắt băng nhạc đầu tiên của chị.

Buổi ramắt băng nhạc *Có Những Niềm Riêng* diễn ra tại Hội quán Tao Phùng chiều 26 tháng Mười Một 1994, với sự góp mặt khá đông thân hữu trong làng văn, làng báo, làng nhạc.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác thì cho rằng: ''Bất gặp lại người học trò cũ vốn là hoa khôi của đất Thuận Hóa, bây giờ lại là một nhà thơ, nhà viết nhạc, thật là một bất ngờ lớn. Nhạc của Lê Tín Hương phảng phất một chút lãng mạn của Trịnh Công Sơn, một chút nhạc tiền chiến, nhưng nhiều nữ tính và rất Huế, có nghĩa là rất Lê Tín Hương.''

Có Những Niềm Riêng gồm 10 ca khúc chọn lọc in trong đĩa gọn CD và băng nhựa.

Vòng chân trời Văn học Nghệ thuật kỳ này kết thúc với một tin liên quan tới báo chí: báo *Người Việt* giảm giá báo từ 50 xu, xuống còn 25 xu. Các bạn ta toàn là những người thích làm chuyện ngược ngạo. Giữa lúc vật giá đều leo thang như hỏa tiễn, Orange County lại vừa tuyên bố nạp đơn xin phá sản, mà ''phe ta'' lại giảm giá báo. Mặc dù chỉ giảm có 25 xu, nhưng với 12,000 số báo một ngày — và tuần bẩy ngày, ngày nào cũng có báo — thì việc giảm giá này cũng là một ''cú ngoạn mục.''

Quyết định này là do đề nghị của nhiều độc giả, nhất là quý vị cao niên và đồng bào mới định cư tại Hoa Kỳ.

Từ 1978, khi tờ *Người Việt* ra mắt đồng bào miền Nam Cali, đến nay, trải qua nhiều biến đổi trong tình hình đất nước và cộng đồng, tờ báo phát triển theo với đà lớn mạnh của cộng đồng, nay đã trở thành một món ăn tinh thần cho hàng trăm ngàn độc giả mỗi ngày, và là một nhịp cầu nối liền người tiêu thụ với các nhà sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ.

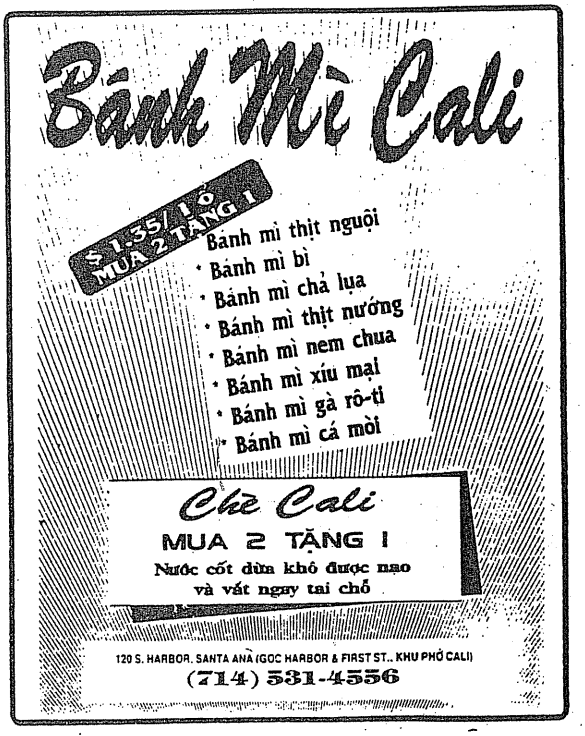

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN QUANG AN

LTS.— Lâu nay TK 21 vẫn có mục "Sách Báo Trong Tháng" để giới thiệu ngắn gọn những ấn phẩm (sách, báo, băng, đĩa...) của các nhà xuất bản hoặc các tác giả gửi tới.

TK 21 chưa đủ điều kiện để giới thiệu "tất cả" các ấn phẩm thực sự xuất hiện trong tháng. Xin quý độc giả, các nhà xuất bản và các tác giả tiếp tay với TK 21 bằng cách gửi cho tòa soạn các ấn phẩm mới.

Trường hợp muốn quảng cáo cho các ấn phẩm đó, xin liên lạc với cô Phan Mỹ Sương (714) 638-9510.

Vùng Đá Ngầm, tuyển tập truyện ngắn của Hà Kỳ Lam, do Thế Kỷ xuất bản. Sách dày 214 trang, bìa và phụ bản của Nguyễn Đồng, tựa của Lê Văn Lân. Giá US$10.00, ở xa (trong nước Mỹ) thêm cước phí $1.00. Liên lạc: Thế Kỷ, 11022 Acacia Parkway #A Garden Grove, CA 92640, hoặc ông Nguyễn Đình Hà, 5005 Madison Ave. Pennsauken, NJ 08110.

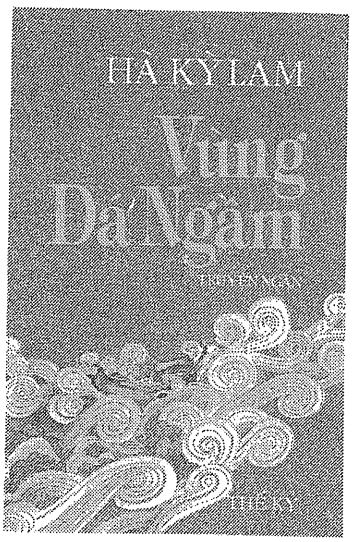

Đây là tuyển tập đầu tay của Hà Kỳ Lam, bút hiệu của Nguyễn Đình Hà, người làng Kỳ Lam, Điện Bàn, Quảng Nam. Cách đây khoảng ba bốn năm các bài viết và truyện ngắn của Hà Kỳ Lam bắt đầu xuất hiện trên các tạp chí ở hải ngoại, đã gây sự chú ý nơi độc giả vì giọng văn chân thành mà lôi cuốn. Riêng tạp chí *Thế Kỷ 21* cũng đã có hân hạnh giới thiệu ba truyện ngắn của ông: *Con Chó Đại Đan Mạch, Vùng Đá Ngầm* và *Chu Mom Rây*).

Vùng Đá Ngầm gồm mười truyện, trong đó truyện *Vùng Đá Ngầm* được tác giả gửi gắm nhiều thâm ý. Đá ngầm không chỉ có ngoài biển khơi đe dọa thuyền bè của người vượt biên, nó còn rải rác khắp đó đây những nơi người tị nạn đến cư ngụ, đó là những bất trắc khó khăn trên các vùng đất mới. Hà Kỳ Lam thường lấy cuộc sống trước mặt làm chất liệu để suy tư và sáng tác chứ không thường quay về với quá khứ như phần nhiều các tác giả đã đứng tuổi như ông. Thậm chí có lúc ông còn nhìn rất xa vào tương lai như khi viết truyện *Nỗi Buồn Thế Kỷ*, một suy nghĩ giả tưởng về người Việt Nam sống trên đất Mỹ vào năm 2085.

THƠ ĐẶNG HIỀN

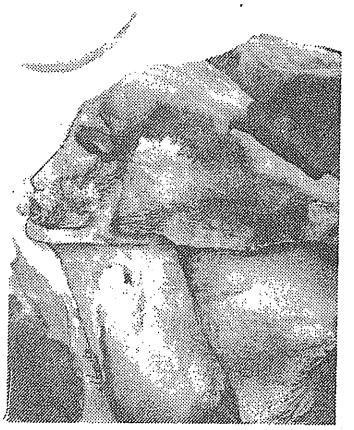

Nhà văn bác sĩ Lê Văn Lân đã nhận xét về Hà Kỳ Lam như sau:

"Truyện Hà Kỳ Lam 'dễ đọc' vì lời văn bình dị, hoàn toàn không khúc mắc, không lý luận dài dòng mà đi thẳng vào đề tài vốn là những điều trông thấy, nghe thấy trong thực tại. Nhưng 'dễ đọc' không có nghĩa là đọc rồi để 'dễ quên' mà chính là 'dễ cảm nhận', để đọc xong rồi cùng tiếp giòng suy tư với tác giả."

Thơ Đặng Hiền, tác giả tự xuất bản. Sách dầy 96 trang, in trên giấy dầy. Tranh bìa và chân dung tác giả do họa sĩ Khánh Trường thực hiện. Trình bầy do Cao Xuân Huy, và nhiều phụ bản nhạc do nhạc sĩ Trúc Hồ phổ từ thơ Đặng Hiền. Giá 8.00 Mỹ Kim. Liên lạc số 1714 E. McFadden Ave # O, Santa Ana CA 92705, (714) 648-0325.

Tôi thích quyển thơ này, nó có thể không hay với nhiều người, nhưng ít nhất tôi thích thái độ tự tin của tác giả. Ông đi vào thi ca bằng sức của đôi chân ông, chứ không nhờ vào sức đẩy của những lời *"đề tựa"*, hay *"đề bạt"*. Đã có những tập truyện,

tập thơ do những nhà văn lớn viết tựa và cả chục người viết những lời tán thưởng phía sau, mà những lời *tựa* và *bạt* này đôi khi không dính líu gì tới nội dung tập thơ, hay tập truyện cả. Trong những quyển sách này đôi khi độc giả bắt gặp những lời lẽ tán dương đến độ người đọc có khi phải ngượng. Do đó tôi thích thái độ ung dung tự tại của Đặng Hiền. Ông đi vào thi ca lặng lẽ và giản dị. Vả lại, thi ca thường đi thẳng vào lòng người thưởng ngoạn, không cần biện giải.

Toàn bộ tập thơ có 30 bài, người đọc mở quyển sách ra và bắt gặp chân dung Đặng Hiền qua nét vẽ của Khánh Trường, kế đó là những bài thơ, 30 bài thơ. Có rất ít thi sĩ làm được nhiều bài thơ hay, có khá nhiều thi sĩ chỉ làm được một bài thơ hay và có rất nhiều thi sĩ không làm được một bài thơ hay nào cả. Do đó để giới thiệu một nhà thơ mới, cách hay nhất là gửi tới người đọc một bài thơ của Đặng Hiền:

Mưa ở Đà nẵng

Cơn mưa buổi chiều mưa hoài không tạnh Bước xuống đò về qua Hà Thân Ngang nhà em lòng buồn rưng rức Đầu dầm mưa, lòng cũng dầm mưa

Những ngày cuối năm mưa phùn gió bấc Dòng sông Hàn, nước đục lục bình trôi Bên kia phố có mắt hiền mộng mị Nụ cười em tôi lặng lẽ đi tìm

Ngày em đi, tôi ngủ vùi không dậy Nghe mưa bập bùng theo vết xe xa Như nước đổ thương con đò xuôi ngược Lòng tan hoang mưa lạnh rét đôi miền.

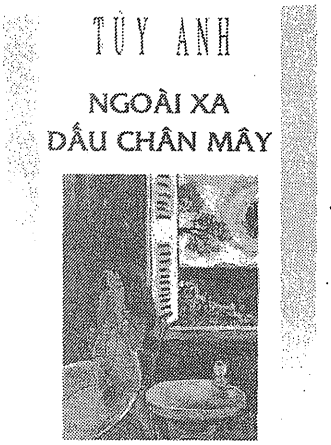

VIỄN GIÁC '94

Ngoài Xa Dấu Chân Mây, tập thơ của **Tùy Anh**. Sách do Viên Giác, Hannover, Đức Quốc xuất bản. Sách dầy 180 trang, giá 14.00 Đức Mã. Bìa và phụ bản do Vũ Thái Hòa và Lữ Trung thực hiện. Liên lạc: Chùa Viên Giác Karlsruher Str.6, 30519 Hannover - Germany. Điện thoại: 040/6316235.

Thi tập đầu tay của Tùy Anh được viết tựa bởi nhà văn lão thành Vũ Ký, lời giới thiệu trong phần cuối do học giả Thái Văn Kiểm và Nguyễn Thùy. Toàn bộ tập thơ gồm 70 bài, với nhiều thể thơ như năm chữ, tám chữ, sáu tám và tự do. Phần lớn đề tài trong thơ của Tùy Anh liên hệ xa gần tới thời cuộc. Thành thử đây là một tập thơ mà phần thi hứng bị trí tuệ lấn át, do đó khó có thể đọc một lèo. Chúng tôi xin giới thiệu một đoạn thơ Tùy Anh:

...Nếu một mai người lãng quên tổ quốc Thì giang sơn đâu gọi đến tên người Nếu tha phương quên niềm đau dân tộc Thì cội nguồn cũng là chuyện mù khơi

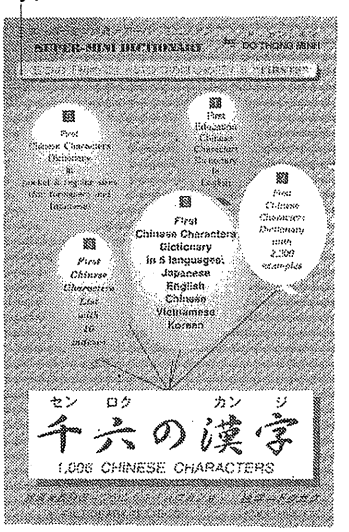

Trên phố lạ chiều cuối tuần bỡ ngỡ Buồn đan tay cơn gió nhẹ qua mau Lòng hoài hương thiết tha như hơi thở Tôi nơi này mà hồn tận nơi đâu

Thành phố cũ nay mang tên người chết Bạn bè xưa nay còn mãi lao tù Xin tự hỏi khi giương buồm vượt thoát Để đấu tranh hay để mãi ưu tư?

Đàn Bà, tập truyện của **Hải Vân Phạm Văn Hải**. Sách do Thế Kỷ xuất bản, dầy 180 trang, giá 10 Mỹ Kim. Liên lạc số 11022 Acacia Pkway # A, Garden Grove CA 92640, (714) 638-9510, fax (714) 638-1944.

Không biết nguyên nhân nào khiến tác giả chia sách ra làm hai phần. Phần đầu gồm bốn truyện, ký tên Phạm Văn Hải, phần còn lại gồm 10 truyện, ký tên Hải Vân, mặc dù Phạm Văn Hải và Hải Vân tuy hai mà là một. Năm 1988, trong số ra mắt của tạp chí *Thế Kỷ 21*, truyện ngắn *Đàn Bà* của Hải Vân, vừa xuất hiện đã lập tức gây nên một tiếng vang đáng kể. Bằng một bút pháp giản dị, tự nhiên, bằng một giọng văn châm biếm nhẹ nhàng những điều mà tác giả cho là chướng tai gai mắt, Hải Vân đã chinh phục được người đọc ngay trong lần xuất hiện đầu tiên này. Kể từ đó tới nay, ông góp mặt trên nhiều báo và trong nhiều lãnh vực: văn, thơ, biên khảo, và cả nhạc. *Đàn bà* là một tập hợp những truyện ngắn

đã đăng rải rác trong các tạp chí văn học trong thời gian gần đây của ông. *Thế Kỷ 21* trân trọng giới thiệu đến độc giả tập truyện ngắn này.

Gái Hà Nội Khóc Ai? tập truyện của **Văn Thanh** do Ngàn Lau xuất bản. Sách dầy 280 trang, giá 15 Mỹ Kim. Liên lạc số 65 Brunswick St, San Francisco CA 94112.

Tập truyện gồm 16 truyện ngắn, mà trong đó ba truyện đầu tác giả đặt cho một cái tên riêng là *Tam Bộ Khúc "Việt Kiều"*, 13 truyện còn lại ông cho nằm trong một phần, gọi là *Tam Bộ Khúc "Dân Đen"*. Trong phần cảm nghĩ của tác giả, ông có phân biệt rõ chỗ nào là *"truyện"* và chỗ nào là *"chuyện"*.

Qua những truyện ngắn của tập truyện này, và qua lời giới thiệu của nhà xuất bản, độc giả được biết ông là một người vượt biên từ phía Bắc vĩ tuyến 17. Cũng như Thế Giang ngày nào, cái xuất xứ từ phía Bắc đó cho tác giả những điều mà người miền Nam chưa bao giờ chứng nghiệm. Tuy nhiên có làm nổi bật được những chứng nghiệm hay không là do khả năng của từng cây bút. Tôi nghĩ là Văn Thanh làm được điều này. Nội dung của những câu chuyện đôi lúc làm cho người đọc có cảm tưởng đang mục kích một roi đòn quất xuống.

Trân trọng giới thiệu với độc giả một cây bút mới, đồng thời hy vọng Văn Thanh sẽ còn cho độc giả hải ngoại nhiều tác phẩm khác.

Vài Chuyện Làng Văn Hà Nội, bút ký văn học của **Lý Kiệt Luân**. Sách do Ngàn Lau xuất bản, dầy 200 trang, giá 12 Mỹ Kim. Liên lạc 65 Brunswick St, San Francisco CA 94112.

Lý Kiệt Luân, thực ra, là một bút hiệu khác của Văn Thanh. *Thế Kỷ 21* đã có bài của ông (như "Hoàng Cầm Không Sụp Đổ" trong số trước, và số này có chuyện về "Kim Lân").

Có vài điểm tôi không đồng ý với Đằng Sơn, người viết lời giới thiệu cho cuốn *bút ký văn học* này. Theo tôi, những gì Lý Kiệt Luân đề cập tới chỉ là một phần rất nhỏ, có thể nói chỉ là cái vỏ ngoài đời sống của các nhân vật mà Lý Kiệt Luân có cơ may gặp gỡ, viết về. Đôi khi những điều này chẳng dính gì đến văn học. Tôi vẫn tin rằng những chi tiết Lý Kiệt Luân đưa ra trong tập sách này là đúng những gì mà ông đã nghe, nhưng tôi không tin nổi đó là những sự thật của đời sống. Ngoài ra bài viết *Kiều Loan, sân khấu và cuộc đời hôm nay* cũng như bài viết *Vành khăn tang cho thơ*, về nhà thơ Du Tử Lê, không nên trong tập sách này, một tập sách viết về chuyện làng văn Hà Nội.

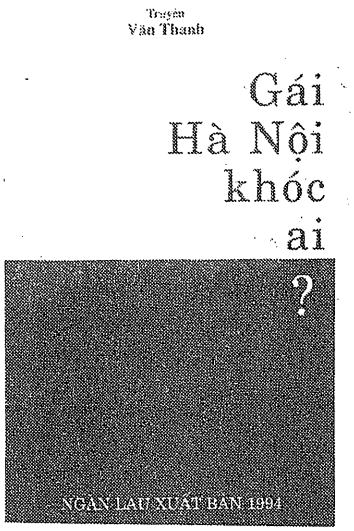

1006 Chinese Characters, do **Đỗ Thông Minh** biên soạn, Mekong Center & Tân Văn Co xuất bản. Sách dầy 360 trang, giá 3.500 yen. Địa chỉ liên lạc 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku, Oi 1-11-4 Ogawaya Bldg. 2F, Japan.

Đây là một cuốn tự điển những tiếng thông dụng của năm ngôn ngữ: Nhật Ngữ, Anh Ngữ, Hoa Ngữ, Việt Ngữ và Hàn Ngữ. Nói chung trong thời buổi giao thương mở rộng trên khắp thế giới thì đây là một cuốn tự điển hữu dụng.

Từ Điển Tin Học Tổng Hợp, cũng do Tân Văn xuất bản, và biên soạn bởi **Đỗ Thông Minh**. Cùng địa chỉ liên lạc. Sách đề giá 30 Mỹ Kim, dầy 630 trang.

Đây là một công trình biên khảo công phu về *Điện Toán (computer)* một bộ môn khoa học kỹ thuật. Điện toán là một ngành tương đối mới mẻ và hình như ngay tại hải ngoại này, người Việt chúng ta có nhiều nguồn kiến thức khác nhau, nhiều nguồn *"nhu liệu và cương liệu"* khác nhau, và do đó chúng ta chưa thống nhất được những danh từ về môn học mới mẻ này. Cuốn Tự Điển Tin Học Tổng Hợp của Đỗ Thông Minh chính là một trong những bước

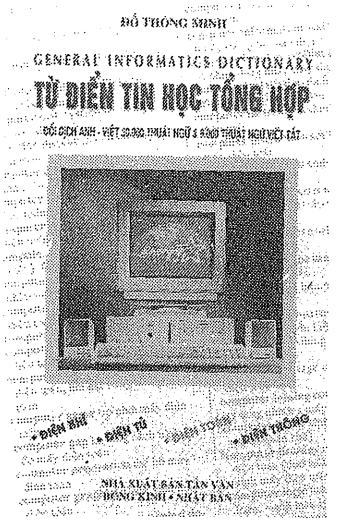

khởi đầu của việc thống nhất những từ ngữ trong lãnh vực điện toán này.

Thế Kỷ 21 đã giới thiệu một số trích đoạn của cuốn Tự Điển này, và tạo ra những góp ý rất sôi nổi (chẳng hạn, xin đọc ngay trong số này, những góp ý của Thang Ma, một giáo sư người Việt đang dạy tại một đại học ở Trung Quốc, cộng tác viên của *Thế Kỷ 21*).

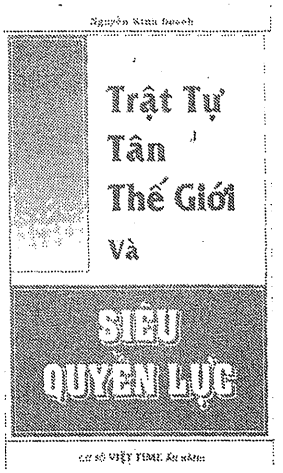

Trật Tự Tân Thế Giới và Siêu Quyền Lực, biên khảo của **Nguyễn Kinh Doanh**, cơ sở Viet Time xuất bản. Sách dầy 240 trang, giá 12 Mỹ Kim. Liên lạc 3345 55th Street, San Diego, CA 92105.

Sách chia ra làm năm chương chính. Mỗi chương lại chia ra nhiều tiểu đoạn khác nhau, mà trong đó riêng chương II, dài nhất để trình bầy về cái chết của Tổng Thống Kennedy. Tôi nhấn mạnh đến chương II này, vì qua vụ án mạng mà trong đó Cố Tổng Thống Kennedy bị giết chết là phần chính cho cơ sở lý luận của Nguyễn Kinh Doanh, ông nhấn mạnh đến sự hiện diện của một nhóm người bí mật mà ông cho là đã làm nên *Siêu Quyền Lực*.

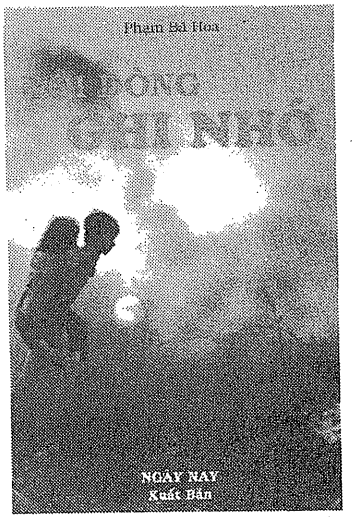

Cho tới nay chỉ kể những quyển sách của những nhân vật tương đối có thẩm quyền viết về vụ án Kennedy là 600 cuốn. Thật không có cách gì mà ngốn cho hết những cuốn sách này. Nguyễn Kinh Doanh đã đọc hộ người đọc một phần tài liệu cao như núi này. Tuy nhiên ông có cái nhìn chủ quan ngay từ khi đặt tiêu đề cho cuốn sách của chính ông, thành thử những chi tiết được đưa ra, chỉ là những chi tiết phù hợp với định kiến của tác giả, không thấy ông cho những chi tiết ở chiều ngược lại để độc giả có cái đối chiếu so sánh. Ngoài ra khi gấp cuốn sách lại người đọc sẽ mù mờ hơn nữa vì chính tác giả cũng không cho chúng ta thấy được nhóm *Siêu Quyền Lực* đó thật sự gồm những ai, hiện nay họ đang toan tính gì cho một *"Trật Tự Mới"* của *"Tân Thế Giới"*.

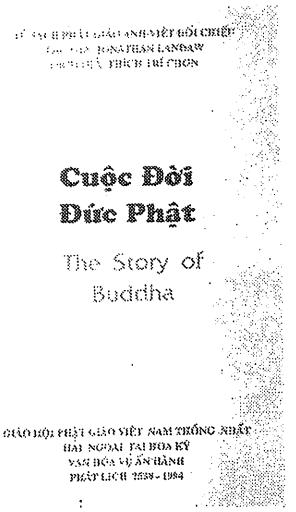

Phần dịch sang Anh Ngữ của bài *"Tựa"* viết bởi Kiều Mỹ Duyên không cần thiết, những trích đoạn thư trả lời của các nhân vật cuối sách cũng thừa. Mong rằng trong những tác phẩm kế tiếp tác giả cho người đọc những tác phẩm được nhìn bởi nhiều góc cạnh khác nhau, hơn là một cách nhìn định sẵn.

Cuộc Đời Đức Phật - The Story of Buddha, nguyên tác Anh Ngữ của **Jonathan Landaw**, bản dịch của **Thích Trí Chơn**. Sách dầy 360 trang, có nhiều phụ bản các tranh ảnh liên quan đến sự tích Đức Phật, do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ấn hành, không đề giá bán. Liên lạc: Hòa Thượng Thích Trí Chơn, P.O. Box 2490, Sepulveda, CA 91393 - USA.

Sự tích Đức Phật là một câu chuyện mà hầu như đa số độc giả lớn tuổi đã am tường, nhưng với thế hệ trẻ, lớn lên tại Mỹ thì đôi khi theo cha mẹ đến chùa mà không hiểu một chút gì tiểu sử của một bậc vĩ nhân. Do đó tác phẩm này là một cuốn sách cần thiết cho mọi gia đình Phật Tử. Nhất là nguyên tác được viết bởi một tác giả Âu Mỹ, sẽ giúp cho các em không am tường tiếng mẹ đẻ có thể bắt được nội dung câu chuyện một cách dễ dàng. Ngoài ra phần dịch sang tiếng Việt sẽ đáp ứng cho phần còn lại của những em đang lõm bõm học tiếng mẹ đẻ.

Đôi Dòng Ghi Nhớ, hồi ký của **Phạm Bá Hoa**. Sách do Ngày Nay xuất bản, dầy 270 trang, giá 14 Mỹ Kim. Liên lạc: Ngày Nay 8200 Wilcrest # 5, Houston, Texas 77072. (713) 368-6400.

Tác giả của thiên hồi ký này là một sĩ quan cao cấp của QLVNCH. Ông xuất thân khóa 5 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, cấp bậc sau cùng là Đại Tá, chức

vụ sau cùng là Tham Mưu Trưởng Tổng Cục Tiếp Vận. Thiên hồi ký này nhấn mạnh vào hai thời điểm: Một là 1963-66, với một số những chi tiết mới, của một nhân chứng mới trong biến cố Cách Mạng 1963. Chặng sau là thời gian bắt đầu từ đầu năm 1975 cho tới khi tàn chiến cuộc.

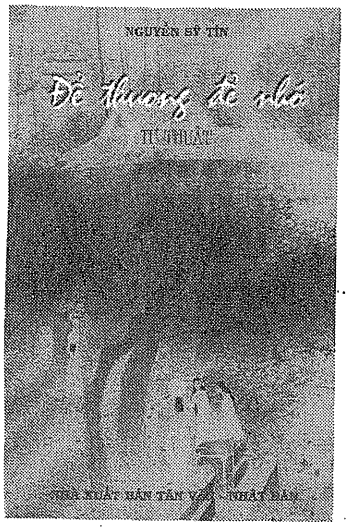

Trong lời nói đầu, tác giả cho biết ông chưa bao giờ viết văn, nên vì vậy mà diễn đạt trên trang giấy có phần *"luộm thuộm"*. Tuy nhiên một hồi ký giá trị hay không chính là phần tường thuật có đúng hay không? Có khách quan khi nhìn ngắm sự kiện hay không? Mục đích cuốn sách để trình bầy một số sự thật hay là để đả kích những nhân vật khác, bào chữa cho mình, trút tội lên đầu người khác...Đôi dòng ghi nhớ tránh được những điều vừa nêu trên.

Ông không luộm thuộm như đã tự khiêm, tác giả nói thẳng vào sự kiện, không rào đón, không kỹ thuật, và không trau chuốt lời văn của mình. Nhưng đó lại chính là văn phong của ông, mà tôi nghĩ đã có được nhờ vài chục năm trong quân đội, với những văn thư lời lẽ xuông đuột, thẳng tắp như lính so hàng. Viết quả thật không phải là một việc dễ dàng. Không nên chú trọng phần chương trong thiên hồi ký này, mà nên nhìn vào những sự kiện tác giả đề cập tới trong hai giai đoạn lịch sử mà tác giả đã tham dự.

Để Thương Để Nhớ, tự thuật của **Nguyễn Sỹ Tín**. Sách do Tân Văn xuất bản, dầy 300 trang, giá 12 Mỹ Kim. Liên lạc T140, Tokyo-To, Shinagawa-Ku, OI 1-11-4

Ở trên, *Thế Kỷ 21* đã giới thiệu hai cuốn sách dưới nhãn hiệu của nhà Tân Văn, những cuốn tự điển cần thiết cho đời sống. Nhưng nhà Tân Văn cho ra đời cuốn hồi ký "Để Thương Để Nhớ" này là một điều lạ. Tác giả làm một bản thống kê về mọi công việc trong cuộc đời mình. Ông còn cẩn thận liệt kê cả danh sách những nhân viên làm việc dưới quyền ông, từ người gác cửa cho đến anh lao công, từ người tài xế cho đến anh thợ nề, thợ mộc. Vì tác phẩm là một tặng phẩm của ông dành cho bà vợ, các con và các cháu, nên ông viết về toàn bộ gia đình ông hai, ba thế hệ. Điều đó hiểu được. Nhưng những sơ đồ các công sở nơi ông làm việc, hay những biểu đồ tổ chức các cơ quan ông phục vụ, hay những bản đồ tổng quát với vài nét của nước Mỹ, Úc, Ấn Độ liên hệ tới những chuyến công du, hay du học của ông, khiến cho người đọc có cảm tưởng là những chi tiết này hiện diện trong quyển sách,chỉ để làm cho đầy ba trăm trang sách.

Tuy nhiên nơi phần cuối của cuốn sách có in một số bài thơ của thân phụ tác giả. Những bài thơ này là phần hay nhất của cuốn sách.■

Tìm đọc:

CÂU CHUYỆN
CỦA LÁ PHONG

Tập truyện *Trần Mộng Tú*
Bìa *Khánh Trường*
Tựa *Nguyễn Xuân Hoàng*
Bạt *Nguyễn Mộng Giác*

200 trang
Giá $10.00

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

ĐẠI HỌC MỸ, TIỀN HỌC NGÀY MỘT GIA TĂNG

NGUYỄN ĐỨC

LTS.— Bài này đáng lẽ đăng trên số trước, nhưng vì sơ suất kỹ thuật, bị mất trang đầu. Nay xin đăng lại toàn bài (không có hình vẽ) để bạn đọc tiện theo dõi. Xin cáo lỗi cùng tác giả và quý độc giả. (TK 21)

A- Đại cương về đại học Mỹ

Theo American Association of State Colleges & University và College Board, đầu niên khóa 1994-1995, nước Mỹ có 3,200 trường Cao đẳng (College) và trường Đại học (University), được phân phối như sau:

1- 2000 trường Cao đẳng (two year Colleges, local University hay community College, Đại học cộng đồng hai năm), đào tạo cán bộ trung cấp (technician, cán sự), đáp ứng cho nhu cầu địa phương. Đại học cộng đồng do ngân sách tiểu bang đài thọ, sinh viên không phải đóng học phí (tuition), chỉ đóng lệ phí (fee) như tiền ghi danh v.v... (tổng cộng, $50 cho một cá nguyệt: quarter semester). Sinh viên tốt nghiệp được nhà trường cấp bằng Associate Degree. Giáo sư giảng dạy tại Đại học cộng đồng là công chức của tiểu bang. Đại học cộng đồng hay trường Cao đẳng là trường dạy nghề.

Để được nhận vào học tại các trường Cao đẳng, sinh viên chỉ cần học hết bậc trung học. Nói khác đi, nhà trường chỉ đòi hỏi phiếu điểm lớp 12 với G.P.A. (Grade Point Average) tối thiểu là 2. (scale of 4.0). Những yếu tố khác như điểm kỳ thi trung học toàn quốc S.A.T. (Scholestic Aptitude Test), C.V. (Curriculum Vitae), v.v... chỉ là phụ thuộc. Cũng có một số trường Cao đẳng hai năm là trường tư.

2- Và 1,200 trường Đại học (four year Colleges+ hay Universities), huấn luyện những cán bộ cao cấp (expert), cung ứng cho nhu cầu tiểu bang, quốc gia hay đi xa hơn- cho nhân loại (worldwide), cho ngày mai. Sinh viên ra trường được phát bằng Cử nhân, Cao học và Tiến sĩ. Nhiều trường Đại học Mỹ (1) nổi tiếng thế giới.

56% những trường Đại học bốn năm+ là trường tư như: Columbia (New York), Carnegie Mellon (Pennsylvania), Duke (North Carolia), Princeton (New Jersey), và Stanford (California), v.v... Còn lại (44%) là trường công, hoặc do *ngân sách tiểu bang* (State University) đóng góp như: Florida State University, University of North Carolina, San Diego State University, SUNY System (State University of New York), v.v... hoặc do *ngân sách thành phố* tài trợ (những thành phố lớn và giầu có) như: CUNY (City University of New York), v.v... Trung bình, mỗi sinh viên, tiểu bang hay thành phố đài thọ từ $5,000 đến $7,000 cho một năm học (1991-1992) qua ngân sách nhà trường. Phần còn lại, sinh viên phải trả: đó là học phí và lệ phí (tuition and fee) từ $2,000 đến $4,500 (1992- 1993).

Giáo sư tại các Đại học tư thục làm việc theo những giao kèo (contract) ký với các trường liên hệ. Giáo sư tại các Đại học công lập coi như là công chức của tiểu bang hay thành phố tùy từng trường hợp. Thường thường, giáo sư Đại học: giảng dạy mỗi tuần lễ- từ 6 đến 8 giờ, nghiên cứu (research) (2) từ 8 đến 10 giờ, thì giờ còn lại là soạn bài và chấm bài, v.v...

Để được vào học tại các trường Đại học bốn năm, sinh viên phải có phiếu điểm của ba năm cuối trung học (các lớp 10, 11 và 12) và điểm kỳ thi S.A.T. (Scale of 1.600)

B- Đại học Mỹ, tiền học ngày một tăng

Từ đầu thập niên tám mươi đến nay, học phí Đại học Mỹ tăng không ngừng. Mỗi năm học, tiền học tăng nhanh gấp hai lần mức độ lạm phát của đồng đô la. Trung bình, hằng năm, học phí tăng 8% tại các trường công so với 9% cho các trường tư. Năm 1980, tốn phí cho một sinh viên theo học trường công lập chiếm 12% lợi tức gia đình (Dual income families are norm: $32,000) so với 16% năm 1992 ($34,000). Năm 1980, chi phí cho một sinh viên học trường tư thục chiếm 27% lợi tức gia đình- so với 40% năm 1992! 1980-1992, lương bổng gia tăng rất ít.

1- Tiền học tăng vì nhiều lý do:

- lạm phát,

- chi phí Đại học ngày một nhiều và gia tăng để bắt kịp nạn lạm phát: lương bổng giáo sư, nhân viên (instruction costs), bảo trì phòng ốc (building maintenance), chi tiêu quản trị (administrative expenditures). *Đại học luôn luôn phải được hiện đại hóa*: dụng cụ trang bị phòng thí nghiệm (research spending), hệ thống máy điện toán, v.v... phải được tối tân hóa (IBM-3090) để theo kịp đà tiến triển của nhân loại vì mỗi Đại học là một trung tâm nghiên cứu khổng lồ- với nhiều phát minh khoa học (to store, to transmit, and to create knowledge) ngõ hầu giúp ích cho nhân loại và cung ứng cho nhu cầu kỹ nghệ.

- nhất là sự cắt giảm (3) tiền tài trợ cho từng sinh viên- của tiểu bang, thành phố (City College). Những tiểu bang cắt giảm tiêu biểu là: California, Florida, Maryland, New York, Virginia, v.v... và từ 9% đến 15%. Năm học 1992-1993, Florida giảm tiền trợ cấp cho mỗi sinh viên từ $7,200 xuống $5,300!

2- Hậu quả của gia tăng học phí:

Nhiều trường Đại học (Carnegie Mellon University, 1993-1994, tiền học chỉ tăng 5%) để giữ sinh viên nhất là tại các trường tư- đã cố gắng hạn chế sự gia tăng tiền học. Trong trường hợp này, 1992-1993, Tulan University (New Orlean) giảm 200 nhân viên, 40 giáo sư và chỉ nhận 1225 sinh viên vào học năm thứ nhất (thay vì 1375 sinh viên những năm học trước). Syracuse University giảm 300 nhân viên, 120 giáo sư và sinh viên năm đầu tiên, nhận bớt đi 20%. Cũng thế, San Diego State University đóng 9 phân khoa (department), ngay cả ngành Aerospace Engineering, Industrial Studies và Health Sciences. Thế là: bớt giáo sư, lớp học đông hơn, giảm ngân sách, cơ sở học đường ít được trùng tu, trang bị, trong khi *Đại học là sự tiến bộ của một quốc gia, văn minh của nhân loại.*

60% học sinh tốt nghiệp trung học, theo học Đại học (4) và Cao đẳng. Bài vở khó khăn thêm vào đó là học phí đắt đỏ- nên chỉ còn lại được 25% sinh viên Đại học học đến nơi đến chốn. Hậu quả của sự gia tăng tiền học -hằng năm- đã *làm phí phạm chất xám quốc gia* (waste resources) - một phần đáng kể- vì sinh viên phải bỏ học.

C- Lời kết

Với truyền thống luôn luôn đi *tiên phong trong những công trình khảo cứu vĩ đại và lâu dài*, (5) Đại học Mỹ đang gặp cơn thử thách lớn. Với cán cân mậu dịch mỗi năm- thặng dư nhiều trăm tỉ Mỹ kim (1992: 134 tỉ, 1993: 145 tỉ), Nhật Bản dồn "nhân tài vật lực" cho những công cuộc nghiên cứu to lớn và trường cửu tại các Đại học của mình. Rồi đây, những giải thưởng Nobel, những phát minh khoa học ngay trong những năm đầu của thế kỷ 21- sẽ mang tên: Dai-Ichi Kanyo, Fuji, Sumitomo, Sanwa, Sakura v.v...

Hai năm cán cân thương mại thặng dư của tư bản Nhật (134+145=279 tỉ Mỹ kim) đủ cho chi phí hằng năm- tất cả Đại học Mỹ công và tư (1992-1993, công lập 85 tỉ + tư thục 140 tỉ = 225 tỉ). Cơn thử thách lớn này khó mà vượt qua được- trong khi di chúc của Tổng Thống Nixon: "America must lead".

Temple Hill, mùa nhập học 1994-1995.

Chú thích:

(1) Đại học Mỹ là một hấp lực cho hầu hết sinh viên các nước trên thế giới, ngay cả tại những cường quốc trong G-7 (Anh, Pháp, Đức, Ý, Canada, Nhật). Carnegie Mellon University (Computer, Engineering) *với 7,000 sinh viên (550 giáo sư) - trong đó 1,100 là du học sinh (overseas).* Carnegie Mellon là trường loại B. Những trường có nhiều sinh viên ngoại quốc (foreign students) nhất là: Miami Dade Community College 5,150, University of Texas-Austin 3.150, Columbia University 2,500, etc... Những quốc gia gởi nhiều học sinh (1987-1988) sang Mỹ nhất là: Đài Loan 27,000, Trung Cộng 25,200, Nhật 18,100, Canada 15,700, Anh 6,600 etc... Tổng cộng 360,000 du học sinh theo học tại các trường Cao đẳng (Đại học cộng đồng hai năm) và Đại học bốn năm+ ở Hoa Kỳ (trong đó, hơn 50% đến từ các quốc gia châu Á).

(2) Thiết lập và duy trì một Đại học *rất công trình và tốn kém*: giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm và nhất là ban giảng huấn. Tại những quốc gia đang mở mang (developing countries), Đại học chỉ cần mấy phòng học, một tấm biển: Viện Đại học Dakto, ban giảng huấn là quý vị giáo sư "phi hành gia" với một kiến thức vô cùng rộng rãi- mời từ các nơi khác đến dạy xong- nguyên văn bài giảng, giáo sư nhai lại ở Đại học Tatson.

(3) Hậu quả của sự cắt giảm tiền phụ cấp của tiểu bang khiến *phẩm chất của Đại học Mỹ có chiều hướng đi xuống* (quality is already starting to erode). Từ 1975-1985, giáo sư bán thời gian (nonteaching professional staff at Colleges and Universities) tăng lên 61% trong khi giáo sư chuyên nghiệp (number of faculty) chỉ tăng 6%!

(4) *20% dân chúng Mỹ có trình độ Đại học bốn năm+.* Fairfax County (Virginia, gần Washington DC) 55% dân số tốt nghiệp Cao đẳng và Đại học -trong đó hơn 20,000 người có bằng Ph.D.. Trung học là cường bách giáo dục (chi phí hằng năm cho một học trò trung học: $4,900, 1993-1994, Education Department).

(5) Viết theo tài liệu của American Association of State Colleges & Universities, Time, v.v... và kinh nghiệm của tác giả qua nhiều niên khóa- giảng dạy tại Piedmont Community College, Hoa Kỳ.

Chi phí cho nghiên cứu và phát triển (Research and Development) của các cường quốc, 1992.

Nghiên cứu và phát triển là phần tối ư quan trọng cho Đại học và công ty thương mại. Viện trưởng viện Đại học McGill (20,000+ sinh viên, thành lập 1821), Canada — David Johnson — thật có lý, khi ông nhấn mạnh: "dạy học hay là nhờ nghiên cứu giỏi và nghiên cứu hay là nhờ dạy giỏi" (that good teaching comes from good research and good research comes from good teaching). Đi xa hơn: "*nghiên cứu để phát triển và phát triển để nghiên cứu*".

Thường thường, mỗi Đại học hay mỗi công ty kỹ nghệ (Lockheed, Chrysler, Merck, Motorola, Kellogg, Exxon, etc...) có một trung tâm khảo cứu và phát triển (R&D Center). Trung tâm khảo cứu và phát triển của Carnegie Mellon University có đến 50 phòng nghiên cứu khác nhau (50 terms or small canters are working on everything from industrial enissions controls to developing unmanned vehicles). Đón đọc "R&D từ Washington và Đại học".

Năm 1992, 900 công ty lớn tại Mỹ đã chi phí cho R&D: 74 tỉ 439 triệu Mỹ kim (dân số Hoa Kỳ: 258 triệu người, tháng 09-93). Trong các quốc gia tiền tiến (developed countries) Gia Nã Đại (19 triệu 200 ngàn người, tháng 09-94) hơi thờ ơ với nghiên cứu và phát triển (2 tỉ 474 triệu Mỹ kim) *trong khi R&D là yếu tố chính để Khoa Học và Kỹ thuật chuyển mình* qua thế kỷ 21. Hai mươi năm qua (1973-1993), *một nửa những thứ thuốc mới nhất, hữu hiệu nhất cho nhân loại* do American Pharmacential Industry và các trường Đại học Mỹ tìm thấy. ■

Đọc và giới thiệu

THẾ KỶ 21

(mẫu phiếu mua báo dài hạn và tặng báo có in nơi trang 4).

Liên lạc:
Cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
(714) 638-9510

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + 87 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
永西真佳超市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

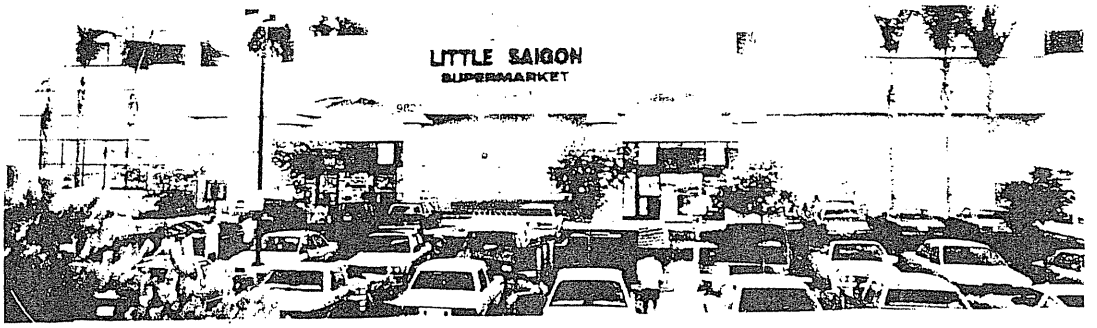

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM NHA KHOA EDINGER DENTAL

NHA SĨ LÝ QUỐC TUẤN. D.D.S.

GENERAL & COSMETIC DENTISTRY

TEL: 1-800-758-5538 HOẶC (714) 751-5538

616 W. Edinger, Santa Ana, CA 92707

(Giữa đường Bristol + Flower và Broadway + Main)

- *Giải thưởng đặc biệt về răng giả ĐHNK USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa USC.*
- *Giảng viên Khoa Chữa Răng và Nha Khoa Thẩm Mỹ USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa Saigon.*
- *Nguyên Nha Sĩ Điều Trị Quận 5, Quận Gò Vấp.*
- *Phòng mạch cũ tại góc Vườn Chuối Phan Thanh Giản, Quận 3, Saigon.*

Chúng tôi có máy INTRA ORAL CAMERA để trình bày tường tận và trung thực về tình trạng sức khỏe răng miệng của quý vị, ngỏ hầu giúp quý vị yên tâm lựa chọn chương trình điều trị riêng.

TRUNG TÂM NHA KHOA VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CHỈNH NHA (NIỀNG RĂNG)

GIỜ MỞ CỬA:
Mon - Thur: 7AM - 7PM
Fri: Closed
Sat - Sun: 8 AM - 2 PM
(Xin lấy hẹn trước)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

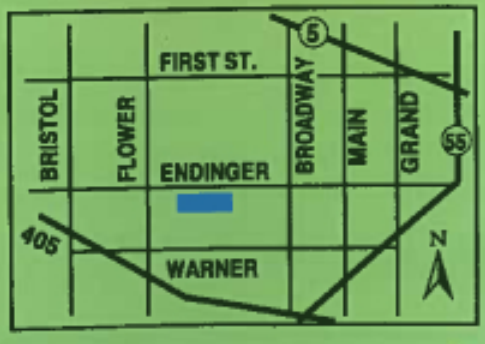

ĐẶC BIỆT CHÚNG TÔI CÓ PHÒNG LAB LÀM CÁC LOẠI RĂNG GIẢ TẠI CHỖ

Ấn phí: ba mỹ kim.